BÙI BÍCH HÀ

BUỔI SÁNG MỘT MÌNH

NGƯỜI VIỆT XUẤT BẢN 1989

BUỔI SÁNG MỘT MÌNH

BÙI BÍCH HÀ

BUỔI SÁNG MỘT MÌNH

Tác giả kính tặng

11/89.

[signature]

NGƯỜI VIỆT XUẤT BẢN 1989

BUỔI SÁNG MỘT MÌNH
Tập truyện BÙI BÍCH HÀ
NGƯỜI VIỆT xuất bản, 1989

Trình bày bìa: Vĩnh Quý, Nguyễn Đồng
Bìa sau: bản vẽ của Thái Bá
Phụ bản: Nguyễn Thị Hợp
Trình bày bản văn: Cao Xuân Huy
Tựa: Vũ Huy Quang

Copyright by Bui Bich Ha, 1989
Printed in the United States of America

MỤC LỤC

Trang 7
Tựa, VŨ HUY QUANG
11
LÁ THƯ BA NĂM TRƯỚC
23
ĐÃ MẤT CÙNG VỚI MẬU THÂN (I)
31
ĐÃ MẤT CÙNG VỚI MẬU THÂN (II)
43
KHÔNG CÓ MÙA XUÂN
55
BỐ CHẾT
67
VẪN CÒN NẮNG
81
HƯƠNG DẠ LAN
95
VẾT CHÀM XÂM
103
BUỔI SÁNG MỘT MÌNH
115
CUỘC HẸN
129
CÔ EM HỌ
141
CHUYỆN CỦA HIÊN
155
MỘT BUỔI TỐI Ở QUẬN CAM
171
CƠN BÃO
187
HUẾ YÊU DẤU

TỰA

Chi Hương là bút hiệu đầu tiên của Bùi Bích Hà, khi bà xuất hiện trên Văn Hóa Ngày Nay (bộ mới) do nhà văn Nhất Linh chủ trương, qua truyện ngắn được chọn đăng khi mới 19 tuổi. Nhất Linh chú ý ngay, và gửi thư riêng đến tác giả để cám ơn, nhận xét rằng "...không khí và kết cấu truyện...hao hao như của Katherine Mansfield...".

Rồi tốt nghiệp sư phạm bộ môn văn chương (Pháp văn)–, Bùi Bích Hà đi dạy, lập gia đình và quán xuyến đời sống riêng mình. Sau đó, thỉnh thoảng lắm bà mới có hoặc những đoản văn, hoặc thơ, hoặc truyện ngắn (có truyện đoạt giải nhất của một cơ quan chính quyền, trước 75) ký nhiều bút hiệu khác nhau; bà không sáng tác đều đặn như K. Mansfield, tuy rằng trong đời sống, hai người viết nữ mà Nhất Linh từng so sánh với nhau về cách hành văn, quả họ có chung những trùng hợp đặc biệt: Cùng khởi nghiệp viết trước 20 tuổi, và cùng khởi sắc rõ nét khi sống xa quê hương.

Chào đời và lớn lên tại Huế, giòng dõi và gia phong miền Bắc, trưởng thành và dạy học trong Nam, (cũng như K. Mansfield sinh ở

Tân Tây Lan, học và sinh sống ở Luân Đôn), cầm bút sớm, đời sống riêng có những trắc trở tương tự; lối diễn tả trong văn chương lúc nào cũng lưu luyến, mang âm hao nơi sinh trưởng; cùng một bút pháp dịu dàng, cách nhìn đời tưởng như đứng ngoài cuộc, dửng dưng, mà thâm tâm vẫn xót xa ngầm cho kiếp nhân sinh, đáy lòng lúc nào cũng hướng về quê nhà.

Định cư ở Mỹ từ 86, nam California, mãi đến khoảng giữa 87, Bùi Bích Hà mới viết lại. Đoản văn đầu tiên (Nhã Trân Yêu Quí) gây ngay được sự chú ý cho một số người yêu văn chương. Rồi bà được mời cộng tác trên báo Người Việt Cali., (mục Phụ nữ từ 7/87, ký tên người phụ trách là Thái Hà). Và, lâu lâu độc giả lại thấy những bài ký Vương Tiểu Muội, Bích Hà... xuất hiện đây đó trên Đặc San Xuân Người Việt, trên Phụ Nữ Diễn Đàn, trên Thế Kỷ 21, một số tạp chí miền Đông...v.v...

Thảm trạng đến với dân Việt mấy chục năm qua, bằng mọi dạng thức: Chiến tranh liên miên, tâm lý phân hóa, sống chết vượt biên, li tán gia đình, đồi phế luân lý... đã có nhiều góc nhìn, nhiều thể thức diễn dịch khác nhau. Có lẽ vì thế, để mở đầu cho BUỔI SÁNG MỘT MÌNH này, Bùi Bích Hà viết cho một bạn văn – mà là cũng là tâm sự gửi đến độc giả quan niệm cá biệt của mình: **Lá thư ba năm trước**, trong đó những nhận định dứt khoát, thẳng thắn về cuộc đổi đời. Kế tiếp, bà thuật lại các sắc thái, tâm sự, hoàn cảnh... của những nạn nhân bầm dập nhất của đủ loại tai ương dài dặc, qua sự chứng kiến tự bản thân:**Đã mất cùng với Mậu Thân(I,II)**, chuyện hai nạn nhân vô lý của chiến tranh; rồi **Cơn bão**, nạn nhân đáng thương của sự nhàm chán, buồn tẻ của hoàn cảnh...để rồi thua cuộc trước cám dỗ trong đời sống lưu vong; rồi, dù ở xã hội phú cường bậc nhất, ở một nơi người Việt quần tụ đông bậc nhất, xem ra người ta ai cũng vẫn là một hòn đảo riêng: **Một buổi tối ở quận Cam...**

Các đề tài B.B.H viết đều xoay quanh thân phận phụ nữ: niềm êm ái tuổi thơ, tình yêu, nỗi bỡ ngỡ đầu đời nơi học đường, oan khiên do chiến tranh đem lại, tâm tình người vợ, người mẹ, sự cám dỗ, cảnh tang tóc, sự đau đớn, cảnh cô đơn...và bứt rứt tha hương...

Nhân vật truyện trong BUỔI SÁNG MỘT MÌNH, đa số là phụ

nữ, tâm trạng rất *đặc thù Việt Nam*, không lẫn được với tâm lý nhân vật phụ nữ nước nào khác,– nghịch cảnh họ nhận chịu cũng vậy–: Trong những bất ưng, truân chuyên nhất ở truyện bà thuật, nhân vật của bà (người mẹ, người em, kẻ bất hạnh... nào đó) luôn luôn dưới ngòi bút B.B.H, người đọc cũng thấy, tự tâm hồn bà có cái nhìn vị tha, yêu thương và tha thứ. Ở **Cô em họ**, dù sống một cách băng hoại cùng cực; ở **Chuyện của Hiên**, một phụ nữ có quyết định tình cảm ít có... là những điển hình. Có lẽ, bà muốn độc giả chia xẻ rằng những Hiên, Thúy, cô giáo Nhan... dù thế nào đi nữa, nhân vật của bà vẫn đầy nhân bản, đáng được yêu thương hơn là đáng trách, không những thế, đôi khi còn cao thượng, đáng khâm phục, vì sự can đảm, âm thầm nhận chịu bất hạnh của họ (**Vết chàm xâm**).

Dù cho khi lãng mạn nhất (**Cuộc hẹn**) nữ nhân vật của bà cũng vẫn tỉnh táo, và có những cảm nghĩ của chân phong nhã. Hai người tình gặp lại nhau, vì *nàng* trung thành với tình cảm, yêu quá khứ, *nàng* vẫn lãng mạn mà không mê đắm chút nào.

Văn Bùi Bích Hà không có chỗ cho sự thống hận, cay đắng, gay gắt, không làm người đọc sững sờ bằng những bố cục tình tiết hấp dẫn li kỳ...đôi khi còn mang nét ảm đạm là khác–thì chả phải trên quê hương đã và còn đang xảy ra những điều ấy ư?– Cách nhận chịu, lòng hi sinh, sự cưỡng chống...trong đáy tâm hồn phụ nữ Việt trước mọi tình huống cay nghiệt... có lẽ đã đủ vĩ đại với bà, để bà thể hiện qua ngòi bút một cung cách văn chương đầy âm điệu, bình dị và thương cảm.

***

Bởi vì, như bất cứ ai khác, Bùi Bích Hà thiết tha với nơi sinh trưởng mình, dẫu chốn ấy có những năm tháng "tuổi xanh héo mòn như cỏ úa"; yêu đời sống dù đời sống đã nghiệt ngã, khắt khe vô lí với mình; trân trọng tiếng nói và màu da mình... dẫu rằng đang phải sống xa quê hương ...

VŨ HUY QUANG,

6–89

LÁ THƯ BA NĂM TRƯỚC

Anh T,

Em qua tới đây đã hơn một tháng, bỏ lại đằng sau Tổ quốc Việt Nam và tâm hồn mình.

Ra đi chỉ có mấy cái quần áo cũ, với tất cả bơ vơ, ngậm ngùi trong buồng tim rỉ máu. Một vuông chiếu rách cho một gia đình tị nạn tạm cư tại trại tỵ nạn SwanPlu Thái Lan, mười ngày đêm hai bữa cơm nhạt trong một cái khay sắt kiểu quân đội và sau cùng một chuyến bay đưa em qua bao nhiêu không gian và đại dương để đến đất Hoa kỳ.

Người xa, cảnh lạ, tất cả nền văn minh hiện đại của xã hội Mỹ quả thật không có chỗ nào dành một chút gì cho những con người bất hạnh như em. Điều này, nghĩ cho cùng, cũng là tất nhiên thôi vì ngay trên quê hương tổ quốc xưa, em cũng đã không còn một nơi nào có thể dung thân! Đã biết ra đi là hết rồi, em không còn thơ dại để nằm mộng một thiên đường không bao giờ có nữa, song sự thể

chẳng đặng đừng, vị đắng của thuốc có uống vào mới biết tận cùng!

Hôm qua, Cỏ May gửi cho em lá thư anh viết cho P. N. N từ Copenhague đề ngày 24–2–1981. Bốn năm hơn đã trôi qua, em không biết từ ngày ấy đến nay, anh và các "chiến hữu" của anh ở đây đã làm được thêm điều gì cho các bạn anh còn kẹt lại Việt Nam? Em chỉ biết chắc một điều là trong hơn bốn năm dài đằng đẵng ấy, những người bạn khốn khổ của anh (mà P. N. N chỉ là một trong muôn vàn) ở Việt Nam đã khốn khổ hơn rất nhiều, ngay cả một số đã chết và tệ hơn chết, đã bán rẻ linh hồn cho quỷ dữ!

Anh T. thân mến,

Lá thư của anh làm em tức giận, quá đỗi tức giận vì lá thư ấy ký tên anh, có một cái tên để em gọi, một người quen, để em có thể trách cứ và trút vào đấy tất cả nỗi đớn đau, oán giận, đang hằng ngày gậm nhấm tâm hồn và cơ thể em, như một ngọn lửa âm thầm mà em nghĩ từ nay chỉ có sự chết mới tắt dập được.

Ôi! Những con người ngày xưa đã cầm súng đánh cộng sản để bảo vệ tổ quốc Việt Nam tự do như anh mà lòng trong trắng quá, tâm hồn tinh sạch quá, ý nghĩ hiền lành quá! Anh xúc động khi nghe Micheal Scammell nói trong hội trường đại hội Văn bút Quốc tế nên anh vội vàng thảo một điện văn, một kiến nghị gửi cho cộng sản Việt Nam, yêu cầu phóng thích gấp một tù nhân ý thức hệ của họ! Cơn xúc động của anh chỉ đủ cường độ để làm một việc như thế hay anh thành thực tin vào kết quả của bức điện văn ấy? Anh đã bỏ miền Bắc ra đi năm 1954 và anh lại có may mắn ra khỏi Saigon tháng 4 năm 1975 nên anh không kịp hiểu những người cộng sản là ai! Ôi! Anh lại còn nghĩ rằng cộng sản Việt Nam "sẽ đưa P. N. N ra tòa để lãnh án tử hình vì tội bất phục tùng và hiên ngang chống lại chúng". Anh đã nằm mơ thật rồi anh T. ơi! Câu hỏi của em là có bao nhiêu trong số hơn 200.000 người di tản năm 1975 nghĩ như anh, trang trọng tưởng tượng trong đầu những phiên tòa vinh dự như vậy trên phần đất cộng sản đang cai trị? Nếu quả thật P. N. N đã "hiên ngang" chống lại cộng sản thì anh ấy sẽ càng chết âm thầm, nhục nhã, không một ai hay biết, tận một nơi đèo heo hút gió, ma thiêng nước độc nào, may ra bên cạnh có những người cùng chí hướng và do đó, cùng

số phận với anh, đang chờ đợi đến lượt họ.

Tội nghiệp anh đã làm hết sức mình, đã gặp đủ mọi người, mọi cơ quan quốc tế, (kể cả Ân xá Quốc tế), để xin họ can thiệp một cách văn nghệ cho một người bạn văn nghệ không may của anh bị kẹt lại Việt Nam. Điều đáng tiếc khiến anh không thành công là ở chỗ anh đã múa bút trong một cảnh ngộ phải dùng búa, đã nói tiếng nói của loài người với thú dữ và đã kêu gọi đến những thế lực chỉ hữu hiệu trong một xã hội trưởng giả với đầy đủ lề thói ngoại giao lịch lãm. Anh đã làm hết sức mình, kể cả vì đấy mà hy sinh một người vợ gần 2O năm hương lửa vì chị ở nhà thấy là "Anh chỉ lo chuyện bao đồng"!

Em khóc vì những đổ vỡ tuyệt vọng xảy đến hằng ngày, nơi bản thân và trong bè bạn, những đổ vỡ tuần tự theo nhau như những viên gạch của một tòa nhà đã sụp trong bom đạn, không còn phương cách gì cứu vãn!

Anh T. thân mến,

Mới đây nhất, em đọc một tờ báo Việt ngữ xuất bản tại California, bài nói chuyện của ông T. T. H tại đại hội Văn bút Việt Nam hải ngoại, có đoạn mở đầu ông H.bày tỏ nỗi lo âu vì phải "dùng một ngôn ngữ tầm thường để diễn tả những tình cảm khác thường". Do đó, tất cả bài nói chuyện của ông H. là một áng văn cầu kỳ, uyên bác, như một chòm đèn pha lê rực rỡ muôn mầu mà ánh sáng sẽ chỉ dội lên chính nó thay vì soi rọi đến bao cảnh đời tiêu điều, cơ cực của biết bao thân phận đồng bào ở quê nhà!

Ông H. nhận định "từ năm 1975, văn học Việt Nam đã đi vào con đường chứng nhân, con đường của những nhà dự phóng và của các "bậc thánh". Theo em, đây là một thực tế đau lòng.

Em qua đây hơn một tháng, khát khao tìm đọc để được thấy những bằng chứng đích thực về xã hội, về cuộc sống, về con người Việt Nam sau biến cố 1975 song em chỉ được gặp những chứng nhân đứng xa hiện trường và vì thế, những điều họ nại ra không đủ sức thuyết phục. Làm văn nghệ dự phóng thì cũng gần gần với những con người xã hội chủ nghĩa đang làm chính trị dự phóng, anh ăn một miếng vào miệng nếu có thấy đắng chát thì xin anh hãy tin tưởng

rằng 1o năm sau hay 100 năm sau anh sẽ cảm thấy vị ngon! Ôi! đời người không ai sống được hai lần, phải không anh?

Xin những nhà văn nghệ hải ngoại đã "hiển thánh," từ cõi hoan lạc vô thường của quí vị, hãy quay nhìn lại Tổ quốc và dân tộc Việt Nam thân thương để biết chắc một điều là quí vị không bao giờ còn thuộc về cái thế giới đớn đau, kiệt quệ, đầy ngạ quỷ, mà từng giây khắc vẫn sinh động với những nổ lực vô cùng để tồn tại ấy!

Thà rằng im lặng. Sự im lặng của trốn chạy, của đào thoát, của bất lực, của lãng quên! Không nhân danh ai, như một xác chết khuất lấp bên đường, không cội nguồn, không dĩ vãng, không tương lai.

Em vẫn đã biết ra đi là vĩnh biệt. Rồi đây, sau lá thư này như một tiếng chim kêu thương, em biết là với em sẽ chỉ còn sự yên lặng. Cuộc sống sẽ chỉ còn là một cơ động bắt buộc và vô hồn, như những dòng xe hơi tuôn chảy không ngừng nghỉ trên các xa lộ của nước Mỹ.Trong tâm tưởng, xin ôm hôn những con hẻm Việt Nam tối tăm, lầy lội, xin ôm hôn những vỉa hè Việt Nam phiền muộn, là chứng nhân thiết thực của biết bao mảnh đời tan tác, đau buồn, mà với họ, ngày dài và đêm thâu không còn ranh giới.

Anh T. thân mến,

Em không biết phải bắt đầu từ đâu, từ một "chiến hữu" năm xưa của anh mà em bắt gặp một buổi tối nào nơi ngưỡng của cái quán hàng em đang ngồi, một con nhỏ bên nách, một con nhỏ dắt tay, một cái bị cói rách trên lưng, lõ hai con mắt với đồng tử căng hết cỡ nhìn vào cái chảo thức ăn đang sôi trên bếp lửa, khi em đến gần nói nhỏ "Anh cầm đỡ vài chục mua cho các cháu ăn", anh ta quay lại nhìn em, đôi mắt ẩn chứa những điều mà nếu viết ra, chắc hẳn em phải viết hằng nghìn trang giấy chưa hết. Anh ta đáp lại, phong cách khoan dung, từ tốn, vẻ thanh tao của một cốt cách phong trần "xin cám ơn bà có lòng nhân từ". Em tự hỏi liệu bao lâu nữa thì anh ta sẽ ngã gục vì những cơn đói và mãnh liệt hơn nữa, vì cái ý thức để có được những miếng ăn xin hàng ngày, anh đã phải trả bằng chính sự hao mòn nhân phẩm của mình?

Hay là em bắt đầu từ một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, nắng chan hòa trên các đường phố, người phu xe xích lô chở em đi bỗng nói

một câu "Hôm nay chủ nhật trời đẹp quá, thèm nghe lại bản Never On Sunday với tiếng hát Dalida". Tiếng nói vô tình ném vào thinh không vì không kìm hãm được hay là một dò tìm?

– Chắc anh đi cải tạo về?

Một câu trả lời kiêu hãnh, mỉa mai, cáu kỉnh hay kiểu cách:

– Thưa chị, tôi đi quá nhiều nơi trước khi đến trại tập trung cải tạo.

Anh ta là thiếu tá hải quân trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đã tu nghiệp nhiều lần ở Hoa Kỳ.

Từ đấy, thỉnh thoảng có những buổi sáng em nhìn thấy cái vóc dáng to lớn kềnh càng của anh ta, đầu đội nón mê, đứng chờ em ở đầu ngõ, bên cạnh cái xe xích lô, để đưa em đi. Một hôm, lúc em trả tiền, anh ta nhìn em rất lâu rồi nói nhỏ:

– Chị có vui lòng giúp tôi một việc quan trọng không?

Mặc dù e ngại, em không còn câu trả lời nào khác hơn:

– Tôi sẵn lòng.

Anh ta trở thành một người khác hẳn, giọng nói đanh, hai mắt sáng quắc dưới vành nón mê:

– Tôi ở gần chị đây thôi, số nhà ... đường... Xin chị hỏi anh Tư xích lô. Khi chị đi, tôi nhờ chị chuyển dùm tôi một tín hiệu cho một người thân. Chỉ có cách đó và người đó cứu được tôi, chị hứa nhé?

Anh nhắc lại:

– Một tín hiệu thôi và tôi chỉ tiết lộ được khi chị đi.

Em đã hứa một cách trang trọng và thành khẩn (vì lòng em quả muốn thế) nhưng rồi cuối cùng em đã ra đi mà không đến địa chỉ anh Tư để nhận sứ mệnh. Ngồi trong phòng chờ ở phi trường Tân Sơn Nhất, em nói thầm với Thượng Đế và lương tâm:

– Chúa ơi, bây giờ thì đến lượt con trốn chạy một cách hèn nhát!

Em đã không đến tìm anh Tư vì nhiều lý do, lý do quan trọng nhất "anh ta có thật là "người của mình không" hay anh ta chỉ là một bẫy rập"? Liệu lúc em đến thì anh Tư sẽ gặp em để trao tín hiệu đi tìm tự do hay một người khác hay có khi chính anh Tư sẽ trao cho em đôi còng sắt với năm, bẩy cuốn lịch để em gỡ hằng ngày trong bốn bức tường đá vì tội làm gián điệp, cấu kết với C.I.A.?

Nói về nguyên nhân khiến người Việt Nam bỏ quê hương đất nước ra đi, người ta chỉ đề cập đến vấn đề nguy cơ chính trị hay kinh tế, thật ra còn một nguyên nhân sâu xa hơn, bức thiết hơn, thúc đẩy con người hơn, nằm trong lãnh vực tinh thần: người ta luôn luôn phải sống trong ngờ vực, kẻ thù và người thân không còn rõ mặt, không còn tin tưởng được vào bất cứ ai và bất cứ một điều gì, không còn đối thoại, không còn trao đổi, ngay cả sự cống hiến cũng có những khuôn mẫu nhất định hoặc là sẽ bị từ khước và đôi khi bị kết tội! Con người như một ốc đảo bơ vơ vùi chôn vào rong rêu, nhìn chung quanh chỉ thấy vắng lạnh đìu hiu, chỉ thấy ngột ngạt muôn tầng đất sâu phủ lấp cuộc sống ngày nào xôn xao ánh sáng, gió mát, khí trời và tiếng chim.

Hay là em bắt đầu với những hè phố Saigon hoang tàn, đó đây các bà vợ có chồng đi cải tạo, con thơ một đàn, cha mẹ già một nách, vốn liếng chỉ còn vài cái ấm chén, năm ba cái ghế gỗ, đem bày ra cùng với chút dung nhan về chiều nay phải cố tô hồng chuốt lục để mời khách qua đường uống giúp ly nước, chốc chốc cảnh sát dẹp lòng lề đường lại xúc hết lên xe và các bà long tong, lả tả chạy đi chạy lại, hớt hải van xin, chao chọng trên hè phố như những chiếc lá khô, khuôn mặt phấn son nhạt nhòa nước mắt?

Hay là em bắt đầu với buổi sáng Saigon mưa dầm, một chiếc xe đạp cà tàng đang đỏ dốc cầu Kiệu thì người đàn ông cưỡi xe bỗng nhiên nhảy xuống cùng một lúc với một cái bao quá nặng bị đứt dây buộc, làm đổ tung tóe trên con dốc ướt sũng nước mưa hằng trăm quả tắc lăn lông lốc ba bề bốn bên. Em muốn anh nhìn thấy vẻ mặt và đôi mắt của người đàn ông buổi sáng hôm ấy: chắc chắn anh ta cũng lại là một "chiến hữu" năm xưa của anh, đã cải tạo về, bây giờ chở tắc ra chợ cho vợ bán kiếm sống nuôi con và nuôi thân, vậy mà sự thể đến nông nỗi này thì còn gì để cầm cự với đời? Anh ta đứng ngẩn ra, tay khư khư giữ lấy cái tay cầm xe đạp, đôi mắt vừa van xin vừa tuyệt vọng, vừa bối rối kêu cầu, vừa đớn đau nhẫn nhục, ném ra bốn chung quanh những tiếng phẫn uất câm lặng không thể nói thành lời và những quả tắc tiếp tục nát dưới vòng bánh lăn của người qua đường vội vã.

Hay là em bắt đầu với lá thư dài bốn trang vở học trò của D. L từ trại cải tạo gửi về cho vợ mà cứ một dòng hỏi thăm thì lại tiếp năm dòng xin tiếp tế thức ăn? Anh ấy không còn là một chiến sĩ chiến đấu cho lý tưởng tự do năm xưa, không còn là một nhà văn và cũng không còn là một người đàn ông với đầy đủ nghị lực và phong cách hào hùng nữa. Nơi cái hình hài thoi thóp sống ấy nay chỉ còn lại cái bản năng sinh tồn của loài vật và cái ý thức chống cộng đã đồng hóa với máu xương của anh (Anh ấy bị cùm đến nỗi hai cổ chân thịt loét đến tận xương!).

Hay là em sẽ bắt đầu với vô số thân phận trẻ thơ có cha đi cải tạo, mẹ còn sống như đã chết, quần áo vá chằng chịt, hằng ngày đi khắp các ngả đường thành phố với tập vé số trên tay, mẹt bánh cam hay thúng lạc rang, vừa rao bán vừa xin ăn quanh quẩn ở những quán hàng, chờ thực khách buông đũa là nhào lên húp chút nước thừa bánh cặn? Nét mặt thông minh, sáng sủa của chúng là một tương phản phũ phàng với cảnh ngộ chúng đang sống, là một lời thống trách kinh hoàng dội vào lương tri của những người có trách nhiệm trước lịch sử và tiền đồ đất nước.

Hay là em sẽ bắt đầu với cái cảnh từ nửa đêm, những gia đình có giấy báo lãnh quà của thân nhân ở nước ngoài gửi về đã phải tất bật cơm nắm muối vừng đến cổng sân bay, tranh nhau xếp hàng lấy số thứ tự, chờ đến 6 giờ sáng cán bộ làm việc? Người ta chen lấn nhau, chửi bới nhau, những đôi mắt hau háu mong đợi, những cánh mũi phập phồng hy vọng, những tiếng cười hỉ hả và cả những tiếng nguyền rủa bạc bẽo quanh nội dung thùng hàng. Em lặng lẽ nhìn ngắm mọi người và tự nhìn ngắm mình, nước mắt xót xa, buồn tủi của một thân phận bọt bèo, tầm gửi rơi trên hai lòng bàn tay mở ngỏ, không nắm được gì, không làm được gì, năm tháng tuổi đời cứ theo nhau trôi tuột vào hư không.

Em không nói đến vấn đề ý thức hệ, em không mệnh danh để kết tội, song rõ ràng em cảm nhận là phải cố gắng ngoi ra khỏi sự bế tắc như một cái ao đầy bùn.

Anh T. thân mến,

Em muốn anh chia xẻ những xúc động bàng hoàng, ngây rợn,

nỗi cảm thương thống thiết, bi hùng, niềm tự hào như một chất men say vừa ngọt ngào vừa buốt cháy khi em nghe cất lên bài quốc ca Việt Nam, bất luận dưới một lá cờ vàng ba sọc đỏ hay lá cờ đỏ sao vàng. Những lá cờ ấy bây giờ vô nghĩa đối với những người Việt Nam như em. Chúng không tượng trưng cho một ai, không tượng trưng cho một ý niệm biên cương tổ quốc nào nữa nếu không nói là chúng chỉ nhắc nhở những giai đoạn lịch sử đau buồn, những tội ác và sự lầm lẫn mà nước của tất cả đại dương trên hành tinh này gộp lại cũng không thể rửa sạch. Điều làm em xúc động chính là cái sức sống đang hát lên bài quốc ca, như tiếng nói đích thực của một dân tộc, chính là cái hồn thiêng sông núi Việt Nam, nghiêm hằng, vĩnh cửu, bàng bạc trong trời cao đất rộng, trong mỗi bụi vật chất li ti, như những dây đàn thần tiên lúc nào cũng căng lên hết mực, chỉ thoảng nhẹ một hơi thở từ cuộc sống là đủ để rung lên bao âm điệu tuyệt vời! Cái sức sống ấy không thuộc về chế độ Việt Nam Cộng Hòa của ông Thiệu, cũng không thuộc về chế độ xã hội chủ nghĩa của ông Duẩn, nó là sự chuyển tiếp tự nhiên của một nòi giống đã sản sinh ra biết bao đấng anh hùng liệt nữ, đã viết nên bao trang chiến sử kiêu hùng, vậy mà giờ đây như một bông hướng dương đọa đày trong giông bão, cố cầm cự, cố đứng vững để đón đợi một vầng mặt trời soi rọi không biết đến bao giờ?

Anh cần phải nhìn thấy những cánh tay chuyển động ngày đêm trên các nông–lâm–trường bao la của mọi miền đất nước, những đôi chân ngâm lội trong bùn sâu nước độc, những giọt mồ hôi và giọt máu đang âm thầm đổ ra hằng ngày trong lao động, trong phấn đấu để bảo toàn và nối tiếp giòng sống Việt Nam, những công trình luyện tập, những cống hiến nghệ thuật với tất cả tâm huyết và sức lực một đời người, vượt ra ngoài mọi ranh giới và cấm đoán nghiệt ngã của chế độ để vươn lên tầm cao của trí tuệ khát khao chân, thiện, mỹ, tất cả những con người này là sức sống cần cù, bền bỉ Việt Nam, là truyền thống lâu đời Việt Nam, là tinh hoa tuyệt vời Việt Nam, họ không thuộc về một đảng phái hay một ý thức hệ chính trị nào, họ đang đau khổ nỗi đau khổ chung của dân tộc, đang chịu chung sự bạc đãi, sự bóc lột, sự bần cùng, sự ngu dốt của thời đại xã hội chủ

nghĩa!

Em đã bao lần đứng lặng bên đường nhìn những chuyến xe tập thể trả công nhân về sau ca làm ở một điểm tập trung:mặt mũi họ bơ phờ, mệt mỏi vì thiếu ăn và lam lũ, mắt họ nhìn lạnh lẽo vào khoảng không trống trải như đời họ, mỗi người đeo vai một cái túi vải sờn mòn trong ấy chỉ có một cái chai đựng nước lạnh và một cái lon nhôm đựng cơm. Họ vừa rời bỏ một công việc nặng nhọc để lại lăn ngay vào những công việc phiền muộn khác đang chờ họ ở nhà: nhặt một lon gạo hẩm trong đó gần một nửa là thóc, sạn và bông cỏ, nhóm một cái ông lò bằng củi ướt và nhặt một mớ rau già cỗi trong bóng tối với tiếng muỗi ran, tiếng những con heo đói ủi vào những cái máng gỗ chưa kịp có thức ăn, tất cả ngần ấy thứ trong không khí nồng nực mùi phân chuồng vì "kế hoặc tăng gia sản xuất để cải thiện"

Em đã đi xem những buổi trình diễn văn nghệ mà mỗi nghệ sĩ là một công trình luyện tập rất đáng khâm phục, thế nhưng khi tấm màn sân khấu khép lại, em thấy họ ra về trên một cái xe vận tải tối om, mỗi người gặm một khúc bánh mì khô cứng trong chỉ có vài miếng thịt mỡ. Cảnh tượng ấy với em là một nỗi đau đớn ghê sợ khiến về sau em không bao giờ còn có đủ can đảm để đi đến những nơi như thế nữa!

Em cũng đã nhìn rất lâu, rất kỹ, những chú bộ đội đã từng "lên đông đông tĩnh, xuống đoài đoài tan", nay chiến khu này, mai biên giới nọ, quân thù nào cũng đánh thắng, khó khăn nào cũng vượt qua, nay họ về giữa thành phố trong bộ quần áo vải nhầu nát, chân mang dép cao su, đầu đội nón cối lệch, ngôn ngữ, dáng diệu như những đồng bào thiểu số chưa bao giờ tiếp cận với văn minh của thế kỷ 2O, thèm thuồng từ cái áo len nội hóa đến cái đồng hồ cũ sửa lại! Ngay từ lúc họ còn thơ ấu, guồng máy cai trị bạo tàn và một nền giáo dục phi nhân đã đồng hóa họ với công cụ của chế độ. Không một ai được phép dạy cho con người có ý thức về chính sự hiện hữu của họ. Ý thức này nếu có, sẽ bị coi là mầm mống phản động và nói đến quyền lợi hay tự do cá nhân là một vấn đề phi đạo đức xã hội chủ nghĩa! Những người cộng sản cuồng tín giữ vai trò lãnh đạo, núp dưới danh nghĩa những giá trị tinh thần mà chính họ không có, để thúc đẩy tuổi

trẻ trải thảm con đường họ đi. Thanh niên bị bóc lột tất cả ngày tháng thanh xuân của đời họ, cả bao hy vọng và công sức cưu mang đớn đau của những bậc cha mẹ đã sản sinh ra họ, trong một cuộc chiến tranh lừa bịp và ngu xuẩn.

Buổi chiều chập choạng tối trên mọi ngả đường của Saigon yêu dấu xưa bây giờ hoang vắng, anh sẽ rất thường thấy những "đồng chí cán bộ" không thuộc thành phần "ăn trên ngồi trốc" (mà họ chiếm tuyệt đại đa số) đang còng lưng trên những chiếc xe đạp cà khổ, đằng sau xe một đống rau muống nặng gần bằng họ và đằng trước ghi đông một cái giỏ xách thò ra ngoài mớ cải héo là thức ăn của họ và của gia đình họ – Rất nhiều người trong bọn họ tóc đã bạc, da đã nhăn và mắt đã sương mù. Cái bình minh nạm vàng của chủ nghĩa đã mất hút cùng với Saigon "được giải phóng".

Em chỉ tiếc rằng cuộc "chiến tranh cục bộ" của người Việt Nam đã kết thúc bằng một ngày 30/4/75, em ra đường thấy hàng loạt xe tăng Việt Nam Cộng Hòa nằm vô chủ, cỗ súng trên xe với những dây đạn đồng sáng loáng chưa hao hụt một viên, quân cụ, quân trang vứt thảng thốt, bừa bãi, bên cạnh những lon hộp thức ăn bỏ dở trong một cuộc tháo chạy lạ lùng và thương tâm, em chỉ tiếc rằng hàng trăm nghìn chiến hữu của anh đã nằm xuống tức tưởi trên các mặt trận và sau này trong các trại tập trung cải tạo, em chỉ tiếc rằng biết bao người Việt Nam vô tội đã chết thảm khốc, chết vùi dập trên mọi ngả đường trốn chạy, trong đó có đứa con gái khốn khổ của em, em chỉ tiếc rằng non một triệu đồng bào ta hiện đang phải sống kiếp tha phương cầu thực ở khắp nơi trên đất khách quê người, ta phải trả với cái giá ngần ấy thứ để sự thật được phơi bày, chân lý được sáng tỏ!

Lúc em đi, một sắc luật mới được ban hành trong hàng ngũ cán bộ và đảng viên, ngăn cấm và trừng phạt những người uống rượu say sưa. Anh biết, khi nhà nước cộng sản công khai ban hành một sắc luật, thì chắc chắn sự việc xảy ra đã ở mức độ phổ biến và trầm trọng lắm. Khi người ta buồn, người ta phẫn uất, rượu là người bạn tâm tình đắc ý nhất. Trong chế độ cộng sản cộng an trị, rượu còn là tấm che. Mọi người biết thế, nhà nước biết thế nên nhà nước có biện

pháp.

Cũng vào lúc em đi, ông Nguyễn văn Linh, chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, bí thư thành ủy kiêm ủy viên Bộ chính trị trung ương đảng đã đọc một diễn văn truyền thanh và truyền hình, kêu gọi chiến sĩ, cán bộ, đảng viên các cấp và nhân viên hãy tiếp tục tin tưởng vào Đảng sau hàng loạt thất bại nghiêm trọng của nhà nước qua việc đổi tiền, nâng giá hàng và điều chỉnh lương. Tuy nhiên, đây mới là triệu chứng bên ngoài. Từ triệu chứng đến kết luận có khi còn là một con đường lâu dài.

Dẫu sao, như một cái nhọt nung mủ cần phải vỡ! Tất nhiên nhà nước sẽ phải tận lực chạy chữa trước khi cái nhọt làm chết người (và việc chạy chữa này không loại trừ sự cầu viện "thằng giặc Mỹ").

Ôi! Quả thật như một câu ngạn ngữ Pháp đã nói "Đường nào cũng về La Mã", khốn khổ thay cho dân tộc Việt Nam đã phải chọn một con đường chông gai nhất, kinh hoàng nhất! Học thuyết biện chứng Mác Lê Nin nói rằng "Lịch sử là một sự tái diễn theo đường trôn ốc", thật ra, đường thẳng, đường vòng hay đường trôn ốc cũng chỉ khác nhau ở cái ý niệm mà thôi!

Anh T. thân mến,

Ở bên nhà, mọi người đều kỳ vọng ở những người ra đi năm 75, mong đợi với tất cả thiết tha và khao khát dành lại một đất nước Việt Nam tự do, thanh bình, hoan lạc. Họ nghe ngóng, họ hy vọng và ngay cả họ sẵn sàng hy sinh. Nhưng năm tháng lặng lẽ trôi qua như cánh hạc vào mây biền biệt, tráng sĩ một đi không hẹn ngày về!

Em sang đây mới thấy đất Tần xa xôi quá, đời sống cay nghiệt quá! Tuổi trẻ thì hướng về tương lai không còn nhớ cội nguồn, tuổi già thì mòn mỏi với nỗi hoài niệm chua cay mang nặng trong lòng, chắc rồi sẽ chết cô đơn mỗi người một phương như con gấu lạc đàn trên đỉnh núi tuyết Kilimandjaro! (thôi đừng nói đến những kẻ thời cơ còn tiếp tục mưu đồ buôn dân bán nước để toan tính lợi riêng).

Đọc thư anh gửi cho P. N. N, thoạt đầu em rất buồn, thấy anh cũng làm như em lúc còn kẹt ở Việt Nam, anh cũng chỉ cầu nguyện Thiên Chúa để xin Người ban ơn! Tuy vậy, đến bây giờ thì em hiểu anh: quả thật vấn đề của chúng ta lớn quá, không còn có thể làm gì

hơn được nữa nếu không trông cậy và cầu xin hồng ân của Thượng Đế. Đấy là một thực tế đau buồn, như số phận của dân tộc và đất nước chúng ta.

"Con hãy làm một việc gì để tự cứu rồi ta sẽ giúp", rõ ràng chúng ta cần hai vế để cân bằng mọi nỗ lực giải quyết vấn đề của chúng ta nhưng trong hoàn cảnh thực tế hiện nay, chúng ta chỉ có một, chúng ta có xứng đáng để cầu xin không? Hỏi tức là trả lời!

Anh T. thân mến,

Sau lá thư này, có thể anh sẽ không có tin tức gì về em nữa. Đối với em bây giờ, trong những điều kiện em hiện có, sự sống và sự chết giống nhau, đôi khi sự chết còn xứng đáng với lòng cảm thương và sự tha thứ của bạn bè hơn.

Thân mến, ♦

ĐÃ MẤT
CÙNG VỚI MẬU THÂN (1)

Kể từ khi tôi khôn lớn, ký ức bắt đầu ghi nhận kỷ niệm về người và cảnh vật chung quanh, tôi đã nhìn thấy ông lý Nguyện trong hình ảnh một người đàn ông trung niên, tầm vóc dong dỏng cao, tóc chải mượt, khuôn mặt xương, đôi mắt xám đục có những cái nhìn ám khói, mông lung, lặng lờ, đôi môi mỏng ngay cả lúc cười nói cũng chỉ khẽ mấp máy vừa đủ để lộ hàm răng đều và nhỏ như bắp non. Gọi ông là ông lý vì ông làm lý trưởng chỗ tôi cư ngụ, một làng nhỏ có tên là Bãi Dâu, nằm bên tả ngạn sông Hương thuộc thành phố Huế. Những ngày mùa hè, ông lý diện bộ tây trắng là ủi thẳng nếp, đầu đội nón cối. Ông cỡi cái xe đạp màu đen,. chỗ sườn ngang treo

lủng lẳng cái cặp da, ghi đông xe mạ kền sáng loáng có một cái chuông to gần bằng cái chén ăn cơm. Ông đạp xe chậm rãi, mắt nhìn thẳng phía trước. Mùa đông, ông lý mặc áo dài bằng hàng xuyến đen bóng, quần ống sớ và đi dép da. Lúc lên xe đạp, bao giờ ông cũng cẩn trọng vắt vạt áo sau lên bụng. Những hôm thời tiết lạnh, ông mặc thêm bên ngoài một cái áo ba–đờ– suy bằng dạ mầu cứt ngựa, đội mũ phớt. Dù ăn mặc quần áo gì, lúc nào ông lý cũng tươm tất, lịch sự. Tôi thường nhìn thấy ông như thế từ một nơi nào đó trong khu vườn rộng của nhà tôi nằm dọc sát con lộ chính trong làng. Cũng có khi ông ghé vào để gặp bố tôi về một việc gì đấy, ông nói năng nhỏ nhẹ, từ tốn, như một người không có sức lực mấy.

Nhà ông lý vách đất lợp tranh, ba gian hai chái, cách nhà tôi một khoảng đường mà ngày ấy còn bé tôi đi thấy mỏi. Đằng trước nhà ông có dàn thiên lý nở những chùm hoa bụ bẫm màu xanh cốm non. Đằng sau nhà ông là ao rau muống, hoa rau muống và hoa bèo tím gần hết mặt hồ. Nhà ông lý sạch như ly như lau, những ô cửa sổ chỉ có tấm liếp chống lên, cụp xuống bằng một cái gậy ngắn nhưng ông lý treo rèm lụa hồng có viền dăng ten.

Bà lý là một người dàn bà bình dân như mọi người dàn bà bình dân Việt Nam khác. Ký ức tôi ghi nhớ về bà tuy lạnh nhạt nhưng lạ lùng và sâu đậm. Bà thường mặc một cái áo cánh ngắn tay bằng vải trắng, tóc búi củ hành, chân đi guốc. Tôi thường thấy bà ngồi yên lặng hàng giờ trên tấm phản gỗ kê ở gian bên, cách một hàng cột tre với cái bàn nước dùng làm nơi tiếp khách trên đó lúc nào cũng bày một bộ ấm chén sạch sẽ. Thỉnh thoảng lắm tôi mới thấy bà nhấp nháy đôi môi và nói thật khẽ một chuyện gì đó với chị Yến mà lần nào thì chị cũng nhăn mặt ra vẻ rất bực bội. Cũng có khi tôi nhìn thấy bà lý đi lại một cách bình thường trong gian nhà lá tinh tươm ấy. Tuy vậy, sau đó tôi lại được nghe nói rằng bà lý bị bệnh thong manh, không còn nhìn thấy gì. Hai vợ chồng ông lý chỉ có một mình chị Yến là con gái, năm đó chị mười tám hoặc mười chín tuổi. Da mặt chị ngăm ngăm đen, chị vẫn hay lên vườn nhà tôi xin củ huệ để về làm thuốc bôi cho trắng da. Tôi không thấy chị trắng ra nhưng có một lúc mặt chị nổi những bợn lang ben loang lổ. Chị cứ soi gương

thở dài. Mẹ tôi trêu chị "con gái dậy thì, cô cứ lấy chồng đi là hết". Chị Yến chỉ cười rụt rè trả lời "nhà cháu nghèo, không ai thương đâu cô ơi". Chị giống bà lý ở cái trán thấp, đôi gò má cao và nhọn, đôi mắt ngay từ lúc chị còn ít tuổi đã có hai cái nhài quạt trắng đục như cơm nhãn ở trong hai đồng tử chị. Chị giống ông lý ở đôi môi lúc nào cũng có vẻ chực cười song lại không cười, trông lẳng ngầm. Chị còn giống ông lý ở hàm răng đều và nhỏ như hạt ngô non, ở cái vóc vạc cao và mảnh, ở mái tóc sợi mềm mầu mật nâu. Sau này, chị có một gánh hàng xén trên phố chợ. Sáng chiều nào tôi cũng nhìn thấy chị đạp xe men theo cánh đồng trước nhà, một tay chị giữ ghi đông, một tay chị gò chặt cái quai nón làm cho chiếc nón lá cong xuống như một cái bánh quai vạc.

Có một dạo người trong làng đồn đãi ông lý có vợ bé. Người ta còn nói với bố tôi rằng bà lý rầu nên phát điên. Bà nói lảm nhảm và khóc cười từng lúc bất chợt. Bố tôi vội vàng chống gậy xuống thăm bà lý nhưng không thấy bà có gì đổi khác. Gian nhà lá vẫn sạch sẽ tinh tươm, hoa thiên lý vẫn nở những chùm bụ bẫm trên cái dàn tre vuông vức trước sân, bà lý vẫn đi đứng thầm lặng, êm đềm giữa đám bàn ghế, giường tủ. Chắc chỉ là tiếng đồn vì ông lý trông rất hào hoa. Mà chắc cũng thật chỉ là tiếng đồn vì suốt từ bấy về sau, không một ai thực sự trông thấy vợ bé của ông lý một lần nào.

Ông lý thường ghé vào nhà tôi lúc chập tối, nhà đã lên đèn. Ông xuống xe đạp từ ngoài ngõ rồi lững thững thả bộ qua cái sân rộng. Trong ký ức tôi, khuôn mặt lờ mờ sấp bóng hoàng hôn của ông lý lẫn lộn với những cái cọc gỗ chăng giây phơi ngổn ngang trên lối đi, vạt áo dài bằng hàng xuyến đen ông mặc dắt xéo một bên lên bụng, lẫn lộn với cánh của đàn dơi động tiếng chân người bay vù ra từ bên dưới các mái cửa sổ, để rơi trong không gian những chùm tiếng kêu chua khẳn như cứt mèo.

Ông lý ngồi nói chuyện với bố tôi một cách nghiêm nghị. Có khi ông hút thuốc lá do bố tôi đưa mời. Ngày ấy tôi còn bé, song cứ nhìn cái cách ông lý dụi tro điếu thuốc nhẹ nhàng và cẩn thận trên cái gạt tàn, tôi nghĩ ông là người mực thước, đoan chính và khiêm nhượng. Cũng có khi bố tôi mời ông lý uống rượu nhưng hình như ông chỉ

uống chiếu lệ. Trong lúc bố cười nói to tiếng, tôi thấy ông lý ngồi khép nép ở ghế đối diện, dáng điệu hơi ngượng ngùng. Có bận ông đến một tý rồi đi ngay. Cũng có bận ông ngồi lâu, nhưng tôi mải chơi một trò gì đấy ở chỗ khác nên sau đó không biết ông ra về vào lúc nào. Thảng hoặc chợt nhớ lại việc ấy, tôi hỏi bố "sao ông lý cứ đến nhà mình vào lúc đỏ đèn hở bố? Ông ấy không thích về nhà như chim à?" Bố xoa đầu tôi cười "ông lý làm việc nước, được vua giao cho giữ một cái ấn bằng ngọc. Đêm đến sợ ăn trộm, ông lý phải đem đi dấu để bảo vệ". Vẫn còn thắc mắc, tôi hỏi mẹ, mẹ ôm tôi vào lòng thì thào "con còn bé, đừng hỏi lôi thôi, đừng nói lôi thôi, Việt minh nó cắt lưỡi đấy". Tôi lại hỏi tiếp "thế ra ông lý phải đi trốn Việt minh hở mẹ?" Tối khuya hôm ấy, nằm một mình trên cái sập rộng bằng gỗ lim để chờ mẹ tôi xong việc nhà bếp lên đi ngủ, tôi vừa cọ qua mũi cái chéo áo lụa của mẹ để lấy hơi, vừa lơ mơ nghĩ thầm trong trí óc non nớt của tôi "sao lại có người làm cái công việc hiểm nguy như ông lý nhỉ? Mà ông ấy nghèo rớt mồng tơi cơ chứ?"

Khi mùa đông tới, những ngày mưa lụt, bố tôi thường bảo anh Sùng vào chuồng bắt gà đem biếu ông bà lý. Tôi năn nỉ anh Sùng "cho em theo với, em muốn chơi với chị Yến" Lần nào anh Sùng cũng quạu cọ "để làm gì nào? tôi còn nhiều việc phải làm, đi vội không cụ mắng" Tôi nhất định không buông áo anh "cho em đi với, em thích đi mảng lắm, em không ở lâu đâu". Thấy anh Sùng do dự, tôi lấn lướt anh "anh Sùng cho em đi theo, lần sau anh còn bị bác Phú nướng chân, em xin bố thuốc đa–gê– năng cho". Anh Sùng phì cười nhưng lập tức tiếng cười của anh bị nghẽn lại như một người bị sặc nước. Anh lầu bầu bảo tôi "nào thì đi! nhưng cô mặc áo ấm chưa?" Mùa đông nào cũng vậy, khi nước dâng ngập khu vườn rộng và những con đường làng xung quanh nhà, anh Sùng đốn chừng ba hoặc bốn thân chuối lớn và ghép lại thành cái bè nhỏ để đi lại cho dễ, đỡ phải lội. Tôi thích cái bè chuối này lắm. Có đêm nằm ngủ mơ thấy một mình tôi chống cái bè chuối trôi băng băng qua những cánh đồng nước bạc, đến tận phía chân trời lố nhố những cái nóc nhà nhỏ xíu về mạn Bao Vinh. Những ngày thơ ấu xa xưa ấy, bất cứ một địa danh nào dù gần trong gang tấc hay khuất ngoài chân mây, đối với

tôi cũng là một vùng ước mơ và mong đợi của tình yêu quê hương thiết tha, của nỗi khát khao một thiên nhiên vô tận.

Anh Sùng để cái bu gà lên mảng. Anh đặt cái áo tơi lá quây lại như một cái sâu kèn rồi bảo tôi ngồi vào trong cho khỏi rét. Dọc đường, cả anh và tôi không ai nói gì. Anh đứng nghiêng một bên, trước mặt tôi, cật lực chống con sào để đẩy cái mảng trôi đi. Da mặt anh ngày thường đã đen, bây giờ trông tím bầm như miếng tiết ôi. Đôi mắt anh hơi lồi, trắng dã. Mép anh có vài sợi râu, như những cái râu ở miệng con dán. Thỉnh thoảng tôi thấy quai hàm anh bạnh ra, chắc tại anh lạnh. Một lúc, bỗng nhiên anh nói thật to "từ rày về sau, cô đừng nhắc đến cụ Phú nữa nhé, tôi không muốn nghe". Hóa ra nãy giờ anh Sùng suy nghĩ về chuyện bác Phú. Anh không vui. Tôi cũng không vui. Tôi vừa buột miệng nói chuyện bác Phú để làm áp lực khiến anh phải cho tôi leo lên cái bè chuối đi đến nhà ông lý, tôi không có ác ý, cũng không dụng tâm, nhưng quả thật câu chuyện bác Phú đã trở thành một ám ảnh lâu dài trong tâm hồn tôi về sau này.

Bác Phú là bạn của bố tôi. Dinh cơ nhà bác gồm những kiến trúc nửa tân nửa cổ xây trên mọt diện tích gần hai mẫu tây đất, cách khu vườn nhà tôi một cái ngõ xóm ngoằn nghoèo. Mùa đông năm ấy, con cháu bác đi chơi xa, mãi tận Sài Gòn. Bác Phú ở nhà một mình và bác bị cảm. Bố tôi biết bác ốm, vội cho anh Sùng sang hầu bác. Chập tối, bác bảo anh Sùng nấu cháo và hâm nóng nồi thịt kho cho bác. Anh Sùng dọn thức ăn lên mâm rồi bưng ra. Bác nhìn đĩa thịt kho, bác ngẫm nghĩ, xong bác kêu anh Sùng đem cả cái nồi đến chỗ bác. Anh Sùng làm theo lời bác mà không thắc mắc gì cả. Anh đang lúi húi dọn dẹp mấy cái quần áo đổ mồ hôi bác vừa thay ra bên vò nước xông, thì bác gọi giật anh "Sùng, ra tao bảo". Lúc anh đứng bên cạnh bác để chờ bác sai, bất ngờ anh thấy bác vung cánh tay ,lôi ra từ trong lò sưởi đang cháy một vật gì đỏ vang và trong suốt như hổ phách. Anh ngạc nhiên, khối óc chậm chạp của anh còn chưa hiểu chuyện gì thì anh bỗng nghe tiếng anh kêu rú lên cùng một lúc với mùi thịt nướng cháy khét lẹt, chỗ da thò ra bên dưới cái quần đùi của anh bị đốt quăn lên, bốc những sợi khói tanh lợm. Sau này, anh Sùng kể với mẹ tôi rằng, lúc ấy, mắt bác Phú long sòng sọc, bác nghiến răng

chửi anh đã ăn vụng thịt của bác. Bác bảo "vô phúc cho mày, tao đã đếm kỹ từng miếng thịt mà!" Vết thương bị đốt bằng cây cời than lò sưởi trên chân anh Sùng cứ chảy nước vàng mãi, mẹ tôi phải rửa thuốc tím cho anh và gọi tôi lên tủ thuốc của bố lấy một viên đa-gê-năng, mẹ nói "con khéo tay, cạo viên thuốc thành bột cho mẹ để mẹ đắp cho nó". Một lúc, mẹ chép miệng nói tiếp "người nghèo khổ như thế đấy con ạ! Phải cố mà học, mới mong không bị ai áp bức".

Từ đấy về sau, mỗi khi bác Phú sang chơi, tôi tránh không để bác nhìn thấy để khỏi phải chào. Mấy năm sau bác mất, lúc đứng bên cạnh cái huyệt vừa hạ quan, tôi thấy những người đi đưa đám ma bác vứt lộp độp những hòn đất lên nắp ván thiên, chẳng hiểu tại sao, tôi bỗng đếm lẩm nhẩm một, hai, ba, bốn, năm và liên tưởng đến khuôn mặt bác một hôm nào cúi gằm trên cái nồi thịt để xăm xoi đếm những miếng thịt. Cho đến khi lớn khôn, cho đến bây giờ, tôi không bao giờ ăn thịt nướng nữa. Những miếng thịt nướng xém đen dấu những cái nan vỉ sắt luôn luôn gợi nhắc tôi nhớ lại vết thương chảy nước vàng trên chân anh người hầu của gia đình tôi năm xưa, vừa là vết thương man rợ đầu tiên trong nhận thức thơ ngây và trong sạch của tôi về thế giới loài người.

Năm tháng bình yên đều đặn trôi qua, cùng với tuổi nhỏ của tôi, cùng với mùa thời gian trong thiên nhiên, cùng với những sáng chiều bóng ông lý thong thả đạp cái xe đạp không bao giờ lấm láp đi qua cửa nhà tôi, trên con đường ven cánh đồng và những lũy tre của làng Bãi Dâu. Sau biến cố chính trị hồi giữa thập niên năm mươi, cụ Diệm về nước nắm chính quyền, ông lý Nguyện trở thành ông chủ tịch Phường Phù Mỹ, gồm cả mấy làng Bãi dâu và Tả Duệ. Bấy giờ ông có cả một văn phòng đặt trong gian chái của ngôi đình làng để làm việc và tiếp dân, ông có cả thư ký giúp ông về hành chánh. Tuy vậy, cả nhà tôi đều quen gọi ông là ông lý và xem ra ông cũng không quan tâm về cách xưng hô theo tình cố cựu ấy mặc dầu kể từ lúc đó, các giấy tờ văn thư ông ký đều có một dòng con dấu đỏ chói mang mấy chữ "Chủ tịch phường Phù Mỹ". Mái tóc bóng bẩy màu nâu mật của ông nay đã hoa râm, cái gọng kính trắng ông đeo lúc làm việc trễ xuống trên mũi, ngoài những thay đổi ấy, ông vẫn nguyên là ông lý

Nguyện của một bề ngoài nho nhã, trịnh trọng và thầm lặng, của gian nhà tranh có dàn thiên lý quanh năm xanh tươi, của một bà vợ quê mù lòa và một cô gái nay đã qua tuổi xuân thì.

Lần cuối cùng tôi nhìn thấy ông lý vào buổi sáng tôi lên xe theo chồng đi xa. Ông lý và một thầy phụ việc đến nhà tôi để làm thủ tục hôn thú cho chúng tôi. Tôi vẫn còn giữ tấm ảnh chụp ông lý đang cẩn trọng nghiêng xuống cuốn sổ hộ tịch của phường, ông chăm chú theo dõi nét bút ký tên của mọi người, như sợ rằng bất cứ một sai sót nào cũng không thể chấp nhận hoặc sửa chữa trên những trang giấy quí hóa ấy. Tôi còn nhớ mãi giọng nói nhỏ và chậm của ông lý lúc dặn dò tôi "cô nhớ quyển 8 tờ 2, để khi cần sao lục". Tiếc rằng tôi sẽ không còn dịp nào cần sao lục tờ hôn thú mang chữ ký của ông bắt đầu với một chữ N có cái móc câu ở đầu. Tiếc rằng tôi cũng sẽ không còn dịp nào gặp lại ông lý trên cõi đời này nữa vì...

Sau biến cố Mậu thân, những người quen biết ở Huế chạy vào Saigon cho tôi hay ông lý Nguyện đã bị Việt cộng chôn sống cùng với hàng trăm ngàn nạn nhân khác của chúng. Lúc người ta tìm ra xác ông trong một hố tập thể chứa vài trăm thi thể con người bị bức tử một cách vô lý và dã man cùng cực, người ta phải khó khăn lắm mới gỡ được những vòng kẽm gai bó quanh ông từ cổ trở xuống, như sợi lạt bó quanh một đòn bánh tét.

Đối với tôi, cái chết bi thảm của một người như ông lý có giá trị hùng biện gấp trăm nghìn lần những tài liệu tố cộng mà tôi đã có dịp được nghe, được đọc hoặc học tập trước đây. Người ta không thể nhân danh bất cứ gì, đổ tội cho bất cứ hoàn cảnh hoặc sự lầm lỡ nào để chạy chữa những hành động phi nhân của cộng sản trong biến cố Tết Mậu Thân. Tội nghiệp ông lý! Ông đã gần như suốt đời mải mốt chạy trốn cái tai họa mà định mệnh đã muốn ông không tránh được vào giây phút cuối cùng, cũng như định mệnh đã ràng buộc ông vào vận nước nổi trôi nơi cái hộp ấn dấu mực đỏ hằng đêm vẫn theo ông trên đường lánh nạn, không phải vì đấy mà ông sẽ được hưởng vinh hoa, phú quí, chỉ vì ở đấy có sự bảo đảm một trật tự xã hội ổn định, trong đó, con người có thể chưa đạt đến chân, thiện, mỹ song họ vẫn còn hy vọng đang ở trên con đường tiến tới chân lý và sự hoàn thiện.

Bây giờ, mỗi lúc tưởng nhớ quê hương và ông lý, tôi vẫn mường tượng nhìn thấy khuôn mặt đẫm bóng tối của ông lẫn lộn giữa những hàng giây phơi trên sân nhà tôi, lẫn lộn với những cái cánh dơi đen đúa, chấp chới đập vào khoảng không gian xám ngoét của buổi chiều đã muộn. Thật ra, không phải chỉ là những sợi dây phơi và những cái cánh dơi hiền hậu nữa, chúng đã trở thành những vòng kẽm gai sắt máu và những cái cánh diều hâu bay trên vùng đất cạn không che lấp nổi mùi tử khí ở làng Bãi dâu, trong một ngày cơn thiên tai cộng sản qua đây... ♦

ĐÃ MẤT
CÙNG VỚI MẬU THÂN (II)

Linh Mục U. là một trong các giáo sư giảng dậy bộ môn văn chương Pháp ở trường Đại học Văn khoa và Sư phạm Huế đầu thập niên 6O.

Cha người Pháp, sinh trưởng ở vùng nào và vì sao trôi nổi tới miền Trung Việt Nam "Mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn" này, chuyện này tôi không biết, tuy thỉnh thoảng đầu óc mông lung của tôi vẫn mơ hồ thêu dệt một số tình tiết xung quanh cái nguồn gốc không bao giờ được tiết lộ và cái nhân dáng đặc biệt của Cha.

Cha là tu sĩ dòng Phan–xi–cô, tóc cắt theo hình cái mão gai đội đầu. Tôi học với Cha suốt ba năm, hình như không một lần nào có

ý nghĩ cha vừa mới cắt tóc. Có lẽ đã nhiều chục năm trôi qua, tóc đã thành nếp, như một lối mòn về một ngôi nhà quen thuộc. Giống như cỏ không còn mọc bừa bộn, tóc cũng không thèm mọc ở những nơi cứ bị cắt mãi.

Mùa xuân và những ngày thời tiết ấm áp, Cha mặc áo dòng bằng vải màu trắng. Mùa đông và những ngày gió lạnh, Cha mặc áo dòng bằng vải mầu nâu đất. Dù là áo màu gì, bao giờ Cha cũng thắt lưng bằng một sợi chão với hai đầu dây buông dài một bên chân lủng lẳng chiếc thánh giá to bằng một gang tay. Bạn bè chúng tôi kháo nhau rằng các tu sĩ dòng Phan–xi–cô sống và hành đạo rất khổ hạnh. Họ ngủ trên một tấm ván nhỏ đủ cho một người không trở mình và hằng đêm họ vẫn tự đánh dập mình bằng sợi dây chão thắt lưng. Cho đến giờ phút này, đối với tôi, sự hiểu biết ấy vẫn còn là một huyền thoại làm tôi kinh ngạc và khâm phục.

Dòng tu của Cha ở trên đồi Thiên An. Suốt cả thời thơ ấu và niên thiếu của tôi ở Huế, tôi chưa bao giờ dặt chân đến dấy, chỉ nghe bạn bè mô tả đồi Thiên An đầy thông. Dường như nhà dòng có một diện tích canh tác khá lớn vì nghe nói các Cha, ngoài những công việc riêng, đều cày cuốc và trồng trọt các loại thực vật dùng cho họ hằng ngày.

Bình thường khi không làm gì, hai bàn tay Cha U. dấu trong tay áo rộng khoanh trước ngực, trong một dáng điệu cẩn trọng. Khi cha xách cặp hoặc giảng bài, chúng tôi thấy bàn tay Cha thô, ráp và dầy chai. Nhắc đến đây, tôi nhớ lại một kỷ niệm chưa quên với Cha.

Hôm đó, viện Đại học Huế tổ chức một ngày Sinh viên đóng góp lao động tượng trưng ở khu đất để xây học xá. Các sinh viên ghi danh theo nguyên tắc tự nguyện. Riêng tôi, một phần do bản tính vốn ngại các sinh hoạt tập thể, phần khác đang bị cảm cúm sổ mũi, nên tôi không ghi tên tham gia. Nhìn bản danh sách không có tôi, Cha đi tìm tôi trên hành lang nhà trường và nói với tôi bằng một giọng lạnh lùng, khinh miệt:

– Thật đáng tiếc, cô là thứ lười biếng.

Phẫn nộ, bất ngờ, tôi kêu lên một cách uất ức sau lưng Cha:

– Nhưng thưa Cha, con đang bị cảm.

Sáng sớm ngày hôm sau, mặc dầu người đang sốt, tôi vẫn có mặt trên công trường cùng với bạn bè. Trông thấy tôi, Cha nghiêng đầu mỉm nụ cười đầy tình cảm thường nhật và đưa cho tôi cái cuốc kèm với tiếng "bravo" nói nhỏ đủ cho tôi nghe. Tôi rất giận Cha nên đã cuốc đất với tất cả sức mạnh của cơn tức giận ấy. Tôi không nói, không cười, thậm chí nước mũi và mồ hôi rơi thánh thót cũng không ngừng tay lau. Đến trưa, mặt tôi đang đỏ vì sốt bỗng tái mét đi vì mệt. Đầu tôi nhức như búa bổ nhưng tôi không chịu ra khỏi đoàn. Lúc bấy giờ Cha đến gần tôi, cầm chặt cái cán cuốc và nói với tôi:

– Quả thật cô đang đau, cô đi nghỉ đi.

Chiếu thẳng vào Cha cái nhìn gay gắt và phẫn khích của một người danh dự bị tổn thương, tôi trả lời dứt khoát:

– Con tự biết lúc nào con cần nghỉ, xin cha rời chỗ.

Ánh mắt cha vừa đo lường sự bất bình trong lòng tôi, vừa như một lời tạ lỗi. Cha nói, giọng nhỏ và ôn tồn:

– Tôi muốn thấy những người trẻ, có năng lực, làm mọi việc với tất cả sức lực của họ.

Cha cười tuy dáng điệu nghiêm nghị:

– Cô đã tham gia công trường với tất cả sức lực của cô. Bây giờ, nhân danh trưởng đoàn, tôi yêu cầu cô đến lều y tế vì cô đang bệnh.

Từ trong lều y tế trông ra, trong cái nắng nẩy đom đóm mắt của một ngày đầu hè trên khu đất trống, tôi thấy Cha mải mốt cuốc không ngừng cho đến khi về, tấm áo dòng giắt vào lưng, quần sắn cao để lộ hai bắp chân ngắn và vạm vỡ, thỉnh thoảng Cha kềm cái cán cuốc dài giữa hai đầu gối, mở xòe lòng bàn tay và nhổ vào đấy tí nước bọt, cử chỉ một người nông dân Việt Nam vẫn làm cho đỡ bị phồng da. Trông Cha khác hẳn các thầy giáo khác của chúng tôi trong những bộ âu phục mùa hè bằng vải nhẹ và màu sáng, ống quần gấp lai ngang nửa bụng chân, đi dép nhật, phất phơ đó đây giữa các nhóm sinh viên, nói năm ba câu chuyện tầm phào để cùng cười rộ lên như trong một buổi cắm trại. Cử chỉ và nét mặt Cha căng thẳng, đắm chìm. Toàn bộ người Cha toát lên nỗi đam mê kỳ lạ trong công việc Cha đang làm, như thể đất và Cha có nguồn giao cảm. Lúc mọi người thu dọn dụng cụ, tắm táp qua loa đằng sau cái xi–tẹc nước do ban

tổ chức kéo về để ở một góc công trường, tôi thấy Cha đứng lẫn với các nam sinh viên, khuôn mặt Cha ánh lên niềm vui của sự thỏa nguyện mà những người xung quanh không có tuy họ đang cười nói rộn ràng. Có lẽ đám trẻ chỉ vui nỗi vui đã qua một ngày mệt nhọc, họ đã làm xong bổn phận một cách tốt đẹp và bây giờ họ sửa soạn trở về nhà, không giống Cha hình như đang một mình thưởng thức cái hạnh phúc say đắm, kỳ bí, của cho và nhận; của buông trôi, phó thác, trong một gặp gỡ, hòa đồng khỏa lấp với thiên nhiên. Nghĩ như thế, tôi cười thầm "Chắc Cha chán loài người rồi! Điều này hẳn là Cha thất tình với một cô đầm tóc vàng, mắt xanh, nên Cha mới đi tu."

Cha có đôi mắt trong suốt như mầu nắng buổi sáng phản chiếu trên nước sơn mới của những bờ tường mầu hoàng anh. Bình thường, cái nhìn của Cha bao giờ cũng có vẻ nghe ngóng những thanh âm dội lại từ một điều Cha vừa mới nói hay đang nói. Cha có đôi môi mỏng và đỏ, không bao giờ để lộ hàm răng. Ngay cả lúc Cha cười, đôi môi ấy ngậm chặt sự cố chấp kỳ cục, làm thành một vệt son dài hơi nhếch lên ở hai bên mép, trông như vết sẹo đâm da non trên khuôn mặt một người bị thương tích. Không hiểu vì sao, có lẽ chỉ là một cảm tưởng, song tôi luôn luôn có ý nghĩ Cha dấu trong tâm hồn một nỗi đau đớn khó tả. Dưới cái bề ngoài thô sơ, khắc khổ của một nhà tu, có cái gì đó khiến người ta cảm nhận được sức nóng thiêu đốt bên trong cõi lòng Cha, với cường độ của những hòn than đang cháy đỏ như mã não.

Cha phụ trách giảng dạy chúng tôi bộ môn văn chương Pháp từ thời Trung cổ đến thế kỷ thứ 17. Bên cạnh Cha CVL bộ môn dịch thuật, nghiêm túc, chừng mực, như bất cứ nhà mô phạm nào, bên cạnh Cha L. bộ môn văn chương Pháp hiện đại, thao thao bất tuyệt và trừu tượng, bên cạnh Cha C. bộ môn văn chương Pháp cận kim, trang trọng và uy nghi như cả một triều đình nước Pháp với các đời vua Louis, Cha U. có sự đam mê, nỗi u uẩn và những tình tự rất "người", rất "sống", rất diễm lệ và rất thật.

Tôi không thể nào quên bài giảng của Cha về tác phẩm La chanson de Roland. Ở đoạn Roland lên đường ra mặt trận mà không từ

giã "người đàn bà" của mình, theo đúng cung cách hiệp sĩ thời trung cổ, Cha đã lưu ý sinh viên về sự mâu thuẫn, đối nghịch giữa những cái khuôn xã hội phong kiến và nội tâm một con người được sinh ra vốn khao khát tình yêu và hạnh phúc là sự sống đích thực của nó, như cây lá cần hấp thụ mặt trời và nước. Theo cha, ý nghĩa thiết thân của những cuộc cách mạng xã hội đầu tiên không ở chỗ làm thay đổi một thể chế hay danh xưng mà ở chỗ nhằm đem lại cho con người nhiều cơ hội để có được một đời sống phù hợp với nó. Roland không từ biệt "người đàn bà" của chàng, ngay cả một giây đồng hồ trước khi thúc ngọn roi vào hông ngựa, chàng vẫn không thèm nghĩ đã để lại đằng sau nỗi biệt ly cho một người. Cha nói "không, chúng ta không chấp nhận nốt nhạc khô héo này trong bản anh hùng ca Roland, trước khi chúng ta không chấp nhận một ông vua". Đã rất nhiều năm qua mà ký ức tôi vẫn còn ghi đậm nét bãi chiến trường đổ nát ngập ngụa xác người, Roland thua trận, đang hấp hối trong buổi chiều đầy sương mù ở một cái khe núi. Chàng gom hết tàn lực để thổi những âm thanh vĩnh biệt qua chiếc còi tử sinh đã theo chàng biết bao lần đông chinh phạt bắc, mong rằng núi rừng sẽ đồng vọng đến hoàng cung lời tạ tội khốc liệt của chàng. Cuối cùng, khi đêm tối của sự chết đã tràn lấp hai mắt, người anh hùng Roland ghé môi hôn lên mặt đất sẽ đón nhận chàng về mà tuyệt nhiên không gởi gấm chút gì cho "người đàn bà" của chàng từ nay góa bụa. Trong lúc giảng bài, tia mắt Cha nhìn ngây dại, đôi khi Cha lắp bắp như bị xúc động quá độ, những ngón tay Cha dò ra trên mép những trang giấy vì bối rối và tuyệt vọng. Riêng tôi, một phần vốn không kỳ vọng ở các nhân vật trong văn chương thời Trung cổ Pháp, một phần vì hoàn cảnh riêng, đã tự đặt mình bên lề mọi xung động tình cảm ,nên tôi chỉ nhẩn nha nhìn ngắm như một khán giả. Lớp học căng thẳng. Hai bạn gái bên cạnh tôi luống cuống nhìn vơ vẩn ra xung quanh, bộ ngực đầy dặn của K.T. phập phồng những hơi thở sâu và chậm. Có lẽ thấy tôi tỉnh táo nhất trong đám học trò, Cha hỏi tôi "Cô nghĩ gì về nhân vật Roland?" Tôi trả lời không do dự "Thưa Cha, Roland đã xuất hiện và chết dưới mắt chúng ta trong bộ giáp sắt của một hiệp sĩ thời Trung cổ, con nghĩ ông ấy đã thể hiện đúng vai trò được giao". Tôi

còn nhớ rõ đôi mắt Cha sáng lên nổi vui và sự bằng lòng. Hẳn Cha không ngờ ở cái tuổi vừa lớn khôn, tôi đã biết rằng bên dưới cái vỏ xã hội cứng nhắc và đầy định kiến, một con người tràn đầy và chân thật nhất có khi bị chôn vùi cho đến chết.

Cha lại hỏi "Cô có thật tin rằng còn một Roland khác, đầy nhân tính hơn, không được bộc lộ không?"

Tôi mỉm cười nhưng lòng rất buồn bã "Con thường nghĩ hoặc tưởng tượng những điều tốt đẹp để cảm thấy hạnh phúc."

Cha nói với tôi bằng một giọng cảm xúc "Nếu cô thích nghi với đời sống bằng cách đó, cô sẽ bị thất vọng".

Tôi không muốn tiếp câu chuyện nữa nhưng tôi tự nhủ trong thâm tâm "Con không còn sự lựa chọn nào khác".

Khi Cha giảng về đôi tình nhân Tristan và Iseult, đôi mắt Cha trở nên long lanh, khuôn mặt Cha rạng rỡ, hai cánh tay Cha vừa vươn lên một chiều cao đón đợi vừa rụt rè đè nén sự khắc khoải trong buồng ngực dấu sau tấm áo chùng nâu. Đã lâu quá, tôi không còn nhớ rõ các chi tiết của cuộc tình nhưng tôi nhớ rõ cái đam mê mãnh liệt trong bài giảng, khuôn mặt đôi tình nhân lẫn lộn với những lượn sóng biển vỡ tan tác trên những ghềnh đá xám. Sự sống ở trong tiếng đập của trái tim, vì tình yêu hay thù hận, ở trong niềm hy vọng hay nỗi thất vọng của một người.

Học vở kịch Le Cid, cha đã chọn trích đoạn lúc nhân vật nữ là Chimène vì thù nhà muốn rửa nhục cho cha nên phải đích thân nhúng tay sắp đặt cái chết của người tình. Khi được báo tin chàng đã bỏ mình dưới đường gươm phục hận, Chimène đau đớn gieo mình xuống cái sân đá ở triều đình, thống thiết quy trách kẻ thừa hành mệnh lệnh của nàng bằng một câu hỏi theo Cha là bất hủ "Ai đã bảo ngươi đi giết chàng?" Trong tất cả các bài giảng, cha luôn luôn đề cập và làm nổi bật sự xô đẩy, dằng co, thúc bách rất nghiệt ngã giữa một bên là những cái nhãn hiệu hào nhoáng của một xã hội ước lệ và một bên là cái bản ngã đích thật nhất, thâm sâu nhất của con người khao khát sự giải phóng chính nó.

Ngoài sự khác biệt bắt buộc về ngôn ngữ, giữa Cha và lớp học không có khoảng cách văn hóa, mầu da hoặc bất kỳ sự tị hiềm nào.

Tôi thường nhìn thấy Cha đi từ đầu hành lang đến, những bước chân không bao giờ gây tiếng động, một tay xách nặng chiếc cặp da cũ, một tay dấu trong ngực áo. Cha luôn luôn mỉm cười chào hết mọi sinh viên đang đứng rải rác trước hiên các phòng học, nụ cười không hở răng với một đường môi màu đỏ như một vết sẹo đâm da non trên khuôn mặt lặng lẽ nỗi buồn. Suốt ba năm học, chúng tôi không bị nghỉ một giờ nào của Cha. Cha có sự trì chí của một người vì biết không còn đường nào thoát nên muốn đảm đương cuộc đời với tất cả tình yêu, sự thách đố và bằng lòng trong những công việc mình làm, nhìn thấy ở đó nếu không là hạnh phúc thì cũng là ý nghĩa nỗi đau đớn của kiếp người.

Sau mỗi mùa hè ba tháng trường đóng cửa, khi năm học mới bắt đầu trở lại, cái hình ảnh Cha trong buổi học đầu tiên bao giờ cũng làm tôi liên tưởng ngộ nghĩnh đến một hình ảnh khác của Cha, trên đồi Thiên An. Chắc là Cha đã mặc một bộ áo vải nâu hoặc đen, có những mụn vá, chân đi dép bằng cao su lốp ô tô như dép Bình Trị Thiên của Việt cộng (mùa nắng Cha vẫn mang dép này đến lớp học), đầu đội cái nón lá rách (như hôm Cha cùng lao động với sinh viên ở khu đất xây đại học xá) và cuốc đất, làm cỏ hoặc tưới rau trên diện tích canh tác mông mênh của Nhà Dòng, từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Hồi đó, tất cả sinh viên chúng tôi không ai bận tâm hoặc có ý niệm gì rõ rệt về cách sống như thế của một người trí thức. Trong một xã hội tự do, người ta có cả ngàn cách lựa chọn và biểu lộ thái độ sống mà không làm ai phiền nhiễu. Chúng tôi chỉ hồn nhiên bảo nhau "đó là kỷ luật của Dòng tu". Đối với riêng tôi, trong ký ức mơ hồ về thế giới những người tu sĩ công giáo qua một thời thơ ấu học ở các trường bà xơ, tôi nghĩ cuộc sống lam lũ của Cha là một sự hãm mình hiến dâng Thiên Chúa theo tinh thần Ki tô giáo. Dần dà, chúng tôi quá quen thuộc với cái hình ảnh thường nhật của Cha, đến một lúc chúng tôi không còn xúc động hoặc thắc mắc gì về Cha nữa.

Năm tháng trôi đi, êm đềm và vô tình như dòng sông Hương chảy qua cổng trường Đại học, mùa hè năm học cuối chợt đến trên thềm lớp. Tôi là một sinh viên có điểm số bài làm cao nhất ở tất cả các bộ môn ngành tôi theo học, vì vậy, điểm số cao nơi các bài làm

với cha không bao giờ làm tôi ngạc nhiên. Tập tiểu luận tốt nghiệp với đề tài Cha cho "Biệt ly trong văn chương đông và tây phương" tôi được điểm mười sáu kỷ lục qua trích dẫn và dịch thuật đủ mọi thơ văn Việt Nam kim cổ, từ Chinh Phụ Ngâm với khí thế hào hùng của cuộc viễn chinh bảo vệ bờ cõi.

"Chín tầng gươm báu trao tay.
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh."

vào một buổi sớm tinh mơ, giọt sương trên ngọn cỏ thay cho mắt lệ vợ hiền.

"Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?"

để cho

"Sầu lên ngọn ải oán ra cửa phòng!"

Chỉ vì

"Bộ khôn bằng ngựa thủy khôn bằng thuyền."

và

"Nước có chảy lòng phiền chẳng rửa,
Cỏ có thơm dạ nhớ khó khuây".

Từ cuộc chia tay vàng võ, dòi đoạn giữa đôi bạn tình của Nguyễn Du với "Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san" từ buổi lên đường bàng hoàng, rã rời của một tiễn đưa trong mộng ảo với Thâm Tâm:

"Đưa người ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Nắng chiều không thắm không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?"

Cho đến nỗi biệt ly cũng tình cờ như lần gặp gỡ với Huyền Kiêu của một tình duyên lỡ làng, chậm muộn:

"Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau,
Nửa đêm chợt tỉnh, bỗng dưng sầu.
Trăng mùa xuân đó ai tâm sự?
Anh đã xa rồi anh biết đâu!"

Sau cùng, với chia ly là vĩnh biệt của Nguyên Sa:

"Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau?
Để anh gọi tiếng thơ sầu vọng lại..."

Mải miết với bài học, bận rộn với công việc chuẩn bị ra trường, không

ai trong chúng tôi có đủ thời giờ và sự rảnh rang để nhận biết đề tài bài tiểu luận, thật ra, chính là lời tạ từ của Cha.

Một ngày vào năm 7O, đang nằm bệnh ở Saigon, tôi được người quen báo cho biết Cha U. đã bị việt cộng chôn sống ở Huế trong biến cố Tết Mậu Thân. Trước đó, Việt cộng cưỡng chiếm nhà Dòng trên đồi Thiên An. Khi bị đánh bật ra khỏi thành phố và vùng phụ cận, họ phóng hỏa đốt thư viện của nhà Dòng trước khi rút lui và bắt theo các linh mục làm con tin đỡ đạn trong đó một Cha đang bệnh. Ra khỏi tu viện được một đỗi đường, trời quá lạnh, cha U. bèn quay trở lại Dòng với ý định lấy một cái chăn cho người đau. Một tên Việt cộng điên rồ nào đó cho rằng Cha có dụng ý gài ám hiệu lại cho quân dội Việt Nam Cộng Hòa nên chúng giết Cha trên đường trốn chạy.

Cái tin Cha mất đến với tôi cùng lúc với một tia sáng kỳ lạ xẹt qua đầu óc tôi như một dòng điện cực mạnh, soi sáng rõ ràng biết bao kỷ niệm của cả quãng đời học trò nơi cái thành phố thân thương xa vời đó.

Tôi nhớ lại một buổi trưa oi ả trong giảng đường trường đại học Văn khoa lúc bấy giờ ở trên lầu nhà Morin, tôi từ chỗ làm việc đến thẳng lớp học nên sớm khoảng nửa tiếng đồng hồ. Tôi đang ngồi một mình, lắng nghe tiếng ve sầu kêu ran trong các lùm cây hai bên lề đường Lê Lợi thì Cha tới. Nhìn thấy tôi, Cha cười, vẫn là nụ cười không để lộ một cái răng nào như thường ngày của Cha song hôm đó tôi thấy ánh sáng trong đôi mắt Cha tỏa đầm ấm xuống khuôn mặt ngài. Chúng tôi trao đổi bâng quơ vài câu chuyện mưa, nắng rồi tôi cáo từ lui ra ngoài bao lơn. Tôi không bao giờ đối diện lâu với Cha, có một cái gì nơi Ngài cứ khiến cho tôi mung lung khắc khoải, như thể trong lòng Cha cũng có một nỗi đau như nỗi đau trong lòng tôi, vì một người bỗng một ngày chợt đến rồi bỏ đi. Cha đã đi khỏi một đại lục, từ chối đời sống của một người bình thường, để quên mà không thể quên. Còn tôi, tôi cũng muốn quên mà không thể quên giữa ngổn ngang hành lý của đời mình. Người ta có thể quên đủ mọi thứ, trừ cái vết thương không chịu khép miệng. Và ngay cả một vết thương khi dã khép miệng cũng còn để lại dấu sẹo.

Tin Cha mất còn làm tôi buồn nhớ lại một kỷ niệm khác với Cha. Khi đó tôi đã ra trường và xin đi dạy tại một thành phố bên kia đèo Hải Vân. Một buổi sáng, người bưu tá của trường đưa đến tôi một phong thư nhỏ dán bằng giấy học trò, nét chữ Cha đề tên tôi và địa chỉ nơi tôi dạy học. Rất bình thường, tôi bóc lá thư ra xem, rồi tôi phẫn nộ đọc thấy trên mảnh giấy chỉ bằng bàn tay, Cha viết yêu cầu tôi đem trả thư viện nhà Dòng một cuốn sách Cha cho tôi mượn trong năm học cuối mà tôi chưa hoàn lại. Thật ra, trước khi rời trường, tất cả sinh viên chúng tôi đều đã có một buổi làm thủ tục hoàn trả tất cả sách vở học liệu chúng tôi sử dụng trong học trình, tôi còn nhớ rõ trước tôi là anh NTH và sau tôi là anh NNL. Chính L. còn cầm lên tay xem một vài hình ảnh trong cuốn sách Cha đòi tôi hôm nay và anh đã trao đổi với tôi vài câu về những hình ảnh ấy. Vì vậy, tôi không thể lầm lẫn. Lá thư làm tôi tức giận nhớ lại sự ngộ nhận thô bạo của Cha về tôi trong ngày sinh viên lao động năm ngoái nên tôi lập tức viết phúc đáp Cha một bức thư ngắn gọn trong đó tôi dã nại anh NNL. làm nhân chứng việc hoàn trả sách của tôi.

Tất cả chỉ có thế, chỉ là thế, như một viên đá ném xuống nước chỉ làm xao động mặt hồ êm trong phút giây rồi là sự yên lặng mông mênh của lãng quên. Thế nhưng một ngày khi tôi đang nằm bệnh, vào một khoảng thời gian đen tối trong đời, tin Cha mất bỗng soi rọi trong nhận thức mù mờ của tôi những điều trước đây tôi không hề nhìn thấy. Quả là Cha đã đánh giá sai trí thông minh, lòng mẫn cảm, sự hiểu biết ngỡ là khoan dung và sâu sắc nơi người học trò tuy đã trưởng thành, nhưng tuổi đời mới ngoài hai mươi là tôi ngày đó. Phải đợi tới mười năm sau, khi Cha không còn trên cõi đời này, tôi mới nhận được những điều Cha muốn gởi đến tôi như một tâm hồn đồng điệu, tôi mới hiểu được lời thú tội chân thành nhất của Cha viết ở cuối tờ thư nhầu nát trên một mảnh giấy học trò "Cô hãy biết rằng tuy con người là hình ảnh của Thiên Chúa nhưng con người không toàn hảo." Phải đợi tới mười năm sau, như một mặc khải, tôi mới nhìn thấy mối tương quan giữa nội dung lá thư đòi một món nợ không hề có và cái tín hiệu xót xa ấy của một người tuy bị đời bạc đãi song vẫn muốn tin yêu và thiết tha với cuộc sống. Bằng những

xúc động hời hợt nhất của tuổi trẻ và bản thân mình, tôi đã không nhìn thấy cái thật và kết tội cái giả.

Tôi còn nhớ một lời phê của Cha bên lề một bài làm của tôi "Dừng nghe theo trí tưởng tượng của cô quá". Cho nên, bây giờ tôi sẽ không hình dung ra ngọn đồi Thiên An đầy thông, vùng trời bình yên như cái tên gọi của nó khi dấu chân những người cộng sản chưa qua đây. Tôi cũng sẽ không hình dung ra những bi kịch âm thầm dưới mái nhà Dòng trong những đêm trăng nồng nàn, khắc khoải của mùa hè xứ Huế, trong những đêm mưa quạnh hiu, giá buốt của mùa đông xứ Huế. Dẫu sao, tôi không thể không hình dung ra giây phút bi thảm cuối cùng của Cha, một tín đồ công giáo chết không được hưởng bí tích lúc lâm chung, một con người chết vì suốt đời bị ngộ nhận, bởi người tình và bởi kẻ thù. Bởi người tình, Cha mất quê hương và tuổi xuân. bởi kẻ thù, Cha mất luôn tính mạng.

Bắt đầu từ Mậu Thân và cùng với Mậu Thân, cùng với những nấm mộ thê lương mọc rải rác đó đây bên lề những con đường hiền hậu của thành phố Huế, phần đời đáng sống nhất và khung trời muốn quay về nhất của tôi cũng đã chôn vùi theo.

Trong nhịp sống quay cuồng của nền văn minh cơ khí Hoa Kỳ, thật vô nghĩa khi gợi nhắc lại một dàn hoa thiên lý, một dàn mướp bông vàng phơi trên bờ dậu có những chú ong như một hòn bi tròn xoe, xanh biếc, liệng chấp chới, tiếng cánh đập vù vù những vòng bay khát khao, nghe như trời đất cũng rạt rào âm hưởng. Thật vô nghĩa khi gợi nhắc lại tiếng chim hót buổi sớm mai trong veo như chuỗi ngọc, trong khu vườn có cây mẫu đơn còn giữ trên cái cành nâu và trên những phiến lá xanh tươi một cái váng nhện lấp lánh sương dưới ánh nắng đầu ngày, trông giống như tấm mạng che mặt của cô dâu kết bằng những hạt mưa thanh tao, trong trẻo và kỳ lạ nhất. Thật vô nghĩa khi gợi nhắc lại vòm không gian thoang thoảng hương của hàng trăm loài kỳ hoa, dị thảo, lúc nào cũng xao xuyến những thanh âm đến từ một cuộc sống vừa náo nức, sung mãn, vừa thâm trầm, bền bỉ: tiếng gió, tiếng mưa, tiếng trăng trên mặt nước, trong hàng cây, tiếng ve sầu, tiếng dế, tiếng tắc kè, tiếng ễnh ương...

Tuy nhiên, sự vô nghĩa ấy vẫn còn đáng giá hơn đời sống của một

người lưu lạc mất quê hương, sáng chiều giam mình trong những cái hộp khổng lồ, lao động nhọc nhằn chỉ để nuôi sống một cái xác thân tầm thường, tục lụy.

Cộng sản đã giết Cha U. Họ không thể nhân danh một điều gì khác ngoài sự tàn bạo ngu muội của họ. Họ đã giết một người vô sản chính cống, mặc áo vá, đội nón mê, đi dép cao su giống họ và cầm cuốc giỏi hơn, nhiều hơn vô số người trong bọn họ. Họ giết Cha chỉ vì họ không có cái trí tuệ của Cha, đức tin của Cha và trái tim của Cha.

Trong đau đớn, xót thương và vô cùng tưởng tiếc, xin đốt một nén hương tri ân thầy giáo cũ, ở tấm gương một người biết sống chân thực và tràn đầy cùng một lúc với những nỗ lực phi thường hướng đến sự toàn thiện. Xin đốt một nén hương siêu thoát cho NNL. đã bỏ mình trong trại cải tạo của cộng sản, để lại con thơ và vợ trẻ. Xin đốt một nén hương cho NND, nghe nói bây giờ bán thuốc lá lẻ trên một hè phố Nha Trang. Xin đốt một nén hương thành công cho NTH. nghe nói đang gian truân, tìm đường vượt biên ở Saigon. Cả ba, họ là bạn đồng khóa với tôi ở trường Đại học Sư phạm và Văn khoa Huế.

Sau hết, xin đốt một nén hương mầu nhiệm cho Việt Nam không còn cộng sản ♦

KHÔNG CÓ MÙA XUÂN

Trời chuyển cơn giông từ lúc giữa trưa. Không khí trong căn nhà lồng chợ tù đọng như một thứ hồ lỏng, quần áo dính vào thân thể nhớp nháp mồ hôi, mí mắt trên dính vào mí mắt dưới, người ngồi dính xuống chỗ, ruồi lăn dính vào những rổ thức ăn bầy tênh hênh, la liệt đó đây.

Bà Bẩy ngồi giữa cái quang gánh một bên là nồi riêu đang bốc khói, một bên là sàng bát có rổ bún, chai lọ đựng gia vị và đũa bát. Bà luôn tay quệt mồ hôi đang ướt đẫm mớ tóc rủ xuống trán, đôi mắt buồn rầu của bà thỉnh thoảng ngước nhìn người qua lại cùng với tiếng mời chào buột ra khỏi miệng bà như những cái bong bóng xà phòng trên đầu cái ống thổi:

– Ăn bún riêu đi mợ, ăn bún riêu đi cô, riêu cua nóng...

Tiếng mời của bà tan vào khoảng không sột soạt tiếng quần áo và tiếng chân người đi chợ.Lúc không có khách, bà ngồi thừ người như theo đuổi một ý nghĩ riêng tư đang làm bà bận tâm hoặc là, thực ra, cũng chẳng có một ý nghĩ riêng tư nào trong đầu óc mông lung của bà. Chỉ có cơn mệt vì phải làm nhiều, gánh nặng và ngồi giam mình suốt buổi trong cái xó chợ nhỏ tối tăm này, ngày nắng thì hầm hập như một cái lò, ngày mưa thì tù mù ẩm ướt, y như lớp bùn đọng cả tấc trên nền những lối đi bằng xi măng đã lâu đời.

Từ xa, Yến đã nhác thấy cái dáng dấp quen thuộc của mẹ bên cạnh cái cột chợ to tướng lỗ chỗ những vết vôi vỡ và vết bẩn. Buổi sáng, Yến là cô cấp dưỡng ở lớp mẫu giáo của phường chỗ cô cư ngụ. Buổi chiều, Yến quanh quẩn bên cái cột chợ nhếch nhác ấy để giúp mẹ bán hết một nồi bún riêu.

Cả năm nay, hai mẹ con không nói gì với nhau ngoài những câu hỏi và trả lời ngắn gọn xung quanh gánh quà. Thoạt đầu,Yến thường vẫn gợi chuyện với mẹ. Dôi lúc vắng khách, Yến đến ngồi sau lưng mẹ và dấm khẽ chỗ ngang hông bà, nghĩ rằng mẹ ngồi lâu chắc mỏi, nhưng bà Bẩy nhất thiết lặng thinh. Bà vừa đưa một bàn tay hẩy tay Yến ra, vừa vặn người để tránh không cho Yến chạm vào bà. Yến tủi thân, vì sự cố chấp vô lý của mẹ song nàng cũng chỉ lặng thinh, không muốn khơi động nỗi thương tâm trong lòng cả hai mẹ con.

Về sau, mỗi khi ra chợ giúp mẹ bán hàng, có lúc rảnh rỗi, Yến thường đến ngồi trên cái bậc thềm cao, cách chỗ quang gánh của mẹ một quãng. Nàng đong đưa hai chân, nhìn người đi qua đi lại, đầu óc chờn vờn trong cái rì rào xô động của khu chợ nghèo càng về chiều càng hối hả, tất bật.

Trưa hôm nay, Yến ra chỗ hàng quà của mẹ như thường lệ. Nàng đi sát vào những hàng bán kim chỉ để tránh chỗ lòng đường trũng đọng nước đen ngòm từ dãy hàng cá tháo ra sau buổi chợ tấp nập ban sáng.

Những miếng ni lông che nắng dài theo vỉa hè đập lạt rạt vào tóc Yến khiến đầu nàng nghiêng hẳn xuống một bên vai. Yến toan co một cánh tay lên, khuỵu một chân xuống để giả bộ người đàn bà ăn xin tàng tật mà ngày còn bé, Yến thường thấy đôi khi đi qua cửa

nhà Yến. Chị ta đi theo cái điệu "chấm phẩy", tay chân ngúc ngắc, người như có một cái lò xo cứ nẩy lên từng hồi, đầu chị lệch về một bên, mồm dẩu ra như mồm một con chuột chù.

Yến đang mỉm cười với cái hình ảnh vừa chợt nhớ lại thì có tiếng thím Năm tiệm vàng kêu giật giọng:

– Yến, mày làm cái giống gì dzậy?

Yến thẹn, đánh trống lảng:

– Cháu ra phụ mẹ cháu.

Giọng thím Năm chua như một quả nem để lâu:

– Chèng ơi, mầy thiệt khùng rồi đó Yến, ai lại không biết mầy ra phụ mẹ mầy bán? Tao hỏi là hỏi mầy làm cái gì hồi nãy, lúc mầy đang đi đó, dzầy nè!

Nói rồi thím Năm giả bộ đi như Yến. Thím cười ngặt nghẽo, tiếng cười khua động những bà kế cận đang ngủ gật gà gật gưỡng, làm họ chưa biết gì cũng ồ ạt cười theo, những chuỗi cười núc ních, khỏe mạnh, của một nỗi vui dễ dàng, oằn xuống như một cái cành trĩu quả, làm Yến bỗng ngẩn ngơ vì cái cảm giác vui lây rất bất ngờ.

Thím Năm đập vào vai Yến đang đứng thộn ra trên hè chợ:

– Thôi, mầy khỏi giả bộ đi ăn xin nữa, ra bưng dzô đây cho thím hai tô đặc biệt đi, lấy nhiều rau bắp chuối nha con!

Rồi thím gọi với sang bà Hai bán trầu:

– Dì hai ăn bún riêu nha, kêu cháu nó bưng luôn.

Bà Hai cười chậm rãi trên cái miệng móm mém của bà:

– Ờ ờ, ăn thì ăn, trâu đạp cũng chết, bò đạp cũng chết, bữa nay xấu mối mở hàng, ăn xả xui.

Yến vừa dợm bước đi vừa ngượng ngùng hỏi lại:

– Vậy là con múc ba tô nha thím Năm?

Trong bụng Yến nghĩ thầm: những bà bán trầu cau hình như ơn trời cho họ sống lâu để bán tơ duyên cho đời. Bà nào cũng rụng hết răng mà vẫn còn ngồi chợ buôn bán. Hay là tại vì họ cứ nhai trầu cả ngày nên răng chỉ thọ bằng nửa cuộc đời họ?

Yến vừa tủm tỉm cười một mình, vừa đi ra chỗ hàng quà của mẹ. Nàng nhặt ba cái đĩa, xếp đủ thứ rau lên đấy rồi bảo mẹ:

– Mẹ múc ba tô thiệt ngon cho thím Năm.

Bà Bẩy yên lặng khuấy cái muôi trong nồi riêu đang bốc khói. Khi Yến bưng cái mâm sắp sửa đứng lên, bà lầu bầu bảo con:

– Nhớ canh chừng lấy tô và đĩa về. Bây giờ mà để lâu ngoài hè là mất luôn với tụi cô hồn sống đấy!

Mặt trời nghiêng bên kia những nóc nhà rêu mốc của dãy hàng quán lụp xụp cùng lúc với cái nồi riêu của bà Bẩy nghiêng trên cái bếp bắc bằng mấy hòn gạch đen đủi. Yến thu dọn các thứ rác rưởi lặt vặt, cho hết vào cái xô nhựa đựng nước rửa bát rồi đi xuống địa con kinh phía sau chợ. Cách Yến một khoảng, một người đàn ông có tuổi, ăn mặc rách rưới, đang lúi húi ngắt rau muống vào một cái rổ xám xịt. Những bè rau muống xanh tươi, tương phản với mặt nước tù đọng của con kinh trông xa như một phiến đá đen. Dó đây, các cầu tiêu lộ thiên ghép bằng vài miếng gỗ mỏng của những nhà dựng sát bờ kinh hàng ngày thả xuống dòng nước này thứ phân bón tự nhiên để nuôi rau và nuôi cá. Một cảm giác ghê sợ và xót thương lẫn lộn với mùi sình tanh tưởi, như một mũi tên nhọn đâm thốc vào bụng Yến, xuyên suốt lên đầu nàng, làm Yến tối tăm mặt mũi. Yến cố định thần nhìn xem người đàn ông đang hái rau có phải là bố không?

Trưa nay, lúc Yến ra chợ, bố đang đắp miếng chăn rách nằm chèo ngoeo trong xó nhà. Bố cảm đã mấy hôm. Từ ít lâu nay, bố không đạp nổi xích lô nữa. Bố đã trả xe cho chú Tư để chú chia với người khác. Bố dặn Yến kiếm cho bố cái gắp than và một cái bao gạo cũ để bố đi nhặt bịch ny lông, lon sữa bò hay miếng chai và giấy vụn ở các bãi rác. Ở đây, rất đông đàn bà và lũ trẻ con khỏe mạnh hơn bố, nhanh nhẹn hơn bố, họ tranh bố để lượm những thứ tốt, thường thì bố nhường nhịn họ nên hàng ngày bố chẳng nhặt được bao nhiêu, có khi bán hết những thứ nhặt được đi bố chỉ còn đủ tiền mua một bìa đậu hũ nguội. Chỗ gạo hàng tháng nằm trong đồng lương của Yến không đủ nuôi hai bố con, Yến phải nhận đan thêm giỏ ny lông vào buổi tối để có thêm chút tiền phụ với bố mà sống. Thỉnh thoảng có miếng thịt tiêu chuẩn nhỉnh bằng một bàn tay, mua ở trường, Yến kho cho bố vào cái nồi con với hai quả trứng vịt, đấy là món bổ dưỡng duy nhất mà bố được ăn mỗi tháng một lần.

Trước khi Saigon được Đảng và Nhà nước của cụ Hồ "giải

phóng", bố Yến là một nhân viên dân sự làm việc ở phi trường Tân Sơn Nhất, bên cạnh phái đoàn quân sự bốn bên kiểm soát việc thi hành hiệp định Paris. Ngày ấy Yến mới lên mười tuổi. Chiều chiều, Yến dắt em ra đầu ngõ đón bố về trên chiếc xe vespa bóng láng như một con cánh cam. Thường thường, bố chở cả hai chị em Yến đi một vòng mấy phố quanh nhà. Chiều nào bố cũng mang về, trong một cái giỏ treo lủng lẳng đằng trước xe, mấy quả táo, mấy hộp mứt trái cây hay bánh ngọt, thịt bò tươi và khoai tây. Bố phân phát cho khắp trẻ trong xóm nên lũ trẻ cũng mong bố về như Yến. Cứ thấy bóng bố về đến đầu ngõ là chúng nó vỗ tay reo hò. Trong những gia đình thường nhận quà của bố có gia đình chú Tính. Sau này, khi Saigon đổi chủ, chú Tính vác A.K. đi đi lại lại trong xóm, hoạnh họe từng nhà với cánh tay buộc miếng vải đỏ của chú. Chú tố cáo bố là CIA, được giặc Mỹ nuôi dưỡng và cài lại để làm công tác điệp báo nên bố bị bắt đi cải tạo tập trung.

Những ngày đầu, mẹ khóc sướt mướt, ủ rũ như một con mèo ốm. Vợ chồng chú Tính đi qua cửa nhà Yến không thèm nhìn vào. Đôi lúc gặp mẹ, thím nhìn mẹ như người không quen. Cứ trông thấy họ, mẹ lại nghiến răng lầm bầm một mình:

– Đồ vô ơn! Giời nào chứng cho chúng mày! Cho chúng mày ăn ngập đầu rồi chúng mày phản.

Hoặc:

– Không có đồ đế quốc của chồng tao thì chúng mày rã họng lâu rồi, bây giờ còn đấy mà nói phét! Tiên sư chúng mày!

Yến lớn lên trong sự sa sút từng ngày của mẹ. Vì uất hận, bà Bẩy cương quyết không cho chị em Yến tham gia sinh hoạt thiếu nhi của phường khóm. chị em Yến bị liệt vào thành phần gia đình lạc hậu, bị cô lập trong bầu không khí ghẻ lạnh giữa những trẻ cùng lứa tuổi. Thằng Cường bỏ học chữ để học nghề sửa xe đạp. Mười lăm tuổi, nó đã một mình chiếm lãnh một trụ đèn lề đường để làm nơi hành nghề. Nó tập hút thuốc lá, tập uống rượu. Mười bẩy tuổi, nó nhậu nhẹt lai rai như một tay giang hồ lãng tử chán đời. Dần dà, nó học sang nghề sửa xe gắn máy. Có hôm Yến ra ngồi chơi với em ở lề đường, Yến ngạc nhiên khi thấy nó chỉ lau cái bu gi cho một anh bộ

đội mặc bộ quân phục bằng vải nhầu nát mầu cứt ngựa, đựng gió phồng lên như quần áo một thằng hề, vậy mà lúc tính tiền công nó đòi đúng ba mươi đồng! Yến hỏi, nó trả lời tỉnh bơ:

– Đập cho tụi nó chết luôn, mấy thằng đế quốc mới này mà chị xót xa nỗi gì? Bữa nay có chị là em nhân từ đó, đáng lẽ em tháo lung tung xe của nó ra rồi em khện nó một trăm đồng!

Quai hàm thằng Cường nhô lên trên khuôn mặt lặng lẽ của nó. Yến nhìn thấy cái ánh mắt sắc lạnh của em buồn rầu ném lên một đọt cây bên kia đường còn giữ lại chút hoàng hôn vàng úa.

Ở nhà, mẹ phải bán dần các tiện nghi gia đình để lấy tiền đi thăm nuôi bố. Qua vài năm đầu, mẹ thôi không đi nữa vì nhà không còn gì để bán. Mẹ phải ra chợ kiếm sống hằng ngày. Đến lượt Yến thôi học để xin làm cấp dưỡng cho một trường mẫu giáo bán trú gần nhà.

Bố đi cải tạo hơn bẩy năm thì được về. Bây giờ, bố là một ông già ở cái tuổi năm mươi. Tóc bố rụng gần hết, phơi da đầu trắng hếu như một người ốm thương hàn mới dậy. Thịt hai bên má bố chẩy sệ xuống như má một con heo. Bố mập ra theo cái kiểu một người bị phù thũng, da vàng ủng. Bố ít cười nói, đi lại một cách nặng nề, khó nhọc.

Thời gian bố mới về, mẹ chăm nom cho bố ăn uống đàng hoàng, song bố mẹ cứ ngấm ngầm cãi nhau hằng ngày. Mẹ trách bố tính toán vụng, không nhanh chân chạy đi như người ta để bây giờ vợ con vất vả, nhọc nhằn. Bố không nói gì, chỉ thở dài. Về sau, càng ngày mẹ càng đay nghiến nhiều, như muốn trút lên đầu bố tất cả nỗi tủi hờn, oán hận mà mẹ phải một mình cưu mang hơn mười năm nay, bây giờ còn cộng thêm nỗi gieo neo phải trông thêm bố không còn làm gì ra tiền nữa, vô tích sự, như mẹ thường ca cẩm.

Sau cùng, bố bảo mẹ:

– Chắc bà khổ tâm vì tôi lắm? Thời cuộc chẳng may như thế, tôi làm gì hơn được? Hay là để tôi ra ngoài sống tạm một lúc, cho bà và các con được thư thả...

Thế là lập tức mẹ ngăn hẳn nhà ra, để bố ở cái gian phụ thấp lè tè đằng sau bếp, chỗ ngày xưa mẹ vẫn nuôi vài con gà và để các thứ đồ vật lỉnh kỉnh không dùng tới.

Yến không đành lòng, nàng nói với mẹ:

– Sao mẹ ngăn vách không cho bố đi lại với nhà? Tội nghiệp cho bố.

Mẹ Yến chồm lên như một con sư tử bị thương, cơn giận bừng bừng nổ ra làm xỏa tung mớ tóc vẫn búi lủng lẳng của mẹ. Lần đầu t iên trong đời, Yến nhìn thấy mẹ hung hăng và dữ tợn như thế.

Biết lòng mẹ đã quyết, Yến rụt rè nói:

– Quả thật con không đành lòng! Xin mẹ cho con theo bố vậy, mẹ tha lỗi cho con.

Đôi mắt mẹ lạnh lùng, sáng quắc, chiếu vào Yến như một ngọn lửa nóng. Bà nhìn Yến rất lâu, như thể để không nhầm lẫn với một ai khác, như thể bà muốn nhìn Yến một lần cuối cùng.

– Được, mày cứ việc đi, không cần phép tắc, lỗi phải gì nữa, tao coi như không có mày.

Giọng nói bình tĩnh, thái độ dứt khoát của mẹ, trong phút giây, bỗng làm Yến rùng mình ghê sợ. Chỉ cần mười năm gian khổ trong cái xã hội nghèo đói kỳ cục này, mọi giá trị tinh thần tưởng là bền chặt, mọi nền tảng đạo lý tưởng là vững chắc, đã tan ra như đám bọt xà phòng để lại những vệt ố bẩn.

Yến buồn rầu thu dọn ít quần áo theo bố xuống chỗ chái bếp. Mùa nắng, ban ngày bố con Yến phải ra ngoài để tránh cái nóng. Mùa mưa, đêm nằm nghe nước rỏ xuống tấm ni lông treo võng trên đình màn, như nghe nỗi buồn rỏ giọt vào xương tủy. Gió lùa theo khe vách trống, làm nghe tiếng nước chảy luồn quanh chân chiếc giường bố kêu õng ãnh, sự ẩm ướt như thấm qua chăn chiếu vào người.

Yến xách cái xô nhựa đi vội về chỗ mẹ. Nàng tự nhủ tí nữa ghé mua ít rau tía tô và củ hành để nấu cho bố bát cháo giải cảm. Lúc Yến sửa soạn đặt quang gánh lên vai, mẹ bỗng bảo Yến:

– Chúng nó bắt thằng Cường đi thanh niên xung phong đấy!

Yến giật mình, buột mồm hỏi mẹ một câu vô nghĩa:

– Em phải đi hả mẹ?

Bà Bẩy theo thói quen, quệt tay áo lên mặt dù không phải để lau mồ hôi:

– Tao định cho nó trốn.

Yến băn khoăn lo sợ:

– Làm sao trốn được mẹ? Ai dám chứa em?

Mẹ đứng sát vào Yến thì thầm:

– Tao cho nó vượt biên.

Yến vỡ lẽ. Nỗi lo một phút trước đây nén chặt buồng ngực Yến hình như vỡ òa ra, làm tràn ngập nàng một cảm giác ấm nóng khiến nàng thở được những hơi dài tỉnh táo. "À thì ra thế! Thảo nào mẹ chắt bóp từng đồng, nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn cả thuốc khi ốm đau và cứ thậm thụt ra vào cửa hàng thím Năm"

Buổi tối, Yến kể cho bố nghe câu chuyện mẹ nói lúc ban chiều. Bố nghe rồi lặng im, mắt nhìn thờ thẫn vào khoảng không. Hình như đối với bố bây giờ cuộc đời đã tắt hết mọi âm hao gợi nhắc một điều gì quá khứ, tương lai. Bố sống như đã chết, và đó là cách sống hay nhất để khỏi tự hủy mình.

Yến buông màn cho bố xong thì đi ra chỗ dốc cầu như đã hẹn với Minh. Trong cái tù mù của ngọn đèn đường cách khoảng thật xa nên không đủ sáng, Yến nhác thấy Minh ngồi chồm hỗm bên cạnh hàng bắp nướng, áng chừng chàng đang chờ bắp chín. Yến đến đằng sau Minh, chạm khẽ đầu gối vào lưng chàng. Minh ngoái một tay ra phía sau, xoa nhẹ vào ống quần Yến:

– Em ăn bắp nhé?

Yến ngồi thụp xuống bên cạnh Minh, đặt một tay lên vai người yêu:

– Đã biết chắc là em? Nhỡ lầm thì sao?

Minh cười sát mặt Yến:

– Lầm thì anh có lời, nhưng lầm làm sao được? Anh đánh hơi em cách đây mười thước.

Yến cười buồn:

– Xạo! Anh đánh hơi bắp thì có.

Hai người đi bên nhau, ngược lên dốc cầu. Im lặng một lát, Minh hỏi:

– Em có chuyện gì lo nghĩ à?

Yến ôm cánh tay Minh, như tìm một sự vững chãi:

– Mẹ định cho Cường đi vượt biên. Nó bị bắt đi nghĩa vụ quốc phòng trong chiến dịch giải tỏa, lòng lề đường.

Bước chân Minh khựng lại. Cái cùi bắp ném vút đi không nghe một tiếng động dưới dạ cầu. Một lúc, Minh nói:

– Tối nay, anh cũng định bàn với em một việc tương tự như thế.

Yến kinh ngạc:

– Anh nói đùa! Tiền đâu mà đi?

Minh nhìn thẳng vào mắt Yến:

– Anh đã móc nối với đường dây đưa người. Đến ngày hẹn, anh lấy một xe hàng tung ra cho bọn lái buôn rồi ta đi luôn.

Câu nói của Minh, trong một giây đồng hồ đầu tiên, vẽ ra trong trí tưởng khô héo của Yến những hình ảnh chói lòa về một cuộc đời mới tươi đẹp. Tuy vậy, rồi Yến cũng biết ngay là nàng không nên mơ mộng viển vông.

Có thể Minh sẽ làm như chàng nói. Chàng sẽ đi ra khỏi cái xứ sở đau thương, kiệt quệ này trong một cơ may nào đó cộng với sự toan tính liều lĩnh của chàng nhưng Yến thì không. Yến không thể bỏ mẹ nàng với gánh riêu cua của bà nơi xó chợ, càng không thể bỏ bố trong cái chái lều thảm hại mà bố đang lây lất sống như một con chuột ngày. Lòng Yến quặn đau. Cả hai cùng dừng lại dưới dốc cầu. Yến ngước nhìn Minh, những nét thân quen mọi ngày trên khuôn mặt chàng thấy nhoàng nhoàng, lạ lẫm. Không gian hình như vẩn đầy bụi. Bụi đóng thành lớp dầy trong mồm miệng Yến và ở những đường thở. Một cảm giác yếu đuối kỳ lạ làm hai đầu gối Yến muốn khuỵu xuống.

Minh vẫn đăm đăm nhìn nàng, khắc khoải, chờ đợi. Nhưng Yến lắc đầu, nước mắt lăn trên hai má nàng:

– Nếu không may, anh sẽ bị bắt, khổ lắm!

Minh nói trơn tru, như thể chàng đã trù liệu trước mọi sự:

– Em sẽ không khai là cùng đi với anh để khỏi bị liên lụy. Mình bây giờ với ở tù chẳng khác nhau bao nhiêu, chỉ thiếu mấy cái ô cửa có chấn song. Ngưng một lát như để Yến kịp nghe, Minh nói tiếp:

– Phải liều thôi em ạ, ta đi rồi sẽ lo cho bố mẹ sau.

Yến không biết nói sao, chỉ đứng yên và khóc lặng lẽ. Minh bứt

rứt, nhìn suốt dọc con đường vắng hoe chập chờn chìm trong bóng tối trước khi vòng tay ôm Yến, hôn vội lên đôi mắt đẫm ướt của người yêu. Toàn thân Yến run rẩy như một nhánh cây gầy gò trong tay chàng. Một cảm giác vừa mủi lòng, vừa chua chát làm Minh cười xót xa một mình: sau hết, tuổi trẻ ở đây chỉ còn có chút hạnh phúc khi thầm vụng hôn nhau bên một hè đường tối tăm. Thực tế đời sống như một mùa đông bắc cực đến bất ngờ, làm giá lạnh cả những đam mê xao động nơi thân thể một người trẻ tuổi đang có người yêu trong vòng tay. Cũng có khi nó như một lò lửa nung nấu với áp suất cực mạnh, cuốn hút người ta lao đầu vào để thiêu đốt chính mình. Cho xong một đời.

Minh cầm hai bàn tay Yến áp lên ngực chàng và dặn dò:

– Em nhớ sửa soạn từ bây giờ. Anh sẽ báo ngày đi sau.

Nhưng Yến biết là nàng sẽ không bao giờ đến chỗ hẹn với Minh. Có thể Minh đã tính toán đúng, cũng có thể Minh đã tính toán sai song Yến biết là Minh không có cách tính toán nào khác hơn.

Rồi một đêm tối trời nào đó, Minh sẽ hoài công đợi chờ Yến ở một bến sông xa xôi, vắng vẻ. Minh sẽ đợi chờ Yến vô ích giữa một vùng cọ nước nghe tiếng muỗi bay rào rào, tiếng sình nhão nhoẹt lép nhép dưới bước chân đi. Rồi Minh sẽ phải bước lên một con thuyền mỏng manh để ra khơi mà không có Yến, trước mặt chàng mênh mông hiểm nguy, đằng sau chàng con đường đã vĩnh viễn khép lại. Rồi năm tháng sẽ qua, rồi Minh nếu không chết giữa biển sâu thì chàng và Yến sẽ mỗi người sống cuộc đời riêng của mình ở hai phía địa cầu cách biệt, như ngày và đêm ở hai nơi này không bao giờ còn trùng lắp nhau. Rồi Minh sẽ quên nàng, sẽ lấy vợ, sẽ có con. Còn Yến, tuổi xuân của Yến sẽ vùi chôn nơi cái sân trường ồn ào, dọc theo những dãy hành lang tanh tưởi mùi trẻ con không đủ quần áo thay; sẽ vùi chôn nơi cái xó chợ tối tăm ảm đạm, với gánh quà hằng chiều của mẹ; sẽ vùi chôn nơi cái chái bếp tồi tàn, chật hẹp, chỉ còn chút hơi hướm của cuộc sống thoi thóp trong tiếng ho khan hằng đêm của bố và tiếng đập khắc khoải của trái tim phiền muộn trong lồng ngực nàng.

Đêm chắc đã khuya lắm. Tiếng động âm âm từ trên con lộ lớn

vọng lại đã thưa thớt dần rồi tắt hẳn, như sự sống quanh đây cũng tàn lụi dần với thời gian.

Đôi mắt khô khốc và cay xè của Yến mở thao láo trong bóng đêm, nhìn suốt lên con dốc cầu lam lũ hằng tối Minh vẫn chờ Yến ra để cả hai cùng đi lang thang bên nhau không biết nói gì, chỉ cảm thấy họ cần có nhau.

Yến vừa chợp mắt được một chốc thì nghe có tiếng đập vào tấm vách ngăn giữa hai nhà, tiếng đập vừa hối hả vừa rụt rè kèm với tiếng mẹ thì thào gọi:

– Yến, Yến! Thằng Cường bị bắt rồi.

Yến nghe tiếng thân thể mẹ đổ xuống bên kia chân vách và tiếng khóc tấm tức của bà. Nàng vẫn nằm bất động trên tấm ván gỗ, như bị trói chặt vào đấy. Một cảm giác mơ hồ, lãng đãng vây bọc thần trí Yến như một tấm lưới nhùng nhằng.

Thằng Cường bị bắt rồi!

Dư âm tiếng nói lồng lộng dội vào bên trong lớp vỏ não của Yến như sắp làm vỡ tung đầu óc nàng. Tay chân Yến bải hoải, mồm miệng tanh lợm. Trước mắt nàng như có một đàn những con muỗi nhỏ cánh vàng óng ánh chấp chới bay, từ xa đến gần rồi lại từ gần ra xa. Cảm giác một cơn uất nghẹn thắt ngang vùng bụng Yến, chẹn lên cuống họng nàng. Yến há hốc miệng để thở. Cái cảm giác uất nghẹn sắc như một sợi lạt nứa gò cong thân thể Yến trên tấm phản gỗ. Yến ôm lấy bụng và ngồi bật dậy. Xung quanh nàng chỉ có bóng đêm yên lặng trong cái chái lều tù hãm ♦

8 1989

BỐ CHẾT

Thư bên nhà gởi qua báo tin bố tôi ốm, phải vào nhà thương. Người ở bên ấy không bận bịu gì lắm, ấy vậy mà tờ giấy lèo nhèo viết như người hà tiện mực. Bố ốm là ốm thế nào? Phải đi nhà thương thì chắc là hệ trọng rồi, vậy mà mẹ và mấy đứa em chỉ nói một cách nhẹ nhàng, ý hẳn sợ người bên này rầu rĩ, lo lắng. Đúng là tính quẩn. Bởi vì nghe tin "bố ốm" mà không biết bố ốm bệnh gì, nặng hay nhẹ, ốm ở chỗ nào trong người, rồi lại đi nhà thương, thế thì ai lòng dạ đâu mà an nhiên tự tại được? Tôi cứ trăn trở tờ giấy, làm như nếu cứ trăn trở mãi sẽ may ra có một lời giải đáp cụ thể nào nó lẩn khuất đâu đó giữa những hàng chữ.

Trong đầu tôi, suốt ngày lủng củng tiếng động lúc âm âm, lúc khô khốc của hai chữ "bố ốm", như hai thanh gỗ gõ vào nhau. Tôi

buồn rầu, ngơ ngác. Tôi chạy ra hiệu thuốc tây, đặt mua một thùng thuốc loại đặc biệt và yêu cầu họ gởi hỏa tốc về Việt Nam. Công việc này làm xong, tôi vẫn không vui. Có người nói "gởi nhiều tiền về. Ở bên đó, đời sống cần vàng lắm! Cứ có nhiều vàng người ốm sẽ khỏe lên, sẽ khỏi bệnh, sẽ sống thêm". Thế là tôi tất bật chạy đi hỏi những nơi nhận đổi đô la ở đây thành vàng ở bên nhà. Tôi gởi về cho bố hai lạng vàng. Chắc bố mừng lắm, chắc bố vui lắm, chắc bố không bệnh nữa. Hai thanh gỗ trong đầu tôi êm êm được ít hôm rồi chúng lại bắt đầu gõ, càng lúc càng ráo riết. Đôi khi tôi có cảm tưởng tiếng động dai dẳng ấy làm hai mắt tôi lồi ra, người tôi tê liệt. Đi làm về, tôi ăn uống qua loa rồi ngủ được một giấc nhọc mệt lúc đầu hôm xong là tỉnh. Tôi thấy bố mặc cái áo cánh vải nâu tiễn tôi xuống thuyền ở một khúc sông miền hậu giang. Những ngón tay xương xẩu của bố trơn tuột qua vai tôi. Đôi mắt bố mơ hồ trong bóng đêm. Tiếng bố thì thào "con đi bình yên". Tôi thấy bố quảy nặng hai cái bao vải nhem nhuốc ở hai đầu một cái gậy tre lên thăm tôi ở một trại cải tạo. Bố thở rốc, những hạt mồ hôi to tướng như những giọt mưa rót ở đầu mái tranh, tuôn ào ạt qua đôi mắt kèm nhèm của bố, qua khuôn mặt hao gầy của bố, rớt lả tả xuống đất, thấm vào lòng tôi mặn đắng. Bố bỏ cái nón lá ra quạt. Bố thầm thì dúi vào tay tôi miếng thịt gà quay và ít xôi nếp "ăn đi con! Người ta bảo đi thăm nuôi cải tạo mà bới xách thức ăn ngon thì người cải tạo lâu về lắm, nhưng thôi mặc kệ cha chúng nó, nửa năm mới tiếp tế cho con được một lần, ăn đại đi lấy sức con ạ. Nhịn mãi có khi không được thấy đường về nữa. Biết thế nào?" Bố nói liên tục "ăn đi con, ăn đi con", làm như bố cứ nói mãi thì thức ăn sẽ thấm ngấm vào máu, vào thịt, vào tế bào thân thể tôi, để nuôi dưỡng cho tôi có đủ sức lực mà cầm cự với tù đầy. Tôi hỏi bố "cả nhà nhịn ăn bao lâu để bố có từng này thứ tiếp tế cho con?". Bố nhìn lảng ra bãi cỏ chói nắng để dấu đôi mắt hấp hiu, bố lấy tay vuốt mặt để che bớt đôi má hõm, bố cố nói giọng tự nhiên, bình thản "nhà chẳng đến nỗi nào đâu con ạ. Chỉ thương con nhọc nhằn ở núi cao, rừng sâu".

Mấy năm tôi về, căn nhà trống hốc. Chúng tôi ăn xong thì lau sạch nền gạch để lấy chỗ ngủ. Có những đêm thật khuya, lúc mẹ và

các em đã say giấc, tôi ra ngồi với bố chỗ ngạch cửa bước xuống sàn nước, nhìn vầng trăng tỏa khói mờ mờ trên cao, giữa cái ô tường nhỏ vuông vức chỉ bằng manh chiếu. Bố châm đóm hút thuốc lào. Hơi thở bố lọc qua nước trong bình điếu kêu xòng xọc nghe dòn tan. Hai bố con không nói gì, chỉ nhìn nhau cười và cảm thấy rất hạnh phúc. Đời sống trong giây phút ấy, ở chỗ cái ngạch cửa ấy và trong cái vuông sân nhỏ ấy thật dễ chịu. Phải chi đừng có nét mặt âu sầu của mẹ mỗi ngày ngồi nhặt sạn và thóc trong cái nồi gạo hẩm, phải chi đừng có hai củ khoai lang chia làm sáu phần mỗi buổi sáng sớm lúc cả nhà thức dậy, phải chi đừng có cái bản mặt thù nghịch của thằng cha cán bộ phường mỗi khi tôi lò mò lên xin nó chứng bản sơ yếu lý lịch để đi tìm một công việc làm không bao giờ được, phải chi đừng có tiếng thở dài và tiếng cựa mình luôn luôn của bố hằng đêm bên trong cái màn vải tùm hụp, Ôi! biết bao là điều "phải chi"...

Thế rồi kết quả là bây giờ tôi đang lang thang ở cái thành phố xa lạ này! Tôi có một căn phòng thuê chung với nhiều người khác trong một ngôi nhà, sáng tối đi về thầm lặng, như một con thú hoang. Tôi có một cái xe chạy tới chạy lui kiếm cơm nuôi thân và nuôi gia đình bên kia địa cầu. Bây giờ tôi đang lẩn thẩn lái cái xe ấy chạy qua những khu phố đông người Việt Nam, chẳng biết để làm gì, bụng dạ trống không, đầu óc đặc sệt. Người Việt ở những nơi này trông họ sang trọng quá. Đàn ông tóc chải mượt, da mặt căng bóng, bụng hơi phệ. Đàn bà quần áo thời trang đủ kiểu, son phấn như người mẫu nhưng không đẹp bằng người mẫu. Họ nói cười rổn rảng và bước lên những cái ô tô thật đẹp, thật mới, loại đắt tiền. Điểm chung nhất giữa họ và tôi là tiếng nói, tuy nhiên chắc bây giờ tiếng nói ấy cũng không còn nói lên những nội dung giống nhau nữa rồi!

Ở sở làm, tôi quên trước quên sau. Gặp bất cứ ai, tôi cũng chỉ chực buột mồm hỏi "Bố tôi đang ốm nặng ở Việt Nam, liệu một ông già sáu mươi tuổi có bị bắt buộc hễ ốm là phải chết không"?Thế nhưng trông ai cũng tươi tỉnh cả, nên tôi lại thôi. Thỉnh thoảng cũng có một người nhậy cảm, đang giữa câu chuyện mưa nắng ồn ào bỗng nhận ra vẻ buồn bã của tôi nên người đó khựng lại, như va vào cột nhà, rồi họ hỏi giọng nghi ngại "Bộ bồ rầu chuyện gì hả"? Nghe thủng

nhanh về phòng riêng, cứ để nguyên quần áo và ngả lưng xuống giường, ngủ một giấc của sự chờ đợi mệt mỏi đã quá lâu. Thế nhưng ông cụ chủ nhà đang đứng chôn chân trước mặt tôi, đôi mắt ông cụ nhìn tôi lom lom, rình rập, dò xét. Càng lúc càng có một cái gì khẩn khoản trong ánh mắt ông cụ, sự kinh ngạc và sau cùng sự thất vọng nó làm cho tôi chợt mủi lòng. Tôi bỗng khóc rống lên thành tiếng, như có bàn tay ai bóp chẹn ngang bụng tôi. Chỉ cần tiếng kêu đầu tiên thoát ra khỏi cuống họng, cả người tôi bừng bừng như lửa cháy, quay quắt, lăn lộn, vỡ ra, sụm xuống. Trong thần trí hôn mê, tôi còn kịp thoáng thấy khuôn mặt khô quắt của ông cụ chủ nhà bỗng nở ra như một bông hoa, với tất cả vẻ hả hê mềm mại. Tiếng những cánh cửa phòng đóng mở vội vã, tiếng nhiều người nói lao xao, bàn tay ai đó đặt lên lưng tôi tần ngần, trùm lấp lên trên tất cả những âm thanh rì rào ấy là tiếng kêu khóc ồn ào, huyên náo, nhớp nháp, túa ra khỏi miệng tôi như thức ăn ụa ra trong một cơn say. Không, tôi không đau ở cái hình hài đang vật vã, lăn lóc này, tôi không đau ở những lời tôi đang khóc kể om xòm này. Tôi đang đau ở một nơi lặng lẽ và sâu thẳm trong tâm hồn tôi, ở một nơi bây giờ câm nín, dìu hiu, hoang vắng, lạnh lẽo, một nơi ở đấy sự chết của bố đã lấy đi hết sinh khí và niềm vui, một nơi xung quanh tôi không ai có khả năng vào cùng với tôi cả! Như một cô đào thương diễn xuất tuyệt hay, tuyệt đẹp một vai trò trên sân khấu, theo đúng qui cách xã hội và nghệ thuật, nhưng đời sống cô không ở cái bề ngoài đầy kịch tính ấy, đời sống thật của cô ở một nơi thâm trầm, sâu sắc của riêng cô, không liên hệ mảy may với cái bục gỗ sân khấu và cả nhân vật mà cô mang tên. Tôi quá mệt. Tôi chỉ muốn được chấm dứt ngay vở bi kịch bắt buộc này nhưng tôi vẫn còn đủ tỉnh táo để sợ làm thất vọng các khán giả xung quanh tôi có lẽ đang chờ đợi được xem nhiều hơn, lâu hơn. Nhưng tôi không còn gì để kể nữa! Cổ họng tôi khản đặc. Tôi ngưng để lấy hơi nhiều lần. Về sau, tôi rên rỉ như một con chó bị thương, tiếng than khóc chỉ còn nghe khàn đục như tiếng gió một cơn bão rớt làm rụng lá cây trên thềm, đem nổi ẩm ướt vào lòng.

Sau cùng, một người nào đó cẩn trọng xốc nách tôi đứng dậy và dìu tôi về phòng. Khi cánh cửa đã đóng lại, khi chỉ còn một mình

nỗi lo của tôi, con người nhậy cảm ấy bèn sửa một vẻ mặt trầm trọng, hạ thấp giọng nói như sợ làm tôi đau "không sao đâu, đừng lo quá, gởi thuốc về chưa"? Vừa qua khỏi chỗ tôi, đã lại thấy con người nhậy cảm ấy miệng cười toe và ơi ới gọi một bà khác "hụi kỳ này khui lời bao nhiêu"? Tôi thản nhiên nhìn và nghe, lòng không buồn vui hay hờn giận, biết rằng vì đức hiếu sinh của Tạo hóa, nỗi khổ đau hoặc bất hạnh là của riêng mỗi người.

Chiều hôm ấy lúc tôi từ sở làm về, không khí căn nhà trọ chỗ tôi ở có cái gì khác lạ. Tôi chưa kịp nhận biết sự im lặng ngột ngạt và đè nén ngay từ bậc cửa vào có một ý nghĩa nào thì nhanh như một tia diện xẹt, nỗi lo âu về tình hình sức khỏe của bố tôi nổ ra trắng xóa trong đầu óc tôi, làm nhức buốt hai bên thái dương tưởng chừng dang nứt ra vì đau đớn và sợ hãi. Tôi nhìn thấy đôi mắt đứng tròng của ông cụ chủ nhà hai tay run rẩy chìa về phía tôi cái bao thư dài diện báo của bưu điện, giọng ông cụ đứt quãng rất khó nghe:

"Lúc cô diện thoại về hỏi, tôi đã nhận được cái này rồi song không dám nói thật, sợ cô lái xe về dọc đường..."

Tất nhiên cũng giống ông cụ chủ nhà, tôi biết chắc một tờ điện tín vào lúc này, trong hoàn cảnh này, không báo một chuyện gì khác hơn là cái chết của bố. Quả nhiên, bố tôi chết thật. Trong năm giây đồng hồ đầu tiên, tôi rất bằng lòng có trong tay lời giải đáp dứt khoát về tình trạng khắc khoải đợi mong kéo dài xung quanh việc bố ốm. Tôi sẽ không còn phải băn khoăn thắc mắc điều này chưa làm, diều kia sẽ làm, điều nọ sao không làm? Tôi không còn hằng đêm, hàng ngày, thao thức, chập chờn nỗi khao khát có một lúc nào lại được đứng gần bố, ngửi thấy cả mùi băng phiến trên áo bố mặc. Tôi không còn phải nhắm tít cả hai mắt trước mỗi giấc ngủ khó, cố hình dung ra nét mặt từ bi của Đức mẹ hay Đức Phật Bà để cầu xin các ngài ban phép lạ cho bố được sống thêm. Tôi không còn bàng hoàng, thảng thốt, mỗi sáng lên, mỗi chiều xuống, nghĩ đến những cơn đau vật vã của bố trên một cái giường nhà thương tồi tệ ở quê nhà, nghĩ như thế, tôi có cảm giác bị hành hạ, bị tra tấn, không kém gì bố, giữa hai gọng kềm của chế dộ và số phận. Như vậy, trong năm giây dồng hồ dầu tiên, tôi có một cảm giác nhẹ nhõm kỳ lạ. Tôi chỉ muốn đi

tôi, tôi ngã vật xuống giường, bưng mặt khóc. Cả người tôi rung lên bần bật, tôi nhét cái gối vào mồm để giữ cho thân thể tôi được thăng bằng. Tôi tan vào nước mắt, nước mắt xót như nước muối ướp vào vết thương tôi vừa mở miệng. Vậy là kể từ nay tôi không còn bố nữa. Cái ý nghĩ đơn giản và ghê gớm ấy làm ruột gan tôi co thắt lại, làm đầu óc tôi nổ tung ra, tay chân tôi rũ liệt, làm tôi chợt nhìn thấy cuộc đời dưới một bộ mặt cô đơn, gớm ghiếc và tàn bạo. Khóc mãi rồi tôi tỉnh dần ra, như bầu trời quang đãng sau cơn mưa. Căn phòng chất đầy đồ đạc lờ mờ tối, gợi nhắc kỷ niệm một ngày thơ ấu khi đang không, giữa cuộc chơi với đám bạn nhỏ, tôi tự nhiên thấy nóng ở hai hố mắt, chân tay bải hoải, cổ họng đau rát, và tôi lặng lẽ chạy về nhà, leo lên cái gác xép, nằm lịm đi. Khi tôi tỉnh dậy, căn gác ngày ấy cũng lờ mờ tối và phẳng lặng như thế này. Người tôi đau như dần. Tiếng cái dạ dày trống không cồn lên một cách trơ trẽn. Trong khoảng khắc, đầu óc tôi chẳng nghĩ ngợi gì, tôi lăn trở trên tấm đệm để cảm thấy chút êm mát bên dưới thân thể tôi. Hình như mọi việc lại ở trong cái trật tự cũ, không có gì thực sự thay đổi cả. Bố còn hay bố mất, sự phân biệt chỉ có trong ý niệm khi mà bố con tôi đã cách xa nhau nửa quả địa cầu. Lòng tôi phẳng lì, chĩu nặng. Tôi muốn tắm gội nhưng rồi lại thôi vì nghĩ rằng tiếng cái vòi sen tuôn rào rào trong phòng tắm có thể làm những người ở chung nhà không bằng lòng. Họ sẽ bực bội hoặc thất vọng vì tôi không đáp ứng đúng cái hình ảnh mà họ muốn nhìn thấy ở tôi. Vì vậy tôi nằm ì trên giường, tóc đẫm nước mắt ở hai bên thái dương, quần áo thoảng mùi nắng khét. Tôi biết cái cảm giác đau buốt do việc bố chết rồi sẽ qua đi, nguội dần, nhưng sự thê lương và cô đơn trong đời tôi bây giờ mới bắt đầu.

Có tiếng người lao xao bên ngoài cửa phòng, tiếng gõ ngập ngừng, tiếng gọi "Cô Châu, cô Châu". Tôi không dụng ý nhưng tôi nói không ra hơi vì cổ họng khản đặc. Tôi cũng không chỗi dậy vì có thể mọi người sẽ bất bình thấy tôi không có vẻ yếu đuối như họ nghĩ. Sau cùng, một người rón rén đẩy cánh cửa phòng và bước vào. Giọng nói rụt rè cất lên, ý hẳn người nói đã rất cố gắng và cân nhắc để điều chỉnh âm thanh ở một tần số dễ nghe nhất vào lúc này "cô gượng ăn một tí cháo". Nghe chữ "cháo", người tôi bỗng nhũn ra,

buồn phiền. Cứ làm như tôi đang ốm nặng. Thật ra, nghĩ đến chuyện ăn vào lúc này, tôi thèm được khoác cái áo len mỏng lên người, một mình ra xe và chạy đến cái quán phở quen thuộc. Tôi sẽ ngồi thu lu ở một bàn rộng, lơ láo nhìn mọi người để ước lượng nỗi cô đơn hay niềm hạnh phúc của họ, để thấm ngấm sự côi cút âm thầm và bí mật trong lòng tôi, để gọi hai bát phở mời bố ăn một, như những lần khi quê hương chưa tan nát, tôi vừa mới lớn, đi làm và có số lương đầu tiên, hai bố con kéo nhau ra cái xe phở đêm cách nhà vài con ngõ, cùng ăn. Tôi đã ngạc nhiên một cách thích thú nhìn bố cẩn trọng pha đĩa nước chấm cho hai cha con Dưới cái chao đèn câu của xe phở, hai mắt bố long lanh, tươi cười. Bất cứ làm việc gì, dù lớn dù nhỏ, dù quan hệ hay tầm thường, bố luôn luôn đặt hết tâm trí và trái tim của bố vào, nhưng bố nhẹ nhàng, giản dị, đam mê mà thảnh thơi, chờ đợi mà buông thả. Vì vậy, nếu bây giờ tôi có thể ăn thì tôi sẽ ăn một bát phở trong ký ức về bố như thế chứ tôi không ăn chén cháo nhạt nhẽo, vô nghĩa lý mà một người nào đó, vì lòng tốt, đang chìa ra trước mặt tôi. Lần thứ bao nhiêu trong đời, tôi ý thức rõ rằng trong cuộc sống khuôn sáo quanh tôi, ngay cả lòng tốt của một người cũng đem lại cho tôi cảm giác nặng nề, ngột ngạt. Nếu tôi không khép mình vào cái khuôn sáo gông cùm ấy, tôi sẽ gây thương tích cho chính tôi, không ích lợi gì. Nỗi thất vọng bao giờ cũng đem theo nó sự buồn phiền, cho nên, sau cùng thì tôi cũng cảm thấy như tôi đang bệnh thật. Giọng nói của tôi tự nhiên thều thào, rên rỉ "cám ơn nhưng tôi không thể ăn được" Giọng nói của người kia bung lên như một cái lò xo đầy những vòng xoắn, kẹp chặt tôi "cô ráng húp một chút cháo chứ không thì quị mất. Còn nhiều việc phải lo lắm". Tôi quá mệt, "xin cứ để bàn, rồi tôi sẽ ăn" Tôi vẫn nhắm nghiền hai mắt, người rợn lên nỗi sợ hãi nếu con người tốt bụng ấy nán lại và ôm vai tôi. Tôi đang cố hết sức để chịu cơn đau của riêng tôi. Tôi không còn đủ năng lực để san sẻ cho cái tôi giả hình thường ngày. Vả lại, tôi không mấy quen với sự thụ ơn. Đó là cái gánh nặng trên hết mọi gánh nặng. Tôi cũng không mấy quen với sự xót thương, giả dối, bạc nhược, đỏ lòng, xanh vỏ. Tôi muốn được đốt cháy, nung đỏ, như sắt, như thép, để chống chọi với những trò chơi nghiệt ngã của

định mệnh.

May quá, người nào đó đã bỏ đi. Tiếng cánh cửa khép lại, là biên giới của sự riêng tư đôi lúc thật cần thiết, như những lần chỉ có hai bố con ngồi với nhau chỗ bậc cửa đi xuống sân nước, trong ngôi nhà nhỏ ở Việt Nam.

Còn lại một mình, đầu óc dịu đi sau cơn khóc vùi, như thửa đất mới cày vỡ mà trận mưa rào bất chợt đã làm cho xốp đi và tơi ra, tôi nằm im, lắng nghe sự mông lung thấm vào hồn.

Ngày mai, cái tin bố chết sẽ được một người nói ra đầu tiên ở sở làm. Cái tin đó sẽ được truyền đi một cách nhanh chóng và thản nhiên trong đám đông quen biết tôi. Các bà xếp Mỹ sẽ đợi lúc tôi đi làm trở lại mới trịnh trọng đến trước mặt tôi, đôi mắt có hai hàng lông mi chớp chớp trong sự bối rối không biết phải làm thế nào trong hoàn cảnh tương tự, có lẽ họ cũng không cảm thấy gì để có thể diễn tả, sau cùng, họ sẽ hạ thấp giọng và nói "I am sorry, Chau", trong khi nói, mắt họ nhìn tôi ngần ngại, chừng như sợ tôi nhìn thấy được sự trống rỗng, vô tâm của họ, không xứng đáng lắm với một dân tộc văn minh thường vẫn đề cao giá trị của cuộc sống và con người. Thế còn các bạn Việt Nam của tôi? Chắc chắn cái tin bố chết sẽ là một đề tài để quí vị ấy hỏi han, rỉ tai, kể lể, bàn bạc. Có những vị sẽ nghĩ ngay đến khoản tiền phải đóng góp, vừa nghĩ vừa cộng nhanh như máy vào những con số đang đợi chi trên cái Paycheck tuần này và họ thở dài. Có những vị băn khoăn tính nhẩm công việc để cố bớt ra một chút thời giờ đến thăm tôi sau buổi làm.

Cái thời khóa biểu thường nhật chật ních các danh mục, những con đường kẹt xe, buổi chiều sắp thu trời tối sớm, tất cả những chuyện phiền nhiễu ấy sẽ khiến một số người khác không nén được tiếng thở dài, biết đâu trong thâm tâm, họ chẳng chợt nghe kêu lên nỗi phiền muộn "ôi, cụ chết cũng mệt cho con quá"! Tuy nhiên, một khi đến đây rồi, khi chuông cửa đã reo kính coong, tất cả những khuôn mặt nhăn nhó, bực dọc ấy sẽ biến đi không để lại dấu vết, chỉ còn lại sự trịnh trọng, ân cần, chỉ còn lại những giọng nói chậm rãi, đôi khi nghẹn ngào, chỉ còn lại những cử chỉ khoan thai, gượng nhẹ. Và tôi, như một người đã kiệt lực, tôi sẽ ngồi lả đầu vào thành ghế,

sẽ kể lại như một cái máy chuyện bố ốm đau ra làm sao, bố chết như thế nào, càng nhiều chi tiết, càng làm vui lòng cử tọa. Nỗi ngao ngán day nghiến dai dẳng bên trong tôi, như một cái kẹo cao su đã hết ngọt, bám vào răng. Thật là vô lý, thừa thãi và phí phạm. Điều cần chia sẻ nhất đã không còn kịp, đã vô phương. Con người cần được chia sẻ nhất đã ra đi trong cô đơn. Có lẽ không một ai thấu hiểu được nỗi đớn đau, tuyệt vọng của bố trên giường bệnh, trước lúc lâm chung, không một ai có thể góp cho bố chút sức sống của chính họ để đời bố thêm được một giờ, một ngày, một tuần hay một tháng.

Thật là ghê gớm, thật là bi thảm. Đôi lúc tôi có cảm giác những cái móng tay dài của bố trong cơn bệnh, ở đầu các ngón tay khẳng khiu, đang vươn đến tôi, bấu chặt vào da thịt tôi, trong một cố gắng tồn tại kinh hoàng ở từng nguyên tử li ti, từng tế bào. Nghĩ như thế, tôi thường có những cơn nghẹn thở. Thân thể tôi như một quả bóng tức hơi. Tôi bỗng nhớ lại một hôm nào đó trên đường Pasteur của Sài Gòn cũ, lúc tôi đang chạy cái xe Honda trong buổi chiều nắng êm ả, tôi chợt nghe tiếng rú rất gần của một cái xe gắn máy khác ép vào tim phổi tôi cùng một lúc với cảm giác đau buốt ở nửa bên mặt xuống đến cổ và ngực. Tôi té xuống đường trước khi nhận ra mình bị cướp giật sợi giây vàng deo trên cổ. Trong đám dông những khuôn mặt lao xao xung quanh tôi lúc đó, tôi chỉ nhìn thấy sự tò mò cùng với một sự bất động kỳ lạ. Có lẽ cảm giác hiếu kỳ cũng là một thú lạc thú có thể làm tê dại con người nên mọi người vội vã hỏi nhau "Cướp giật hả" Mất cái gì? Giây chuyền hay đồng hồ? Gía bao nhiêu?" và họ đứng dờ ra bên cạnh cái xe Honda hơn bẩy chục kilo vẫn còn đang nổ máy và đè lên một nửa người tôi . Bây giờ, một sức nặng tương tự cũng đang đè lên tâm hồn tôi và cái gì tôi bị cướp đi không phải chỉ là một sợi giây vàng. Những người qua đường hôm đó tôi không còn dịp trông thấy lại nhưng những người bạn đang ngồi quanh đây sẽ có quyền nghĩ là họ đã có lúc chia xẻ với tôi một khúc quanh đời thiêng liêng nhất. Mai đây, nếu có một lúc nào tôi nổi giận với họ vì một lý do gì, nếu tôi muốn hét to với họ, nếu tôi muốn quắc mắt với họ, tôi sẽ phải lập tức nhớ lại cái không khí u mặc, trầm thống của giây phút này, mọi người nhìn nhau, nói với

nhau thật dịu dàng, mơn trớn và đầy cảm thông. Tất cả những nợ nần, ràng buộc, đè nén ấy chẳng qua chỉ vì chúng tôi bỗng dưng đâm xầm vào nhau trong một tình cờ lãng nhách của định mệnh.

Cuối cùng rồi tôi cũng đành phải làm lễ phát tang bố ở một ngôi chùa. Đó là ý kiến, là kết luận gần như bắt buộc của mọi người. Buổi trưa một ngày cuối tuần nóng bức. gian chính điện không lấy gì làm rộng lắm đang ngột ngạt mùi khói nhang và mùi hoa tươi. Hai cái quạt đứng ở hai góc nhà quay sè sè, lùa qua mặt, qua vai mọi người tí gió hầm hập. Trong một giây bất ngờ nhất, tôi thoáng thấy nét mặt buồn so của H. Nếu giờ này không phải có mặt ở đây để làm nghĩa vụ một đồng nghiệp chu đáo, cô ấy đang tung tăng đi bên cạnh chồng ở một tiệm ăn đông đúc hay ở một khu shopping tấp nập. Tôi còn thoáng thấy L. bồn chồn phe phẩy cái phong bì, cặp mắt tư lự, chắc cô ấy đang cố gắng không nghĩ tới thời gian hành lễ sắp phải trải qua. Tôi buột miệng nói thầm trong lòng "xin lỗi các bạn nhé, thật quả tình tôi không muốn chuyện này chút nào!"

Thầy trụ trì là một người đàn ông to lớn, râu quai nón, tia nhìn nhanh như điện. Trông thầy giống bức tượng đức Đạt Lai lạt Ma song vẻ phiêu hốt không bằng. Thầy vừa xỏ tay vào áo tràng, vừa ra. một khẩu lệnh cho ai đó đằng sau. Dáng điệu thầy vừa bận bịu, vừa thản nhiên, tôi tự hỏi liệu lát nữa thầy có nhớ để "một chút gì" trong những bài kệ gọi là cầu siêu cho người quá cố không? Cổ nhân có câu "tâm động quỉ thần tri", chẳng biết tâm thầy có "động" khi cầu phước cho bố tôi ở một cõi đời nào khác không?

Như một vở tuồng có lớp lang, có trang phục, cảnh trí và đạo diễn, tôi được chỉ dẫn lúc quỳ, lúc đứng, lúc khóc to, lúc tỉ tê. Tất cả những công việc ấy được coi là hành động trả hiếu cho bố! Như vậy, cái giá của chữ hiếu trên bảng trị giá của xã hội cũng rẻ. Thật ra, nếu một người đã không kịp trả cho một người lúc sinh thời bất kỳ món nợ lớn nhỏ nào, làm sao còn có thể trả khi người kia đã qua đời? Tôi càng làm đám ma cho bố thật rình rang, thật hoa hoè hoa sói, mâm cao cỗ đầy, tôi càng được tiếng khen trong họ ngoài hàng, làng trên xóm dưới. Tiếng khen để làm gì giữa cơn đau thủng gan thủng ruột này? Huống hồ tiếng khen lại do cái chết tức tưởi, bi thương của bố?

Ôi! chỉ là những chiếc mặt nạ muôn hình, muôn vẻ của cuộc đời, thơm tho, rực rỡ rồi tanh hôi, xấu xa, chỉ là cái giả trá, mê hoặc, biết mà không thể nào đừng, mà phải ôm vào mình cùng với thân phận con người, như những bộ mặt Liêu trai, thật hơn những bộ mặt Liêu trai, ghê rợn hơn và tàn bạo hơn những bộ mặt Liêu trai.

Tất cả đều đã lỡ làng, chậm muộn. Không còn một sự việc nào có thể cải thiện nữa, cho cả bố lẫn tôi. Kể luôn tôn giáo và tín ngưỡng, con đường của giấc mơ giải thoát trong cuộc đời hạn hẹp. Giấc mơ của đời để lại cho đời. Sự chết tự nó đã toàn thiện hay toàn ác, còn chỗ nào dành cho phần đóng góp của Thượng đế hay của Ngạ quỷ? Ấy vậy mà tôi vẫn phải lôi bố đến đây, trong buổi trưa ngột ngạt oi nồng, để làm những công việc hoàn toàn vô nghĩa đối với sự mất mát to lớn của riêng tôi, để nghe bâng quơ những bài kệ bằng tiếng Phạn qua giọng đọc mải miết, vô hồn của các tăng ni, qua giọng đọc say sưa, trì chú của các vị trong ban hộ niệm vẫn tin chắc rằng những lời kinh này sẽ mở ra lập tức cho người quá cố cánh cửa Niết bàn cũng như sẽ mở ra cho chính quí vị trong một ngày khác.

Có lẽ tôi không là một con người có hiếu. Vì như người Mỹ hoặc người Việt Nam ở đây vẫn thường nói "it must be going on" để lý giải lẽ tất nhiên trong cuộc đời, tất nhiên rồi tôi cũng sẽ phải ăn, phải ngủ, phải làm việc, phải yêu đương, như tất cả những người chưa mất bố hoặc đã mất bố, dòng sống trong tôi liên tục từng giây từng phút, nào có hao hụt gì?

Chỉ có một điều không ai nhìn thấy, đó là vết thương bố chết rồi sẽ để lại trong tâm hồn tôi vết sẹo không bao giờ mờ phai, một cái lỗ hổng không bao giờ lấp đầy, khi tất cả mọi người đều đã lãng quên. Dù rằng tôi sẽ mặc một cái áo mầu hồng hay mầu vàng, dù rằng tôi sẽ lên xe hoa về nhà chồng và sinh con đẻ cái, tôi mãi mãi đi trong cuộc đời với nguyên cái vết sẹo đậm nét ấy và với nguyên khoảng trống không thể lấp đầy bằng bất cứ cái gì... ♦

VẪN CÒN NẮNG

Khu vườn thấp thoáng tiếng chim hót ở các lùm bụi rập rạp ven theo chân bức tường thấp. Buổi chiều mùa hè tươi sáng và mát như một miếng sương sa nhuộm mầu. Bích ngồi một mình trên cái ghế mây dài đã cũ, lưng ghế ỏng ẹo làm Bích có cảm giác những sợi mây đan đã rão có thể bung ra bất cứ lúc nào và làm đổ kềnh Bích ra sân cỏ. Bích nghĩ một cách dửng dưng. Nàng không bận tâm về bất cứ một điều gì vào lúc này. Có cái gì chao động trong đầu óc hoặc trên thân thể Bích, như một cái phao thả lửng lơ trên mặt sông, mặc cho nước nhởn nhơ bốn bề dội dập.

Dường như một khoảng thời gian lâu dài đã trôi qua trong khu vườn này, làm cách biệt Bích với quá khứ của nàng. Bích không còn nhớ rõ, mới hôm qua hoặc hôm kia, hoặc từ nhiều năm trước hoặc

mơ hồ như chưa từng bao giờ có, ở chỗ Bích đang ngồi bây giờ, có đông người hơn cùng với nàng và xung quanh nàng. Cái xe đạp nhỏ xíu mầu tím hình như nằm lăn lóc dưới gốc một cây chanh có những quả xần xùi mầu vàng ệnh. Cái xe đạp của cu Ti. Thằng bé có cái trán cao và đôi mắt thật thông minh, lúc nào nhìn ai cũng mở lớn hết cỡ, một cách tham lam và ham hố, hai con ngươi tròn xoe, đen nhánh, đầy chật hai vũng mắt thăm thẳm. Thằng bé hay cười, tiếng cười hềnh hệch, bối rối, làm Bích chỉ muốn dụi cằm vào nách, vào bụng nó để nghe nó cười.

Vậy mà tối hôm đó nó sốt. Người nó nóng khô như một hòn ngói phơi nắng. Nó không chịu ngủ, cũng không nằm yên. Nửa đêm, nó nôn thốc trên vai áo Bích rồi khóc nhèo nhẹo như một thỏi đường chảy. Người Bích mệt lử, hơi thở nàng thoang thoảng mùi sữa chua thằng bé nôn ra lúc nãy. Trong bụng nàng, dưới làn da căng cứng như cái mặt trống, con em nó lục đục chõi cái gót chân nhỏ xíu làm Bích đau thốn từng chập. Khi Bích dỗ được con và đặt được nó nằm, nàng lăn ra giường, hơi ngạc nhiên thấy Tấn ngủ say, tiếng chàng ngáy khẽ và ngắt từng quãng đều. Tuy vậy, sức nặng của người Bích thả xuống nệm làm Tấn thức giấc, chàng quàng tay ôm lưng vợ và nói trong cơn ngủ, như tiềm thức chàng trả một bài học thuộc lòng:

"Em sanh nốt con bé rồi thôi đi nhé"

Cách giải quyết những vấn đề phiền toái của Tấn thô sơ và dứt khoát, phù hợp với đời sống vội vã của nước Mỹ. Tuy vậy, về phía Bích, nàng mông lung sợ:

"Ngày xưa mẹ nói nhà đông con như tre ấm bũi, có ít cũng lo"

Tấn lèm bèm trả lời vợ:

"Ngày xưa khác, ngày nay khác! Em chỉ được cái nghĩ vẩn vơ. Ở đây cứ đẻ là nuôi. Em có thấy bạn bè mình ai bị chết con đâu?"

Bích kêu khẽ một tiếng kinh hãi, tỉnh cả ngủ:

"Anh chỉ nói bậy"

Tấn cười lục cục trong cổ và xoa lưng vợ:

"Thì thôi! Ngủ đi vậy"

Một hôm khác, vừa ăn cơm tối xong, Bích mệt mỏi ngồi dựa ngửa trên ghế sô pha vì cái bụng gần ngày sanh của nàng cứ cấn lên

chỗ xương ức Bích như một khúc gỗ cứng. Bích khó nhọc thở hào hển những hơi ngắn. Mắt nàng nhìn thấy Tấn đang nằm lim dim trong chiếc ghế bành nghe một bản nhạc ngoại quốc êm dịu từ cái máy quay đĩa gần đấy. Tấn có vẻ thảnh thơi, nhàn hạ. Lần đầu tiên trong cuộc đời làm vợ bao nhiêu năm, Bích buồn phiền nhận ra vẻ thư thái của chồng bên cạnh sự tất bật, xấp ngửa hàng ngày của nàng. Một cảm giác tấm tức làm Bích loay hoay, bực bõ. Sau cùng, Bích buột mồm, cao giọng, nói to cái ý nghĩ vừa thoáng qua đầu óc nàng.

"Đàn ông cũng doạn sản dược, lại ít phiền nhiễu hơn dàn bà"

Câu nói bất ngờ của Bích làm Tấn mở choàng mắt, kinh ngạc. Bích nhìn Tấn một lúc lâu rồi nhắc lại câu nàng vừa nói, lần này giọng nàng mềm mại, hồn nhiên, như nói vào khoảng không:

"Đàn ông cũng đoạn sản dược..."

Phải mất một giây đồng hồ Tấn mới hiểu Bích muốn nói gì. Tấn khó chịu. Khuôn mặt Bích tự nhiên có vẻ bướng bỉnh. Dôi mắt trong suốt của nàng thường ngày phảng phất cái tươi tắn của một nụ cười, bây giờ xoáy vào mắt Tấn như hai mũi khoan bén. Tấn dánh trống lảng bằng một cái ngáp dài rồi chàng đi dến ngồi bên cạnh vợ. Tấn quàng một tay ôm vai Bích và cảm nhận cùng một lúc sự bực bội bắt đầu lan tỏa trong lòng chàng như một cuộn khói ẩm dục:

"Tất nhiên là được rồi"

Nghỉ một chút, Tấn nói tiếp, giọng thong thả, cố làm ra vẻ tự nhiên:

"Nhưng anh nghe nói phụ nữ đoạn sản sau khi sanh thì rất thuận tiện, ít tốn kém và ít hậu quả".

Nói xong,Tấn bực bội hơn vì biết rằng chàng vừa nói về một việc thật ra chàng không có kinh nghiệm và cũng chả hiểu biết gì cả. Chàng chỉ nói để dành lấy sự an toàn cho chính chàng. An toàn thế nào Tấn cũng không biết rõ song chắc chắn là chàng không muốn phải mất một phần những khả năng mà cơ thể chàng có. Chính sự suy nghĩ và đối phó bất ngờ với Bích làm Tấn giận sôi. Vì ngồi gần vợ, Tấn nhìn thấy những sợi tóc Bích ướt rượt, dán vào nhau thành những bè mỏng. Đáng lẽ tóc Bích phải tơi ra từng sợi và óng ả như tơ, như những lúc hai người mới yêu nhau và thường hẹn nhau đi

chơi vào cuối tuần. Hồi đó, Bích thường mặc cái quần jeans bó sát bộ đùi thon chắc và cái bụng sát như bụng một con thằn lằn của nàng. Cũng có khi Bích mặc một cái váy lụa màu sáng, làm cho dáng đi của nàng như một chùm nắng đong đưa. Tấn thở dài. Thật ra, đời sống chỉ nên thơ trong cái chập chờn, hư ảo của nó. Đáng lẽ Tấn chỉ nên nhìn ngắm Bích và yêu mê nàng như một tác phẩm nghệ thuật. Trói buộc vào nhau bằng đủ mọi thứ danh từ hoa mỹ thật là một sai lầm to lớn. Tấn nhớ lại những ngày đầu của cuộc sống chung. Tấn và Bích đã cùng trải qua những thời khắc tuyệt đẹp trong cuộc đời mỗi người. Ánh đèn buổi tối trong căn phòng chỉ có hai người làm khuôn mặt Bích đậm đà, ấm áp. Đôi cánh tay nàng để trần. Bộ ngực săn chắc và hơi cong lên như một đôi sừng bò non của Bích thơm mùi xà bông sả. Sự hiện diện của họ bên nhau vừa say đắm, nhẹ nhàng, vừa lạ lùng, bí ẩn, như hạnh phúc của một thứ lễ nghi tôn giáo. Những buổi tối thần tiên ấy đã qua và hết vào một lúc nào cả hai đều không ý thức. Sau này, có khi Tấn chợt thấy hình như trong lòng chàng chỉ còn nhu cầu chiếm đoạt Bích từng lúc theo sự đòi hỏi của thân thể chàng lẫn lộn với cái cảm giác thúc bách của thói quen. Biết như thế, cũng có lúc Tấn tiếc nhớ bâng quơ. Chàng muốn được sống lại những cảm xúc đẹp đẽ lúc ban đầu của cả hai, song Tấn biết là điều này không thực hiện được. Cuộc sống như một mặt ao tù hãm chìm ngập họ. Thỉnh thoảng,Tấn cố ngoi đầu lên và vuốt mặt để nhìn thấy Bích, có khi bằng lòng chỉ vì cái cảm giác Bích vẫn còn đó, bên cạnh Tấn, giữa đám rong rêu chập chờn, vướng bận.

Rồi Bích mang thai lần đầu. Tấn có cái sảng khoái của một Thượng đế nhỏ. Nhìn thân thể Bích đổi khác, Tấn nhận ra sức mạnh ghê gớm trong tương quan giữa chàng và vợ, một tương quan phô bày sự riêng tư và thầm kín của hai người, dưới ánh mặt trời, giữa đám đông.Tấn cảm thấy lòng chàng lâng lâng, say đắm. Quả thật thân thể một người đàn bà thai nghén có cái vẻ gợi cảm kỳ lạ của dục tình nhìn thấy dưới khía cạnh nhân bản và mầu nhiệm nhất. Tấn không bao giờ nhìn ngắm Bích đi lại trước mặt chàng mà không cảm thấy rung động muốn ôm và hôn nàng.

Khi Bích gần đến ngày sanh, Tấn cứ hồi hộp, như thể chàng rất

nóng lòng và tò mò muốn nhìn thấy một phần đời sống của chàng được san sẻ và thể hiện. Tuy vậy, rồi cũng đến một lúc Tấn buồn rầu biết rằng tình cảm của con người chóng cũ, chóng phai tàn, chóng gội rửa trong vô tình, nhàm chán và quên lãng, như dòng nước trôi quanh chân cầu, không phản chiếu gì ngoài sự trong vắt của chính nó dội đập vào những phiến xi măng trơ trọi.

Đứa bé lớn dần lên. Nó có những biểu lộ của riêng nó, không phải là cái khuôn của chàng và cũng không là hình ảnh của ý chí chàng. Những buổi sáng sớm tinh mơ, Bích quấn nó trong một cái chăn và đem nó đi gửi ở một chỗ trông trẻ. Từ tối hôm trước, Bích cứ quanh quẩn soạn sửa cái giỏ to tướng để hôm sau đem đi cùng thằng bé. Thường thường Bích không hay nhìn Tấn nhưng cũng có khi Tấn bắt gặp Bích nhìn trộm chàng, với một chút ngập ngừng, ái ngại. Tấn biết Bích lo nàng không đủ thời giờ để làm những việc nàng cho là cần thiết hoặc chúng cần thiết thật. Vì vậy, Tấn quyết định hai người chỉ nên có một đứa con. Bích không chịu. Trong ý nghĩ của chàng "Đàn bà thật dại dột và lẩm cẩm". Bích muốn có một đứa con gái nữa, "để mặc quần áo đẹp cho nó", như Bích nói.

Khi Bích mang thai lần thứ hai, Tấn không còn cảm thấy cái cảm giác ngây ngất như lần Bích mang thai đứa con đầu lòng. Điều này làm Tấn chợt ý thức cái bộ mặt tươi mát của hạnh phúc. Nó là một cái gì luôn luôn mới và phải có thật để người ta sống được nó, như cái mầm sống hiện đang có trong lòng Bích vậy.

Được sáu tháng, Bích đi khám bác sĩ, biết rằng nàng sẽ có con gái. Bích sung sướng ra mặt. Nàng nói cười luôn miệng, tươi tắn, rực rỡ, trần tục, như một bông hoa dâm bụt mãn khai. Buổi tối đi ngủ, nàng cầm tay Tấn đặt lên chỗ bụng căng cứng của nàng, nín thở lắng nghe và bảo Tấn "Đấy đấy, anh thấy con bé nghịch ghê chưa? Ôi! em thật vui" Bích nồng nhiệt như một nhân vật trong tiểu thuyết. Tuy vậy, Tấn cũng vui lây vì cái ý nghĩ nếu con bé giống mẹ, mai mốt khi nó lớn, Tấn lại nhìn thấy hình ảnh Bích lúc nàng còn trẻ.

Sự hài lòng làm Bích trở nên dễ dàng hơn với mọi người và chính mình. Nàng thân thiện với chồng hơn. Nàng vui vẻ làm việc, vui vẻ sắp đặt tương lai theo ý nàng trong đó có cả kế hoạch nàng sẽ đoạn

sản khi sanh xong, coi như là một bổn phận tự nhiên trong cuộc dời một người đàn bà. Nàng không kèn cựa với chồng nữa, nhìn thấy trong quyết định của nàng cái ý nghĩa một tình yêu mãnh liệt dành cho đứa con gái nàng muốn nó là duy nhất. Bích nói với Tấn "Thật tuyệt! Nếu còn ở Việt Nam, em phải chờ đến khi sanh mới biết mình có con trai hay con gái, anh nhỉ" Khi nói, nét mặt Bích căng ra, hai mắt nàng long lanh, nóng bỏng như người bị kích thích cực độ. Bích vẫn đáng yêu ở tâm hồn dễ say mê của nàng.

Con bé được ba tháng, giống mẹ, xinh đẹp và lớn như thổi. Ngoài giờ đi làm, Bích tíu tít với con. Có hôm đưa con sang tay người babysitter, lúc quay ra, Tấn thấy mắt Bích đỏ hoe. Chàng cứ phải trêu vợ để nàng bớt căng thẳng "Hay là để anh ở nhà trông con cho em nhé? Em đâu có cần đi shopping nữa, xài ít tiền thôi mà!" Bích chớp mắt cười ngượng ngùng. Nàng lấy một miếng giấy phấn nhỏ trong ví, cẩn thận thấm hai viền mắt có kẻ mực của nàng. Lúc mới quen nhau, Tấn rất yêu những cử chỉ rón rén và trang trọng của Bích. Đi dự một đám tiệc, khi đã trang điểm xong, Bích không bao giờ để Tấn hôn nàng vì "Anh làm lem hết son trên môi em! Ai nhìn cũng biết em đã để cho anh hôn".

Thế mà buổi sáng thứ ba hôm đó, Bích đem gởi con như thường lệ rồi đến sở làm, lúc mười một giờ trưa, nàng có điện thoại khẩn cấp từ một bệnh viện chuyên khoa về não bộ của thành phố gọi. Giọng người babysitter run rẩy cho nàng biết con bé đột nhiên lâm bệnh nặng đã được đưa đi cấp cứu và hiện giờ mọi người đang chờ nàng ở nhà thương. Bích cuống cuồng chạy ra xe, đâm bổ vào khu săn sóc đặc biệt nhi khoa. Nàng nhìn thấy con bé mặt xám ngoét, nằm thiếp lả giữa một đống giây nhợ chằng chịt khắp nơi trên cái thân hình bé nhỏ của nó, trong một cái hộp bằng kính. Một cái ống xoắn to như một cái ống nước bằng nhựa trong nối vào người con bé, chốc chốc lại giật nẩy lên như cánh tay một người bị động kinh.

Người ta cắt nghĩa với Bích con bé có triệu chứng mắc bệnh viêm màng não cấp tính. Người ta đang cố hết sức để cứu chữa nó nhưng tốt hơn nên để nó chết đi vì nếu có sống thì nó cũng đã trở thành phế nhân rồi.

Bích đứng chôn chân trên thảm, sửng sốt nhìn đi nhìn lại hoạt cảnh rộn rịp của căn phòng bệnh viện. Chốc chốc, nàng kiễng người nhìn vào mặt con bé để cố nhận ra nó. Mỗi lúc như thế, người babysitter lại hốt hoảng ôm ngang bụng Bích, sợ nàng đổ nhào về phía trước. Sau cùng, con bé chết vào lúc mười giờ đêm, một cách dễ dàng, như một trò đùa nhạt nhẽo.

Tấn đến nhà thương đón vợ. Bích im lặng không nói một câu nào với chồng, cũng không khóc. Nàng đi những bước rảo trên cái hành lang trải thảm màu nâu có một người y công da đen vạm vỡ đang đẩy một cái kệ sắt chất đầy chăn trải giường và khăn mặt bông màu trắng. Nàng bước đi nhanh đến nỗi Tấn phải chạy dấn lên để kịp mở cánh cửa kính dày đang đóng trước mặt nàng mà Tấn có cảm giác Bích không ý thức nó. Tấn cầm tay vợ và dắt nàng ra chỗ để xe. Bích không phản đối, cũng không có vẻ biết nàng đang ở đâu và làm gì. Tuy nhiên, cái cách đi lấn quấn, vướng víu của Tấn làm cho hai người có vẻ dằng co nhau và cả hai như cùng sắp mất thăng bằng, vừa tức cười, vừa kỳ cục. Tấn đẩy vợ lên xe. Bàn tay Tấn run rẩy cài chốt cửa. Lẫn với nỗi mệt mỏi, lòng Tấn trống trải, cảm giác như khi chàng mở cánh cửa đi ra một buổi sáng sương mù trên lối đi chưa có ai.

Khi họ về đến nhà, Bích tuột khỏi tay Tấn, xụm xuống ngạch cửa. Nàng khóc ngất một cơn khóc im lìm, lạ đời. Chỉ thấy vai Bích rung và lưng nàng co rút lại. Hai cánh tay Bích quắp vào ngực, miệng nàng há hốc, hai sợi gân cổ Bích căng lên làm da ở chỗ ấy co rúm lại như một cái túi vải xốc ngược. Lần đầu tiên trong đời, Tấn nhìn thấy bộ mặt gớm ghiếc của nỗi đau khổ.

Tấn buồn rầu ôm thằng Ti cho nó ngủ và đợi Bích qua cơn xúc động của nàng. Gần

nửa đêm, Tấn pha cho vợ ly sữa và cố gắng nâng đầu Bích dậy để lau mặt nàng bằng một cái khăn tẩm nước nóng. Bích nhìn Tấn lặng lẽ. Nàng lắc đầu một cách khó nhọc. Nước mắt Bích chảy thành hàng trên khuôn mặt xinh đẹp của nàng.

Đêm bứt rứt còn giữ nguyên mùi bụi bặm nơi xưởng thợ Bích làm, mùi nắng, mùi mồ hôi, mùi của nỗi sợ hãi trong hơi thở Bích,

mùi của nỗi chết phảng phất dài theo dãy hành lang buồn bã của bệnh viện nơi họ vừa đi qua như một nơi chốn không có thật.

Một lúc, Bích nghe tiếng Tấn ngáy đều, tiếng thằng Ti thỉnh thoảng ọ ẹ. Một cánh tay Tấn quờ quạng trong bóng tối để biết chắc vợ con ở bên cạnh. Trong bóng tối nhìn đã quen mắt, Bích trông thấy đồ đạc của con bé vẫn y nguyên ở những chỗ quen thuộc của chúng. Tất cả những đồ vật lỉnh kỉnh ấy dường như vẫn còn rộn ràng sự sống ấm nóng của con bé. Con gấu bông chập chờn trước đôi tay chòi đạp của nó, có một khoảng lông trên mình con thú nằm rạp xuống vì con bé cứ cọ môi của nó vào đấy trước khi ngủ. Cái nôi gỗ hình như vẫn còn khẽ chao với tiếng lích kích của cái móc sắt chạm vào hai miếng bản lề.. Một cảm giác đầy đặn, tròn trịa, bồng bềnh ấm trên vùng ngực Bích như khi nàng ôm chặt con bé hít lấy hít để mùi thơm riêng biệt của con. Thế mà lúc chập tối, Bích thấy nó nằm bất động trên mặt cái giường trải miếng nhựa màu trắng của bệnh viện. Da nó xám ngắt, môi nó khô trắng, nứt ra như vôi quét tường. Hình như máy lạnh trong phòng chạy ở hàn độ quá cao, người Bích cóng lại, chân tay tê dại.

Các nhân viên nhà thương làm việc thản nhiên và trật tự xung quanh Bích khiến nàng đứng trố mắt, há miệng, không kêu được tiếng nào. Bích thở ra, hít vào những hơi dài khó nhọc để giữ cho nàng đứng thẳng, để nàng có cái phong độ của một bà mẹ đau khổ theo kiểu cái xã hội văn minh nàng mới gia nhập, can đảm, xứng đáng, lạnh lẽo, dưới tấm mạng che mặt màu đen.

Sau cùng bằng cách gì Bích không còn nhớ rõ, nàng bật ra khỏi sự bất động của nàng, như một cái lò xo bị bắn đi. Bây giờ, Bích cảm thấy yếu đuối một cách kỳ lạ. Hình như cái ý nghĩ phải bắt đầu lại từ đầu một điều gì làm Bích tuyệt vọng muốn chết. "Bắt đầu lại từ đầu", Bích lẩm nhẩm một mình. Một tích tắc đồng hồ, thần trí mù mờ của Bích bỗng rợn lên cơn hốt hoảng "Thôi chết rồi, buồng trứng của tôi"! Bích nghẹn thở. Bích đập tay chân xuống sàn nhà, hy vọng nàng tỉnh giấc từ một cơn ác mộng. Thế nhưng lần này Bích không có sự may mắn đó nữa. Bích không ngủ mơ. Nang đang sống bi kịch dời nàng. Ý nghĩ ảm dạm ấy móc rách buồng ngực Bích, duổi thốc

tiếng khóc tràn ra khỏi cuống họng nàng, Tấn choàng dậy ôm lấy vợ. Chàng ngái ngủ, chẳng biết ất giáp gì, vỗ nhẹ một bàn tay lên lưng Bích như dỗ một đứa trẻ. Tiếng Bích rền rĩ "Buồng trứng của em, trời ơi, buồng trứng của em!" Tấn tỉnh hẳn. Chàng ôm đầu Bích đặt lên ngực mình "Không sao cả, rồi bác sĩ sẽ làm cho em sinh thêm con nếu em muốn, đừng khóc. Cả anh lẫn em chúng ta đều còn trẻ mà".

Đêm xung quanh Bích trắng xóa rồi đen thẫm, như một dòng nước trôi trong đêm mưa, dưới bầu trời có chớp.

Thế rồi Bích lại có tin mừng. Buổi tối, Bích lên giường trước vì Tấn đi học về muộn. Lúc Tấn vào với Bích, khuôn mặt chàng còn ẩm lạnh không khí bên ngoài. Tưởng Bích đã ngủ, Tấn khẽ nâng đầu chăn bao giờ Bích cũng cẩn thận để thừa ra bên phía Tấn để vợ chồng khỏi dằng co nhau làm Bích tỉnh giấc. Tấn hơi giật mình vì bàn tay Bích đi tìm bàn tay chàng trong bóng tối. Giọng Bích dịu dàng, mơn trớn:

" Hồi chiều em đi bác sĩ lấy kết quả, chúng ta lại sắp có con".

Tấn đang buồn ngủ. Hồi nãy ngồi trước tay lái xe, đã có lúc Tấn thấy đường phố và cảnh vật chao đi từng chập trong cái đầu óc váng vất, mỏi mệt của chàng. Tấn phải lấy tay vỗ mạnh nhiều lần lên mặt chàng và cố cất giọng hát lêu nghêu một điệu gì đấy để dỗ dành nỗi chán nản đang ngấm vào Tấn như một lỗ nước rò. Tấn chỉ mong về đến nhà để lăn kềnh ra làm một giấc đến sáng. Vậy mà bây giờ xem chừng Bích đang tỉnh queo, đang sẵn sàng hào hứng kể lể một lô một lốc những chuyện con cái lỉnh kỉnh. Tấn bực bội nghĩ thầm "Đàn bà thật lạ! Có con đôi ba bận rồi cũng cứ vẫn khao khát, chả hiểu sao bà ấy khoái đẻ thế"? Nghĩ thế song ngoài mặt Tấn không muốn làm Bích cụt hứng và giận dỗi. Chàng bóp trả lại tay vợ lấy lệ rồi hôn phớt qua mặt nàng và nói "Thế là em hết rầu rĩ nhé, thôi ngủ đi". Nhưng Bích chưa thôi. Nàng tiếp tục kể lể "Nhưng mình đeo thêm món nợ hơn chục ngàn tiền bác sĩ mổ tháo buồng trứng cho em, trả bao giờ cho hết"? Tấn ừ hữ "Thì trả mãi cũng phải hết, cứ em vui là được rồi". Tấn nói xong chợt tỉnh cơn buồn ngủ, lòng chàng se lại và

ray rứt buồn.

Tấn nghĩ đến cái xe hơi cũ mà chàng muốn đổi từ mấy năm nay vẫn không đổi được. Sáng sớm dậy, còn mắt nhắm mắt mở, Tấn đã phải lao vội ra sân như bị ma đuổi để warm up máy. Hôm nào không chờ đủ mười phút, cái xe cứ gục gặc như một con ngựa què thở hộc lên từng hồi và toàn thân run lẩy bẩy.

Cho đến bây giờ, nghĩ lại, đời Tấn chẳng được mấy ngày sống sung sướng. Chàng đi làm đầu tắt mặt tối, đồng lương chỉ đủ trang trải các chi phí hàng tháng và giúp đỡ tí chút gia đình còn kẹt lại Việt Nam. Những ngày vui ngắn ngủi của Tấn là thời gian chàng mới quen rồi yêu Bích, hai người say mê nhau, nhớ nhung, hẹn hò đi chơi cuối tuần vòng vòng mấy nơi đông đúc dưới phố, ăn ở một vài tiệm ăn quen thuộc rồi vội vàng lấy nhau vì nếu không lấy nhau thì họ cũng chả biết yêu nhau để làm gì nữa?

Thế rồi đời sống gia đình dần dần đè nặng lên hai vai Tấn trăm nghìn thứ phiền lụy. Hết thời gian sôi nổi ban đầu với Bích mà tâm hồn và thể xác Tấn bung ra như một mẻ lưới quăng trên vùng biển rộng, Tấn biết cái lưới ấy cứ ngày càng thu nhỏ lại, thỉnh thoảng như là ở những mắt lưới thưa khẽ phập phồng ít giọt nước đang thở thay chàng. Tấn có nỗi buồn của một người thấy mẻ lưới trống không.

Bên cạnh chàng, Bích đã ngủ êm một cách dễ dàng. Hình như nàng cố chờ Tấn về để báo tin vui cho chàng xong rồi là nàng yên tâm và bằng lòng đi vào giấc ngủ. Một cách vô ý thức, Tấn khẽ nâng đầu Bích đặt gối lên cánh tay chàng, như vỗ về nỗi phiền muộn của chính mình "Tội nghiệp em, anh cũng có nhiều giấc mơ không bao giờ thành tựu". Trong bóng đêm, Tấn mỉm cười vu vơ một mình, cảm giác cùng một lúc một giọt nước mắt lăn xuống khóe mắt chàng.

Bích sống hạnh phúc qua đến tuần lễ thứ năm thì một buổi chiều đi làm về, nàng thấy nằng nặng ở bụng dưới và xuất huyết. Bích hoảng sợ. Nàng lên giường nằm, trong lòng cuống quít. Bích mơ hồ muốn chạy trốn hoặc cố gắng tập trung để đối phó với một chuyện gì ghê gớm sắp xảy ra.

Căn nhà im vắng, vậy mà Bích nghe tiếng xô động ầm ỹ trong đầu óc mông lung của nàng. cảm giác những cái bong bóng nước ấm

rỉ ra bên dưới thân thể Bích làm tê cóng hai chân nàng. Được một chốc, không còn chịu nổi nỗi sợ hãi cứ càng lúc càng siết vào nàng như những miếng vỉ sắt nặng, Bích bò ra chỗ để máy điện thoại và gọi cho bác sĩ của nàng. Bích vào đến bệnh viện, ông bác sĩ làm mọi công việc chuyên môn của ông rồi bình thản nói với nàng "Bà bị sẩy thai". Khi Bích tỉnh dậy từ một giấc ngủ ngắn vì thuốc mê của nàng, ông bác sĩ lại nói "May quá, bà còn hy vọng giữ được một". Bích mệt mỏi "Vậy là sao, thưa bác sĩ?" Bích thấy ông bác sĩ cười, bộ râu mép rậm và mượt của ông ta động đậy một cách khó chịu "Tôi nghĩ là nếu không có chuyện rủi ro vừa qua, bà sẽ sinh đôi đấy". Bích cười khẽ theo ông bác sĩ. Một cảm giác vừa thẹn thùng vừa hãnh diện làm tràn ngập nàng một hạnh phúc êm đềm. Nỗi nhọc mệt biến thành cơn buồn ngủ khiến Bích ríu cả hai mắt lại.

Yên ổn ở nhà thương được ba ngày, không có biến cố nào khác xảy ra cho Bích nhưng sao Bích cứ thấy ông bác sĩ ngập ngừng như có điều gì băn khoăn khó nói.

Sau cùng, buổi sáng trước khi Bích rời bệnh viện, ông bác sĩ đến bên giường nàng. Lần này, khi ông nói, bằng một giọng nhỏ, dính, đặc, khó nghe, Bích thấy hàm râu của ông không động đậy linh hoạt như lần trước nữa:

"Tôi rất tiếc. Việc chẩn đoán có điều gì không chính xác vì hiện bây giờ bà không có dấu hiệu gì thai nghén nữa".

Nỗi tức giận bất ngờ chẹn lên cuống họng Bích, đẩy lồi hai con ngươi nàng ra khỏi hai hố mắt. Bích bật dậy trên đôi chân lảo đảo của nàng và cứ thế lao thẳng vào người ông bác sĩ bây giờ như một con quái vật gớm ghiếc đang đứng án ngữ trước mặt Bích. Hình như Bích muốn bóp cổ con quái vật cho đến chết. Cái cổ của nó ngắn, to và trơn tuột. Bích thấy hai cánh tay nàng mềm oặt như hai sợi dây mà nàng không thể điều khiển theo ý nàng được. Đông người xúm lại dằng Bích ra, đẩy nàng nằm xuống giường, rồi trói nàng lại. Một mụ y tá lụi vào đâu đó trên người Bích một mũi chích làm cho nàng thiếp đi giữa tiếng chửi rủa còn rền rĩ trong cuống họng nàng.

Tấn nghỉ việc, vào ở hẳn nhà thương với vợ. Sau nhiều ngày cứ tỉnh dậy lại lên cơn phẫn khích của Bích, đến một lúc nàng chợt tỉnh

táo và đòi về nhà. Thời gian còn lại, Bích ngậm miệng không trả lời, không nói năng với nhân viên nhà thương. Nàng từ chối hợp tác chữa bệnh với bác sĩ phân tâm của bệnh viện. Bị quấy rầy hay chỉ nhìn thấy họ đến gần, Bích đã gào lên "Hãy để cho tôi yên". Về tới nhà, khi Tấn tìm cách đến gần an ủi Bích, nàng cũng nói một câu tương tự với chồng "Hãy để cho em yên".

Khi không còn ai bên cạnh, nước mắt Bích trào ra như suối. Hóa ra con người chỉ là trò chơi đáng thương của một định mệnh ghê tởm, của một xã hội hãnh tiến, giả trá, vô đạo. Mọi người đã cư xử thế nào với nàng? Không, không ai cư xử thế nào với nàng cả, họ chỉ đưa ra những đáp số máy móc trong bài toán đã giải sẵn của xã hội nước Mỹ.

"Ngay cả anh, anh là chồng em, anh gọi là người suốt đời chia vui sẻ buồn với em, anh cũng chỉ vội vàng lựa cho chính anh một chỗ đứng an toàn trong cuộc đời này. Anh bảo em quên đi, như anh đã quên, vì anh đâu có đau nỗi đau trần da lóc thịt của em, vì anh đâu có thất vọng nỗi thất vọng bị lừa dối một cách tồi tệ như em, vì anh đâu có bị đối xử như một phương tiện kiếm tiền của thiên hạ?"

Hóa ra hạnh phúc của nhân loại thường có một bộ mặt giống nhau để mọi người dễ nhận diện, cảm thông và đến gần nhau nhưng nỗi khổ đau thì bao giờ cũng là của riêng mỗi người. Bích nhìn Tấn và cảm thấy có một khoảng cách dửng dưng giữa họ. Bích chợt có ý nghĩ chua chát, nàng với chồng giờ đây như những miếng ván phơi nắng gió lâu ngày, ở những mảnh đất khác nhau, nứt nẻ, cong queo, vênh váo, không còn thể nào ráp vào nhau cho liền lạc được nữa. Rồi Bích tự nhủ "Nếu trước sau con người chỉ là trò chơi của một số mệnh ngoài nó, sao con người không là trò chơi của chính mình trước tiên"? Thế là Bích trở lại sở làm, vui đùa với mọi người, không bận tâm về bất cứ một điều gì trước đây vẫn làm nàng bận tâm: luân lý, công việc, dư luận, các mô thức đời sống đã chuẩn hóa của đám đông v.v...

Nàng đi chơi với tụi thanh niên trẻ dưới quyền nàng. Mỗi buổi trưa, nàng hẹn sẵn một tên. Đến giờ đi ăn lunch, nàng quàng cái túi xách lên vai rồi chạy ra bãi đậu xe. Từ đằng xa, nàng đã nhìn thấy cậu

nhỏ dang dáo dác, bồn chồn đi rảo bước quanh chỗ nàng đậu xe. Cái hình ảnh ấy có chút gì hoang dã và thú vật, làm Bích chợt liên tưởng vu vơ đến con chó lông xù ngày xưa bố nàng nuôi trong ngôi nhà thơ ấu của nàng. Hồi đó, thỉnh thoảng nàng vẫn thấy nó dùng hai chân trước cào cào xuống đất làm cát bụi văng tung tóc, mắt nó sáng quắc, bộ dạng nó phởn phơ. Những lúc như thế, mẹ nàng thường khua cái chổi tàu cau đập lạt xạt xuống sân để đuổi nó và bà chửi đổng "tiên nhân mày, đã rượng". Ký ức bất ngờ ấy làm mặt Bích nóng bừng, chân tay nàng lạnh ngắt nhưng rồi Bích vừa lắc lắc đầu vừa chạy đến ra xe.

Họ đi uống rượu ở một cái bar gần hãng.

Buổi tối, nàng hẹn sẵn một tên khác. Họ đi ăn qua loa rồi lại đi uống rượu hoặc đi motel. Tấn buồn phiền nhắc Bích "Thằng cu Ti cần em". Đáng lẽ Tấn muốn nói thêm "Anh van em đừng sống như vậy" nhưng Tấn ngại ngùng, im lặng. Có cái gì gai gai đâu đó trong con người và ý nghĩ của chàng. Bích trả lời chồng "đừng tính đến em nữa". Và nàng nhủ thầm "Thằng cu Ti thì khác gì con bé Toe?" Vào một lúc nào đó, nó cũng sẽ rời nàng, bất ngờ, dễ dàng, không tí chút lưu luyến". Nỗi hằn học như một con sóng lớn xô đẩy Bích, cuốn hút nàng. Bích thấy rõ nàng trôi đi, chống chếnh, va đập vào những bờ mảng rong rêu trơn trợt, tanh tưởi. Có lúc mệt nhoài, uất ức, Bích cố dừng lại đâu đó để thở nhưng Bích không ngừng được. Chút tỉnh thức mong manh, chập chờn trong lòng Bích như một cái nhọt chín vỡ ra, lặn hụp cùng với nàng trong dòng nước đục.

Nhiều đêm về nhà quá trễ, đi ngang giường thằng cu Ti, Bích đứng nhìn thằng bé ngủ yên giấc ngủ hồn nhiên của tuổi thơ, tự hỏi mình một cách buồn rầu "sự lựa chọn đời sống ở đâu và có thật không? Mọi người có tự do làm nên số phận của họ không hay ngay cả cái ý niệm tự do ấy cũng chỉ là một ảo giác lừa dối về chính khả năng của họ?" Bích rã rời.

Buổi tối đã qua mất tăm từ lâu nhưng Bích chợt nghe mùi after shave rẻ tiền xộc lên mũi lúc nàng đặt một bàn tay lên mình con và cúi xuống sát nó. Bích buồn mửa. Nàng bưng lấy miệng.

Tấn mang thằng cu Ti đi sống ở một nơi khác. Căn nhà vắng chỉ

còn một mình Bích có phải là điều chính Bích đã chọn lựa không? Bích hoàn toàn không hiểu gì nữa cả. Bích hoàn toàn không hiểu gì nữa cả. Nàng chỉ cảm thấy lòng trống trải và thất vọng tràn ngập. Tò mò soi bóng mình trong tấm gương lờ mờ dưới ngọn đèn đêm im lặng, Bích mỉm cười vơ vẩn rồi đưa tay ẩy cánh cửa cái tủ thuốc nhỏ bên bồn rửa mặt. Bích nhặt lọ thuốc an thần và bỗng nhiên nàng nhớ đến con. Hình như trong trái tim lạnh lẽo của nàng có ai gọi tên thằng bé. Nàng nhớ lại đôi mắt đầy sức sống của nó. Nàng nhớ lại cảm giác ấm áp tỏa ra từ cái thân thể nhỏ xíu, mềm mại của nó. Nàng biết rằng sự sống mãnh liệt nhất tồn tại bên ngoài mọi cố gắng biện giải của con người. Bích đậy nắp chai thuốc lại với ý nghĩ ngày mai nàng sẽ đi thăm thằng cu Ti.

Bây giờ trong khu vườn nhỏ, Bích đang đợi Tấn đưa thằng bé đến. Bầu trời trên đầu nàng đã xám ngoét nhưng khi một chú chim lượn qua chỗ Bích ngồi, nàng nhìn thấy chút mặt trời đọng ấm áp trên vùng lông bụng lấp lánh sáng của nó. Té ra không gian vẫn dựng đầy nắng ♦

HƯƠNG DẠ LAN

Hồi chúng tôi còn là học sinh của trường nữ trung học Đồng Khánh Huế, thập niên 50, chương trình môn Việt văn lớp đệ ngũ có một phần dành cho tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du. Thầy giáo dậy chúng tôi môn này là thầy H. Bây giờ, sau hơn ba mươi năm xa cách không gặp lại thầy, tôi vẫn còn hình dung được cái dáng người to cao, đậm đà, nụ cười hết ga, vừa có vẻ hóm hỉnh, vừa có một vẻ mỉa mai tự nhiên trên cái miệng hình như rộng quá khổ của thầy.

Thầy H. có một trí nhớ phi thường. Thầy thuộc lòng tất cả truyện Kiều không sót một câu. Khi lên lớp, thầy đọc thao thao bất tuyệt từng trích đoạn, không nhầm lẫn một chữ. Thầy có một cách giảng bài độc đáo, thoát ra ngoài khuôn sáo gò gẫm của chương trình. Thầy

bày tỏ qua bài giảng nhiều quan niệm tân kỳ về tâm lý nhân vật, đôi khi áp dụng cả vào bài giảng học thuyết Freud hồi đó còn rất xa lạ đối với sự hiểu biết bình thường của một học sinh trung học đệ nhất cấp như chúng tôi.

Tất cả chúng tôi ngày ấy còn là những thiếu nữ ngây thơ, tâm hồn trong sạch, tin tưởng vào sự vô tội của thế gian. Mỗi chúng tôi dấu trong sâu thẳm lòng mình giấc mơ về một tình yêu ngọt ngào, thủy chung. Vì thế, đa số chúng tôi, một mặt bị khích động vì lối lập luận biện chứng của thầy đã mở ra cho chúng tôi một chân trời hiểu biết xa lạ, một mặt vẫn nghi ngại những bài giảng nặng tính thực nghiệm của thầy, cảm thấy bị tổn thương ghê gớm trong cái cảm xúc hiền hậu và non dại của chúng tôi trước cuộc đời.

Hồi đó, chúng tôi kết luận rằng tại vì thầy vừa là một nhà giáo dạy văn chương, vừa là một nhà kinh doanh thành công trên thương trường nên hẳn là thầy đã phải ngả về cái khuynh hướng duy lý trong khi tìm cách cắt nghĩa đời sống.

Hồi đó, tất cả chúng tôi khi đọc truyện Kiều đều rất cảm thương thân thế của vị nữ lưu phận bạc này, tin tưởng một cách tuyệt đối nàng là nạn nhân của một "ông xanh" khắc nghiệt, đã khiến cho tan tác mối tình đầu với chàng Kim, đã khiến cho nàng ba chìm bẩy nổi, chín cái lênh đênh,"Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần" như một câu thơ của cụ Nguyễn Du đã diễn tả ý này:

"*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*"

Tuy nhiên, thầy H. của chúng tôi thì không chịu tin như vậy.

"*Có trời mà cũng có ta*"

Thầy nói bản chất cô Kiều là lãng mạn, là đa tình, như nhận thức của cụ Chu Mạnh Trinh về nàng:

"*Ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu*"

Trong những khuôn khổ nghiệt ngã của nền đạo đức Á đông thế kỷ mười chín, cô Kiều không biết sẽ giải quyết những ẩn ức riêng của cô cách nào nếu không tình cờ có một ngày một ông thầy tướng số bỗng nhìn cô rồi phán một câu:

"*Tinh anh phát tiết ra ngoài*
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa".

Ông thầy tướng số đã mở cho Thúy Kiều một cánh cửa rộng, an toàn, để đi vào cái thế giới phóng túng, đam mê và bất trắc vốn vẫn khát khao tiềm ẩn trong tâm hồn một Thúy Kiều dậy thì.

Đường đi Liêu Dương tuy có xa nhưng không phải không thể gởi tới đó một người đưa tin.

"Trời Liêu non nước bao xa
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!"

Gã bán tơ tuy có bầy điều, sai nha tuy có xách nhiễu, nhưng quả thật Thúy Kiều không hề có ý định hoãn binh, nàng vội vàng ôm lấy cái cơn cớ rủi ro này như một hiệu còi báo mở màn tấn bi kịch mà nàng đã tự gán cho mình vai đào thương, đưa nàng vào con đường phiêu lưu kỳ thú vốn đã đợi chờ trong tâm thức của riêng nàng.

Ngay từ màn thứ nhất, nàng diễn xuất tỉnh bơ. Nào là gọi Thúy Vân để gán ghép:

"Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa
Giữa đường đứt gánh tương tư
Giao loan chắp mối tơ thừa mặc em"

Nào là giã từ Kim Trọng bằng những lời trối trăng giả dối cho một tình huống giả dối:

"Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím này
Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về"

Tính cách đào thương của Thúy Kiều còn đi xa hơn nữa. Nàng nhập vai đến mủi lòng cùng nhân vật mà nàng diễn xuất:

"Xót thân bồ liễu đền nghì trúc mai
Dạ đài cách mặt khuất lời
Rảy xin chén nước cho người thác oan".

Có lúc thầy H. kết luận:

Yêu Thúy Kiều như yêu một đào hát, đời với mộng lẫn vào nhau. Nhìn thì đẹp lắm, nghe thì hay lắm, nhưng xiêm áo bỏ ra, son phấn lau đi, đèn sân khấu tắt, sẽ chỉ còn trơ ra nguyên hình cô đào hát với cái tâm tư đích thực, thầm kín của riêng mình chỉ riêng mình biết, thường khi chẳng có chút gì giống với nhân vật cô vừa diễn xuất.

Từ cái giây phút ban đầu lưu luyến với
"Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa"
Thúy Kiều đã như một con đồng bị ốp:
"Ma đưa lối quỉ đưa đường
Cứ tìm những nẻo đoạn trường mà đi"

Nàng ở trong cơn mê tỉnh dài hết một đời người, và nàng không những chỉ buông mình trôi theo dòng định mệnh mà còn dùng tất cả năng lực, sự khôn ngoan và mưu chước để đẩy mình đi thật nhanh trên cái dòng định mệnh ấy.

"Ôi Kim lang, hỡi Kim lang
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!"

Đối với nàng, mỗi biến cố là một biến cố chờ đợi và thỏa nguyện. Nỗi bi thương này sẽ gọi nỗi bi thương kế tiếp và chính mọi nỗi bi thương sẽ đáp ứng cái bản ngã u uẩn của nàng cứ muốn dấn mình vào những cảnh ngộ éo le.

Chúng tôi ngồi nghe thầy H. giảng bài, mặt mũi đứa nào đứa ấy nghệt ra vì ngạc nhiên và bất bình...

Sau này khôn lớn ra đời, chuyện Thúy Kiều và thầy giáo H. chỉ còn lại trong ký ức chúng tôi như một kỷ niệm êm đềm thời tuổi dại.

Ban giám hiệu trường Nguyễn thị Minh Khai thông báo: "Sáng mai, lúc mười một giờ, linh cữu cô giáo Nhan sẽ đi qua trường. Các đồng nghiệp, học trò của cô có thể cử đại diện chờ ngoài cổng để cùng nhà trường cử hành nghi thức vĩnh biệt".

Khí hậu Sài gòn những ngày giáp hè nóng như thiêu đốt. Thường buổi chiều trời chuyển cơn giông. Từ trưa, mây đen tụ lại ở chân trời, trông giống như những bức tường sơn mầu xám thẫm, quây lấy mọi người và vạn vật, làm chật lại, thấp xuống, một không gian ngột ngạt sự oi bức.

Chúng tôi đã thấy thấp thoáng từ phía đường Điện Biên Phủ tiến lại đoàn xe tang của cô giáo Nhan, chiếc xe hòm màu đen chạy chậm như chở nặng, sau xe một dúm người đi bộ từ nhà thương Bình Dân là nơi quàn cô. Mọi người không ai chuyện trò, nét mặt buồn tê lặng. Tôi thấy nóng ở hai mắt, như có cái bong bóng màu sắp vỡ.

Mới mùa hè năm ngoái, tôi còn đi chấm thi chung với cô, còn chào "Cô ạ" và còn nhìn ngắm tấm thân thanh thoát của cô nhẹ nhõm đi trong tà áo lụa mầu khói lam băng qua sân trường Gia Long cô vẫn yêu mầu khói lam như ngày xưa cô còn cười nụ cười tươi của cô, phô ra hai hàng răng đều đặn và trắng bóng như ngọc trai. Sau này mỗi khi nghĩ về cô, tôi đều có cái cảm giác nghi ngại và khó chịu, biết rằng bên sau nụ cười ấy ẩn dấu một tâm sự không phải như mọi người có thể đoán thấy trên khuôn mặt sáng rỡ như trăng rằm của cô.

Cũng trong thập niên 5O, ngày ấy cô là cô giáo dậy chúng tôi môn Việt văn lớp đệ lục, cô và thầy Vận yêu nhau. Hồi đó, hai người họp thành một đôi tình nhân lý tưởng cho hầu hết nam thanh nữ tú tầng lớp trí thức ở cố đô. Họ vừa là lãnh đạo tinh thần các đoàn thể\ Phật tử nam nữ, vừa là đồng nghiệp trong một ngành nghề cao quí của xã hội. Tình yêu của họ là một kết tinh vẹn toàn của mọi thứ tình tốt đẹp trên đời: tình đồng chí, tình bằng hữu, tình đôi lứa.

Dám cưới thầy cô là một ngày vui của cả thành phố. Mọi người, đủ mọi lứa tuổi, gặp nhau trong lớp học, trên hè phố, trong các cửa tiệm, đều hân hoan báo tin vui của họ. Tiếng chuông các chùa Từ Dàm, Diệu Dế, Trúc Lâm, Thiên Mụ, từ các vùng đồi cao, lũng thấp, từ các vùng rừng thưa, sông rộng, vọng ngân nga trong bầu trời mênh mông xanh cao một ngày mùa xuân để chúc phúc cho đôi vợ chồng tài sắc.

Nhiều năm êm ả trôi qua trên dòng sông Hương hiền hòa xứ Huế. Thầy và cô đều mong đợi một đứa con xem chừng đã chậm muộn.

Lũ học trò con trai thấy thầy giáo thường tư lự, ngang vầng trán đã thấp thoáng một nếp nhăn. Lũ học trò con gái thì thủ thỉ rình chờ một chút võ vàng, hao hụt trên dung nhan cô giáo.

Thế nhưng ngày qua, tháng lại, cô giáo vẫn hây hây má hồng, thanh tú dường lưng, nụ cười hoa phô ngọc chuốt, đôi mắt lóng lánh sao trời.

Cuối cùng, bác sĩ chuyên khoa báo cho thầy biết thầy sẽ không bao giờ có hy vọng sinh con vì hậu quả trận đau quai bị năm thầy

lên chín tuổi.

Tiếng sét đã nổ giữa chiều êm, cơn giông đã trút xuống trong ngày nắng đẹp, đêm tối bỗng phủ lên đời như một ngày khai thiên lập địa, trời đất hỗn mang!

"Đành rằng anh có thể không có một đứa con, nhưng dòng họ Cung không thể không có một đứa cháu nối dõi tông đường và nhất là tội nghiệp em, anh không thể không mang lại cho em cái hạnh phúc vô biên của một người mẹ".

Thầy giáo suy nghĩ lao lung, trăn trở đêm ngày, rồi một hôm thầy nói với cô:

– Thể xác anh không thể đem lại cho chúng ta một đứa con, ý chí anh sẽ thay thế. Em sẽ mang cho anh một đứa con không từ thể chất khiếm khuyết của anh, mà từ tình yêu và ý chí mãnh liệt của anh.

Thầy chọn một đứa học trò yêu, khôi ngô, dĩnh ngộ, sáng láng, thông minh, đem gởi vào nó tất cả cái trí tuệ và tâm hồn trác tuyệt của thầy rồi đề nghị xin lại nó đứa con.

Chẳng biết cô giáo vì tình yêu mù quáng với chồng hay cũng giống như cô Kiều một trăm năm trước, nghiệp chướng trong lòng, đã lấy chữ hiếu làm tấm bình phong để được nghang nhiên mở cửa đi qua cầu đoạn trường. Như một nghệ sĩ chỉ sống bằng diễn xuất, luôn luôn mong đợi thủ diễn một vai trò bộc lộ hết khả năng phong phú và đa dạng của mình, cô giáo chấp nhận màn kịch của chồng. Không ai biết tại sao một chuyện như thế lại xảy ra và xảy ra như thế nào trong hậu trường sân khấu, nhưng cô giáo bây giờ đang chờ đợi đứa con đầu lòng.

Nếu theo đúng sự cam kết lúc đầu của mọi người trong cuộc thì cậu học trò được thầy giáo chọn mặt gởi vàng ấy phải biến đi sau khi hoàn thành sứ mệnh thầy trao. Tuy nhiên, khốn khổ thay cho con người đã trót sinh ra trong cái vòng luẩn quẩn thất tình, lục dục! Cậu học trò thanh tân nay bỗng thấy mở ra trước mắt một chân trời kỳ thú trong những khám phá mới về tình yêu và cuộc đời. Cậu thấy mình lớn mau, trưởng thành với những rung động, hiểu biết và trọng trách mới.

Cậu nói với thầy giáo:

– Xin thầy hiểu rằng em luôn luôn kính yêu và tôn trọng thầy. Tuy nhiên, bài toán của thầy và em đã ra những đáp số sai. cả thầy và em đều bắt đầu từ những giả thuyết đơn sơ và thiếu sót, từ những dữ kiện không ổn định trong thực tế. Tại thầy, tại em và có lẽ chúng ta sẽ cùng đổ thừa tại định mệnh đã an bài. Thật ra, mỗi chúng ta đều có những lý do thầm kín trong lòng để tham dự vở bi kịch.

Quả thật vậy, Biên nhớ lại một buổi trưa mùa hè năm ngoái, khi Biên đến thăm thầy Vận, cô Nhan đang nằm ngủ trên cái võng mắc ở nhà ngang. Mớ tóc cô đen mun, mượt mà, ôm lấy khuôn mặt cô không phấn son, tươi mát như một khóm hoa nhài, trông thấy cả vẻ thoả thuê trong giấc ngủ say. Tấm áo cánh lụa trễ tràng nghiêng xuống một bên vai, một cánh tay cô duỗi cao lên khỏi đầu để thấy một khoảng da trắng như sữa đọng. Biên bỗng nghe miệng mồm và cổ họng khô rốc, chân như dính xuống đất, tim cậu dập lắc lư trong lồng ngực như một người sợ hãi quá độ hoặc một người bị rơi vào tình trạng cơ thể bị mất nước trầm trọng.

Biên đang lưỡng lự, không biết nên dấn bước đi vào nhà trong kiếm thầy giáo hay lẳng lặng bỏ ra về thì cô Nhan thức giấc. Cô nhìn thấy Biên liền mỉm cười ngồi dậy. Cô bới cao mớ tóc óng ả lên khỏi gáy, hai cánh tay cô cử động làm thấy chập chờn cái vùng trũng mờ ảo trên ngực cô.

Vừa bước đi trước, cô vừa bảo Biên vào hẳn trong nhà gặp thầy. Trong cái không khí oi nồng, váng vất của một buổi trưa hè trong gian nhà nhỏ, Biên ngửi thấy cả mùi da thịt cô thơm hắc như mùi gỗ thông.

Sau này, có những đêm thức khuya học bài bên trong khung cửa sổ thoang thoảng mùi dạ lan hương, Biên thường nghĩ đến cô Nhan với hai cánh tay cô vươn cao khỏi đầu để bới tóc. Biên có cái cảm giác vừa rất hạnh phúc vừa bùi ngùi vì ý nghĩ cậu có một kho tàng quí giá của riêng cậu, không ai hay biết nhưng đồng thời hình như cậu cũng không thể nào đạt đến được.

Trong đêm lặng, cậu ra hè đứng nhìn lên trăng sao, lấy cái thăm thẳm cao của không gian và cái êm đềm tĩnh mịch của thời gian để

gội rửa nỗi bồn chồn, khắc khoải đang âm thầm nung nấu tâm hồn cậu, dai dẳng, bứt rứt, như trăm nghìn vết chân có gai của một loài bò sát.

Bây giờ thì rõ ràng là cậu và cô Nhan đang cùng chờ đứa con đầu lòng của họ. Cậu nhất định không nhượng bộ. Cậu thấy mình rất dĩnh đạc, đường hoàng nói với cô Nhan:

– Tôi thà chết, không chịu mất mẹ con em.

Nói xong, cậu ngạc nhiên với chính cậu, như thể một ai khác đã nói dùm cậu câu nói khó khăn nhất trong đời.

Trong vài tuần lễ, tóc thầy Vận đang hoa râm bỗng trắng xóa như mây. Thầy nghẹn ngào nói với người học trò yêu dấu:

– Em không có quyền làm như thế. Đứa bé ấy là tinh hoa của thầy, là thể phách của cô, nó thuộc về thầy.

Biên cảm thấy nỗi uất hận như trái chua làm nghẹn cổ họng cậu:

– Em oán hận thầy cho tới chết, chết rồi em sẽ thành ma để tiếp tục oán hận thầy. Thầy nghĩ em chỉ là hột đậu để thầy sai khiến thành âm binh, vậy em sẽ làm âm binh để theo trả oán thầy. Em sẽ mọc thành cây đậu dại ngay trong khu vườn thượng uyển của thầy! Bây giờ trời có long, đất có lở thì đứa bé ấy vẫn là con em, người đàn bà nuôi dưỡng đứa bé ấy bằng máu thịt của mình là...

Nhưng Biên không kịp nói hết câu vì thầy Vận đã vùng bỏ chạy.

Sau đó, câu chuyện được thu xếp kín đáo để cô Nhan đi Saigon chờ sinh nở.

Hôm thầy Vận tiễn cô ra sân bay, thầy cầm tay cô và cảm thấy hai bàn tay cô giá lạnh, những ngón thon mềm như đã lỏng, đã duỗi ra, không còn sức lực để cầm nắm một thứ gì hoặc là không muốn cầm nắm một thứ gì nữa. Đôi mắt thăm thẳm của cô chứa đựng cả khoảng trời trống vắng trên cao, đôi mắt ấy lúc rời đi, đảo nhìn quanh quang cảnh sân ga trong một cái nhìn nhẫn nại, buồn rầu. Trong âm thầm, cô biết cô sắp vĩnh biệt tất cả, thành phố, quê hương, tuổi trẻ, tình yêu, hạnh phúc, những ngày tháng yên vui như mây bay gió thoảng.

Biên không đến tiễn cô, như đã ước hẹn với thầy Vận. Nghĩ đến Biên, cô nghe một nỗi ấm áp lan đi khắp thân thể, một chút nóng

dồn lên hai gò má. Hình như cô rất bực dọc vì cái cảm giác bất ngờ ấy song cô không thể ngăn mình cảm thấy như thế.

Loa phóng thanh đã bắt đầu gọi hành khách lên máy bay. Thầy Vận cuống quít, bối rối, buông tay cô ra rồi vội nắm tay cô lại, tiếng khóc tắt trong cuống họng làm cổ thầy giật tưng cơn. Cô Nhan cố tránh không nhìn thẳng vào mặt thầy. Cô cảm thấy đôi mắt u uẩn của thầy tỏa lên cô một bủa vây ray rứt, thiêu đốt cô như lửa một đám cháy, cuốn lôi cô vào một cơn vọng động triền miên, kiệt quệ.

– Thôi, em đi.

Thầy Vận rùng mình. Trước đây, thầy không bao giờ có thể tưởng tượng là toà nhà hạnh phúc tưởng như rất kiên cố mà thầy và cô Nhan đã kỳ công xây dựng, bằng tất cả nỗ lực và tâm huyết một đời người, tòa nhà ấy trong cái rùng mình nhẹ tênh vừa qua của thầy, đã chỉ còn là tro than của một tòa nhà giấy bay vật vờ trên cánh đồng cỏ cháy vàng úa xung quanh phi trường Phú Bài. Đó đây, những cuộn giây kẽm gai rỉ sét nằm lăn lóc như những vết cào xước đang bắt đầu rỉ máu đâu đó trong tâm hồn và cơ thể thầy.

Vào Saigon, cô Nhan thuê một căn gác nhỏ trong một con hẻm cụt. Cô sống những ngày hiu quạnh chờ đón đứa con ra đời.

Hạnh phúc phải trả một giá quá đắt thường để lại dư vị đắng cay. Nhiều lúc cô Nhan tự hỏi: vì tình yêu cô đối với thầy Vận, vì lòng kính trọng và sự khâm phục cô hằng có đối với thầy, vì sự ham muốn vô biên đem lại cho thầy nguồn hạnh phúc thiết tha nơi đứa trẻ thơ, ngay cả một cách thâm sâu nhất, vì lòng tự ái ngu muội muốn bảo vệ cái hào quang xán lạn của thầy trước dư luận khắc nghiệt của một thành phố sẵn sàng khen, chê, xưng tụng và vùi dập, hay sau hết, vì một nguyên nhân gì nữa mà mọi việc đã xảy ra như hiện nay?

Cô nghĩ đến Biên, đôi mắt có những cái nhìn sâu, chậm, như một dò hỏi hay tìm kiếm đầy ngờ vực, như tiếng kêu mải miết và thầm lặng của một thân phận cô đơn, nụ cười trẻ thơ với nét tương phản của một đường môi đam mê đỏ như một vệt máu, màu xanh của cái cằm ẩn hiện những chân râu khỏe mạnh, hai bờ vai rộng, dáng người hơi nghiêng đổ về một bên của Biên, tất cả cái hình ảnh đáng yêu đó, trong ký ức cô, đã luôn luôn gắn liền với hình ảnh và

kỷ niệm của thầy Vận, như một phần đời của thầy. Tuy vậy, đến bây giờ thì cô Nhan hiểu ra rằng đấy chỉ là những suy nghĩ lười biếng bên ngoài, như cái váng phủ lên mặt nước ao tù. Cô đã lầm lẫn hay đã tự lừa dối mình, lừa dối xung quanh trong cái cảm giác an toàn giả tạo và phi đạo đức bên cạnh Biên? Như cô Kiều dâu phải chỉ vì chữ hiếu làm đầu mà đã vội vàng tự nguyện bán mình chuộc cha? Thực ra, trong thâm tâm, cô đã có cả một quá trình chuẩn bị mình để lao vào con đường đoạn trường mà cô đã chọn lựa ngay từ những ý nghĩ non nớt lúc đầu đời, ngay từ mỗi giọt máu đang luân lưu trong huyết quản cô, ngay từ mỗi tế bào đã cấu tạo nên hình hài cô:

"Rằng quen mất nết đi rồi
Tẻ, vui âu cũng tính trời biết sao?"

Cô Nhan còn nhớ đêm văn nghệ của trường đại học Sư phạm Huế tổ chức vào dịp lễ Giáng sinh năm trước, khi nhìn Biên ngồi một mình trên ghế độc tấu hạ uy cầm bản Le beau Danube bleu, trong cái ánh sáng mờ ảo của sân khấu cắt lên khuôn mặt nghiêng nghiêng của Biên những vùng bóng tối gợi cảm, đã có lúc cô Nhan chợt xót xa tiếc mình không còn tuổi trẻ. Phải chăng Biên sẽ là một sống dậy, một tái sinh đầy hoan lạc con người và tâm hồn thiếu nữ của cô lúc đó sớm buộc vào khuôn phép khuê môn gia giáo, sớm chết dưới băng tuyết của tập quán một xã hội phong kiến và bảo thủ?

Cho đến bây giờ, ký ức về Biên như một bông hồng đầy gai. Cô không thể không nhớ lại, cũng không thể không cảm thấy một sự tổn thương vừa êm đềm vừa đau đớn trong nỗi cảm xúc của lòng cô, như những giọt mồ hôi và những giọt nước mắt đã trộn lẫn vào nhau để làm nên một hạnh phúc đau thương kỳ dị.

Cô Nhan nhận được nhiều thư của Biên, thư sau cùng Biên viết:

"Tôi thực sự rất biết con đường mình phải đi, sự lựa chọn tôi phải có. Tôi chỉ quá đỗi hoang mang và hãi sợ vì sự im lặng của em. Trong đêm tối bão tố, tôi cần đôi mắt em nhìn, bàn tay em nắm, để chúng ta cùng đi vào sinh lộ nhưng em nhất định bỏ tôi một mình. Tôi nghe tiếng em khóc, tiếng trẻ thơ khóc. Tôi quyết phải đến nơi nào có em. Có lẽ em để dành cho tôi sự chọn lựa định mệnh của đời em! Tôi thì để dành cho ai sự chọn lựa để biết chúng ta không làm

sai, không khởi đi từ bóng tối của địa ngục, để con chúng ta sẽ ra đời rực rỡ và uy nghi như vầng mặt trời. Tôi sẽ cậy đến sự sống và sự chết làm trọng tài cho cả ba chúng ta. Vậy sau lá thư này, em hãy biết rằng khi nào tôi đến gõ cửa, em hãy mở vì quả thực lúc đó, Thượng đế đã gởi tôi đến cùng với muôn vàn phúc hậu dành cho chúng ta. Một nghìn nụ hôn gửi lên ngày tháng của em".

Biên tình nguyện đi vào quân trường. Cô Nhan nhận thêm một thư của Biên:

"Tôi về phép bốn mươi tám tiếng đồng hồ. Đi qua nhà em không biết bao nhiêu lần. Lúc đêm xuống, khi mọi khuôn cửa đã tắt hết ánh đèn, tôi đến ngồi bên bờ rào. Tôi không thể gõ cửa vì tôi vẫn chưa được thử thách để biết sự phán xét của Thượng đế – chỉ vì em, tôi đã phải tin vào Thượng đế Bàn tay tôi không biết sẽ đem đến hạnh phúc hay buồn đau cho em? Khoảng cách giữa chúng ta không nhiều nhưng tôi tình nguyện chờ đợi. Đã đành là tôi đến trước cửa nhà em giữa đêm khuya nhưng tôi không là tên trộm cướp bạo hành. Hạnh phúc mà em đã một ngày vô tình ban cho tôi lúc nào cũng lồng lộng chói chang, lúc nào cũng vang dội tiếng kêu thảng thốt bồi hồi trong tâm hồn và trái tim chật chội của tôi. Nếu quả thật sau hết, em không hề từ chối tôi, xin em hãy dâng lên Thượng đế mà em tôn thờ lời tâm nguyện của em và tôi sẽ trở về. Trong trường hợp trái lại, nếu tôi không còn cơ hội trở về, có nghĩa là tôi không còn một nơi trú ẩn nào trên mặt đất này sau khi em đã lìa bỏ tôi, xin em hãy nhìn nơi đứa trẻ sự nối tiếp đời sống tôi không bao giờ nguôi thương yêu em".

Cô Nhan nhớ lại một buổi sáng khi cô ra quét sân, cô đã rất ngạc nhiên nhìn thấy những đầu tàn thuốc lá chất thành đống dưới bậc thềm. Cô có băn khoăn suy nghĩ, có thầm chắc là Biên đã về qua đây mà không vào. Nếu Biên gọi cửa, có thể cô đã không mở nhưng cũng có thể cô đã mở vì một điều chắc chắn nhất là cho dù thế nào, dấu chân Biên sẽ cùng với cô in vết những nơi cô đi qua.

Nỗi buồn đau trống trải, cái mất mát ngẫu nhiên và không ngờ, sự hụt hẫng của một cầm nắm vô vọng đã khiến cô Nhan sinh non một đứa con trai, khôi ngô dĩnh ngộ như ý muốn của thầy Vận và

giống Biên như hai giọt nước.

Từ ngày con ra đời, cô Nhan lâm vào một cơn khủng khoảng tinh thần trầm trọng. Cô không thể quên thầy Vận là cả một quãng đời xuân trẻ của cô với bao nhiêu rung động và mơ ước nồng nàn, trong sạch, cô càng không thể không ray rứt, bàng hoàng với những kỷ niệm u mê mà ngọt ngào với Biên, như hóa thân từ một tiền kiếp dị thường. Cô vẫn biết phải thương yêu, bảo bọc hết mình đứa trẻ thơ vừa được làm người, như một bảo vật thiêng liêng, ngà ngọc, lại vừa là một gợi nhắc thô bạo, một thể hiện hình tượng những giằng co, xô đẩy chìm khuất bên trong cái bản ngã kín đáo, trái ngược với cái bản ngã xã hội do tập thành mà cô đã có và thường biểu lộ ra ngoài, trước mắt mọi người. Tâm hồn cô trở thành bãi chiến trường mịt mù cơn lốc chiến tranh tàn bạo, không nương tay. Những tình cảm, những suy nghĩ đầy mâu thuẫn, nỗi hổ thẹn, những nỗ lực tuyệt vọng và can trường về một cuộc sống bình thường đã như những hoá chất kịch độc làm hủy hoại mau lẹ tâm hồn và thể chất mỏng manh của cô Nhan.

Thằng bé, vì vậy, được gởi cho một người chị họ xa trông nom nuôi nấng.

Không biết Thượng đế có phán xét không và nếu có, thì dã nhân danh một nền công lý như thế nào để phán xét? Cũng không biết cô Nhan có bao giờ dâng lên Thượng đế lời tâm nguyện của cô, xin cho một ngày có Biên trong đời như Biên đã thiết tha dặn dò và hy vọng? Chỉ biết ngay trong lần xuất trận đầu tiên, Biên đã gục ngã, không bao giờ còn cơ hội để trở về với cái dĩ vãng và tương lai màu hồng trong mộng tưởng của cậu.

Cô Nhan đón nhận tin Biên tử trận với một cảm giác yên tĩnh kỳ lạ. Lòng cô trống trải, hiu hắt cái mù sương ẩm ướt và đắng ngắt của những dãy núi về chiều sau một ngày nắng gắt. Cô nhớ lại lúc còn nhỏ, một hôm trường tan học sớm vì tin bão. Cô chạy lúc thúc trên vỉa hè con đường Lê Lợi dọc theo bờ sông Hương, một tay ôm cặp sách sát vào ngực, một tay thu dưới vạt áo, mắt ngơ ngác nhìn lên bầu trời màu xám đục mà sự yên lặng tưởng chừng đã làm đông cứng lại. Gió lao xao thổi, gợn đi từ những tấm lá khô dưới chân cô

lên đến đỉnh các ngọn cây hai bên đường, như cơn giận của thiên nhiên đã bắt đầu dấy lên từ một bắt đầu âm âm, kín đáo.

Hình như cùng với cái chết của Biên, cô đã được giải thoát, đã được bạch hóa. Cũng hình như cùng với cái chết của Biên, cô đã đánh mất luôn cái cơ hội cuối cùng tham dự vào một cuộc sống hạnh phúc, như mọi người.

Thằng bé lớn lên, u uẩn vì cảnh ngộ, oán hận vì một định mệnh lạ lùng, bi thảm hay chịu ảnh hưởng lời nguyền năm xưa của người bố trẻ: "Em sẽ mọc thành cây dậu dại trong khu vườn thượng uyển của thầy", nó trở thành một thằng vô lại. Có những lúc cô Nhan đứng lặng nhìn con từ một chỗ khuất. Khuôn mặt khôi ngô dĩnh ngộ tương phản với cái nhân cách tồi tàn của nó, như hai mặt của tấm mề đay hạnh phúc năm xưa mà cô một thời nâng niu, kỳ vọng.

Hạnh phúc trôi tuột qua kẽ tay, trơn tru, nhạt nhẽo, đứa con trôi tuột qua đời, còn để lại mùi máu tanh hôi, ngày tháng trôi tuột qua hồn, như nước lũ cuộn theo rong rêu.

Rồi một ngày thầy thuốc khám phá ra cô bị ung thư đại tràng. Cơn bệnh tàn phá cô nhanh chóng như cơn bão thổi qua một xóm làng heo hút. Bạn bè đến thăm, không bao giờ có thể quên cái hình ảnh hãi hùng của cô lúc ấy: một đôi mắt mở to, đau đớn, kinh hoàng, trên một khuôn mặt mấp mô những hố trũng, màu da vàng ủng như một quả chín đã nẫu bên trong, làn môi hồng tươi nhuận ngày nào như một bông hoa ngậm sương sớm mai nay rã rời đôi cánh khô tàn tạ.

Những ngày cuối cùng trong đời, cô không ngồi được, không nằm được, cô đứng như trời trồng trên đôi chân sưng to như hai cái cột nhà, toàn thân cô như một cái giẻ lau nhầu nhòe quấn vào cây cọc giường. Khi không còn sức nữa, cô khuỵu xuống như một cây nến đã cháy hết, bấc lụn trong vũng sáp vừa tan.

Tôi nhìn thấy trong đôi mắt cô, nghe được từ đôi mắt ấy tiếng gào thét triền miên ném vào hư không lãnh đạm và vô tình một câu hỏi cực kỳ đớn đau: tại sao, tại sao lại như thế?

Đến cơ sự này, quả thật tôi không còn lòng dạ nào nghĩ tới bài giảng truyện Kiều của thầy giáo H. năm xưa, tôi không thể nào nghĩ

rằng cô Nhan đã muốn lựa chọn cho đời cô cái cảnh ngộ bi đát mà cô đã sống. Chắc chắn là trên hết, hẳn phải có một "ông trời xanh quen thói má hồng đánh ghen", chắc chắn là cái vẻ đẹp hồng nhan và con người tài hoa của cô đã phải là nạn nhân cụ thể của thuyết "tài mệnh tương đố".

Bất phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao!

Chiếc xe hòm dừng bánh trước cổng trường. Người ta mở cửa xe, để cô nhìn lần cuối cùng nơi cô đã trải qua một phần đời, để cô từ giã năm ba đồng nghiệp cũ, một dúm học trò còn thương nhớ cô.

Tôi liếc nhìn đằng sau cỗ xe, không thấy sô gai, trên nắp áo quan những ngọn đèn dầu đã tắt, không có áo mũ và gậy tượng trưng cho đứa con trai lưu lạc của cô, chỉ có sự cô đơn, đìu hiu của nỗi chết.

Bài điếu văn ngắn ngủi đã đọc xong. Khoảng không gian vừa xao động tiếng người bỗng sượng sùng lặng ngắt. Tiếng cánh cửa xe đóng sập lại. Đám đông dãn ra, quanh quẩn như nỗi buồn.

Nhiều năm đã trôi qua kể từ cái đám ma quạnh hiu trong buổi sáng mùa hè xám ngắt cơn giông ấy. Cho đến bây giờ, đầu óc tôi không bao giờ thanh thản với cái vấn nạn chưa có lời giải đáp: thực sự thì con người có tự do định đoạt mọi việc, mọi tình huống của riêng nó không? Hay là con người chỉ có được ý niệm về tự do ấy như một ảo ảnh hầu vỗ về lòng tự cao ngu muội, như giấc mơ về một người hùng không bao giờ có trong thực tế, hay tốt nhất, như một khuyến khích con người trên đường hướng thiện?

Những người làm công tác nghệ thuật có cái quyền năng của Thượng đế trong sáng tạo. Ưu thế này là nguồn hạnh phúc vô biên để đền bù sự khiếm khuyết vốn dĩ của họ trong cuộc đời.

Dẫu sao truyện cô Nhan và thân phận của những người Việt Nam tỵ nạn như tôi hiện sống lưu lạc trên giải đất xa lạ này là một chứng minh hùng hồn nhất con người không có tự do trước Thượng đế vạn năng.

Và đó là nguồn gốc tấn bi kịch lớn nhất của đời người ♦

VẾT CHÀM XÂM

Tối hôm ấy khu phố tôi ở bị cắt điện. Bóng tối dầy và nặng ken đặc không gian một đêm bao la sâu thẳm. Tiếng lách cách của cái hàng rào dây kẽm khua động dội vào thanh vắng như tiếng vỡ của một chút đêm chung quanh. Tôi hé vội cánh cửa, đã thấy anh B. bước rạt qua mặt tôi, hơi thở gấp của anh nghe rõ, như nỗi sợ hãi của anh đã thành hình đến có thể sờ mó được. Tay anh B. xách một cái giỏ mầu đen, trong mắt anh nhìn tôi dưới ánh ngọn đèn dầu hiu hắt, chỉ thấy long lanh hai đồng tử chạy mau:

– Chị liệu có ai trông thấy tôi vào không?

Khó khăn lắm mới nghe được tiếng anh. Tôi chợt nghĩ tiếng nói khi đi qua cái cuống họng khô đặc vì lo âu của anh đã dính chặt vào đấy mà không thoát ra được. Tôi đưa tay đỡ cái giỏ của anh, cảm

thấy nặng một cách kỳ lạ mặc dầu tôi thừa biết trong cái giỏ ấy chỉ có ít quần áo của hai đứa con anh và một khoảng trống nhỏ để dành cho quần áo của con tôi.

– Khu phố cắt điện tối lắm, chắc không có ai thấy anh.

Anh B. rút trong ngực ra một gói nhỏ rồi đưa cho tôi, mắt anh quay nhìn lại cánh cửa nhà đã đóng sập lại từ lúc anh vào. Tôi cũng bất chợt nhìn theo mắt anh. Từ trong vô thức, chúng tôi bị ám ảnh có một ai đấy nhìn vào công việc chúng tôi làm.

– Chị nhập chung vào đây.

Dưới ánh đèn dầu tù mù, những lá vàng sắp rời tay chúng tôi óng ánh một vẻ xa lạ và lạnh lẽo. Tôi buộc nút mảnh vải nhầu nát gói đống của cải ấy lại và đẩy về phía anh B.:

– Thế là đầy đủ.

Đến lượt tôi, cổ họng như đóng một lớp keo đặc:

– Giờ giấc có gì thay đổi không anh?

Tiếng anh B. thì thào:

– Không chị ạ. Vẫn thế. Chị nhớ đến điểm tập trung thì phân tán mỏng nhé! Chiếc xe đón màu xám, bảng số xanh và thùng đóng lưới. Các cháu nhà tôi lên trước làm hiệu.

Buổi trưa, tôi đang ngồi ở chợ. Đường phố thưa vắng. Trời oi bức. Kể từ ngày Sài Gòn đổi chủ, qua những rộn ràng, háo hức lúc ban đầu, đến một ngày sự yên lặng hình như từ trời cao đổ xuống, từ lòng đất dâng lên, từ bốn bề kéo lại, bao trùm thành phố, mọi người, cảnh vật. Những ngôi nhà cửa đóng im ỉm, những đôi môi khép chặt nụ cười, những ánh mắt nhìn nhau giá lạnh. Cả đến không khí tưởng cũng không còn chuyển động. Đó đây tiếng nói và dáng dấp của cán bộ nhà nước làm xôn xao một khoảng yên lặng, rồi thôi, rồi tất cả sự sống lại chìm xuống bên dưới một mặt hồ phẳng lì, trơ trọi.

Từ một nơi nào đó trong cái khoảng không nặng nề, tù hãm trước mặt tôi bỗng hiện ra khuôn mặt thân quen của Đức. Tôi nhìn thấy Đức cùng một lúc Đức nhìn thấy tôi. Có một cái gì trong mắt nó, trên khuôn mặt ngơ ngác của nó làm tôi run rẩy, xương hàm cứng lại, đầu óc tê dại. Đức biết là tôi chờ đợi, nó đứng dừng trước mặt tôi, quỳ thụp hai gối xuống hè đường, xòe hai bàn tay của nó ra rồi

lật úp hai bàn tay ấy xuống. Phải rồi, thế là đã nói xong, đã nói đầy đủ những điều cần nói. Và tôi cũng đã hiểu hết:

– Ở đâu? Còn đến kịp không?

Dức áp hai bàn tay rịn mồ hôi của nó trên hai bàn tay gía lạnh của tôi:

– Cháu không thấy Hà trong những người được công an xã vớt lên và đem về đồn.

Tội nghiệp thằng bé tối dạ. Nó tưởng tôi chưa hiểu.

– Cô biết rồi, việc ấy ở đâu?

Chuyến xe chở tôi chạy lắc lư trong bóng đêm mịt mùng. Lác đác hai bên đường, bóng những người lam lũ không nhà chỗi dậy cho một ngày lao động nhọc nhằn trước mắt. Ngoài tiếng động cơ ì ầm mà hình như cái lạnh ẩm của sương đêm đã làm cho sâu lắng, xung quanh tôi và ngay chính tôi như đã thuộc về một cõi chết.

Lúc tôi đi qua cái chợ nhỏ của một thôn xóm hẻo lánh cách Sài Gòn hơn 200 cây số về phía tây, đã nghe người buôn bán gọi nhau kể lể về con đò hôm qua chở người đi ăn đám cưới bị lật trên vàm sông Ô–môn. Một cảm giác đau đớn bất chợt, như một chiếc giáp sắt bó thắt thân thể tôi, đẩy ngược lục phủ ngũ tạng tôi lên đầu cùng với cơn nôn thốc tháo không thể nào kìm hãm được.

Con đò chở tôi đi trên dòng sông hiền hòa chảy giữa hai bờ làng xóm Việt Nam. "Nơi nào trên con nước này đã nhận chìm tuổi trẻ, hy vọng và niềm mơ ước tự do của con, hỡi con yêu dấu, giấc mộng đầu đời thiết tha của mẹ?"

Con lạch mở ra một cửa sông mênh mông. Tiếng người gọi nhau ơi ới nghe lồng lộng bên này, bên kia bờ nước:

– Bên này một xác nam lớn áo xanh nè!

– Bên này hai xác một lớn một nhỏ nè!

Những người vợ, những bà mẹ đau khổ, gồm cả tôi, chạy lên chạy xuống những lá xuồng nhỏ để ruồng tìm dấu tích người thân đáp chuyến xe vượt biên lúc bốn giờ sáng hôm qua khởi hành từ một khu đường vắng của thành phố Hồ Chí Minh. Ý hẳn người tổ chức đã phao tin đây là một nhóm người đi ăn đám cưới ở một làng phía

trên vàm sông:

– Tội nghiệp quá trời, đi đám cưới ai mà chết thảm như vầy!

Tôi chen vào một đám đông chỗ này, lách ra một đám đông chỗ khác, chẳng thấy con đâu. Tiếng khóc tấm tức, tắt nghẹn trong buồng ngực một bà mẹ qùy bên xác con vừa tìm thấy, hai tay bưng mặt; sự vung vẩy, quay quắt của một hình hài phụ nữ vật vã không còn hơi sức đủ để kêu la thành tiếng bên cạnh xác chồng, lũ trẻ con vây quanh, mắt mở to ngây dại, kinh hoàng, tất cả, tất cả ngần ấy thứ đang xảy ra trước mắt tôi, như lọc qua một tấm kiếng trong vô cảm giác. Nỗi bi thảm như một quả bóng bên trong tôi cứ lớn dần, lớn dần, căng phồng, chẹn lên trái tim, đè nặng hai lá phổi, tôi thở một cách khó nhọc, ngửa mặt lên để cố hít một chút không khí nhưng chỉ cảm thấy bầu trời thăm thẳm bên trên bắt đầu quay nhẹ.

Tiếng động tiếp tục vọng vào tai tôi, lúc gần, lúc xa, lúc trong suốt, sắc lạnh, như những miếng vụn từ một cuộc sống lỗ đỗ vết dao đâm; lúc đặc khản, trầm thống, như vọng tới từ một nơi bốn bề đất sâu.

Một người tốt bụng nào đấy bỗng ré lên:

– Bà con ơi, trên kia còn năm xác nữa kìa!

Tôi lao xuống chiếc xuồng lá con, vơ lấy cây chèo trong lòng chiếc xuồng và khỏa nước theo cách của cậu trai làng đang ngồi ở đầu mũi. Chúng tôi đập nước lõm bõm một lúc đã thấy thấp thoáng cái cồn cát nổi chơ vơ giữa lòng sông. Chúng tôi đã thấy lù lù những đống to đen thoạt nhìn giống những con trâu đang đầm trong ao, rồi gần hơn, đã thấy những cánh tay giang rộng đưa lên trời. Mùi xác chết thối khẳn loang khắp một khỏang sông rộng. Xuồng vào xình cạn, không đi được nữa, chúng tôi nhảy xuống đám bùn ngập đến quá đầu gối, chống mái chèo để rút hết chân này đến chân kia mà đi (Ôi! những bước chân chưa bao giờ nặng như thế trong đời!)

Xác một người thanh niên chương to, căng nứt bên trong bộ quần áo lao động xã hội chủ nghĩa bạc màu (chắc hẳn anh đã ăn mặc ra vẻ công nhân để dễ dàng di chuyển trên lộ trình chuyến đi). Hai tay, hai chân anh khuỳnh ra, dơ thẳng lên trời, da mặt anh đen bóng, xanh xám như mực tàu, một thứ nước đỏ lờ lờ như bùn pha vào máu

búng thành những cái bong bóng phập phồng từ cửa miệng anh há hốc. Trời ơi, tôi khuỵu xuống trên cái cây chèo đã giữ cho tôi không lăn kềnh ra bên cái xác chết ghê gớm này.

Trời ơi! Anh đã chết bơ vơ, thảm thiết ở đây, bỏ lại mẹ già, vợ dại con thơ hay người tình khốn khổ của anh nơi một miền đất quê hương nào nay đã trở thành lò sát sinh không dung chứa được anh?

Đằng kia, một chiếc nón lá nằm ngửa tênh hênh trên cồn cạn, đuôi cái quai nón màu đen đã khô trong gió bay phất phơ như một vẫy tay chào vĩnh biệt. Cách nó không xa, xác một phụ nữ cũng cùng trong cái tư thế dương bốn vó lên trời như xác người thanh niên, mái tóc ngày nào chắc óng mượt nay kết lại như rễ một chùm lục bình; xác một em bé với một bên quần áo và tay chân bị cá rỉa tả tơi, mặt em lỗ chỗ như một vết thương dị kỳ.

Tôi cảm thấy mệt lả, cổ họng khô đặc. Một cái gì bỏng rát xẹt qua đầu óc và cơ thể đau đớn của tôi.

Tiếng một người nào vọng lên lồng lộng giữa vàm sông:

– Bà con ơi, trên kia còn nhiều xác nữa, đi tiếp thôi!

Bàn tay cậu trai làng xốc tôi đứng dậy:

– Em đỡ chị đi. Chị ráng tìm cho ra cháu kẻo tội nghiệp.

Chúng tôi phải đi xa hơn nữa nên phải dùng xuồng máy. Chiều xuống mau trên mặt sông mênh mông. Chẳng mấy chốc, xung quanh và chính chúng tôi đã hòa lẫn vào đêm. Lá xuồng trôi âm thầm trên dòng nước đen đặc, rầm rì tiếng động cơ, rên rỉ, dai dẳng. Cái lạnh từ không gian, từ đêm tối, từ mặt sông, từ trong tâm hồn tang tóc của tôi khiến tôi cảm thấy những thớ thịt bụng run lên bần bật, quai hàm cứng lại. Tôi ngồi co ro trong lòng chiếc xuồng máy óc ách nước, đầu óc trống trải trong một sự yên tĩnh kỳ lạ bỗng dưng tràn ngập tôi.

Bàn tay một cậu trai làng phủ lên vai tôi tấm nylon:

– Chị đắp cho đỡ lạnh, tấm pông sô này tụi em đem theo để bọc cháu.

Chốc chốc, các cậu lại bụm hai bàn tay lên miệng làm loa kêu vọng lên bờ con đê nhỏ men theo dòng sông:

– Bà con ơi, có thấy người chết trôi trên miệt đó không?

Chúng tôi đi không biết bao lâu trong đêm tối như thế. Thỉnh thoảng, chiếc xuồng trôi qua một cái lô cốt cũ nay áng chừng vẫn là chốt kiểm soát của công an tự vệ xã ấp. Ánh sáng ngọn đèn pha từ trên lô cốt quét qua khoảng sông rộng một vùng ánh sáng loang loáng như một cái phễu khổng lồ.

Tôi chờ đợi một tiếng quát hỏi và có lẽ cả một tràng đạn thị uy tiếp theo tiếng quát hỏi ấy song thực sự chỉ có sự yên lặng xung quanh. Những chú tự vệ xã ấp chắc giờ này đã có đủ lý lẽ để ngủ say trên chiến thắng, trong gia đình và giữa vợ con họ! Những đồn bót gác chỉ còn là một sự hiện diện phiền muộn và cam chịu của một thế lực chiến tranh đã cáo chung.

Sau cùng, khi chúng tôi đến nơi thì những người tù cải tạo do công an lấy từ trại giam của tỉnh Cần thơ ra đang hì hục đào đất dưới ánh lửa bập bùng của hai cây đuốc cắm trên thành một cái xe bò bên trên để một cái gói lù lù bọc ny lon xanh. Tôi biết ngay là xác con gái tôi trong đó, chắc chắn cũng đã chương sình như xác một con bò mộng!

Tôi lao đến. Người ta giúp tôi run rẩy lật miếng nylon nhỏ không đủ phủ kín hình hài con tôi để nhìn mặt cháu lần cuối cùng. Như có một tiếng sét nổ trong đầu tôi vỡ tung, mắt tôi như bị lửa bỏng rát, tôi lăn ra đất và nghe tiếng khóc của tôi như từ một cõi xa lạ nào!

Tất cả quang cảnh trước mắt tôi bỗng thu vào một đốm sáng nhỏ, xa dần rồi mất hút vào một thinh không lặng ngắt. Tôi tỉnh dần trong tiếng đất rơi lộp bộp trên miếng poncho gói một phần xương thịt dấu yêu của chính tôi từ nay chôn vùi ở cái xó quạnh hiu này.

Hai cây đuốc đã tắt ngấm. Công an đã rong những người tù khốn khổ về trại giam trong tiếng bánh xe bò lăn ọc ạch qua thửa đất mấp mô sỏi đá, tiếng những cái xẻng va vào nhau kêu xủng xoảng trong thùng xe như tiếng nghiến răng của thần chết. Đám đông hiếu kỳ cũng đã hết nước mắt cảm thương và tản mác ra về, chỉ còn tôi bên nấm đất tối đen đào lấp vội vàng và bác nông dân già trông nom khu nghĩa địa. Bác không nói gì, yên lặng hút những điếu thuốc rê vấn to bằng ngón chân cái. Đốm lửa to tướng trên đầu điếu thuốc của bác như một con mắt căm thù thao thức trong bóng đêm.

Tôi biết ơn sự yên lặng và sự hiện diện của bác như một chia xẻ, một sự cảm thông tận cùng và bất ngờ.

Chúng tôi ngồi như thế cho đến khi chân trời đằng đông hừng hừng chút sáng nhợt nhạt của một ngày mới, sương mù như một tấm lưới mỏng giăng lãng đãng trên cảnh vật nhòa nhạt, rịn thành nước trên tấm nylon khoác trên vai tôi.

Bác nông dân đứng dậy, vừa vặn người để trút bỏ cái mệt mỏi của một đêm trắng, vừa nói đủ cho tôi nghe:

– Tôi đi kiếm miếng ván làm dùm cô cái mộ bia.

Giọng nói của bác bình thản, tôi ngạc nhiên thấy mình đón nhận sự bình thản ấy như một thái độ của chính mình.

Mấy ngày sau, tôi nghe tin chị L. có chồng là kỹ sư T. đi cùng chuyến tàu vượt biên và cùng chết với con gái tôi, lúc xe chị về ngang qua bến phà Mỹ Thuận, đã lao đầu xuống vực nước mênh mông mất xác. Chị chết như vậy, chắc chắn sẽ không có ai làm cho chị một tấm mộ bia, và rồi như lời của một bản nhạc cũ, đến một ngày "dấu chân xưa cũng bụi mờ", có chăng chỉ còn đọng lại nỗi đau ngày càng cày sâu trong ký ức những người thân yêu của chị, như một vết chàm xâm. ♦

BUỔI SÁNG MỘT MÌNH

Tôi trở mình thức giấc trong cái yên lặng cố hữu của gian nhà thường chỉ có tôi là người thứ nhất thức dậy lúc đầu ngày. Cửa phòng đóng chặt, các cửa sổ kéo rèm. Một bóng đèn ngủ vàng úa càng làm rộng thêm, sâu thêm, cái không khí hoang sơ của một ngày cuối đông lạnh lẽo.

Theo thói quen, tôi quay nhìn đồng hồ đặt trên đầu bàn đêm. Còn hơn nửa tiếng nữa mới tới giờ tôi để chuông báo thức. Một cảm giác nằng nặng trên mí mắt phải và một bên mặt phải làm tôi ngờ ngợ. Tôi đưa một bàn tay lên xoa nắn nhè nhẹ, nghĩ thầm chắc đêm hôm qua tôi đã nằm nghiêng bên phải quá nhiều hoặc là đã để gối tuột khỏi đầu. Tiếng một con chim tu hú khắc khoải tìm bạn trên một ngọn cây dọc con đường hiu quạnh bên ngoài. Những ngọn cây

hai bên đường mùa này trổ đầy hoa tím, nhắc nhở không nguôi hàng cây sầu đông trong khu vườn rộng nhà tôi năm xưa ở một khu ngoại ô thành phố Huế. Thuở ấy, những ngày mùa đông mây xám thấp ngang đầu, hoa sầu đông nở tím ô cửa sổ học trò của cô gái nhỏ, tôi ngồi hàng giờ ngắm những chùm hoa sầu đông rét mướt ủ ấp những cơn mộng đầu đời mong manh.

Từ bấy đến nay, đã biết bao mùa đông hoa tím rụng qua đời, đã biết bao đắng cay phiền muộn, tôi vẫn còn hàng ngày đi dưới những cơn mưa hắt hiu của hoa sầu đông tím!

Tôi bỏ chân xuống thảm rồi đi vào phòng rửa mặt. Những vốc nước lạnh đầu tiên vỗ lên hai mắt đem lại một cảm giác cay xè, bỏng rát. Tôi chớp mắt, mi mắt như có những hạt cát cứng và sắc. Tôi nhìn vào tấm kiếng soi sáng rỡ dưới chùm đèn điện bằng thủy tinh, sững sờ thấy một bên mắt tôi sưng tấy, dấu sưng lan rộng xuống một phần gò má làm da mặt tôi ở chỗ ấy căng bóng lên. Trong khoảng khắc, một cảm giác buồn rầu như một cơn gió lạnh thấm vào xương sống lưng làm người tôi cứng lại.

Tôi mặc quần áo xong mà gian nhà vẫn còn chìm đắm trong giấc ngủ. Tôi ra bếp, làm thức ăn sáng và thức ăn trưa cho mọi người đem theo đến sở, kể cả thức ăn để dành cho mấy đứa nhỏ còn đi học cần ăn lúc nào cũng có.

Tiếng vòi nước chảy trong sự tĩnh mịch sâu thẳm của buổi sáng chỉ có một mình tôi, bóng ngọn đèn soi trên cái sink rửa bát khô ráo có một vẻ gì cô quạnh bỗng làm tôi rưng rưng nước mắt. Mọi khi, tôi không có thì giờ để nghĩ luẩn quẩn như hôm nay. Tôi làm tất bật, quay quắt như một cái chong chóng để chuẩn bị đủ mọi thứ cho một gia đình sáu người.

Ấm nước pha cà phê reo sôi trên bếp. Tôi pha thêm một tách trà nóng để hơ bên mắt đau của tôi. Con trai tôi dậy từ lúc nào, đã y phục tươm tất, một tay bỏ vào túi quần chắc là để tìm chìa khóa xe, tay kia vồ lấy túi thức ăn trên bàn rồi biến ra cửa không kịp nhìn tôi:

– Bye bye, Mom!

Tôi toan đứng dậy đi thì chồng tôi ra tới nơi. Anh nhặt tờ báo

ngoài hè rồi quay vào uống ly cà phê. Mãi đến hôm nay tôi mới có dịp để ý là chồng tôi thường ăn sáng mà không nhìn thấy tôi ngồi trước mặt. Anh dở những trang báo xào xạc, anh đọc tin tức một cách bình thản và ăn uống một cách bình thản, như thể anh không có một chút thưởng thức nào. Tôi vẫn ấp hai bàn tay bên ngoài cái tách trà nâng cao ngang tầm mắt để xông. Tách trà đã nguội nhưng hình như tôi cố tình kéo dài để chồng tôi có thể nhìn thấy một bên mí mắt tôi đau, tuy vậy, sau cùng anh bỏ tờ báo, uống cạn tách cà phê rồi đứng dậy:

– Em đi chưa?

Ngay sau câu hỏi, anh quay lưng đi ra cửa, hai tay vỗ vỗ những cái túi áo jacket áng chừng để kiểm soát lại vài cái bút, gói thuốc lá hay cái bật lửa, theo một thói quen cố hữu của anh trước khi rời nhà.

Tôi đến sở làm như thường lệ. Các bạn tôi kêu lên khi nhìn thấy tôi:

– Trời ơi, mắt Hân đau kìa!

Người khác:

– Trời ơi, sao chị không nghỉ đi bác sĩ? Mắt chị sưng quá!

Những câu hỏi tới tấp, những lời nói của bạn bè như những mũi kim chích râm ran vào thân thể tôi, làm tôi chợt cảm thấy hình như một cái gì trong tôi vừa hao mòn và tàn tạ.

Đến trưa thì một bên mặt tôi càng sưng to. Tôi quyết định về nhà để đi bác sĩ. Lúc tôi cầm ống điện thoại gọi đến phòng mạch lấy hẹn xong, tôi có ý nghĩ gọi cho chồng tôi ở chỗ anh làm việc. Tôi đã quay số, đã nghe tiếng chuông reo và tiếng người tiếp viên ở tổng đài nhưng tôi lại gác máy. Một cảm giác mỏi mệt bất ngờ làm lòng tôi tê lặng. Nếu chồng tôi nghe tôi gọi, anh ấy cũng không giải quyết được gì, tôi chỉ làm anh thêm bận tâm vô ích vì nỗi đau là của riêng mỗi người. Dù cho chúng tôi có thương yêu nhau đằm thắm, dù cho chúng tôi có thương yêu nhau đến mức độ "tuy hai mà một" thì cũng vẫn có một giới hạn cho chúng tôi trong cơn đau. Từ lúc tôi banh da xẻ thịt để sinh đứa con đầu lòng, tôi đã hiểu rõ thân phận của con người là cô đơn. *Dẫu anh có đi với em tới đầu nghềnh cuối bãi, dẫu anh có thể chết bên cạnh em và vì em thì cũng vẫn có một nơi chốn*

anh không thể cùng em đến: đó là trong cơn đau.

Một giây đồng hồ trước khi con tôi chết ngộp dưới dòng nước phũ phàng trong một chuyến vượt biên, nó cũng có cái ý nghĩ của tôi: nó chết một mình! Tôi không thể chia xẻ một chút gì với cháu trong nỗi bất hạnh của riêng nó dầu chính cháu là một phần xương thịt của tôi. Vì vậy, tôi ngậm miệng trong cơn đau. Tôi nghĩ: "có một thứ trên đời người ta sẵn lòng đem cho, một phần hay đem cho hết nhưng người ta lại không thể trút bỏ đi đâu được, người ta cứ phải khư khư giữ lấy một mình như một thứ oan khiên: đó là nỗi bất hạnh, tuổi già và cơn đau".

Tôi nhớ lại một ngày khi Mai biết chồng có tình riêng, cô ấy đòi chết. Cô uống ba mươi bẩy viên Optalidon để vĩnh biệt cuộc đời nhưng số phận lại muốn cô được người ta chữa chạy cứu sống. Lúc tôi vào nhà thương thăm Mai, cô ấy cầm tay tôi mỉm cười:

– May quá, còn được gặp lại Hân! Lúc đối đầu với cái chết, mình thấy mình lẻ loi quá, cô đơn quá. Chạy trốn một nỗi cô đơn để lại chui đầu vào một nỗi cô đơn còn rộng lớn hơn, còn ghê gớm hơn, còn tận cùng hơn, thật dại quá! Trước sau gì rồi cũng phải chết, tội gì hoại thân để đi tìm?

Tôi đến phòng mạch bác sĩ lúc 5 giờ chiều. Có nhiều người khách cũng như tôi, đang ngồi chờ. Vẻ mặt người nào cũng dăm chiêu. Họ lơ đãng cầm một tờ báo lên, lật qua trang mà không đọc rồi lại đặt trả tờ báo vào chỗ cũ. Có người ôm chặt tờ báo trên ngực, như thể để chắc chắn là họ còn bám víu vào một cái gì đó trên cõi đời này. Một ông làm ra vẻ lạc quan, thỉnh thoảng huýt sáo khẽ một điệu hát rời rạc, cái khung của sổ bằng kính trước mặt ông lờ mờ chảy những hàng nước mưa lặng lẽ. Một bà mắt lom lom nhìn người đối diện rồi ngập ngừng hỏi:

– Bà khám bệnh lần đầu hay là thân chủ quen?

Người được hỏi tỏ ra không có gì quan trọng, trả lời hờ hững:

– À, tôi cứ lâu lâu ghé check lại sức khỏe ấy mà!

Nhưng tôi thì không dấu được ai với một nửa bên mặt sưng húp của tôi.

Một người tốt bụng ngỏ lời:

– Chắc chỗ chị làm có nhiều hóa chất, chị bị dị ứng hay nhiễm độc mắt đấy thôi, chị nghỉ ngơi, rỏ thuốc vài lần chắc hết.

Một người khác ra vẻ thông thạo:

– Có khi sưng thế này là thận đấy!

Nói rồi vị ấy chép miệng:

– Ôi! thận thì thận, chẳng có sao! Ở đây xứ văn minh, họ cứ mổ cắt tuốt rồi cho thận giả vào, xài tốt hơn thứ thiệt.

Tôi kiên nhẫn ngồi nghe quí vị đồng bào bàn luận, lòng dửng dưng như nghe chuyện của ai.

Mới tuần lễ trước, tôi đi đưa đám ma anh Kiên và mới sáu tháng trước, tôi tình cờ trông thấy anh ngồi chờ ở một phòng mạch bác sĩ, tay chống cái gậy. Hỏi thăm thì anh tươi cười đáp: "Ui dào, có tuổi rồi chị, nó cứ đau nhức lung tung, chắc lại bị phong thấp ấy mà!" Thực sự thì anh không bị phong thấp, anh bị ung thư phổi. Anh đã chống trả một cách quyết liệt với cơn bệnh và khi biết rõ mình sẽ phải thất bại, anh chờ đợi cái chết như chờ đợi một người thân đến đón anh đi xa.

Nghe kể lại rằng lúc qua đời, anh chỉ chợt nhẹ nhàng khép đôi mắt lại, như đi vào một giấc ngủ êm đềm. Biên giới giữa sự sống và sự chết nó liền lạc đến nỗi khó mà nghĩ rằng một cái gì khủng khiếp đã xảy ra, một cái gì đó đã thực sự chấm dứt, ít nhất là cho đến khi mọi việc bắt đầu rơi vào quên lãng thì người ta cũng đồng thời quên hết mọi chuyện rồi!

Ông bác sĩ yên lặng khám bệnh cho tôi. Tôi thích sự yên lặng của những ông, bà bác sĩ lúc họ khám bệnh, nó giống như sự bí ẩn của cõi sống và cõi chết.

Sau cùng ông ta bảo tôi:

– Tôi cho làm các thử nghiệm cần thiết về thận của bà. Thứ bẩy, bà sẽ nhận được thông báo kết quả.

Tôi cám ơn, vừa đi ra vừa ngẫm nghĩ "Cầu trời cho mình còn đủ thời giờ để được thông báo mọi kết quả thử nghiệm".

Thành phố đã lên đèn. Những chiếc xe hơi đủ mầu và đủ hình thù chạy ngược xuôi trên những con đường ngang dọc, như một đàn thú điên. Một chiếc xe của tôi có chạy lẫn vào dòng xe cộ này hay

không thì cũng chẳng có gì thay đổi, chẳng có gì thêm bớt vào đời sống ở đây. Tuy vậy, cái ý nghĩ có thể tôi đang đi lần cuối cùng trên những đoạn đường này, nhìn ngắm lần cuối cùng những cái bảng hiệu quen thuộc trên các cửa tiệm tôi từng ra vào này, bỗng làm tôi cảm thấy lòng nhũn đi vì một cảm giác bùi ngùi và thương tâm.

Xe về đến trước sân. Ngọn đèn ở cửa đã được chồng tôi hoặc một đứa con nào của tôi thắp sáng như mọi đêm. Tôi thường có ý nghĩ ngọn đèn trên ngạch cửa của những ngôi nhà Việt Nam ở đây giống như những ngọn nến cầu nguyện tôi vẫn thấy người ta đốt lên trong nhà thờ, để xin ơn hoặc tạ ơn. Chúng tôi tạ ơn một ngày bình yên và xin ơn một ngày trở về cố quốc.

Còn bao nhiêu buổi chiều, buổi tối nữa tôi còn được nhìn thấy ngọn đèn báo hiệu một sự sống ấm cúng đang tồn tại bên sau cánh cửa này? Và nếu một ngày kia không còn có tôi trên cuộc đời, chắc chắn ngọn đèn vẫn sẽ còn sáng mỗi chiều, mỗi đêm, êm ả, vô tình. Thật ra, thiên nhiên và cảnh vật có gì gắn bó với con người đâu, chỉ tại thần trí ta, tâm hồn ta, tình cảm ta, đã gắn bó với thiên nhiên và cảnh vật, đem sự sống của chính mình, tình yêu và nỗi đam mê gửi vào những vật vốn vô tri vô giác để thấy nơi chúng hình ảnh cái tâm thức siêu hình, sâu thẳm và tha thiết trong mỗi chúng ta.

Cơn mưa phùn căm căm gió rét trên một hè phố nhếch nhác những thân lá rữa mục, những bông hoa sầu đông lạc loài dưới một vòm trời mây xám đìu hiu có thật đã nhất thiết gợi nhắc với tất cả mọi người chốn quê hương xa vời, khuất nẻo hay chính nỗi nhớ nhung hoài niệm không nguôi chỉ riêng trong lòng tôi, đã trải lên cảnh vật bức tranh ngày dĩ vãng?

Không một ai trong nhà nghe tiếng xe tôi về đến sân. Giờ này có lẽ chồng tôi đang nằm nghỉ trong phòng, chờ bữa cơm tối được dọn ra, với một ly rượu khai vị trên bàn đêm, con gái tôi đang loay hoay làm một món gì đó trong bếp, vừa làm vừa nhún nhẩy theo một băng nhạc cassette nghe bằng headphone để không quấy rầy ai hoặc vừa làm vừa lầu bầu gắt gỏng vì cái công việc ăn uống phiền phức làm cô mất thì giờ, con trai tôi đứa lớn chắc chưa về, còn đứa út hẳn là đang dán mắt vào một show nào đấy trên màn ảnh ti vi. Với những

hình ảnh quen thuộc cố hữu ấy trong đầu, tôi buồn rầu cho tay vào ví lục tìm chìa khóa để mở cửa một mình. Trong thoáng giây, tôi chợt nhận ra rằng từ một lúc nào không còn nhớ rõ, mỗi người chúng tôi trong gia đình trở thành một cái bóng thầm lặng đi bên lề cuộc đời nhau. Đã hết những nỗi vui rào rạt như những con sóng nhỏ vỗ vào bờ cát ấm một ngày mùa hè long lanh mặt trời, đã hết những buốt đau thảng thốt làm gía lạnh buồng ngực, héo khô má môi, nghẹn ngào hơi thở, đã hết những thao thức bâng khuâng, những đợi mong gượng nhẹ một tiếng chân, một mắt nhìn, một nụ cười, đã hết ngay cả những đắng cay, những mật ngọt để biết nhau còn sống tràn đầy và thưởng thức.

Tôi bước chân vào nhà, tự nhiên nghe xôn xao trong lòng một nỗi nôn nao khó tả. Những phòng ngoài không có ai. Tiếng nước chảy xối xả trong buồng tắm, chắc là một đứa con nào của tôi đã về. Tôi đi vào phòng. Dưới ánh sáng mờ nhạt của bóng đèn đầu giường, chồng tôi đang thiếp ngủ, mắt vẫn còn đeo kính và tờ báo để trên ngực. Tôi đứng lại trên ngưỡng cửa để nhìn anh một lúc. Khoảng cách giữa chúng tôi chỉ có mấy bước chân nhưng hình như không gian ấy đã lạnh ngắt, đã đông đặc một nỗi ngăn trở lâu dài. Sự tĩnh mịch chung quanh làm tôi nghe rõ tiếng anh ngáy sè sè, như thể đời sống đầy những lo âu và nhọc nhằn ở đây đã lấy đi hết nơi anh cái sức lực của tuổi thanh xuân ngày nào, tiếng anh thở như mắc nghẽn, như quanh quất ở một đường khí quản chất chứa cặn bã thời gian và phiền muộn.

Tôi nhẹ nhàng thay áo, hết sức rón rén để không làm chồng tôi thức giấc và có lẽ để tôi được một mình lâu hơn.

Tôi muốn nằm ngả lưng một lát cho đỡ mệt song cái ý nghĩ bỗng dưng đến nằm bên cạnh anh vào một lúc không phải là giờ đi ngủ thường lệ làm tôi cảm thấy khó chịu và bực bội. Tôi nghĩ thầm trong đầu: ngày mai phải kê thêm một cái giường nhỏ trong phòng.

Tôi ngồi duỗi hai chân trong chiếc ghế bành. Bắp thịt trên gò má tôi giật nhẹ nhẹ. Dưới hai mi mắt vừa nhắm lại, chỉ còn trắng xóa một hư không mịt mù sương khói. Nỗi mệt mỏi như một lớp hơi nước bốc lên từ những chiếc gối dựa êm ấm, thấm ngấm và lan tỏa

khắp cơ thể rời rã của tôi. Tôi chợt mỉm cười vu vơ một mình, nhớ lại con đường dốc quanh vào đầu thị xã Đà Lạt với những dậu hoa bìm bịp vàng rực rỡ. Trong cái lạnh hanh hao, khô nẻ của Dalat mùa hè, mầu sắc những đóa hoa bén sắc như những lưỡi dao nhọn, nhìn một lúc tưởng chừng máu rịn ra từ hai tròng mắt, từ các lỗ chân lông nở lớn mọc thành gai ốc khắp người.

Ở chỗ con đường dốc quanh vào đầu thị xã ấy có một cái khách sạn nhỏ bằng gỗ của người Pháp, tên là Sans Souci. Cái khách sạn này là nỗi ám ảnh êm đềm của tôi trong suốt nhiều năm tháng gieo neo của một đời người. Mỗi lúc tâm hồn kiệt quệ, khẽ nhắm mắt lại là tôi thấy hiện lên trong đầu cái bảng hiệu Sans Souci dưới một khoảng trời rộng rãi màu lam nhạt, bên một rịa đường có những bụi hoa tươi thắm cười cợt trên cái rạt rào của biển lá xanh. Tôi thấy tôi đi trong tay chàng, va li đặt dưới chân, tra cái chìa khóa vào một cánh cửa nào đó mà tôi không bao giờ có cơ hội bước qua. Nghĩ đến "chàng", tôi lại cười một mình. Có một chút gì mịn như phấn, êm như nhung, thơm ngạt ngào như quế bỗng dưng dấy lên xung quanh tôi và trong chính tôi, một nỗi rung động không cùng bỗng làm tôi nức lên vì choáng ngợp một hạnh phúc kỳ dị.

Suốt cả cuộc đời, dường như tôi đã mải miết vùi chôn những ngày tháng hẩm hiu trong cái mộng tưởng về một hẹn hò hão huyền với chàng. Suốt cả cuộc đời là một hiến dâng thường trực, tự hào và mãn nguyện cho một chiếm hữu vô hình, thiêng liêng và bền chặt. Vẫn đã biết chỉ là hư không, chỉ là mộng ảo, chỉ là bến bờ mê hoặc. Thời gian vô tình cứ trôi mãi về một chân trời cách trở, cho đến bây giờ tóc đã xám, mắt đã quầng, tất cả đã nguội lạnh, đã tro than, đã muộn màng hối tiếc...

Chồng tôi chợt thức giấc. Chàng đảo mắt nhìn quanh gian phòng và nhìn thấy tôi. Đôi mắt anh đậu lại trên người tôi một lúc như để xác định cái hình ảnh về tôi là thật:

– Đã có cơm chưa em?

Từ bao nhiêu năm, anh chỉ hỏi em có thế. Từ bao nhiêu năm, em dính liền với bữa ăn sáng, bữa ăn trưa, bữa ăn tối, với đôi dép, cái tăm, cục xà bông và hồ nước tắm của anh. Ôi! đôi mắt thâm trầm huyền

hoặc năm xưa, đôi mắt mà khi mới gặp nhau, mỗi lần nhìn đã khiến em nghĩ đến mùa đông dài vô tận thời thơ ấu nơi quê ngoại, đôi mắt chứa chan bao điều tình tự cho cái tâm hồn khát khao những nỗi đam mê xa lạ của em, cái thế giới vô biên và bí ẩn trong đôi mắt anh ngày ấy có thật hay không, hay là em đã không có cách vào và anh không đành lòng mở? Hay nữa là sau cùng, những ý nghĩ của em thực ra cũng chỉ là ảo tưởng vẽ vời mà thôi?

Tôi lắc đầu:

– Em mới đi bác sĩ về, mệt quá!

Giọng chàng trầm trầm, như bị trì xuống vì một cái gì nặng lắm:

– Em đau sao?

A! thì ra anh vẫn không nhìn rõ mặt em. Đã bao lâu rồi ta không nhìn rõ nhau hay ta chỉ nhìn nhau trong cái tranh tối tranh sáng chập chờn này?

– Em bị sưng một bên mắt và một nửa mặt. Bác sĩ bảo có thể thận em bị trục trặc.

Hình như đôi mắt chồng tôi mở lớn hơn một chút. Sự im lặng như một tấm lưới rộng và nhanh chụp lên chúng tôi cơn thảng thốt bất ngờ. Song chồng tôi vẫn ngồi bất động ở chỗ của anh, nhìn tôi chăm chú rồi chép miệng:

– Khổ rồi đấy em ạ! Mong rằng em không đau gì nhiều.

Tiếng chàng u uẩn, rời rạc, hai vai chàng rũ xuống như một ông già.

Tội nghiệp anh. Vì suốt cuộc đời làm vợ của em, em vẫn thường là cây cột chống cho anh nương tựa, để vực anh từ những vực đời chênh vênh, phiền muộn, để vực em từ những lỡ làng thua thiệt, thế nhưng kể từ một một ngày dâu bể, đời trôi dạt đến phương này, em bỗng mệt nhoài với sức nặng của chính mình, nên em để mặc anh và em cùng trôi tuột trên con dốc đời trống trơn, vô nghĩa!

Không còn những cái mốc hẹn hò, không còn những đường quanh chờ đợi, không còn một phiến đá, một tàn cây để làm dấu quay về. Chỉ còn một lối đi trước mặt, mở ra với ngày lên, với đêm xuống, đưa tới một nấm mồ. Trên lối đi này, có lẽ em đang tranh bước với anh!

Đã từ lâu lắm hình ảnh chồng tôi bỗng làm tôi xúc động:

– Anh ra ăn cơm đi, chắc con đã làm giúp em mọi thứ rồi!

Chàng cho cả hai bàn tay lên vuốt mái tóc đã hoa râm, chậm chạp đứng dậy, như thể cái ý nghĩ phải ăn một bữa cơm cũng làm chàng đau khổ.

Sáng hôm sau tôi dậy muộn. Chỉ còn mình tôi trong gian nhà rộng, với mấy con cá màu lặng câm bơi lội nhởn nhơ trong cái hồ nước nhỏ. Trời hôm nay bớt mây, một chút nắng hanh hao nhóm trên đầu những ngọn lá dài theo bờ rào, gọi nhắc một điều gì mông lung, thầm lặng, chợt đến, chợt đi, chợt gần chợt xa, chợt quên chợt nhớ.

Liệu tôi còn bao nhiêu thời giờ nữa ở nơi chốn này? Sự chia lìa đã sẵn trong cái vô tình của tĩnh vật chung quanh. Rồi cũng giống như con chim nhỏ đang nhảy nhót trên cỏ xanh, chỉ một vỗ cánh im lìm đã mất hút vào hư vô, khu vườn vẫn chẳng có gì thay đổi, những con chim khác lại đến nhảy nhót trên cỏxanh. Chỉ thiếu một đôi mắt buồn rầu sau cửa sổ sáng nay, chỉ thiếu một trái tim đang đập nghẹn ngào những nỗi tiếc thương vô vọng, chỉ thiếu một cơn tức giận mênh mông đang vò xé tấm hình hài hữu hoại, chỉ thiếu một ngày hôm qua trên tờ lịch đã xé bỏ.

Giờ này các bạn tôi trong sở làm đang túi bụi với công việc của họ. May ra một vài người chắc sẽ nhắc nhở hỏi thăm tôi. Nếu tôi còn cơ hội, tôi sẽ nói cho Rosa biết tôi rất yêu thích tiếng cười của cô, tiếng cười ngắn, đục, hãm lại thành chuỗi trong cổ họng, như tiếng một con bồ câu mái gù trên bờ hồ nước nhà tôi năm xưa, tiếng cười gợi lên hình ảnh của một hạnh phúc thầm vụng và tràn đầy, của một người không thể dấu nỗi sung sướng của mình.

Trong canh bạc đời đen đỏ, với Thượng đế làm một người hồ lỳ vừa khoan dung vừa khắc nghiệt, vừa sòng phẳng vừa ăn gian, mọi người tham dự cuộc chơi đều biết họ sẽ đứng lên trắng tay, ấy vậy mà trong cơn say mê được thua, thường khi người ta quên hoặc người ta giả vờ quên nên thiếu người chịu chơi hào sảng và không mấy ai chịu cười khi tàn cuộc.

Từ nhiều năm, tôi đã sẵn sàng cho một lên đường chờ đợi. Nếu

thứ bẩy này, ông bác sĩ báo là kết quả thử nghiệm bình thường, chắc chắn tôi sẽ có cái tâm trạng của một người bị ép ngồi nán lại một cuộc vui mình đã muốn giã từ ♦

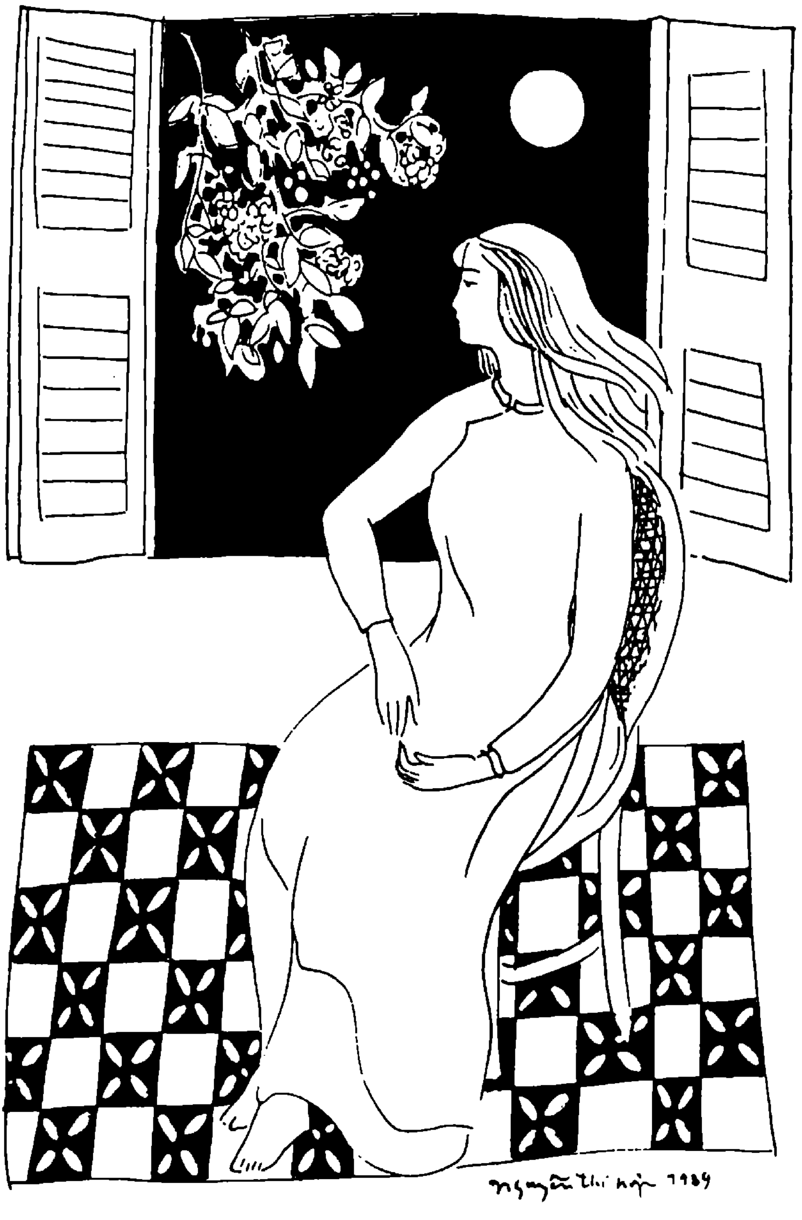

CUỘC HẸN

Quyên gác ống nghe lên máy điện thoại nhưng bàn tay nàng vẫn còn đặt trên cái bản nhựa khum khum mầu xám lúc nào cũng làm Quyên liên tưởng đến cái nhịp cầu ngắn bằng xi măng bắc qua những con lạch nhỏ ở quê nhà. Tiếng nói của Võ còn phảng phất dồng vọng, chập chờn xa gần, loang mãi ra như những cái vòng tròn rung động trên mặt nước hồ êm của tâm hồn Quyên lúc bấy giờ. Quyên thật chưa có một cảm giác gì rõ rệt. Ngay từ lúc còn trẻ, Quyên phản ứng rất chậm chạp trong mọi tình thế. Bất cứ biến cố hay sự việc nào lúc xảy đến với Quyên, cũng như nước ngấm vào dất. Phải mất một thời gian Quyên mới ý thức được chuyện gì dã xảy ra và nó tác động đến Quyên như thế nào? Vì vậy, thường thì Quyên luôn luôn cảm thấy hối tiếc vì nàng không bao giờ kịp nói hoặc làm

những điều lẽ ra nàng nên nói và nên làm. Nàng cũng không bao giờ kịp hất đi cái lượng nước té tát vào nàng khi nó chưa kịp thấm, cho nên thường thì Quyên cứ ướt như chuột lột. Lúc nào nàng cũng cảm thấy lạc lõng và bị bức hiếp một cách quá đáng. Sau cùng, hình như Quyên khôn dần ra. Nàng biết tự che chở bằng một cái vỏ cứng tách biệt nàng ra khỏi đám đông. Cái vỏ cứng đôi khi làm Quyên ngột ngạt nhưng Quyên bằng lòng sự an toàn ở bên trong nó. Quyên bớt hẳn lệ thuộc vào thế giới xung quanh. Nàng có nhiều tự do để nhìn ngắm đời sống theo cảm quan không bị trói buộc của nàng.

Chiều tối hôm nay Võ vừa gọi điện thoại cho Quyên, báo tin cuối tháng chàng về thăm nàng. Có một chút gì lăn tăn gợn sẽ trong tận đáy lòng Quyên, như tiếng reo râm ran càng lúc càng nhanh của một ấm nước bắt đầu sôi trên bếp lửa. Quyên cảm thấy dễ chịu, sự dễ chịu êm ả như một luồng hơi ấm áp lan tỏa từ đầu xuống tận các ngón tay và ngón chân nàng, khiến Quyên bỗng muốn đi nằm để được úp mặt lên cái gối lụa, trong một nghỉ ngơi hoàn toàn.

Quyên nhớ lại tiếng nói Võ trong ống nghe. Giọng chàng nhanh và nồng nhiệt hơn mọi khi, như thể một cơn gió đang đẩy chàng chạy về phía trước. Quyên chợt có cảm tưởng khuôn mặt Võ với những cái chân râu cứng đang sát vào mặt nàng. Quyên nhìn thấy cả cái đốm tàn nhang màu nâu cộm lên ở đầu con mắt bên trái của Võ. Một hôm Quyên đã sờ tay vào đấy và bâng khuâng nghĩ đến những năm tháng tẻ lạnh đã đi qua trong cuộc đời cả hai người, xa lạ, buồn phiền, bất ngờ, như cái đốm tàn nhang bỗng nhiên hiện ra ở đầu con mắt Võ, vào lúc nào có lẽ chàng cũng không biết tuy nó là hiện thân của khoảng thời gian thật dài hai người không gặp nhau. Sự liên tưởng lan man lúc đó làm Quyên nói một câu chẳng đâu vào đâu với Võ:

– Ở khu vườn nhà em cũ, bây giờ có mấy ngôi mộ từ hồi biến cố Mậu thân. Quang cảnh thật tiêu điều, nhưng với em, nó vẫn là khu vườn của tuổi thơ, không bao giờ quên và không gì thay thế được.

Mắt Võ mông mênh buồn:

– Em cố chấp một cách tội nghiệp. Thật ra, mọi sự đều đã đổi thay, cả anh, cả em, cả những điều chúng ta có và những điều chúng

ta suy nghĩ.

Quyên hơi chua chát:

– Vậy anh làm sao nhận ra em? Có phải cũng chỉ là một sự cố chấp tương tự như em không?

Võ cười thú nhận:

– Quả có thế! Một ý nghĩ không làm anh bận tâm nhiều nhưng rõ rệt nó vẫn lẩn quẩn đâu đó trong đầu óc anh. Một vài khi lãng đãng, một vài khi mủi lòng, đến nỗi khi hình ảnh em đã nhạt nhòa trong trí nhớ anh, cái ý nghĩ về em vẫn còn, như lúc đầu.

Quyên cười gượng:

– Ý nghĩ về em như lúc đầu, là thế nào? Là một cái tên gọi, là một nếp gấp của ký ức?

Hình như Võ muốn cả Quyên lẫn chàng cùng quên một điều gì nên Võ đánh trống lảng:

– Anh chỉ muốn hôn em.

Và Võ cầm tay Quyên, bóp nhẹ. Bàn tay Quyên mềm, ấm, bứt rứt trong tay Võ. Chàng nghe được cả từng cơn xúc động đè nén ở những ngón tay co duỗi từng chập của Quyên. Chàng nghe được cả tiếng những đường gân máu đập khắc khoải trên lưng bàn tay Quyên, mơ hồ, dai dẳng, như đời sống của nàng.

Võ bỗng dưng ngậm ngùi:

– Kể ra nói cũng nhiều rồi, chẳng làm cho ai hiểu. Với em, hình như em hiểu được những điều anh không nói.

Quyên làm ra vẻ trêu chọc Võ:

– Đúng vậy! Và em hiểu theo sự cố chấp của em, cách nào để chúng ta cùng ít bị tổn thương. Như vậy, anh không nói là có lợi cho anh đó.

Võ buồn rầu:

– Anh không tính lợi hại, miễn là em được sung sướng.

Quyên buột miệng:

– Anh nghĩ là em còn có thể sung sướng?

Võ nhìn ra khoảng không:

– Chỉ là một mong ước hay một lời cầu nguyện. Anh cũng biết câu nói có thể làm em xúc động. Giá anh giữ ý nghĩ ấy trong lòng thì

hơn.

Quyên hối hận và xấu hổ vì sự cay nghiệt quá đáng không kìm hãm được của nàng. Quyên ôm bàn tay Võ áp lên má nàng, như một lời tạ lỗi. Bàn tay Võ hơi khô và đầy dặn. Cảm giác về sự có mặt của Võ cũng lạ lùng như cơ hội họ gặp lại nhau.

Một buổi tối đã khá muộn, tiếng Võ nghe thình lình ở đằng kia đầu dây điện thoại:

– Anh đây, Võ đây.

Sau này Võ nói với Quyên:

– Thật ra anh không hình dung được em.

Võ ngừng một tí, như để tự lắng nghe, rồi tiếp:

– Mà nếu có hình dung, có lẽ cũng không giống em hiện nay. Tuy vậy, anh biết ở cái số điện thoại anh vừa gọi, có một người đã thân thiết với anh một thời. Anh gọi, không để làm gì cả, chỉ vì không thể không gọi.

Vẫn thế ở con người Võ, tâm hồn Võ. Là sự đam mê dửng dưng, là sự thiết tha mà tưởng chừng hời hợt, là sự trùm lấp, cuốn trôi của biển khơi, không giới hạn, không mục đích cho chính nó. Êm đềm hay bão tố, nhởn nhơ dưới vầng trăng mùa hè trong vắt hay vật vã trong đêm mùa đông tối tăm, cuồng nộ, biển là cô đơn, là tận cùng của riêng mình.

Võ nói:

– Từ những ngày thơ ấu sống trong ngôi làng ven biển, dưới chân đèo Hải vân, anh đã biết sợ sự không cân bằng giữa tầm vóc con người và những giấc mộng mông lung trong tâm hồn nó.

Cái cậu bé mình trần, chân đi đất, mỗi buổi chiều chắp hai tay sau lưng đứng trên bãi cát vắng lặng nhìn ra biển khơi mênh mông, đôi mắt tràn đầy sự háo hức, cậu bé ấy một ngày lớn khôn, chợt cảm thấy trong cậu tất cả sức sống hoang dã, tàn bạo, kiêu căng, mê đắm và biến ảo của đại dương. Biển tự do và bất kham, trải đến vô cùng trong cái giới hạn nhìn thấy của đường chân trời bình yên. Và đó là bi kịch của biển, bi kịch của đời Võ.

Những con sóng xô vào bờ cát không hẹn hò, bôi xóa hết những dấu chân, chôn vùi đàn dã tràng, nén chặt những lớp cát đang hả hê

thở, để lại sự phẳng lì trơ trọi.

Nhiều năm đã trôi qua, Quyên vẫn còn cái cảm giác thảng thốt khi Võ tự nhiên ôm hôn nàng. Không có một chút gì giống với những điều Quyên thường thấy mô tả trong tiểu thuyết hoặc Quyên vẫn tưởng tượng ra khi xem xi nê. Đôi môi Võ nóng bỏng, ngột ngạt. Cổ họng Quyên lúc bấy giờ khô khốc. Lần đầu tiên trong đời, Quyên tưởng chừng cảm thấy cái mùi vị nhạt nhẽo của nỗi sợ hãi. Một bàn tay Võ đặt trên cao, chỗ hai đùi Quyên đang khép chặt cứng như một thứ bản năng phòng vệ không có ý thức. Rồi thôi, rồi cũng tự nhiên như khi Võ thình lình ôm nàng, chàng buông Quyên ra, nhìn vào mắt Quyên và cười yên lặng.Quyên còn nhớ rõ ánh mắt Võ trong suốt, hồn nhiên, hàm răng chàng nhỏ và đều. Suốt buổi tối hôm đó cho đến khi hai người chia tay nhau lúc gần nửa đêm, bên dưới giàn hoa giấy màu đỏ ở cổng nhà Quyên, Võ nói chuyện gì Quyên không nhớ, nàng chỉ nhớ Võ cười luôn miệng, nụ cười không thành tiếng trắng toát những cái răng nhỏ và đều, như một bông hoa sứ trên đầu ngọn lá tắm đẫm ánh trăng những đêm mùa hè ở quê hương. Dường như nhiều khi Võ sống bên ngoài mọi ý niệm về thời gian và không gian. Chàng cũng không quan tâm đến bất cứ gì không liên hệ tới nguồn cảm xúc của chàng. Đêm hôm đó, Võ có vẻ hài lòng, vì đã đem đến cho Quyên và cho chính chàng một điều gì đó thật hợp lý.

Bẵng đi một thời gian khoảng vài tuần lễ sau lần gặp gỡ lạ lùng ấy, Quyên nhận được hồng thiệp báo tin Võ cưới vợ. Cái phong bì to hơn một phong bì thường và bằng giấy cứng, đến với Quyên cũng thản nhiên và bất ngờ như Võ. Quyên cầm mãi tấm thiệp trên tay, đọc đi đọc lại những cái tên, những con số nhà, ngày tháng... Nước mắt Quyên ứa ra. Tai Quyên rào rào tiếng cánh của một đàn ong đang bay. Nỗi đau đớn như một lưỡi dao bén xẻ đôi buồng ngực Quyên từ cổ họng xuống bụng. Quyên khụy xuống trên cái hè xi măng nóng hổi đàng sau vườn, như một con thú bị trọng thương chạy đến một nơi hoang vắng và nằm chết.

Đêm tối dần xung quanh Quyên. Tiếng muỗi kêu ran. Ánh sáng đèn từ những căn phòng khuất lấp sau cái cầu thang uốn quanh vì tường có một ô cửa sổ mở hé đang che dấu Quyên, hắt cái lù mù lên

khoảng sân cỏ bên cạnh, giống y như cái mầu không gian tối mờ mờ buổi chiều Quyên đi chơi với Võ cách đây chưa bao lâu.

Sau cùng, Quyên đốt tấm thiệp. Nàng cúi rạp người trên cái hè xi măng, thổi bay tan tác những mảnh tro vỡ vụn, đắng ngắt mùi lửa. Hình như lửa bén lên môi Quyên, bỏng rát.Hình như lửa bén chỗ hai đùi Quyên khép chặt, đau buốt. Suốt cả đêm hôm đó, Quyên cuống quít với những vết thương đột nhiên nhức nhối trên cơ thể nàng bỗng dưng bị lột trần ra. Sáng hôm sau, con ngõ Quyên đi học chập chờn dấu chân Võ. Những dấu chân cứ dầy mãi lên trên mặt cát, cứ to mãi lên trong hư không, đuổi Quyên chạy thẳng thốt với đôi mắt sưng tía như hai quả bồ quân.

Với tấm thiệp báo tin Võ cưới vợ, Quyên không còn sự bí ẩn của riêng nàng nữa. Nỗi tuyệt vọng như một cơn bão lớn làm trống trơn tâm hồn ảm đạm và thể xác khô héo của Quyên, của một người đang nương theo một người khác trên con nước êm bỗng thấy bàn tay đẩy mình tuột đi. Quyên chìm xuống đáy vực, thẳng trơn. Sự chết thâm nhập nàng, chắc chắn, từ tốn, êm ả, lạnh lẽo. Sự chết như một khối nước bắt đầu đông cứng, trong suốt, bọc Quyên trong cái áo quan bằng thủy tinh.

Sau này khi gặp lại nhau, có một lần Võ ngập ngừng muốn hỏi Quyên về chuyện cũ. Nhìn đôi mắt Võ cố dấu sự ngờ vực, Quyên xót xa nhớ lại đôi mắt hồn nhiên, trong suốt của Võ ngày xưa, biết rằng đời sống đã để lại nơi chàng những dấu vết đau thương chẳng kém gì nàng. Quyên ôm hai chân Võ, tì mặt lên đầu gối chàng và cười:

– Em cất anh trong ngăn đá, em cất em trong ngăn đá, cất cả ngày xưa trong ngăn đá. Chỉ tiếc rằng không cất được thời gian trong ngăn đá.

Võ hơi bối rối:

– Em đã sống như thế nào? Anh nghe em lập gia đình với một người đàn ông đàng hoàng.

Quyên vẫn cười:

– Đúng vậy, em đã sống đàng hoàng, kể cả một lần cố chết để có thể sống đàng hoàng hơn nữa mà không chết được vì bị chở vào nhà thương rửa ruột. Nói một cách văn chương rẻ tiền, kể từ đó, em

không sống nữa! Em chỉ hiện diện, có mặt như một người tù khổ sai trong cuộc đời và của những hoài niệm riêng, rất khờ khạo.

Võ hỏi một cách khó khăn:

– Em không hận anh?

Quyên vẫn cười:

– Em không đủ sức. Em dừng lại ở chặng đường nào đủ êm không làm em chảy máu.

Nàng ngập ngừng:

– Vả lại khi em không là anh, em không thể hiểu hết những điều anh nghĩ, những việc anh làm. Vì vậy, em không suy đoán và kết luận. Cảm xúc của con người, như bóng nắng, như bóng mây, như mặt trời, mặt trăng...

Võ ngậm ngùi:

– Anh không bao giờ nghĩ đã để lại nơi em một vết thương chết người. Thật ra, mình chỉ có một buổi chiều ngắn ngủi trên một đoạn đường ngắn ngủi của Sài gòn.

Quyên cười thành tiếng:

– Cả anh, cả em, chúng ta đều có những lý do riêng, là những cái phi lý và bí ẩn của đời sống.

Bây giờ, Võ ở một tiểu bang cách nơi Quyên ở ba giờ đồng hồ máy bay. Chàng mô tả: Anh sống trong một ngôi nhà nhỏ, trên một con đường nhỏ, quanh năm vàng xác lá rụng. Có những điều khác Võ không nhắc tới song cả hai đều nghĩ tới, theo cách riêng của mình. Quyên đón Võ như đón một người thân đi xa trở về, tự nhiên, nhẹ nhàng, giản dị như khi Võ đẩy khẽ một cánh cửa quen thuộc tuy không còn đợi chờ song cũng không bao giờ đóng khóa đối với chàng.

Giữa biết bao sự việc đã đổi đời, đã hư hao, một khuôn mặt cũ làm Võ cảm thấy dễ chịu, như nhờ đó, Võ bắt gặp lại cả một quãng đời tuổi trẻ đầy năng lực với những kỳ vọng to tát của chàng. Không những chỉ bắt gặp, Võ còn có thể bắt đầu lại dù rằng mái tóc chàng đã có nhiều sợi bạc.

Hai người ngồi yên lặng trên cái ghềnh đá mấp mô nhoi ra mặt

biển một quãng khá xa. Gió lạnh làm mặt Quyên tái mét. Quyên nghe những bắp thịt ở bụng nàng run từng hồi bên dưới lớp áo len mỏng. Võ loay hoay tìm một phiến đá đủ rộng để có thể ngồi sát vào Quyên hơn và sưởi cho nàng ấm. Trông chàng có nỗi vui vội vàng, vô tội của một đứa trẻ mãi mê với một trò chơi nó ưa thích.

Ngày còn ở Việt Nam, Quyên ít có dịp ra biển. Một vài khi họa hoằn đi đến Vũng Tàu vào mùa hè, Quyên chỉ thấy ngộp lên vì người đông. Biển lồng lộng nắng, như một chậu nước lớn ,để thiên hạ tắm táp, đùa giỡn. Những lưỡi sóng rì rào xô vào bờ cát ẩm, làm nghe cả tiếng những bọt nước mỏng vỡ ra, nhẹ tênh. Biển quê hương không có vẻ hoang vu, quạnh vắng như biển ở đây.

Quyên thích biển vì ngày xưa Võ là thủy thủ. Quyên thích biển vì biển là sự bền bỉ không gì có thể làm đổi thay, vì biển là vết thương ghê gớm của mặt đất và thiên nhiên, vì tiếng sóng đớn đau, vật vã của nó vỗ về nỗi đau đớn vật vã trong lòng Quyên, như một người bạn đồng hành thủy chung.

Bóng vài chú chim hải âu lẻ loi đáp vật vờ trên đầu nước. Có lẽ trong muôn loài chim, chỉ có hải âu là giống chim không bận tâm bay về tổ ấm trong buổi chiều hoàng hôn.Quyên buồn rầu nói với Võ:

– Em là một con hải âu không giống đồng chủng của nó.

Võ hơi ngạc nhiên nhưng rồi chàng hiểu ra:

– Anh cũng là một con hải âu không giống đồng chủng của nó, ở một điều ngược lại với em.

Từ trong thăm thẳm lòng nàng, Quyên tưởng chừng nhìn thấu suốt những điều Võ muốn bộc lộ. Nàng xoa xoa lưng bàn tay Võ đang ôm vai nàng:

– Bây giờ thì em hiểu sự xô lấn giữa mộng và thực trong con người anh, giữa những cái anh nhìn thấy, cảm thấy và những cái anh phải chu toàn.

Võ gượng cười:

– Có một thời anh như thế thật, nhưng bây giờ em là tất cả những điều em vừa nói.

Lòng Quyên mềm nhũn. Hai mắt Quyên cay xè vì gió lạnh:

– Em thật không muốn làm anh bận tâm.

Quyên bỗng dưng nghe lan nhẹ trong nàng một cảm giác buồn nản thật bất ngờ. Nỗi đau ngày xưa tơi ra như xác một cái bẹ cây khô, vẫn lay lắt, nứt nẻ những sợi máu nhỏ và dai cứng cứa vào thân thể Quyên, tâm hồn và trái tim nàng. Quyên chợt cảm thấy Võ như một ai khác, như một người thấy mặt lần đầu. Chỉ riêng tình yêu chàng là khăng khít, là quen thuộc, là một ngọn lửa ấm áp cháy những màu sắc rực rỡ trong trí tưởng Quyên, là một cái gì mà nếu không còn nó nữa thì Quyên sẽ không chịu nổi sự trống trải, vô nghĩa và nghèo nàn của đời sống nàng.

Khi Võ ôm hôn Quyên và gọi tên nàng nhiều lần, Quyên nghe nàng tự hỏi thầm "anh có thật yêu em không nếu ngày đó anh đã không từng yêu em? Hay sau cùng, cũng chỉ tại vì em là một dấu tích, một hình tượng gợi nhắc những tháng ngày tuyệt vời của tuổi trẻ anh?"

Hơi thở Võ nồng nàn, cảm giác những cái chân râu cứng của Võ cọ rát một bên gò má Quyên, bờ vai đầy và vòng tay ôm chặt của Võ đang ghì xiết nàng, tất cả những điều Quyên đang cảm thấy vừa rất say đắm, rất thật, rất sống, rất thỏa thuê hạnh phúc nhưng lại vừa trơn tuột, hờ hững, nhẹ tênh, rất kịch và không có thật. Quyên nuốt tiếng kêu thảng thốt và tuyệt vọng trong cuống họng. Nước mắt Quyên chảy ra, ràn rụa. Ôi! Quả thật vết thương Võ để lại trong đời Quyên quá nặng, nặng hơn là Quyên vẫn nghĩ. Quyên không bao giờ lành lặn nữa! Cả tâm hồn lẫn thể xác tàn tật của Quyên không bao giờ còn có thể phục hồi. Rõ ràng không còn cơ hội nào cho Quyên. Nếu đã có một ngày Võ không chọn lựa nàng, từ đấy về sau, Võ không ở trong một hoàn cảnh có thể chọn lựa.

Quyên cảm thấy rõ nàng và Võ như hai người lội dòng nước ngược, lại không có sức lực cân bằng nhau, cả hai cùng chới với nhìn thấy nhau ở bên này và bên kia một khoảng cách, biết rằng hơi ấm hoặc sự giá buốt họ cảm thấy là chung một dòng nước đang tắm đẫm họ và đang đẩy họ dang ra bằng những xô đẩy ngầm quanh cái vực xoáy ngăn chia họ. Từng tế bào li ti trong thân thể Quyên như vỡ ra dưới một áp suất cực mạnh, khiến nàng chợt ý thức sự sống thật ra

chỉ bám vào nàng như những mảnh vữa mục bám trên một mảng tường cũ lâu đời.

Cú điện thoại lúc chập tối báo tin Võ sẽ về thăm nàng làm gợn trong lòng Quyên một nỗi vui chập chùng. Ý nghĩ về một cái hẹn trước mặt làm Quyên nôn nao và choáng váng từng lúc. Hình ảnh Võ thấp thoáng ở một ngã ba, ngã tư, sau một khung cửa kính, trên bờ cỏ bên lề một công viên, lẫn lộn với vầng mặt trời não nùng, chín đỏ, đang chìm dần trên mặt biển New Port Beach, mơ hồ trong khoảng không tĩnh mịch, mát lạnh và tanh nồng sương sớm mai của cái cầu tầu đông đầy người đi câu.

Quyên hình dung ra đôi mắt tần ngần của Võ. Ngày xưa, Võ hay cười bằng mắt, nụ cười lặng lẽ, thách đố, nơi một người biết con đường mình đi còn xa, còn nhiều bất ngờ nên rất dè xẻn và cẩn trọng. Bây giờ Võ hay cười thành tiếng, chuỗi cười nghe hả hê, buông thả, của một người không còn gì để giữ gìn, không còn gì để khấp khởi chờ đợi, của một người đã hy vọng và thất vọng trong hết mọi ước mơ thầm kín, thiết tha, của một người đàn bà qua thời xuân xanh, nằm phanh ngực áo ngủ trên tấm ván trống trơn trong một buổi trưa hè. Hình như Võ cần tiếng động để khỏa lấp cái thinh không ngượng ngùng, yên ắng xung quanh chàng và trong chính chàng, để khỏi trả lời với mình và với người những điều, cho đến bây giờ, chàng biết là không thể cắt nghĩa hay lý giải được hoặc là đã quá trễ để làm công việc đó.

Tiếng cười của Võ càng nghe càng có cảm giác gắng gượng, khiến Quyên lúc nào cũng như một người ngửa mặt trông theo một con diều no gió. Tiếng cười không thể ngừng vì gió không thể tắt, nếu không, con diều sẽ rơi. Nhiều lúc, tiếng cười Võ chỉ còn là tiếng những mảnh vỏ chai cắt vào nhau trong một xô động rướm máu.

Quyên hình dung ra những buổi tối đã qua của những lần hẹn trước. Võ và Quyên cùng ngồi trên thảm, trong căn phòng nhỏ của Quyên. Lưng họ dựa vào thành chiếc giường ngủ mới thay chăn lót và áo gối. Cả hai không nói gì. Người Quyên hình như tê dại vì nàng vẫn chưa thể nào quen với cái ý nghĩ quả thật nàng đã gặp lại Võ trong cuộc đời. Tuy vậy, Quyên ngửi thấy mùi chiếc hamburger Võ

vừa mới ăn khi Võ hôn nàng. Quyên nghe tiếng nàng kêu nho nhỏ "Anh, anh" với trong đầu nàng, hình ảnh cô bé mặc chiếc áo dài màu vỏ đồng đứng ở ngã tư Phú Nhuận, mắt ngấn lệ trông theo cái lưng áo mầu xanh của Võ lúc chàng quay đi, đầy bí ẩn và tình cờ, như số mệnh của một người. Nghĩ đến đấy, Quyên trố mắt nhìn Võ. Một cảm giác vừa kinh ngạc vừa sung sướng kỳ lạ tỏa ra trong lòng Quyên, như một chiếc dù nấm mở rộng, cánh nấm dầy mượt mầu xám hồng phủ một lớp phấn độc làm Quyên váng vất say.

Tiếng Võ hỏi Quyên:

– Em có nhớ bài thơ gì của Jacques Prévert "Une orange sur la table, ta robe sur le tapis..."

Ánh mắt Võ mơ màng nhìn vào khoảng không trước mặt:

– Chỉ có J. Prévert mới diễn tả được sức sống nồng nàn, khêu gợi và quyến rũ dưới cái bề ngoài dửng dưng của những sự ngẫu nhiên trong đời, là một cái gì như không mà có, một cái gì có mà cũng như không, vừa đầy ắp, vừa trơn tuột. Thật là không chờ đợi nhưng cũng thật là một hạnh phúc kỳ thú.

Quyên chợt thấy lòng nàng quặn đau:

– Cách nhìn và cách diễn tả của anh là của một người già hoặc của một người bắt đầu cảm nhận tuổi già. Em không chắc J. Prévert đã muốn làm cho độc giả cảm thấy những điều như anh vừa nói. Bức họa tĩnh vật của ông ta rất đẹp, rất hồn nhiên và anh hiểu nó bằng cảm xúc của chính anh đấy thôi!

Võ có vẻ ngạc nhiên với chính mình:

– Dẫu sao thì con người cũng vẫn phải có một cách để cắt nghĩa hoặc để đón nhận sự ngẫu nhiên trong đời nó. Em không thấy như thế ư?

Tự nhiên Quyên nhớ lại chuyện cũ và giận Võ. Cơn giận bứt rứt, râm ran, như những mụn rôm cuống quít cào cấu trên lưng Quyên trong một ngày hè nóng nực lúc Quyên còn bé. Cơn giận thôn thức trong cuống họng Quyên với những hơi thở đứt quãng:

– Có những cách cắt nghĩa bằng với cái giá tất cả trí thông minh và sức lực một đời người, anh biết không?

Võ nhướng mắt nhìn Quyên, như một người nhìn không được

rõ. Cơn giận bỗng nguội đi trong lòng Quyên, để lại một cảm giác đằm ấm, êm ả, làm Quyên cười trên vai Võ:

– Sự thực, người ta chỉ cần sống được. Sự sống là nỗi quên lớn nhất tuy con người không bao giờ muốn chấp nhận điều này. Có lẽ ai cũng muốn có khả năng siêu việt để thấy mình không giống người khác hoặc hơn người khác. Tiếc thay, những giới hạn của con người đều giống nhau.

Quyên nhìn vào mắt Võ và cười to hơn:

– Vì vậy đã lâu lắm, em không còn biết thất vọng và thù hận nữa, sống thỏa hiệp với cuộc đời, bắt đầu từ ý nghĩ về anh và bằng sự chứng nghiệm của chính em.

Mỗi khi bối rối, Võ vội vàng ôm Quyên và hôn nàng. Chàng thường nói giữa nụ cười ngờ vực:

– Thật ra đời sống đơn giản hơn người ta lý luận. Có gì đâu, như anh đang có em bên cạnh anh, vào giờ phút này.

Bờ vai Võ ấm và chắc khiến Quyên vui lây:

– Em và anh bây giờ bắt đầu làm cái công việc của người lựa những miếng gấm vụn để chắp nối thành một cái chăn ngũ sắc.

Võ cười buồn:

– Anh thành tâm mong ước em được nhiều hơn thế.

Quyên không muốn để Võ nhìn thấy nàng xúc động vì những điều Võ nói:

– Sống là lựa chọn. Bi kịch ở chỗ con người luôn phải chấp nhận cả những cái nó không lựa chọn. Vì vậy, được lựa chọn ít nhiều cũng là hạnh phúc.

Môi Quyên bỏng rát vì những cái chân râu cứng của Võ miết lên một nụ hôn tìm kiếm. Hình như bây giờ, sau tất cả những đổ vỡ, mất mát, thua thiệt của gần hết một đời người, nay Võ chỉ còn thể xác chàng là phương cách duy nhất chứng nghiệm và thể hiện niềm tin vào sự sống.

Trước khi Quyên cảm nhận cả người Võ đổ ập xuống nàng, Quyên còn kịp nhìn thấy cái giải lụa mềm mại trên tấm áo ngủ của nàng rơi chập chờn trên thảm. Một bàn tay Quyên còn sờ thấy thân lụa bồng bềnh ấm, như một người bạn lâu năm đã giữ của nàng biết

bao nhiêu điều bí ẩn.Quyên mỉm cười bằng lòng về cái ý nghĩ ngộ nghĩnh ấy.

Võ nhìn xuống hai mắt Quyên:

– Cái gì trong đầu em cứ cố chấp yêu anh?

Vẫn là những âm điệu vui, hối hả, đôi lúc tròn trịa, đôi lúc góc cạnh, thỉnh thoảng bâng khuâng, ngập ngừng của tiếng nói Võ nhưng điều Võ hỏi làm Quyên có cảm giác nuốt phải một vật cứng và sắc. Như một nét màu vẽ không ăn khớp của một bức tranh, như một nốt nhạc khô chõi vào cảm xúc, như cái tựa đề màu mè làm sai lạc nội dung diễm tuyệt của một bài thơ.

Quyên nói thầm bên trong nàng:

– Không, không còn là tình yêu, không phải chỉ là tình yêu, mà chính là đời sống của em. Hay là một sự vô nghĩa, có nghĩa, là một không là gì cả và lại là tất cả. Em không biết, không biết...

Tuy nhiên Quyên nghe nàng nói với Võ, trong gắng gượng và sợ hãi:

– Ôm chặt em.

Khi Võ rời Quyên ra, một cánh tay chàng còn dỡ dưới gáy Quyên. Quyên nằm nghiêng, yên lặng nhìn Võ nhắm hai mắt ngủ giấc ngủ bình yên, nhẹ nhõm, cô đơn của chàng. Quyên vừa cố giữ thật nhẹ đầu nàng trên cánh tay Võ, vừa lắng nghe trong đêm khuya tĩnh mịch sự hao hụt buồn phiền của hạnh phúc và đời sống đang bị thời gian xoi mòn như một vết thương chẩy máu âm thầm và không dứt. Quyên nhớ lại câu hỏi ban nãy của Võ và nàng mỉm cười một mình. Kể từ khi gặp lại nhau, Võ không ngớt hỏi nàng những câu hỏi có nội dung tương tự. Con kình ngư của những vùng biển chiến tranh Việt Nam, một ngày bất ngờ, thấy mình trôi dạt trên một bãi đất khô, biết rằng từ dấy nó sẽ phải quên chính nó và ngờ vực nhiều thứ.

Dẫu sao, có một điều Võ không thể hoài nghi nơi Quyên. Đó là những năm tháng tuổi trẻ tuyệt đẹp của Quyên đã có cùng với Võ, đã mất đi cùng với Võ và bây giờ chỉ còn có thể nhìn thấy lại cùng với Võ.

Chắc chắn Võ không thể nào chấp nhận một điều: Nếu ngày

xưa Quyên yêu Võ vì Võ là cánh cửa mở ra những chân trời mộng tưởng bao la của một lên đường nguyên vẹn, vì Võ là hi vọng về một đời sống chứa chan hạnh phúc thì bây giờ, rõ ràng Quyên yêu Võ vì tất cả những cánh cửa nhiệm mầu ấy đã nhất loạt đóng lại trước mặt chàng. Sự cô đơn, trần trụi, sự trống trải im lìm, quẩn quanh trong thời khắc ngắn ngủi còn lại không bao nhiêu thường làm Võ ngẩn ngơ, bàng hoàng. Quyên không có sự hụt hẫng của Võ. Nàng tỉnh táo như một người lính ngoài mặt trận, nai nịt gọn ghẽ, cắn răng ngậm nỗi đau đớn và sợ hãi trong buồng ngực. Ở nàng, sự sống và chết lẫn vào nhau, ý nghĩa, cảm giác về chúng tương tự nhau, thỉnh thoảng xao động một tý ở chút nắng, chút gió, ở chút ấm áp hoặc giá lạnh mà đôi lúc Quyên còn chợt cảm thấy và thưởng thức.

Sau mỗi cuộc hẹn, lúc tiễn Võ ra về, Quyên thường mỉm cười để Võ yên lòng tuy rằng Quyên nhìn thấy bên trong nàng một con người khác đang lăn lộn, dẫy dụa, kêu gào, vật vã khóc không thành tiếng. Hình như có một cái chập chõa bằng đồng dội dập chát chúa hai bên thái dương Quyên, làm mờ hai mắt nàng. Cả người Quyên như bị xé ra. Tuy vậy, Quyên thấy nàng vẫn đứng được trên đôi chân run lẩy bẩy của nàng, Quyên thấy nàng cười nheo cả mắt lại, hàm răng khô, đôi môi tê cứng, một tay Quyên vẫn đưa lên cao vẫy chào Võ. Tiếng Quyên thì thầm gọi Võ trong nhịp dập hổn hển của trái tim nàng giống như một trái cây chín long ra khỏi cái cuống đã mõm.

Thật ra, đời sống là sự giả dối lớn nhất. Bản chất của sự sống, dù thế nào, luôn luôn bị lấp liếm, vùi chôn bên dưới cái lớp sơn sạch sẽ, lịch sự phủ bọc bên ngoài. Muốn nhìn thấy nó, cầm nắm được nó thì phải cào xước cho hết lớp sơn chai lì ấy, phải chảy máu cả mười đầu ngón tay, phải chảy máu cả đôi tròng mắt. Để có thể ôm lấy sự thật thầm kín, người ta phải ôm cả vết thương tanh tưởi của chính mình.

Quyên biết rằng nàng đã có với Võ cuộc hẹn bằng với cả chiều dài của đời nàng, đợi chờ, khắc khoải, sung sướng, đau khổ và chia tay.

Trong một khoảnh khắc nào đó, quả thật họ đã cùng nhìn thấy hạnh phúc hiện ra như một hạt ngọc ◆

CÔ EM HỌ

Trong gia đình chú tôi, An là đứa con út của sáu anh chị em, mỗi người cách nhau hai tuổi sinh. Dạo còn ở Sài Gòn, chú tôi là một chánh án liêm khiết và vì vậy, rất thanh bạch. Gia đình chú tôi sống trong một ngôi biệt thự nhìn bên ngoài rất bề thế, do chính phủ cấp, ở đường N.B. Chú tôi goá vợ sớm nhưng chú ở vậy gà trống nuôi con từ lúc các em tôi còn thơ dại. Những năm 6O, tôi từ miền Trung vào trọ học nhà chú và trở thành đứa con thứ bẩy của chú. Anh chị em chúng tôi bốn gái, ba trai, sống với nhau rất hòa thuận mặc dầu tính nết chúng tôi không hoàn toàn giống nhau. Sự hòa thuận này phần lớn do cái không khí thanh vắng thường trực trong nhà, phát sinh bởi cung cách giáo dục con cái quá nghiêm khắc của chú tôi. Trong ngôi nhà rộng, chúng tôi chỉ có mỗi ngày ít phút để gặp gỡ và

trò chuyện với nhau sau buổi học ở trường về và trong lúc chú tôi còn mắc bận ở tòa án.

Chú tôi không bao giờ nói cười to tiếng và mặc dầu lúc ấy còn ít tuổi, tôi cũng đã chớm hiểu chú tôi là một người đàn ông có nhiều ẩn ức. Ông tốt nghiệp đại học luật khoa ở bên Pháp, cả một thời thanh niên đã hấp thụ và thấm nhuần nếp sống văn minh tiện nghi tây phương thế nhưng từ huyết thống và tập quán gia đình, chú tôi lại là một người rất bảo thủ và nệ cổ.

Sau khi thím tôi là một phụ nữ nông thôn chất phác qua đời lúc sinh em An, nghe nói đã có một thời chú tôi yêu say đắm một cô gái hàng Đào, hoa khôi của Hà Nội thanh lịch, nhưng không dám lấy cô ta vì sợ trong họ ngoài hàng bình phẩm chú tôi là người phóng túng, ăn chơi. Mối tình không thành tựu và sự hy sinh vô nghĩa này, về sau, trở thành nỗi dày vò ray rứt triền miên của chú tôi trong suốt thuở sinh thời. Chú tôi ăn mặc chải chuốt nhưng kín đáo. Khi có những sợi tóc bạc đầu tiên, chú tôi soi gương nhổ lấy. Trên kệ phòng tắm của chú, khi đến phiên tôi lau dọn, tôi thấy chú bầy những lọ nước hoa đắt tiền.

Hồi đó An đang theo học trường Mỹ thuật Gia định vì em rất có khiếu về hội họa. Dáng em cao ráo, mảnh mai. Khi em nói chuyện, môi em chúm chím và đôi mắt tròn xoe nhìn người đối diện một vẻ dò hỏi ngây thơ. Em rất dịu dàng, bước chân đi uyển chuyển, nhẹ như mèo Sau này lớn lên tôi mới biết tướng đi như vậy là vất vả –

Chú tôi thường mua những tạp chí phụ nữ xuất bản bên Pháp để chị em chúng tôi đọc, tự học hỏi và trau dồi phong cách tao nhã, lịch sự, theo lối những người đàn bà thượng lưu Âu châu. Tôi thấy chị em An tập đi đứng trước tấm gương lớn trong phòng ngủ, tập quay đầu, chào và mỉm cười, với một phong thái khoan dung quí phái. Khi họ ngồi bàn uống nước, lưng họ thẳng, tách nước đặt mềm mại trên hai đùi khép kín, bàn tay có những ngón thon nhỏ, sạch sẽ, móng dũa tròn như những hạt hạnh nhân, đặt trên thành đĩa tách. Tôi thường nhìn ngắm chị em An và tự nghĩ chắc hẳn sau này họ sẽ trở thành phu nhân những người đàn ông có địa vị sang trọng trong xã hội.

Nhiều năm sau, tôi tốt nghiệp sư phạm rồi lấy chồng đi xa. Chị lớn của An ngoài ba mươi tuổi thì kết hôn với một ông thứ trưởng góa vợ và chị thứ hai, trước khi trở thành muộn màng, đã bằng lòng lập gia đình với một giáo sư dạy trường trung học.

Vì hoàn cảnh sinh sống, tôi không có dịp về thăm gia đình chú tôi thường xuyên, chỉ biết mong manh rằng chú tôi đã về hưu trong cảnh thanh bần và em An thì hứa hôn với một sĩ quan không quân.

Khi biến cố 30/4/75 xẩy đến, vào những ngày cuối cùng của chế độ Sài Gòn, chú tôi qua đời một cách đột ngột vì bạo bệnh. Sáu người con của chú cùng gia đình họ đều kịp di tản đi nước ngoài, kể cả An lúc bấy giờ ở ngưỡng cửa cuộc hôn nhân của em.

Từ bấy đến nay, tôi cứ yên trí là An đã yên bề gia thất và sống đời hạnh phúc bên chồng con, có ngờ đâu ...

An dập tàn điếu thuốc vào cái đĩa, cười một tiếng ngắn và khô khốc. Bàn tay An đặt trên thành ghế, những ngón gầy guộc móng sơn đỏ đã tróc loang lở. Mắt An nhìn tôi âm u nỗi oán hận:

– Em chỉ ở chơi với chị một hôm thôi! Không ai chịu nổi em quá một hôm, kể cả chị Nga, chị Trang, anh Ngọc, anh Hùng hay anh khỉ khô nào cũng vậy!

An lại cười khẩy, để lộ cái răng khểnh ngày xưa đã làm cho An có một vẻ tinh nghịch dáng yêu mỗi khi em cười. Bây giờ, trong nụ cười chua chát của em, cái răng khểnh để lộ một chút duyên tàn tạ, trông lạc lõng khó chịu.

An đưa tay lên gãi tóc:

– Chị cho em tắm gội nhờ một cái, cả tuần nay em không có chỗ tắm gội!

Tôi ngồi chết trong chiếc ghế bành, nhìn An nghẹn ngào không thể thốt ra lời. Người đàn bà xồn xồn, áo quần kệch cỡm, đang ở trước mắt tôi hiện nay mà lại chính là em An xinh đẹp, trong trắng, thơ mộng và thanh tao của tôi ngày xưa ư?

Trước khi đứng dậy, An lại cười tiếng cười ngắn và khô khốc lúc nãy:

– Ba đặt tên em là Tĩnh An, đáng lẽ ba phải đặt là Bất An mới đúng! Vừa bất an vừa bất trị!

An kể, buổi chiều ngày 27/4/1975, An và Khôi gặp nhau lần cuối cùng. Chúng nó đi xem ciné ở rạp Rex, nói là để có một khoảng thời gian yên tĩnh với nhau giữa lúc Saigon đang náo động chuyện đi hay ở và đi bằng cách nào? Khôi đề nghị An theo Khôi vào đơn vị, để nếu máy bay được cất cánh lúc nào thì An sẽ cùng đi với Khôi lúc ấy nhưng An ngần ngại, sợ không thuyết phục được các anh chị và nhất là ba đang trên giường bệnh.

Khôi và An chỉ mới hứa hôn, gia đình An chắc chắn không khi nào chấp thuận cho An theo không Khôi như vậy dẫu cho hoàn cảnh dầu sôi lửa đỏ đến bậc nào! Cho nên, An và Khôi thỏa thuận với nhau là cả hai cùng nỗ lực tìm đường đi, mỗi đứa theo hoàn cảnh riêng của mình và sẽ gặp lại nhau sau này ở nước ngoài.

Chia tay nhau xong, An về đến nhà đã thấy mọi người chuẩn bị sẵn sàng cho việc ra đi, tất cả đang chờ xe đến đón, để một mình Ngọc ở lại trông nom chú tôi và sẽ đi sau cùng.

Sang đến đảo, ngày nào An cũng long tong lả tả chạy di chạy lại các lều trại để tìm Khôi, hỏi thăm nơi này, dò dẫm nơi kia, nhưng An hoàn toàn không có tin tức gì của Khôi. Đến giờ phút cuối khi Sài Gòn đã mất, Ngọc qua đến đảo cùng với cái tin chú tôi đã qua đời, Ngọc chỉ kịp nhìn thấy người ta khiêng xác bố quăng vào cái ngăn lạnh trong nhà xác là anh vắt giò lên cổ chạy ra phía bờ sông để tìm đường thoát thân, như trong một cơn mê.

Cuộc tìm kiếm vô vọng của An kết thúc khi mọi người lần lượt được đưa đi định cư trên đất liền. Trong vài tuần lễ đầu tiên sau khi đến Mỹ, An thường xuyên nôn ọe mỗi buổi sáng và buổi tối trong bồn rửa mặt. Chị Trang chợt hiểu một cách cay đắng điều gì đang xảy đến cho An. Cả nhà được triệu tập hỏi ý kiến và tất cả đều đồng ý là An phải giải quyết kín đáo cái việc bêu riếu gia phong này. Chính sự quyết định cố chấp và nghiệt ngã của gia đình lúc ấy cộng với sự yếu đuối của An, về sau đã tạo thành nguyên nhân đẩy An xuống vực thẳm của hư hỏng và sa đọa.

An luôn luôn bị dày vò vì cái ý nghĩ đã không nhận lời cùng đi với Khôi, vì cái ý nghĩ chắc Khôi đã chết hay bị kẹt lại Việt Nam trong một trại cải tạo không có ngày về, vì chính em đã nhu nhược

và ích kỷ làm theo sự khuyến dụ của gia đình, xóa bỏ cái kỷ niệm máu xương mà Khôi đã gửi gấm nơi An, với sự tin cậy và tình yêu thiết tha của chàng.

Càng ngày An càng cảm thấy như bị thiêu đốt vì những hoài niệm cuộc tình đã qua. An càng nghĩ đến giọt máu Khôi đã bị An chối bỏ thì An càng cảm thấy nó như một vết cào cấu rỉ máu làm đau đớn mê man hồn xác nàng. Có nhiều đêm, thức giấc trong bóng tối và trong gian phòng trống trải của nàng, An thấy mình hốt hoảng ôm hai vai và khóc mùi mẫn, vì thương nhớ, ăn năn. Tất cả An rợn lên một ham muốn kỳ lạ, như thể ngày nào trong vòng tay Khôi đầm ấm, với môi hôn và trao gởi thịt da. Hình như không gian xung quanh bỗng tràn ngập cái mùi thơm quen thuộc thoát lên từ cơ thể khỏe mạnh của Khôi. An cố thở, cố hít, nàng há mồm thật to, vội vã, hăm hở, song hình như tim nàng đã ngưng đập, phổi nàng đã ngừng thở, An cuống cuồng, quay quắt trong cái cảm giác bị ngộp vì thiếu dưỡng khí, nàng rướn mãi người lên một chiều cao vô tận, kêu gào không thành tiếng, cố đuổi bắt cho được cái mùi thơm thân quen năm xưa, lãng đãng, chập chờn, cứ thổi mãi lên mặt An những hơi dồn dập đứt đoạn, như một hôm nào khuôn mặt Khôi sát vào khuôn mặt nàng. Nhưng rồi xung quanh An chỉ là đêm thăm thẳm, mạch máu hai bên thái dương nàng đập như sắp vỡ ra, buồng ngực tức nghẹn, thể xác rã rời! An không thể thổ lộ những điều này với một ai và tình huống ấy khiến An suy nhược rõ.

Sau cùng, để trốn chạy sự bất động như một phiến đá phủ rêu đè nặng lên nàng và cũng là để giải quyết sinh kế, An đi làm. Sự tình cờ của định mệnh đẩy An đến ngưỡng cửa một sòng bạc. Nàng bưng rượu và chia bài.Ccuộc sống xô bồ với những đêm vui suốt sáng, trận cười thâu canh đã hấp dẫn An như ánh lửa thu hút một con thiêu thân. An tìm thấy trong sự náo động xung quanh một nơi chốn cho nàng ẩn náu những nỗi buồn riêng. An không còn băn khoăn, cũng không còn thì giờ để hồi tưởng, nàng cảm thấy yên tâm đẫm mình trong con nước xoáy cuốn hút nàng như một bủa vây êm ả và chặt chẽ.

Cơn đau cũ đã lắng chìm, hình ảnh cũ đã nhoà nhạt, An bám lấy

định mệnh tình cờ như một giải thoát mầu nhiệm. An uống rượu với khách, đánh bạc với khách. Khi không có ai mời, An uống rượu và đánh bạc bằng tiền típ của nàng. Dần dần, An tiêu cả lương vào những việc ấy. Lúc đầu, An còn cố gọn ghẽ và tươm tất mỗi khi nàng trở về nhà sau giờ làm việc, nàng trang điểm, chải tóc và nhai chewing gum. Về sau, An không còn hơi sức đâu để chuẩn bị những việc thừa thãi ấy. Khi nàng bước chân vào nhà, hơi rượu tỏa ra từ chân tóc nàng, từ lỗ chân lông trên người nàng, ngần ngật trong không khí ấm nóng của những căn phòng đóng cửa và trải thảm, thuộc về một thế giới bình yên, trong sạch, ở đó không có chỗ nào cho thảm kịch trong lòng An.

Đến một ngày An trở thành tai họa cho mọi người trong nhà. Có một đêm, không biết bằng cách nào, nàng thấy mình tỉnh dậy trên lưng ghế một trạm xe bus vắng vẻ và lạnh lẽo, đầu óc hoang mang, chân tay bải hoải, cổ họng tanh nồng, khô đắng như nuốt mật cá, quần áo xô lệch. Có lẽ nàng vừa đi chơi với một khách hàng nào của sòng bạc, có lẽ nàng vừa bị ai đó xâm phạm thân thể, có lẽ nàng đã đi bộ ra tới đây trong một cơn say. Nàng thu hết nghị lực và một chút tỉnh táo cuối cùng, thọc tay vào các túi áo tìm kiếm mấy đồng xu lẻ và lết ra một máy điện thoại gần nhất để gọi về nhà.

Khi anh nàng ra đón, những con số trên mặt đồng hồ dạ quang trên xe đã chỉ quá nửa đêm về sáng.

Anh Ngọc ngồi lặng yên sau tay lái, cơn giận làm anh cứng ra, như một khối thép, quai hàm anh nghiến chặt, khiến những thớ thịt trên mặt anh chạy rần rật. Anh nuốt nước bọt liên tục, như cố kìm hãm sự phẫn nộ chực nổ bùng.

Sau cùng anh nói:

– Mày tệ quá, An.

Trong đuôi mắt một cái nhìn thẳng về phía trước, tóc lửa, An đọc thấy sự ghê tởm và miệt thị của anh nàng. Cảm giác bất chợt của một đổ vỡ không còn có thể cứu vãn và một nỗi xa cách lạ lùng làm An bỗng chán ngấy mọi người và chính nàng. An cười khẩy:

– Ôi, có gì quan trọng đâu anh!

Chiếc xe lao vọt đi như mũi tên.

– Mày câm cái họng mày lại, đồ đĩ rạc!

Câu nói thô bạo lần đầu tiên An nghe trong đời dội vào tai nàng như một tiếng sấm. Cùng với ba tiếng "đồ đĩ rạc", An thấy hiện lên trước mắt hình ảnh con người võ vàng, tiều tụy, phấn son nhếch nhác nàng vẫn thấy hàng đêm soi vào tấm kiếng phòng rửa mặt của sòng bạc. Nàng không có ý thức gì rõ rệt về cái con người tưởng chừng xa lạ ấy, nàng chỉ cảm thấy một cách lờ mờ sự vụn vỡ đâu đó của một cái gì rất tốt đẹp, rất êm đềm, một cái gì tràn đầy hy vọng nay không còn nữa.

Tiếng anh Ngọc lại cất lên, hằn học:

– Đối với mày cái gì là quan trọng? Mở mắt ra mà nhìn con Thúy, con Hương và hàng chục con bạn khác của mày. Sang đây, chúng nó học hành đàng hoàng, đứa nào cũng tốt nghiệp đại học, có công ăn việc làm tử tế và có những thằng chồng ra hồn, sao mày không làm được như thế, con khốn nạn? Hay là mày chỉ giỏi làm trò rởm? Mày nghĩ mày là ai? là một công chúa hết thời hay là một thiên tài bất đắc chí, sống cuộc đời cách nào cũng ngon cả?

Một nỗi chán ngán rã rời khiến An chỉ chực tung cửa xe nhào xuống đường. Bàn tay An nắm chặt những ngón vào nhau để cưỡng lại ý nghĩ ấy. Vẻ bồn chồn của An có lẽ làm anh Ngọc đoán được điều gì An đang nghĩ trong đầu nên anh giảm bớt tốc độ và đổi đường đi vào lane sát lề. Họ không nói gì với nhau nữa cho đến khi xe về đến nhà. Tuy nhiên, tất cả những điều An vừa nghe đã như một đánh động mạnh mẽ vào khối sương mù vây bọc đầu óc An thời gian gần đây, làm tan rã lớp vôi vữa tô trát vụng về lên tâm hồn An để An có dịp thấy lại nguyên vẹn một cô Tĩnh An năm xưa, trong sâu thẳm ký ức nàng, một cô Tĩnh An dịu dàng, đa cảm, tinh khiết, cả tin vào tương lai, một cô Tĩnh An bị tổn thương trầm trọng trong đời vì những toan tính sai lầm của người xung quanh, bị bầm dập vì một số phận nghiệt ngã và bị ngược đãi vì không ai hiểu mình.

Bóng tối trong căn phòng yên tĩnh như ru nỗi thao thức của An trên những con sóng nhỏ bồng bềnh. An muốn nói thầm với anh Ngọc "Anh thừa biết điều gì quan trọng đối với em mà! Cuộc tình của em, đứa con của em, bây giờ những thứ đó ở đâu? Anh hãy trả

lời cho em đi! Nghĩa lý gì cái hình hài cát bụi sẽ một ngày mục rữa thối tha này, phải không anh? Anh đừng mắng nhiếc em, hãy tự mắng nhiếc mình. Em như một người thủy thủ không thể đi biển mà không có hải bàn, chính anh đã vứt nó xuống biển sâu mà!"

An mỉm cười chua chát, nghe nỗi trống trải lớn dần cùng với ánh sáng nhợt nhạt của một ngày mới sau rèm cửa sổ.

Và, như một người mắc bệnh thụy du, An yên tâm, bình tĩnh lao xuống vực sâu của sa đọa. An tiếp tục uống rượu, đánh bạc, đi chơi với khách. Tâm hồn nhậy cảm, bản chất thông minh, phong cách thơ ngây quí tộc của nàng làm cho An có một nét quyến rũ đặc biệt mà người ta chỉ sẵn sàng thưởng thức chứ không ai mất công tìm hiểu trong cái xã hội chạy đua với thời gian và lạc thú này.

Cuối cùng, trước khi anh chị An quyết định gửi nàng đến một bác sĩ thần kinh, An vội vã lấy chồng là một người Mỹ quen biết với nàng nơi sòng bạc nàng làm việc.

Cuộc tình duyên gán ghép, tạm bợ này đem lại cho An một đứa con lai và sự đổ vỡ mau chóng chút ý thức mong manh còn sót lại nơi An về một đời sống bình thường như mọi người. An bị ngược đãi, bị đánh đập. Về phần An, nay nàng đã có một đối tượng, một cái tên gọi để nàng trút vào đấy tất cả nỗi oán hận của nàng trong cuộc đời. Kết quả có một hôm, anh Ngọc bỗng nhiên thấy An lò dò về nhà vào lúc chập choạng tối, không một ai nghĩ rằng nàng đang bị cảnh sát truy tầm vì tội toan đốt nhà bằng xăng để giết người chồng đang ngủ say. Về sau, tại sở cảnh sát, người chồng Mỹ của An khai rằng anh bị đánh thức dậy vì mùi xăng sực nức xung quanh chỗ anh ngủ và khi anh mở mắt ra, anh thấy An đang lúi húi tìm cách đốt một mồi giấy trên cái bếp điện. An bị đánh mềm người và bị ném ra đường như một cái nùi giẻ.

Anh Ngọc lui tới thăm An trong nhà tù, lo liệu luật sư cho nàng và dàn xếp để người chồng Mỹ bãi nại.

Sau biến cố đau thương này, An luân phiên di chuyển từ nhà anh Ngọc, anh Hùng sang nhà chị Nga, chị Trang, sống như một cái bóng lặng lẽ, mỗi nơi vài tuần. Nàng ngồi bất động hàng giờ trong chiếc ghế bành, ăn uống tí chút và không hé răng nói với ai một lời

nào. Cả nhà đều mỏi mệt vì sự nơm nớp lo sợ không hiểu An đang suy nghĩ gì trong đầu óc rối ren của nàng?

Sau cùng, mọi người quyết định chung nhau thuê cho An một phòng để nàng sống riêng biệt. Như vậy là những mắt giây ràng buộc cuối cùng của một sợi xích kiên cố đã bung ra, An tự hiểu và bằng lòng với hoàn cảnh mới của nàng.

Cũng từ đấy, giữa họ với nhau, các anh chị An cố tránh nhắc đến nàng và dần dần, mọi người đi đến chỗ có khuynh hướng nghĩ rằng, tốt hơn, nên coi như không có An trên cõi đời này nữa!

Thỉnh thoảng, sự yên tĩnh của họ bị lay động trong giây lát vì một cú phôn hay một cái bill điện nước do An gởi tới xin thanh toán dùm.

Lúc mới qua đến đây, tôi hỏi thăm về An thì chỉ được các anh các chị trả lời mập mờ, nói rằng An sống ở một tỉnh xa, lâu lắm mới có dịp về chơi. Tôi tuy rất thắc mắc về em song không thể nào hình dung được An như một ngày tôi đang thấy trước mắt: nàng đứng lơ láo trên vỉa hè một khu chợ thực phẩm. Nhận ra nhau, An ôm chầm lấy tôi khóc nức nở. Nàng khóc như không bao giờ còn có thể ngừng khóc được nữa! Tấm hình hài thon nhỏ của An rung lên bần bật trong tay tôi. Em khóc với chị nước mắt của cả một đời! (sau này An nói với tôi như vậy).

Tôi vỗ nhẹ vào lưng An, như vỗ một đứa trẻ. Một lúc lâu, cơn thổn thức của An thưa nhẹ dần, chỉ còn nghe tiếng thút thít khe khẽ trong cổ họng nàng, như tiếng chim chíp của một con gà con chạy trốn mưa. Tôi đẩy nàng ra xa một chút để nhìn rõ mặt nàng hơn. An rời tôi, bước lùi một bước, hai tay buông thõng như để mặc cho tôi ngắm nàng thỏa thích. Tôi nhìn thấy trong mắt An sự gắng gượng để chống lại cái nhìn cảm thương của tôi đối với nàng. Một lát, An khẽ nhún vai nói:

– Ở đây như một cái chợ thôi chị ạ! Ai cần gì mà em có là em bán.

Nàng xoay người một vòng theo kiểu cách những cô người mẫu.

– Chị xem, người ta đang đòi hỏi em như thế này (nàng dang rộng hai tay, ngực ưỡn về phía trước, cái cổ áo rộng nghiêng sang

một bên, để lộ vai và một phần bộ ngực An) sao em lại bầy ra những thứ không ai cần, trong đầu óc em?

Nàng ngừng một chút rồi giọng thấp xuống:

– Tất cả những chuyện đó xưa rồi chị ạ, đã chết cùng với những tháng năm thần tiên của em ở Việt Nam.

Nghĩ đến đây, tôi chợt bùi ngùi thở dài, nhìn cái ghế trước mặt tôi An vừa bỏ đi còn để lại một vết trũng cô quạnh. Đôi giầy An nằm lăn lóc mỗi chiếc một nơi trên thảm, cái khăn quàng An vắt hờ hững trên tay ghế cùng với một cái kẹp tóc vứt bâng quơ, tất cả cũng giống như những mảnh đời tan tác, phiêu dạt của An.

– Nhiều khi em muốn chết quách cho rãnh nợ nhưng nghĩ lại tội gì! Em cứ nhởn nhơ thế này để mọi người trong cái giòng họ Nguyễn Hữu phải trả món nợ tinh thần ghê gớm đối với em. Chính các ông bà ấy đã dạy cho em tội ác mà!

Tôi có ý định lưu giữ An ở lại với tôi một thời gian, nghĩ may ra có thể giúp nàng quên bớt thù hận, may ra để An có dịp sống lại con người hồn hậu, dễ thương xưa kia của nàng, lúc cả hai chúng tôi còn trẻ, lòng tràn đầy ước vọng gởi vào một tương lai mầu hồng.

Tiếng đứa con nhỏ của tôi thủ thỉ bên cạnh:

– Mẹ ơi, dì An có một con nhện to mà đẹp lắm, trong cái hộp nhựa ấy!

Tôi ngỡ ngàng nhìn đứa trẻ:

– Dì có con nhện nhồi bông hả con?

Mắt con tôi tròn xoe đầy vẻ thích thú:

– Không, nhện thật cơ mẹ, con thấy nó bò cơ! Mẹ vào xem với con đi!

Lúc tôi vào phòng, chỗ An để các đồ lặt vặt của em trong cái túi xách, tôi thấy một con bò cạp chứ không phải một con nhện, trong cái hộp nhựa. Tôi điếng người như bị chạm vào giây điện, lòng tê dại vì sợ hãi và ghê tởm. Một cảm giác buồn nôn làm gập đôi người tôi lại như người ta bẻ cụp một cái cành. Điều gì đã xảy ra nếu trước đó vài phút, con tôi vì dại dột và tò mò, đã thử cố gắng mở cái hộp nhựa đựng con bò cạp giết người của An?

Khi An từ phòng tắm trở lại, thấy tôi rũ ra trên thảm bên cạnh

cái hộp nhựa, An tỉnh bơ mỉm cười:

– Em tìm mãi mới được món quà Giáng sinh thú vị này để gởi cho thằng chồng khốn kiếp của em. Trước sau gì em cũng giết nó!

Tiếng An nghe như phát từ một cuộn băng nhựa vô hồn. Cả đêm hôm ấy tôi thức trắng với hình ảnh con bò cạp của An trong đầu.

Đúng như lời An đã nói:

"Không ai chịu được em quá một hôm! Đáng lẽ ba nên đặt tên em là Bất An, vừa bất an vừa bất trị" ♦

CHUYỆN CỦA HIÊN

Nhìn bộ mặt hiu hiu chắc ăn của Mẫm, Hiên nghe cơn giận bừng bừng bốc lên đầu.Trời đang lạnh, vậy mà mồ hôi rịn ra từ chân tóc Hiên, chảy qua gáy, luồn xuống vai nàng. Một cảm giác nhão nhoẹt càng làm Hiên thêm bực mình và cáu giận. Con dao chặt thịt gà trong tay Hiên bổ những nhát mạnh và mau xuống mặt cái thớt nhẵn thín màu đỏ thẫm. Những miếng thịt gà mọng mỡ loang loáng lẫn với những ngón tay thoăn thoắt của Hiên khiến Hiên thấy choáng váng, tim đập mạnh. Hiên với tay, định đẩy cái cửa sổ trên bàn bếp nhưng cái ròng rọc bằng nhôm ở chân cửa rít rịt, Hiên cố đẩy song cánh cửa chỉ ngật ngưỡng mà không chuyển. Tiếng Vinh ấm và chậm rãi trên vai Hiên:

– Cô tránh ra, để tôi đẩy giúp. Trời đang mưa bên ngoài đấy mà!

Cơn giận lúc nẫy của Hiên dịu đi. Hiên hơi né sang một bên để Vinh đến gần cái cửa sổ. Lúc quay ra, Vinh nói khẽ với nàng:

– Cô bực mình với hắn làm gì cho mệt!

Hiên lặng người, ngạc nhiên và xúc động, vì không ngờ Vinh hiểu được những ý nghĩ thầm kín trong lòng nàng.

Từ nãy, bà Ngọ không bỏ sót một cử chỉ nào của Hiên và Vinh. Thấy Hiên đang ngẩn ngơ, bà cao giọng gọi:

– Nhanh tay lên cháu, khách đang chờ. Chặt có tý thịt gà mà mãi thôi!

Hiên cho tay vào sóng bát, lấy đĩa sắp thịt vào rồi đem ra bàn. Hiên không cố ý, song lúc nàng đặt đĩa thịt gà lên bàn, hình như cái đĩa vô tình bị ném trượt đi một khoảng trên mặt gỗ. Trong đuôi mắt, Hiên thấy khuôn mặt trầm lặng của Vinh thật riêng biệt trong đám đông xung quanh chàng.

Giọng nói nhừa nhựa của Mẫm:

– Cô Hiên cho xin múi chanh.

Hiên suýt ọc, như nhai phải miếng thịt mỡ nguội. Cái cảm giác bực bội như một gọng kềm cứng siết ngang bụng Hiên, khiến nàng chỉ muốn ụa ra một tràng tiếng thô bỉ bỗng dưng đến trong trí óc nàng như một cơn bệnh bất ngờ.

Hiên vờ như không nghe, lẳng lặng đi ra chỗ nồi cơm và xới cơm vào cái liễn. Lúc Hiên trở lại bàn, Mẫm nhìn nàng cười cợt:

– Cô Hiên cho xin múi chanh nhé!

Hiên nhìn thấy những cái răng to tướng và khô khốc của Mẫm. Nàng quay vội đi, nói thầm một mình:

– Đồ vô duyên!

Bỗng dưng chẳng đâu vào đâu, Hiên chợt nghĩ: Nếu có một ngày, vì một lý do gì, những cái răng ấy hôn lên đôi môi nàng! Hiên rùng mình mỉm cười:

– Chắc cũng như răng của một người chết cải táng.

Hiên đi lên nhà trên với cái ý nghĩ vơ vẩn ấy trong đầu. Nàng ngồi ở một chiếc ghế trong phòng ăn, kê sát cửa sổ. Ở chỗ này, Hiên có thể nghe dễ dàng tiếng bà Ngọ gọi khi có việc gì cần nàng đỡ tay. Giờ này, khách ăn cơm tháng nhà bà Ngọ đang tề tựu đông đủ dưới

nhà xe, tạm thời được cải biến thành một phòng ăn rộng, đủ chứa khoảng ba chục người đến ăn rải rác trong hai tiếng đồng hồ vào buổi chiều.

Theo thói quen, Hiên vớ một tờ báo Việt ngữ nhặt ở chợ về, mở xem các mục quảng cáo và tin vặt. Ngày Hiên mới sang, đọc báo tiếng Việt, Hiên rất bực vì những tin tức loan tải, theo nàng, là không chính xác so với sự hiểu biết của nàng về hiện tình Việt Nam lúc nàng rời đi. Tuy vậy, rồi Hiên cũng biết là báo chí ở đây không thể làm gì hơn trước sự bưng bít, ù lì và thay đổi như cơm bữa của chính sách cộng sản tại quê nhà. Chỉ còn lại để nhận định và khâm phục nỗ lực ghê gớm của báo chí Việt ngữ, đã luôn luôn muốn duy trì một chút hơi hướm Việt Nam, một chút ràng buộc thương yêu với dân tộc và tổ quốc trước cơn lũ ồ ạt đang băng băng cuốn trôi mọi người trong dòng sống rất... Mỹ ở đây.

Nếu gọi sự việc này là một cuộc chiến tranh dành ảnh hưởng thì rõ ràng cán cân lực lượng đã có phần nghiêng về nước Mỹ.

Hiên buồn rầu nghĩ đến đời sống lưu lạc của những người Việt Nam ty nạn như nàng. Tất nhiên có những người đã hội nhập hoàn toàn vào sinh hoạt xã hội ở đây. Trong một nhân sinh quan thực tế, họ trở thành một cái bánh xe hay một con ốc trơn láng, yên ổn, trong guồng máy sinh hoạt to lớn và mạnh mẽ của xã hội nước Mỹ. Một cái bánh xe hay một con ốc không bao giờ băn khoăn về nguồn gốc mình, không bao giờ khắc khoải về một tương lai viển vông. Chúng hiện diện trong một cơ phận với sự cần thiết giới hạn và tự nhiên. Đấy là những người sung sướng. Vấn đề của những con người này là một cái xe hơi kiểu mới, một ngôi nhà ngày càng khang trang hơn, những quần áo và trang sức thời thượng, những sáng những tối bình yên đi về một nơi chốn bắt buộc và quen thuộc, những cuối tuần giành giật thời gian với kim đồng hồ. Họ sống tận cùng cái hiện tại đang có, với tất cả sự việc xảy ra xung quanh họ như chúng phải xảy ra. Sự bon chen, khắc nghiệt của đời sống đã làm họ kiệt quệ, đã dũa mòn những năng lực cần thiết để sửa chữa hay chống đối với những sự sai lầm bên ngoài hay nơi chính bản thân họ. Con cái trong những gia đình này nói tiếng Mỹ và cư xử như trẻ con Mỹ. Ý thức về tự do

và dân chủ không được tôi luyện qua một truyền thống lâu đời, đã đồng hóa với sự hỗn loạn và phóng túng.

Kết luận đơn giản: trẻ con ở đây khó dạy quá!

Những người khác mà đại diện tiêu biểu nhất là các nhà văn, nhà báo, mãnh liệt dấn thân vào cuộc chiến tranh văn hóa đầy tuyệt vọng, dành dật từng bước những người con thân thương của Tổ quốc đang trên bờ vực của sự Mỹ hóa.

Hiên rất khâm phục sự quyết tâm cao cả của họ. Nàng càng khâm phục hơn nữa khi hiểu rằng chính những người này cũng biết rõ cái thế ít cơ may của họ để chiến thắng nhưng họ không thể không chiến đấu đến hơi thở cuối cùng.

Tất cả vũ khí họ mang theo chỉ là tấm lòng yêu nước nồng nàn, lúc nào cũng âm ỉ cháy trong họ như một ngọn lửa thiêng, chỉ là bầu nhiệt huyết tập trung tất cả sinh lực họ có, chỉ là vô vàn kỷ niệm dành chôn vùi nơi quê hương yêu dấu. Bầu nhiệt huyết chỉ rót vơi mà không được châm đầy rồi sẽ cạn dần, kỷ niệm nào rồi cũng sẽ phai tàn, quên lãng. Họ như một thân cây đã bứng ra khỏi đất. Dầu là một thân cây đại thụ thì ngọn lá cuối cùng trên đỉnh cao chót vót cũng sẽ một ngày tàn rụng vì sự sống đã chia lìa, đã đứt đoạn, từ cội rễ. Cho dù nắng gió có mênh mông, cho dù khí trời có luân lưu bát ngát thì tất cả cũng chỉ thoảng qua hời hợt trên một cơ thể không còn thẩm thấu. Người ta không thể tự nuôi dưỡng bằng hư không. Sự phong phú của một đời người phải gắn bó với thực tế cuộc sống tràn đầy cảm giác và đổi mới từng ngày. Chắc chắn là không một ai có thể giới thiệu với người khác đầy đủ hương vị một múi sầu riêng nếu tự thân người đó không có cơ hội vừa ăn vừa thở hương vị sầu riêng trên một hè chợ Việt Nam lem luốc hay trong một khu vườn quê Việt Nam thâm u bóng lá.

Hiên đã từng mất hàng giờ để mô tả cho bạn Hiên cái thơm ngon mê đắm của một đẫn mía thả xuống giếng nước cho lên màu đỏ rượu, xong rồi tiện ra từng khoanh, ủ với hoa bưởi trong một cái khăn vải ẩm. Những đêm trăng mùa hè của cả một thời thơ ấu, Hiên đã cùng đám bạn nhỏ thưởng thức món ăn này trong khu vườn quê ngoại. Màu hoa bưởi trắng muốt, màu những lóng mía tươi xanh

điểm một đường gân hổ phách, mầu trăng trong suốt như thủy tinh, tất cả đã tạo nên một mầu đêm diễm tuyệt trong ký ức Hiên.

Các bạn Hiên, vì thông cảm, nhẫn nại nghe Hiên kể chuyện đời xưa nhưng rõ ràng trong đôi mắt mở to của họ, Hiên chỉ đọc được sự gắng gượng. Hiên thấy mình lạc lõng, ngay cả trong cái mùi xào nấu thức ăn theo lối Việt Nam, hàng ngày vẫn tỏa bay trong căn bếp kiểu Mỹ nhà bà Ngọ. Nhiều lúc Hiên tần ngần tự hỏi: "Không biết những nhà lân cận có bị phiền vì cái mùi gia vị đậm đặc ấy không?"

Thỉnh thoảng đọc báo, thấy tin một người làm văn nghệ vừa nằm xuống, Hiên ứa nước mắt thầm nghĩ: thế là lực lượng phe ta mất thêm một chiến sĩ, kho tàng văn hóa Việt Nam giảm đi một cổ phần quí giá. Cán cân thăng bằng càng lệch thêm một chút về phía nước Mỹ.

Thỉnh thoảng, đi ăn sinh nhật, đầy năm, đầy tháng một cháu bé, Hiên lại cười chua chát hỏi bà mẹ:

– Chị đặt tên cháu là gì? Charles, John hay Christophe? Mary, Pam hay Olivia?

Cơn mưa bên ngoài càng lúc càng nặng hạt, cùng với bóng tối nhập nhòa lấn từ bờ rào, khu vườn, vào tới hàng hiên. Vinh từ nhà xe bước ra, trước khi bật mở cái ô, chàng quay nhìn chỗ cửa sổ Hiên vẫn thường ngồi. Dưới hàng lông mày rậm, đôi mắt sâu của Vinh nhìn thăm thẳm. Vinh sẽ gật đầu chào Hiên rồi bước ra đường, không kịp nhìn thấy Hiên mỉm cười đáp lại.

Tiếng dép lệt xệt của Mẫm đi vào phòng ăn làm tắt nụ cười trên môi Hiên. Như thường lệ, sau bữa cơm, Mẫm thường lân la lên nhà trên, lúc thì hút nhờ điếu thuốc lào, lúc thì mượn tờ báo, lúc thì uống một ly trà cúc và nói dăm ba câu chuyện phiếm với ông Ngọ. Hiên biết đấy chỉ là những cái cớ trẻ con để Mẫm có cơ hội đến gần nàng.

Hiên đứng dậy, toan đi xuống nhà xe để phụ bà Ngọ dọn dẹp thì lại đã nhìn thấy những cái răng to tướng của Mẫm trước mặt.

– Gớm, cô Hiên ác quá, xin cô múi chanh để ăn thịt gà mà chờ mãi không thấy cô cho, đành ăn thịt gà nhạt đấy.

Hiên lạnh lùng:

– Lần sau, ông có thể tự lấy chanh trong tủ lạnh.

Mẫm dai dẳng:

– Tôi tự lấy thì được rồi, nhưng...

Hiên đã đi khuất xuống nhà xe, lòng nàng trĩu nặng một nỗi buồn tủi âm thầm.

Mẫm là một tay địa ốc tương đối thành công ở thành phố này. Số lượng nhà do Mẫm môi giới mua bán hàng năm lên đến vài chục căn. Mẫm có vốn khá, đầu tư vào một số công ty xây cất nhà cho mướn ở những khu thương mại đang phát triển. Vợ Mẫm qua đời sau một vụ sinh khó. Vì vậy, Mẫm là một ông nhà giàu độc thân rất sáng giá ở cái đất nước này, trong cái xã hội những người Việt Nam di tản này.

Khi Mẫm tình cờ đến ăn cơm tháng ở nhà bà Ngọ và chú ý đến Hiên, cô cháu gái của bà vừa từ Việt Nam vượt biển sang, ông bà rất mừng, đón nhận cái cơ hội bằng vàng ấy cho cô cháu như một ơn riêng Trời Phật dành đãi ngộ cô. Hiên hiểu tấm lòng của ông bà Ngọ nhưng nàng không đồng ý sự sắp đặt của ông bà. Nàng vừa trải qua một cái chết trong tầm tay để đến đây, nàng đã có hoàn cảnh để chứng nghiệm hết thảy mọi gía trị từ tầm thường đến cao quí trên cõi đời này, chẳng qua cũng bọt bèo như những lượn sóng bạc đầu vỗ bên bờ con thuyền gỗ nhỏ chở nàng đi.

Dã đành đoạn xa lìa quê cha đất mẹ, đã muối mặt quay lưng với muôn nghìn cơ cực của những người thân thương còn ở lại, dã đem sự sống đặt vào canh bạc chết cầm chắc nỗi thua, đã nhân danh phẩm giá con người để ra đi, Hiên không thể nào nghĩ đến việc lấy Mẫm như một mục tiêu thành đạt của đời nàng.

Tất nhiên là Mẫm không thể nào hiểu nổi Hiên. Ban đầu, đụng phải những phản ứng như lửa của nàng. Mẫm cho là con gái thường làm cao. Sau dần Mẫm đâm cay. Với tâm lý và đầu óc thực nghiệm của một tay chuyên làm áp phe, Mẫm tin tưởng ở khả năng kinh tế mạnh mẽ của chàng, như một con bò rừng húc đầu vào tấm vải đỏ vì sự đam mê ngu muội của chính nó. Ông bà Ngọ hết sức ủng hộ mọi nỗ lực xáp lại gần của Mẫm nên Mẫm càng chắc ăn.

Một buổi sáng cuối tuần, lúc hai cô cháu ngồi nhặt rau, bà Ngọ dễ dàng nói với Hiên:

– Cháu cứ nhẩn nha mà suy nghĩ. Riêng cô thì cô rất bằng lòng cháu làm bạn với ông Mẫm. Hắn ta có của, lại đẹp người, cháu lấy hắn, đi ra ngoài cũng mát mặt. Cháu sẵn nhà, sẵn xe, sẵn trương mục trong ngân hàng, chẳng phải lo tương lai vất vả mà lại còn giúp được bố mẹ và các em bên nhà. Chả có đám nào hơn đâu cháu ạ!

Hiên uất lên tận cổ:

– Cháu có phải là một món hàng đâu mà ông ấy ngã giá, càng không phải là một khu nhà, khu đất để ông ấy đầu tư. Ông ấy sẽ lỗ vốn to vì cháu không sinh lợi như nhà đất của ông ấy.

Ngưng một chút để làm dịu nỗi bất bình của bà Ngọ và để nghe vị chua cay thấm ngấm vào lòng hơn, Hiên khó nhọc nói tiếp:

– Còn chuyện giúp đỡ bố mẹ và các em cháu, cháu khắc tự lo liệu.

Nước mắt Hiên ướt đẫm chỗ vải quần ở đầu gối nàng. Hiên lại nghĩ đến Khâm, buổi chia tay của hai người trên căn gác nhỏ đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, vài ngày trước khi cả hai đi trình diện tập trung với chính quyền cộng sản.

Những ngày đầu sau biến cố 30/4 đau buồn, Hiên thường đến thăm Khâm luôn, một phần để an ủi Khâm, một phần để tự trấn tĩnh. Hiên thấy sách vở ngổn ngang xung quanh giường Khâm, những cây nến cháy nhem nhuốc trên nắp cái hộp sắt, những cái gạt tàn thuốc đầy ắp và những cái ly còn cặn rượu rải rác khắp nơi trên sàn gác.

Hiên bùi ngùi hỏi Khâm:

– Anh không ngủ được?

Khâm nhìn Hiên một cách tuyệt vọng:

– Anh không thể nào ngủ được.

Hiên cố cứng rắn:

– Chúng nó bảo mình chỉ đi mười ngày.

Khâm cười khẩy:

– Em tin chúng nó? Anh nghĩ sự việc sẽ không đơn giản như vậy.

Ngừng một lúc, Khâm nhìn Hiên ái ngại:

– Dù sao, mình cũng đã ở lại. Đành là mọi sự muốn ra sao thì

ra!

Hiên thấy Khâm ngồi im lặng hàng giờ thở khói thuốc, hai hàm răng thỉnh thoảng nghiến chặt, quai hàm bạnh ra, mắt Khâm gợn những tia máu đỏ và đôi lúc chàng khóc lặng lẽ.

Khâm nói:

– Anh không có gì hối tiếc cả. Mình xứng đáng nhận lãnh những hậu quả đang chờ mình, kể cả cái phần đáng lẽ dành cho những tên ma đầu chính trị và quân sự mà mình không may đã phải chọn làm chiến hữu hay đồng minh...

Rồi Khâm cầm tay Hiên đưa lên môi. Khâm giữ bàn tay Hiên rất lâu như thế, đến nỗi cho tới bây giờ, Hiên vẫn còn mường tượng cái cảm giác mềm ấm của đôi môi Khâm vật vã trong một im lặng buồn tủi. Khâm ôm siết Hiên. Hiên nghe rõ từng tiếng tim Khâm dập nặng nề lẫn vào tiếng đập của trái tim Hiên. Một lúc, Khâm buông Hiên ra, chàng mở ví kiểm soát lại ít tiền lẻ rồi bảo Hiên:

– Em có vui lòng đi ăn một bữa tiễn biệt với chánh án ngụy không?

Hiên rưng rưng nước mắt, ôm ngang bụng Khâm:

– Em đi bất cứ đâu với anh.

Rồi Hiên khóc òa. Khâm bóp một bên vai Hiên, mắt chàng cũng đỏ au:

- Em đừng khóc. Anh sẽ nghĩ là chúng ta sắp vĩnh biệt nhau.

Lúc ăn xong ra về, Hiên dừng lại bên đường mua cho Khâm và chính nàng mỗi người một cái ca nhôm để mang theo trong hành lý đi trình diện. Khâm nhận cái ca nhôm trên tay Hiên, mắt chàng nhìn Hiên như nhìn lần sau cùng:

– Có lẽ từ nay về sau, anh chỉ còn nhìn thấy em trong cái ca nhôm này!

Chiều hôm sau, lúc ba giờ, Hiên và Khâm cùng từ tạ nhau lần cuối, lúc nhìn đồng hồ và cùng biết là họ đang cùng một lúc đi tới những địa điểm khác nhau dành cho họ để khởi hành đi vào chuỗi ngày tháng tang thương.

Kể từ đó, đối với nhau, họ đã thuộc về những cõi u minh cách biệt. Hiên không còn cơ hội nào nhìn thấy Khâm, không được tin

tức gì của Khâm, chỉ còn những sáng, những chiều với rừng sâu, núi thẳm, nắng dãi mưa dầu, với củi với tre cào xước hai vai, với sình lầy, muỗi mòng bám hút, với đói khát thèm thuồng, với đợi chờ vô vọng, với phê bình kiểm thảo hàng đêm hàng ngày, với địa ngục một đời người lỡ bước sa cơ.

Bốn năm trôi qua. Thời gian sắt máu của trại cải tạo đã làm ung thối hết mọi nhận thức về một cuộc sống bình thường trong lòng Hiên. Ngày Hiên trở lại thành phố, nàng chỉ còn nghe hối hả trong lòng sự thúc dục phải chạy thật nhanh về phía trước, phải đi thật xa, gấp rút, vội vàng. Và Hiên đã ra đi trước khi có thể gặp lại Khâm.

Những lúc như lúc này, Hiên thường chua chát nhớ lại hai câu thơ của Vũ Hoàng Chương mà nàng rất yêu thích ngày mới lớn – như một điềm gở sẽ vận vào đời nàng:

"Ta chờ em từ ba mươi năm
Uống hoa phong nhụy, hoài trăng rằm."

Hiên không thể nào nguôi quên hình ảnh Khâm chắc đang sống lây lất đâu đó trong một trại cải tạo của cộng sản, có lẽ với những điều kiện còn tồi tệ hơn nàng bẩy năm về trước vì Khâm là một chánh án tòa quân sự "ngụy", một tay chàng đã xử đày đi Côn đảo vô số những tên Việt cộng ngu dốt, cuồng tín, chuyên môn bị giật dây đi phá hoại trước đây. Chúng chỉ là một bầy thú điên nguy hiểm. Nỗi ân hận lớn nhất của Hiên là hồi đó chế độ Saigon đã trót dại dột coi chúng như những con người, để đưa chúng ra trước một phiên tòa, để còn tôn trọng quyền sống của chúng. Đáng lẽ phải giết sạch, phải bắn bỏ cho bằng hết chúng khi có cơ hội mà không cần biện bạch.

Nghĩ lại mọi việc, Hiên cảm thấy chua chát, như một người đi xem kịch đang ở trong hậu trường, vừa chứng kiến cảnh huy hoàng, vĩ đại bên ngoài đã chợt thấy đào kép trơ trẽn bỏ hết xiêm y, nói cười tỉnh bơ những chuyện chẳng liên quan gì đến cảnh đời họ vừa diễn xuất. Tất cả xóa đi, êm ả, nhẹ nhõm, như một lưỡi sóng liếm lên bờ cát một bãi biển vô danh.

Riêng Hiên thì không thể nào quên, tiếng những mắt xích xô động trên gạch, ở cái cùm chân của một người tù cải tạo – như Khâm dôi mắt dờ ra, nhìn thao láo con dán đang lẩn vào cái kẹt cửa, cục

xương cuống họng chạy lên chạy xuống nuốt chút nước dãi ứa lên miệng, những mảng mụn nhọt chảy nước vàng trên một hình hài khẳng khiu vì thiếu ăn, những cái vẩy non dính vào lớp vải quần áo đen đúa, rách rưới, mỗi lúc cử động, máu tươm ra cùng với nước mắt trong một nỗi đau không còn kêu thành tiếng, mùi tanh hôi của phân người bị bịnh kiết lỵ không có xà bông và thuốc sát trùng để giặt rửa, mùa nắng thì nồng nặc như toát ra từ lỗ chân lông mỗi người, mùa mưa thì tẩm vào da thịt và mọi thứ khác trong phòng, ẩm ướt, ghê sợ. Quả thật Hiên không thể nào quên dù đã có lúc nàng thiết tha muốn quên, để những nỗi ám ảnh dày vò ấy không làm ung thối đời nàng một cách vô ích.

Không, Hiên không thể lấy Mẫm, Hiên không thể sống cuộc đời bình thản của một người đàn bà sau tất cả những biến cố mà Hiên đã trải qua. Mẫm không biết được rằng cái bộ mặt nhởn nhơ, cái nếp sống tiện nghi, sung sướng của Mẫm, nếu Hiên nhận vào mình, chúng sẽ trở thành một bản cáo trạng ghê gớm buộc tội lương tri Hiên, chúng sẽ hủy diệt Hiên.

Con đường Hiên đi đến sở làm lúc nào cũng nhìn thấy núi và mặt trời trước mặt. Đó là những cái đích Hiên không bao giờ đi tới, không bao giờ vượt qua, nhưng chúng lù lù trước mặt Hiên hằng ngày, như một kêu gọi mãnh liệt và một sự trừng phạt lâu dài.

Khách ăn cơm tháng ở nhà bà Ngọ gồm gần đủ thành phần trong xã hội người Việt Nam tỵ nạn ở đây. Đa số họ bây giờ làm cái nghề *assembly* hoặc là *technician*. Có những người làm ở nhà in, công ty bảo hiểm hay cửa hàng thuốc. Ngoại trừ Mẫm và Vinh, những người còn lại đến ăn vội vàng rồi ra về, không chú ý đến một thứ gì khác ngoài chỗ bàn ăn và cái đồng hồ treo ở một góc nhà. Vinh không bao giờ lân la lên nhà trên như Mẫm. Hiên để ý đến Vinh vì cái nhìn khắc khoải và thống thiết của chàng. Cái nhìn ấy có lúc dừng lại rất lâu trên Hiên, vừa bạo dạn, vừa e dè, vừa thổ lộ lại vừa lạnh lùng xa lạ.

Đôi khi bắt gặp cái nhìn ấy, Hiên thú vị nghĩ một mình:

– Ít nhất thì cũng có một đôi mắt không phải mắt lợn luộc!

Ngón tay áp út của Vinh đeo một chiếc nhẫn cưới bằng bạc.

Thật tình không ai hiểu được tại sao Hiên lại chọn Vinh. Đối với ông bà Ngọ, Hiên là một cô cháu gái cứng đầu, mất nết. Đối với bè bạn, chuyện của Vinh và Hiên là do số mệnh. Cái lý do thầm kín nhất mà mọi người không hiểu, chỉ có Hiên và Vinh biết với nhau.

Nếu gọi đó là một cách tỏ tình thì Vinh đã tỏ tình với Hiên một cách lạ đời nhất vì chàng nói với Hiên rằng chàng rất nhớ vợ con chàng hiện còn kẹt lại ở Việt Nam.

Lúc Vinh đi cải tạo về, vợ Vinh đang bán vé số dạo để nuôi con. Khi Vinh ngỏ ý với vợ là chàng sẽ cùng vài anh em cũ xuống một huyện nhỏ của tỉnh Cần Thơ để làm ruộng, theo đúng chủ trương và sự cưỡng bách của chính quyền cộng sản, rồi sẽ nhân cơ hội này tìm đường trốn đi, Hạnh vội vã cầm tay chồng bóp nhẹ, mặt quay đi để dấu đôi mắt đẫm lệ.

Cứ mỗi lần Vinh từ Ô Môn về thăm vợ con, Hạnh nhìn chàng như một người từ cõi nào về. Bao giờ nàng cũng ấp hai bàn tay lên tấm ngực mỏng để đè nén cơn xúc động, đầu gối nàng như khụy xuống và miệng nàng há ra kêu không thành tiếng. Bao giờ Vinh cũng quăng vội cái túi xách chỉ có ít củ, ít rau đậu vào xó nhà để kịp ôm vợ trước khi nàng ngã bệt xuống nền đất.

Buổi tối, trong bóng đêm của một nghỉ ngơi riêng tư và tạm thời, Hạnh thổn thức trong tay chồng như đang một cơn mơ:

– Lần nào anh về thăm, đối với em cũng là lần cuối cùng. Chẳng nghĩ là còn được gặp lại nhau!

Những ngón tay chai cứng của Vinh lần ngần luồn trong mái tóc không còn mượt mà của Hạnh. Vinh cũng biết là sớm muộn sẽ có một ngày Vinh không còn trở về căn nhà này nữa. Mỗi lần về, Vinh đi tha thẩn dòm nom khắp nơi trong nhà, sửa cho Hạnh cái cọc hàng rào nghiêng, dựng lại cái mái bếp sụt, chắp vá cái cánh cửa buồng tắm mục nát, thay cái phít điện bị chạm dây. Vinh hít thở đầy hai buồng phổi cái mùi thân quen của đời sống vợ con chàng phảng phất trong không gian vài căn phòng nhỏ, nhìn đến chảy máu mắt cái quang cảnh căn nhà nghèo nàn, trống trải, đã một thời đầm ấm

chứa chan hạnh phúc.

Vinh thuộc lòng từ những vệt tay bẩn trên bờ tường chỗ lên xuống nhà bếp, từng chỗ vôi vữa loang lở trên đầu giường vợ con chàng, cả nét bút chì ngây thơ mà những đứa trẻ lúc vừa biết viết đã vội ghi tên chúng bên cạnh tên bố mẹ dưới tấm gương soi treo cạnh cửa sổ. Buổi chiều nhá nhem tối, Vinh ra ngồi bên gốc cây mận, chỗ góc hàng rào, để chờ Hạnh về cây mận này Hạnh đã nhờ người đốn để lấy củi đun, nay chỉ còn trơ một khúc gỗ nham nhở.

Bây giờ nghĩ lại, Vinh vẫn còn cái cảm giác bồi hồi lúc đi quanh vào cái ngõ cụt, thấy cái cổng rào nhà chàng nghiêng đổ mà bàn tay Hạnh, mỗi sáng, mỗi chiều, hẳn đã phải phải nâng tấm cửa lưới để đi ra đi vào, hẩm hút với hai đứa con thơ, như những con chuột hôi chỉ làm bạn với bóng tối trong một ngõ ngách bần cùng của thành phố.

Lúc Vinh theo con thuyền nhỏ ra khơi, biển cuộn sóng và tâm hồn chàng cùng vật vã như nhau. Những cuộn sóng không bao giờ yên, những cơn vật vã của Vinh cũng sẽ không bao giờ thôi.

Hiên không nói rõ với Vinh về Khâm nhưng Vinh biết là Hiên đã để lại tuổi trẻ và tình yêu của nàng ở Việt Nam. Cũng như Vinh, tâm hồn Hiên cũng có những cơn vật vã không nguôi.

Hai người thường ra bãi biển những ngày cuối tuần, dù mùa mưa hay mùa nắng. Họ ngồi trên con đê lởm chởm đá, nghe sóng triền miên vỗ êm vết thương lòng họ.

Có hôm Hiên chỉ một phiến bê tông vỡ còn dính với những mắt xích của một sợi dây neo cũ rỉ, bảo Vinh:

– Phiến xi măng này giống em.

Vinh nhìn Hiên ngậm ngùi:

– Mặc dầu những mắt xích đã đứt lìa, sự ràng buộc vẫn đã, vẫn còn, vẫn rõ, phải không em?

Hiên và Vinh đều yêu thích biển Redondo.

Xe vừa vào đến bãi đậu, mùi biển tanh đã xộc vào khứu giác họ, xông lên tận đầu, thấm vào từng lỗ chân lông, nâng bổng họ lên, quăng họ vào cái mạnh mẽ vô cùng của đại dương.

Biển ở đây và biển quê hương giống nhau. Chiếc cầu gỗ vắng vẻ,

những con đường nhỏ, chật, vòng vèo giữa các dãy hàng quán thô lậu, tất cả ở đây thấm dượm một vẻ hoang vu và lãng quên. Vinh và Hiên thường đi lên đi xuống, tay trong tay, không ai nói gì. Thỉnh thoảng họ nhìn nhau và cùng phá lên cười vì cái ý nghĩ họ cùng hiểu nhau, ngay cả trong những điều không nói ra.

Khi họ cùng ăn một món ăn ngon, vẻ ngập ngừng bỗng nhiên của Hiên và ánh mắt thoáng mờ đục của nàng lập tức gợi nhắc trong đầu óc Vinh những ngày cải tạo cơ cực, những người cải tạo đói ăn, khốn khổ, trong đó có Khâm của Hiên. Vinh cố gắng nhai thật khẽ, vì tôn trọng nỗi đau đớn trong lòng Hiên, vì sự khốn khó của chính vợ con chàng nơi quê nhà cách trở. Vinh ăn uống qua loa, tự hạn chế cả những gia vị có thể làm tăng thêm sự thưởng thức của hai người vì cái cảm giác buồn phiền như sỏi đá trên đầu lưỡi.

Những lần đi shopping, khi Hiên dừng lại bên giá quần áo, bàn tay Vinh tần ngần sờ lên mặt vải, Hiên tự biết Vinh mong muốn biết bao nếu Hạnh và con gái chàng được mặc những lụa là này. Mắt Hiên nhìn Vinh ái ngại. Mắt Vinh nhìn Hiên cám ơn sự hiểu biết bao dung của nàng.

Tình yêu đến giữa hai người rất tình cờ, rất tự nhiên, như mặt trời trong buổi sớm mai, như gió trên đầu những ngọn cây. Tưởng chừng tình yêu họ là một ân huệ của Thượng đế ban cho cuộc đời trăm đắng nghìn cay, như thơ, như nhạc, như tiếng chim hót giữa trời thanh, như hoa thơm trên bờ dậu. Hiên đến với Vinh trong căn phòng trọ, hồn nhiên, đơn sơ, không biện bạch, không giải thích, không đợi chờ, không phiền lụy.

– Sự có mặt của em ở cái đất nước này đã là một sai lầm căn bản, ý thức và không thể chối từ. Nếu bây giờ được chọn lựa lần nữa, em không chọn lựa khác hơn. Vậy lấy tiêu chuẩn nào để làm kim chỉ nam cho mọi hành động? Cho nên em không lý luận nữa, mệt óc, vô ích. Hơn bao giờ và hơn bất cứ ở một nơi nào khác, em ý thức rõ mình chỉ là một hạt cát, rã rời, tách biệt, trong một chen lấn thầm lặng và vô tri giác với đồng loại. Thật là một sự băng hoại kinh tởm".

Có những hôm đi chơi xa về, đậu xe lại góc con đường hiu quạnh để bỏ Hiên, Vinh thường nhìn theo dáng Hiên nhỏ nhắn, lủi thủi đi

trong cái ánh sáng nhập nhòa của ngọn đèn đường rải trên hè phố thấp thoáng bóng lá. Nàng chợt gần, chợt xa, chợt còn, chợt mất, là một cái gì rất toàn vẹn và rất dở dang, một cái gì trong tầm tay như mùi thơm tóc nàng còn đọng lại trong xe, một cái gì nghìn trùng ngăn trở như con đường nàng đang đi cứ xa mãi về phía trước.

Bên ngoài khu phố vắng vẻ này, thành phố vẫn sáng đèn trong nhịp sống bình yên và tháng ngày lãnh đạm. Trên cái nền tối đen của đêm bao la, bầu trời phía đó hừng hừng một vừng sáng màu hồng, không gian đàn đi những bụi phấn lung linh, như vùng ký ức Vinh lúc nào cũng sáng hừng hừng nỗi thao thức những bình minh quê hương... ♦

MỘT BUỔI TỐI Ở QUẬN CAM

Tuy thời tiết đã chớm xuân nhưng ngày ở đây vẫn tối rất mau. Cái lạnh ẩm ướt thấm vào những phần thân thể không có gì che của Thúy làm nàng co ro, như là có một nơi nào trên người nàng đang đau đớn lắm.

Thúy nhớ cái hẹn với anh chàng Quí ở một tiệm cà phê nơi ngã tư gần nhà. Nàng lười biếng nhìn vào chiếc đồng hồ nhỏ trên cổ tay, biết rằng lần này thế nào nàng cũng đi đến chỗ hẹn chứ không đánh tháo như những bận khác. Mọi khi cứ về đến nhà là Thúy vội vã tháo đồng hồ ra để lên mặt bàn rửa mặt. Hình như cái đồng hồ gắn liền với một ngày làm việc bất đắc dĩ của Thúy nên khi nào nàng cần chút cảm giác thảnh thơi, nàng bỏ ngay cái đồng hồ ra khỏi cổ tay. Lâu ngày, cử chỉ này của Thúy trở thành một thói quen vô thức.

Vì vậy, chiều nay nhìn cái đồng hồ chưa được tháo ra, Thúy nhớ ngay cái hẹn với Quí. Từ trong thâm tâm, nàng biết chắc sẽ không lỡ hẹn.

Còn những một giờ nữa. Thúy đẩy cánh cửa lùa, bước ra miếng vườn nhỏ phía sau chỗ kê bộ bàn ăn của mấy mẹ con nàng. Lúc bàn tay Thúy chạm vào cái bình tưới nước bằng nhựa mầu hồng, tiếng đứa con gái vọng ra sân theo nàng, nghe rõ đến lạ:

"Chốc nữa mẹ phải đi đón con Ti".

Tuy không trả lời con, Thúy dằn dỗi một mình "Thế đấy! Biết ngay mà! Thế nào cũng có một chuyện gì xảy ra vào phút chót".

Suốt cả đời Thúy, chả hiểu vì sao, Thúy ít khi giữ đúng được một cái hẹn. Cho nên Thúy ít khi hẹn hò. Bạn bè thân tình, biết tính Thúy, không thắc mắc gì ngoại trừ anh chàng Quí, cứ mỗi lần Thúy bỏ hẹn là lại băn khoăn cố tìm một lý do để giải thích. Thật ra, cái lý do lù lù, thô sơ, dễ nhìn thấy nhất thì Quí cứ nhất định lờ tịt, bởi vì như một câu chuyện mới bắt đầu kể đã đi ngay đến kết luận, chả có gì lý thú cả.

Tưới xong mấy cụm cây, Thúy tần ngần đi trở vào nhà. Con bé con thật phiền "Sao nó không đi xe buýt về nhỉ". Không đón con thì áy náy, đợi đón nó thì dở dang giờ hẹn. Thúy cứ đi loanh quanh trong gian bếp chật với năm, bẩy cái "hay là" trong đầu. Sau cùng, Thúy hỏi đứa con khi nãy nói chuyện với nàng:

"Mẹ phải làm sao nhỉ"?

Con bé cắm cúi vào một cái gì đó, không ngửng đầu lên "con làm sao biết được? hay là mẹ cứ đi đến chỗ bác Quí đi".

Thúy tắc lưỡi:

"Ừ, thì mẹ cứ đi rồi tính".

Nói xong, cầm ví đi ra cửa, Thúy biết nàng chỉ nói cho qua chuyện lúc bấy giờ chứ nàng chẳng có một toan tính nào rõ rệt trong đầu.

Dĩ nhiên trước sau thì nàng cũng phải đi đón con bé, nhưng bằng cách nào và vào lúc nào để hai việc không cản trở nhau thì Thúy chưa biết.

Thúy lái xe ra đường. Năm giờ chiều, phố xá đông nghẹt. Thúy

cười vẩn vơ, nhớ lại giọng nói lèo nhèo của Quí trên điện thoại:

"Vâng ...vâng. Chị đến cũng được, chị không đến cũng được, chẳng chết ai cả. Tôi đi lính, cầm súng đánh giặc mãi, có chết đâu! Bây giờ việc gì mà chết"...

Lúc khác:

"Nếu tối mai chị sai hẹn, sáng hôm sau được tin tôi chết, cũng khỏi ân hận nhé"

Nói xong Quí phì cười Thúy cảm thấy tiếc thời giờ nên nàng hơi bực mình "Diễu dở òm".

Nhưng Thúy trả lời:

"Vì anh sống dai như đỉa nên tôi sẽ đúng hẹn"

Đầu dây đằng kia, Quí buông vội điện thoại, khiến Thúy nhớ một câu Đình nói đùa "Cứ chộp được cô lúc nào là tôi chộp nghiến. Hẹn, tôi coi như không có".

Thúy chạy xe rà rà quanh bãi đậu xe nhưng không nhìn thấy cái xe màu rêu có mấy chỗ bẹp rúm của Quí. Thúy liếc đồng hồ và toan quanh luôn xe ra đường đi đón con. Tuy vậy, Thúy trờ tới một chỗ đậu còn trống giữa những hàng xe kín lấp. Tiếc rẻ, Thúy chép miệng đậu xe vào cái ô hình chữ nhật trông có vẻ rộng rãi, dễ thương, vì sự mời mọc quí hóa của nó. Nàng đi băng qua một khoảng bờ lề để đến bên hiên cái quán cà phê.

Nhìn qua cửa kính, Thúy thấy lố nhố mấy cái đầu tóc vàng hoe của vài người đàn ông và đàn bà ngoại quốc. Vì Thúy đi qua, đi lại mấy lần, mắt lom lom nhìn một cách thô kệch đám thực khách đang ngồi ăn bên trong nên lúc Thúy đi trở lại đến vòng thứ ba, nàng thấy có người nhìn nàng ra vẻ khó hiểu. Thúy đâm bực mình nghĩ thầm "sao mình ngu thế, không hẹn anh chàng đợi mình ở một chỗ nào nhất định, ví dụ ở trước cái quầy có tấm bảng đề mấy chữ "Please wait to be seated" này này. Thúy lại nghĩ tiếp "mà thằng cha cũng bết quá, lẽ ra hắn phải đến trước và ngồi đấy để chờ mình chứ?" Hay là mình cứ mạnh dạn đi vào, chọn một bàn và ngồi? Như thế, thằng chả đến lại không nhìn thấy mình thì cũng phiền". "Thôi, mình đi đón con vậy, chờ thế đủ rồi".

Thúy đi nhanh chân ra chỗ đậu xe. Vừa đúng lúc nàng khuất ở

một góc tiệm cà phê, chờ băng qua lề đường bên kia thì nàng trông thấy cái xe màu rêu của Quí tà tà chạy vào. Quí có vẻ yên chí Thúy không thể nào đến sớm hơn chàng được nên chàng từ tốn đóng cửa xe rồi từ tốn đi ngược về phía Thúy để đến quán cà phê, vào lúc đó, nằm ở phía sau lưng nàng.

Trông Quí ung dung và tươi tắn. Thúy đứng yên ở chỗ nàng, chờ Quí đến gần và mỉm cười. Vừa tầm nhìn thấy Thúy đợi, Quí bối rối định há miệng nói một điều gì thì Thúy đã vội vã tuôn ra một hơi:

"Con bé con đi học một lớp phụ, muốn tôi đi đón. Có lẽ anh vui lòng cho tôi ra trường cháu trước khi vào quán cà phê ngồi nhé?"

Quí như cất được gánh nặng:

"Xong rồi, tôi xin đưa chị đi ngay nhưng chị vui lòng cho tôi một giây để tôi làm chút việc này".

Quí tiếp tục bước đi và ngoái lại nói:

"Chị ra xe trước. chị biết chỗ tôi đậu xe mà"

Thúy đi đến chỗ xe Quí, tần ngần trước cái nắm cửa chắc lạnh ngắt và trông có vẻ lỏng lẻo.

Quí đi lâu hơn một giây chàng xin. Thúy nói một mình:

"Anh chàng đến điệu, đi đâu thế không biết? Chắc lại mua thuốc lá hay diêm quẹt?"

Thúy nhớ mỗi khi Qúi có chuyện gì phải gọi điện thoại cho nàng, bao giờ nghe tiếng nàng trả lời trong máy, Quí cũng đằng hắng khẽ rồi tìm cách xin lỗi nàng và đặt ống nghe xuống một chốc, như có chút gì phải đè nén "Chị vui lòng chờ tôi tắt cái máy" "Chị vui lòng chờ tôi đóng cánh cửa".

Thúy bồn chồn nhìn đồng hồ tay. Không kịp nữa rồi, sợ con bé gọi về nhà, con chị lại hả hê bảo "Mày đi xe buýt về đi, mẹ đi rồi". Thúy loay hoay nhìn suốt dọc con phố tìm cái máy điện thoại công cộng có cái dấu hoa thị đỏ đỏ, nhìn xa giống như một ngôi sao, của hãng Pacific Bell. Không có. Quái thật, khu này có nhiều cửa hiệu, sao không có điện thoại nhỉ? Chắc tình hình khách khứa vãng lai ở đây không khá, hãng Pacific Bell không thèm đặt máy. Nếu mình có đi sang tiệm để buôn bán, mình sẽ tinh khôn lựa chỗ nào có máy điện thoại của hãng Pacific Bell.

Thúy tò mò nhìn thấy cái hộp gì bằng gỗ đen xì, lù lù ở cuối hành lang dãy quán xá. Biết đâu chả là phòng điện thoại công cộng? Thúy rảo bước đến nơi, nàng trông thấy một dãy hộp gỗ đóng kín, xếp hàng san sát liền nhau, chắc là những hộp điện. Nàng tức cười: "Thật là dốt. Ai lại đặt điện thoại ở cái góc tối tăm chỉ đáng để thùng rác như thế?"

Nàng đi ngược trở lại, dọc theo cái hành lang đầy ánh sáng đèn tỏa ra từ các cửa hiệu hay văn phòng thương mại. Qua một tiệm Food To Go, nàng toan tạt vào mua một món gì đó để kiếm cớ gọi nhờ điện thoại. Cái tủ kính bày chổng chơ mấy đĩa xôi nhuộm mầu, vài ly chè. Ông chủ có cái đầu hói như viên đá kỳ lưng, đang chỉ dẫn cho một cô gái làm cái gì đấy trên máy tính, giọng ông rè rè vang ra đến chỗ Thúy đang đi, như tiếng cái quả lắc đồng hồ trước khi gõ chuông. Gian hàng thuốc tây bên cạnh trông ngăn nắp, sạch sẽ, với một quầy thuốc duy nhất chỉ chiếm hết một góc tư căn nhà. Thúy nhớ cách đây ít lâu, nàng đã ghé qua đây một lần để mua một chai sữa rửa mặt. Người chủ hiệu còn trẻ, chả hiểu làm gì mà hôm đó và hôm nay cứ cúi gập người đằng sau cái quầy bằng kiến sơn trắng. Không thuận tiện tí nào để gọi nhờ điện thoại tuy Thúy vẫn nhớ ông chủ khá vồn vã lúc tiếp khách (về sau, Thúy tiếc lúc đó nàng quên không mua chai thuốc rỏ mắt).

Quí đã đi trở ra. Đến gần nhau, Thúy hỏi :

"Anh xong chưa?"

Quí trả lời:

"Xong rồi chị"

Làm như Thúy biết hoặc chính Quí đã nói cho Thúy biết nãy giờ chàng đi đâu và làm việc gì. Thật ra, Thúy chỉ hỏi chiếu lệ và Quí cũng không thấy vừa rồi chàng bỏ đi không nói rõ duyên cớ như thế là không phải.

"Tôi cần điện thoại. Anh biết quanh đây đâu có?"

Quí cười khẩy một cách khoái trá:

"Cái gì chị cũng biết, chuyện dễ nhất thì lại không biết. Trong quán cà phê này chứ đâu"?

Tuy vậy, nhìn cử chỉ của Quí, Thúy biết ngay Quí chỉ đoán mò.

Họ cùng bước vào quán. Quả thật quán có một máy công cộng, dùng đồng coin để gọi.

"A lô, đứa nào?"

"Ti đây mẹ"

"Ủa, Ti về nhà rồi à? Mẹ tính đi đón Ti"

"Ui cha, chờ mẹ thì khuya rồi đó" (nó bắt chước giọng nói như nhân vật phim bộ Hồng Kông chuyển âm)

"Năm rưỡi mà"

"Ông thầy cho nghỉ sớm đó"

"Vậy thôi nha. Mẹ sẽ về sau".

Thúy cảm thấy nhẹ nhõm. Trong đời nàng, hình như mọi việc khó khăn đều được giải quyết một cách tình cờ.

Ngay chỗ quầy tính tiền, một tấm bảng như bảng học trò kê trên cái giá gỗ ba chân, dán tấm thực đơn các món ăn trong ngày. Thúy không thích món ăn Mỹ, nàng nhìn chỗ giá tiền và chọn trước một món rẻ nhất. Cô hầu bàn mặt lưỡi cày, thân hình rắn chắc, đi lại nhanh nhẹn giữa các dãy bàn ghế tuy lúc cô đem bình cà phê đến gần, Thúy nhìn thấy nỗi mỏi mệt trên làn da mặt khô và trong đôi tròng mắt cử động chậm chạp của cô. Bà chủ quán (chắc thế) đôi lông mày đậm như vẽ, mặc một cái áo đầm tím kín lên tận cổ. Thỉnh thoảng, Thúy thấy bà đẩy cửa đi ra ngoài, chắc để thở không khí không có hơi sưởi. Lúc bà bước trở vào, bộ tóc dầy của bà trông mềm đi, như mớ rau cải để qua đêm. Một người đàn ông (chắc là chồng bà chủ quán), mặt trái soan, tóc đen bóng mượt, chải đường ngôi giữa kiểu Rudolph Valentino, mặc bộ quần áo màu trắng may chẽn như quần áo người đấu bò, thân mình thon lẳn, đang lau chùi cái bàn khách vừa rời đi. Ông ta lau kỹ, như muốn đánh bóng cái mặt bàn không trải khăn.

"Thế thì không phải là bồi" Thúy nghĩ thầm.

Thúy lại nhìn người đàn bà (mà Thúy đoán là chủ quán) mặc cái áo đầm tím cao cổ. Trông họ cũng đẹp đôi. Chốc chốc, bà ta ghé qua các bàn ăn, chào hỏi thực khách hay ẩm khách, nhỏ nhẹ, thân mật, như chào hỏi những người bạn đến chơi nhà vào một buổi tối nhàn rỗi. Chắc đôi vợ chồng này cũng ở một vùng có chiến tranh nào đó

trên địa cầu đến đây lánh nạn, tìm sự sống. Hèn chi bà vợ cứ thỉnh thoảng lại đẩy cửa đi ra ngoài, thả bộ trên vỉa hè dọc theo quán, từ đầu này đến đầu kia, như thể bà đang bồn chồn, buồn bã, suy tưởng một điều gì canh cánh không yên trong lòng bà. Thúy chợt liên tưởng đến một câu Hữu nói "Về già, anh muốn mở một cái quán cóc bên đường" "Ừ, người aubergiste là một khán giả xem kịch không phải mua vé".

Không thấy Hữu hỏi Thúy "Vậy em có thích mở quán với anh không". Chắc cũng giống Thúy không còn mong đợi gì, trí tưởng Hữu không có cái hình ảnh Thúy và chàng chung lưng mở một ngôi hàng. Chỉ là một câu nói vui. Đến đây Thúy bỗng không kìm được, nàng cười hức lên một mình, tưởng tượng ra Hữu mái tóc bạc phơ, để dài cúp vào gáy (nếu anh nhờ, em sẽ hơ nóng cái tông đơ trên bếp điện trước khi cắt tóc dùm anh) đêm đêm cầm cái đèn thông phong đi xem lại các cửa quán đã cài then chưa?

Quí nghi ngại nhìn Thúy:

"Chị cười gì?"

Thúy trả lời trơn tru:

"Tôi nhớ ông già ngày còn sống, đêm nào cụ cũng cầm đèn đi soi các cửa trước khi đi ngủ"

Cô hầu bàn đến hỏi, Quí nói tiếng Anh lưu loát:

"Một cà phê cho tôi, một nước cam cho bà này, lẽ ra tôi muốn bà ấy uống rượu vang đỏ. Thịt bò sốt nui. Gan quay ăn với khoai tây bỏ lò"

"Chúng tôi dọn xúp và xà lách"

Quí nhìn cô hầu bàn, hơi lưỡng lự như định nói một câu gì khác nhưng chàng lại chỉ nói:

"Thế à? Thế thì lấy cả hai"

Quí hỏi Thúy:

"Tôi hút thuốc lá được không?"

Thúy nghĩ bụng:

"Đàn ông Việt Nam lịch sự đúng sách vở thì bớt Việt Nam đi nhiều lắm. Anh chàng cũng đủ khách sáo đấy chứ" Nhưng ngoài mặt Thúy cười:

"Tôi không khó chịu, anh cứ hút".

Điếu thuốc lá chưa nhiều tro nhưng Quí cứ đập khẽ đầu điếu thuốc vào cái gạt tàn:

"Cụ Trần nhận lời viết tựa cuốn sách mới sắp in của tôi" Giọng Quí reo vui, như có những đốm lửa nóng, sáng lấp lánh.

Thúy cười hòa hoãn:

"Anh cũng mắc bệnh thấy sang bắt quàng làm họ nhỉ"?

Quí vẫn có cái vẻ hồn nhiên, đôn hậu, cố hữu của chàng:

"Thỉnh thoảng cũng nên có cái triện son, để chứng tỏ tôi vẫn có khả năng làm những việc đứng đắn"

"Sống đứng đắn ai chả sống được. Ngày xưa mẹ tôi không bao giờ gói bánh chưng bằng khuôn cả"

Mắt Quí long lanh, ánh nhìn tím thẫm:

"Vậy mà tôi không sống đàng hoàng chút nào. Đi làm về, vợ cũng đi làm về, nhưng tôi hoạnh họe đủ chuyện, một cách thô bỉ, đại khái sao thổi cơm muộn, sao canh mặn như mắm kho, sao mặt cô cứ xị ra thế? Vợ cãi. Tôi đuổi té tát "Cút đi, con khốn nạn" Vợ ôm quần áo và ôm con đi, tôi vẫn bụng bảo dạ "mẽ gì, đi rồi lại về". Ai ngờ vợ không về nữa vì có thằng khốn nạn nó nhẩy vào".

Quí chớp mắt liền mấy cái nhưng Thúy không thấy nước mắt Quí rơi xuống.

"Tôi đến chết cũng không hết ân hận".

Thúy hơi choáng váng vì cơn xúc động bất ngờ của Quí.

Quí nói tiếp:

"Tôi ra đường không ngẩng nhìn ai nữa. Chị một mình nuôi con, nuôi mẹ. Tôi đàn ông tài cao, chí cả, không giữ nổi gia đình. Hôm kia con bé về thăm. Lúc nó ngủ quên trong cái closet, tôi bế cháu ra, thay áo cho cháu, thấy rơi ra mảnh giấy có mấy chữ viết bằng Anh văn "Tôi muốn chết. Tôi hận đã sinh ra từ một đôi vợ chồng ly dị". Con bé mới lên mười, thật xinh đẹp. Chị thấy tôi còn sống làm sao được nữa? Tôi là một người tệ hại nhất trong những người tệ hại. Thiên hạ bình phẩm gì về tôi cũng bằng thừa, cũng chưa đi đến đâu..."

Lạ một điều, Quí càng nói, Thúy càng bớt xúc động. Hình như tại vì Quí nói trôi chẩy quá, như một nhân vật nắm vững tâm lý của

một vở kịch, lãnh đạm với những điều muốn diễn tả. Hình như tại vì Thúy vốn thù ghét lòng hối hận bao giờ cũng đến chậm, để chỉ còn là một nhược điểm tội nghiệp của con người. Hình như tại vì bây giờ nàng chỉ còn thưởng thức được, rung động được trước vẻ đẹp hay hạnh phúc của đời sống. Bởi nó mới, nó khỏe mạnh, nó khác với những cái nàng vẫn có hằng ngày. Sau hết, cũng hình như tại vì cường độ tấn bi kịch đời Quí đã ngày càng giảm bớt và chàng không có cách nào thêm gia vị cho nó đậm đặc lại.

Dẫu sao, những điều Quí vừa thổ lộ không ăn nhập gì với buổi tối giữa hai người. Càng không phải là một cung cách tỏ tình. Một chút yên lặng, như để lắc các đồ vật lỉnh kỉnh cho chúng trật tự trong cái hộp, rồi Quí nói, tay chàng chìa vào mặt Thúy cuốn sách bìa in xanh đỏ.

"Chị đọc cuốn này chưa"?

Tên tác giả không lạ, một cái tên nổi trước biến cố 75. Thúy mở vội vài ba trang, đọc lướt qua rồi gấp cuốn sách lại đưa trả Quí:

"Tôi không hiểu sao tôi không đọc được như ngày xưa nữa. Hình như các vấn đề của đời sống hôm nay lớn nhanh quá, ngay cả văn chương cũng không đuổi kịp, ngay cả trí óc con người không bắt kịp, chắc phải đợi một lớp trẻ mới."

Quí tò mò:

"Chị thấy gì trong cuốn sách?"

Thúy miễn cưỡng:

"Tôi không thấy điều gì tôi khao khát muốn thấy. Chẳng hạn tôi vừa đọc trong đó chuyện một anh sinh viên Saigon tranh đấu bị công an của ông Thiệu theo dõi. Anh ta có người yêu đến thăm trên một căn gác hẹp, mái tôn, giữa khu Bàn cờ. Hai người dùng dằng chuyện "cho" hay "không cho". Hình như ngày nay vấn đề này không xảy ra như thế nữa, cũng không giải quyết như thế nữa".

Ngừng một chút, Thúy buồn rầu nói tiếp:

"Nhưng ngay cả với một ngòi bút trẻ khác có cái nhìn sắc bén và hợp thời hơn, nỗi khao khát của người đọc không phải chỉ có thế và chỉ nằm trong một giới hạn như thế. Hình như bây giờ, sự vô cùng trong cõi lòng mỗi người tương quan với cuộc đời không gì lấp đầy

được, không gì đáp ứng được, khác biệt biết bao với cõi lòng cô thanh nữ cách đây non nửa thế kỷ, đọc Tự lực Văn đoàn là thấy sự thể hiện mãnh liệt, sung mãn, của cái vũ trụ hạnh phúc cô ước mơ, của cả cái vũ trụ đau thương làm cô thổn thức".

Món thịt bò xốt nui dở quá. Quí nhìn thấy Thúy ăn uống thờ ơ thì hỏi:

"Sao chị không ăn thử món gan này nhỉ"

Vừa nói, Quí vừa dùng cái nĩa chàng đang ăn để vọt sang đĩa của Thúy ít miếng. Cử chỉ làm ra vẻ tự nhiên của Quí đi quá tình thân giữa hai người nên Thúy vờ như không thấy. Thúy nhớ những lần đi ăn hiếm hoi với Hữu. Bao giờ Hữu cũng gọi hai món khác nhau cho hai người để nửa chừng đánh đổi với Thúy. Khi Thúy ăn miếng đầu tiên trên cái đĩa thức ăn đánh đổi ấy, nàng rung động đến tê tái vì cái cảm giác hạnh phúc/gần gũi rất khó tả. Tất nhiên Thúy đã hết tuổi thơ ngây để biết rằng có nhiều người đàn bà đi qua đời một người đàn ông. Những người đàn bà ấy có thể chia xẻ cùng Hữu đủ mọi thứ hoan lạc, chẳng khác gì nhau, chẳng riêng gì cho mỗi người. May ra, chưa có ai chia với Hữu niềm hoan lạc chỉ một mình Thúy cảm thấy, chỉ một mình Thúy có khi Thúy ngậm vào miệng miếng thức ăn còn giữ rất nhiều hơi hướm và khoái cảm của Hữu.

Không khí gian quán ấm áp vì cô hầu bàn chỉ mặc một áo sơ mi tay phồng ngắn. Một đôi vợ chồng người Mỹ già đi trở ra phía cửa. Thúy nhớ lúc họ đi vào, bà vợ cũng đi trước. Cái bụng ông chồng to quá. Thúy nghĩ chắc khi ngủ, ông ta không trở mình được. Hai người đàn bà ngồi ở một bàn ngay cạnh Thúy. Một người già, một trẻ. Họ đang nói một câu chuyện gì có vẻ cảm động và tương đắc. Họ không ăn, chỉ uống. Thúy thấy người trẻ đứng dậy đi vào phòng vệ sinh. Người già da đã nhăn nheo cả, chắc uống bao nhiêu nước cũng chỉ đủ ngấm vào các tế bào cơ thể, không đủ để bài tiết ra ngoài. Khi người trẻ trở ra, Thúy nhìn thấy cặp đùi mang panty hose màu kem của bà ta xếp dài bên hông ghế trước khi bà ấy ngồi xuống và thu hai chân vào gầm bàn. Lúc còn ở Việt Nam, Thúy vẫn nghĩ sáng tạo độc đáo gợi cảm nhất của hậu bán thế kỷ 2O trong lãnh vực làm đẹp phụ nữ là cái quần lót bikini. Sang đến Mỹ, Thúy thấy những cặp giò

mang panty hose mầu da trông ngon lành, đẹp lồ lộ.

Buổi tối của hai người đàn bà nom có vẻ dễ chịu.

Thúy hỏi Quí:

"Anh lại quên không mang trả tôi tập bản thảo?"

Quí nói không nhìn Thúy:

"Tôi đi nhiều nơi trước khi đến đây nên không đem theo. Với lại nhà tôi gần, lát nữa tôi chạy về lấy cho chị".

Thế là Quí không quên, Thúy cũng biết vậy. Thúy cũng biết luôn rằng xe Quí không thiếu chỗ để tập bản thảo của nàng dù chàng có phải đi năm trăm dặm trước khi đến chỗ hẹn. Dầu sao, tối nay Thúy cần lấy lại tập bài viết của nàng. Vấn đề là như thế chứ không là bất cứ cái gì khác, cho nên sau bữa ăn, Thúy đứng dậy đi theo Quí. Quí vui, vẫn cái vẻ hồn nhiên cố hữu, đôi khi cuống quít của chàng làm cho nét ma mãnh lúc ẩn lúc hiện cũng hiền hậu đi.

Quí đậu xe bên ngoài cổng. Họ đi trên những viên gạch màu trắng đặt cách quãng trên khoảng sân đất đưa vào chỗ cửa bếp. Họ cùng ngồi ở cái phòng khách thỉnh thoảng nghe tiếng ho gặng của một người đàn ông đằng sau cánh cửa lùa sơn trắng chiếm gần hết chiều rộng căn phòng. Hình như tiếng ho của người thứ ba làm Quí không thoải mái. Quí đề nghị chiếu cuốn video về cuộc họp mặt văn nghệ ở S.D. Vì Thúy chưa nhận được tập bản thảo nàng cần lấy lại nên Thúy cũng vui lòng ngồi vào cái ghế recliner đặt trước cỗ T.V. to tướng. Thúy ngồi thẳng, để hai chân lên mặt thảm, đầu gối khép lại. Cái ghế rộng, đệm bọc nhung êm, làm Thúy nghĩ thầm nếu nó được đặt ở nhà nàng, chắc chắn nàng sẽ duỗi hết chân tay một cách thoải mái và không chừng, sẽ ngủ một giấc lơ mơ trong cái cảm giác lười biếng, sung sướng của một đêm còn dài trước mặt. Trong bụng, Thúy tự chế diễu nàng về sự cẩn thận của mình song Thúy vẫn ngồi ngay ngắn trên ghế, như một người khách lạ lần đầu có mặt ở một nơi không thân thiết lắm.

Cuốn phim bắt đầu đến chỗ đông vui thì chuông điện thoại reo. Quí hối hả chạy đến cầm máy. Chẳng biết người ở đầu dây đằng kia là ai song bộ tịch Quí có vẻ bị kích thích . Hai tay chàng ôm cái ống nghe như muốn làm ngắn lại khoảng cách giữa hai người, giọng

chàng hạ thấp, dịu dàng, trơn láng như mật, như giọng một người đàn bà. Sau đó, Quí đi vào trong nhà và cầm tập bản thảo ra đưa trả Thúy, một cách lơ đãng. Vì từ chiều cho đến bây giờ, Quí không nói một tiếng nào về nội dung tập truyện ấy nên Thúy quyết định không thắc mắc gì về tập truyện của nàng nữa. Thật ra, tự trong thâm tâm, Thúy biết nàng không nồng nhiệt lắm với việc in tập truyện ngắn của nàng, vì nhiều lý do. Ví dụ, Thúy đọc lại những truyện nàng viết và không thấy hay. Những nhân vật Thúy đã chọn lựa và mô tả vào một lúc nào đó, họ chìm khuất vào đám đông và cuộc sống trôi chảy vô vị xung quanh họ (nhưng mãnh liệt hơn họ gấp nghìn lần), chẳng có gì đặc biệt và có lẽ cũng chẳng đáng làm cho một ai khác quan tâm vào những thời khắc khác. Thúy không có đức tính và tài năng của một nhà văn. Nàng viết dưới sự xung động của hoàn cảnh riêng va chạm với thực tế đời sống, biết rằng nỗi đau đớn hay niềm khoái lạc nàng cảm thấy trong phút giây va chạm ấy đã đến cực điểm trong sáng tác, sau đó tự nó sẽ tan biến đi, Thúy không bao giờ còn có thể thưởng thức lại một lần nữa. Không biết Quí có đọc được ý nghĩ ấy trong lòng Thúy không mà chàng im lặng?

Dẫu sao, vào lúc này, Quí có vẻ không quan tâm đến một chuyện gì khác ngoài cái điều chàng đang muốn thổ lộ với Thúy. Trông Quí hớn hở. Khuôn mặt chàng căng ra như một quả bóng mới bơm hơi, làm Thúy thấy được các lỗ chân lông trên da mặt chàng nở lớn và lấm tấm đỏ.

"Chị có biết ai mới gọi dây nói không? Cụ Trần đấy. cụ nói đã viết xong bài tựa cho cuốn sách mới của tôi rồi".

Nghỉ một chút để cho nỗi sung sướng ngấm vào tạng phủ, như khi Quí uống rượu, rồi Quí nói tiếp, hơi thở dồn dập:

"Thế có vui không chị? Cụ Trần nhận lời viết tựa đấy nhé, đâu phải chuyện chơi".

Không khí trong căn phòng bỗng đặc quánh ở một phía, Thúy nhẹ tênh, mỉm cười. Chuông điện thoại lại reo. Quí lại vội vàng chạy đến nhấc máy. Giọng chàng nhỏ xuống, thận trọng, như sợ làm kinh động một người khác. Những khoảng im lặng cắt câu chuyện trên điện thoại thành những mảnh tấm tức. Trong ánh đèn vừa đủ sáng

của căn phòng khách, Thúy có cảm tưởng nhìn thấy khuôn mặt Quí vàng bủng, sưng lên, đau đớn khó tả. Cuối câu chuyện, Thúy chỉ còn nghe tiếng Quí dạ dịp một cách yếu ớt rồi chàng gác máy.

Quí ngồi thừ ra trên chiếc ghế dài, đưa một bàn tay lên vuốt mặt, như một người đi dưới cơn mưa lớn, bị ngộp nước. Đúng vào lúc này có tiếng gõ cửa vội vàng. Quí đứng bật dậy nhưng chàng không đi thẳng ra mở cửa. chàng dừng lại chỗ cái hộp đựng thư treo ở bức vách ngăn lối đi vào phòng khách. Chàng cầm một tờ giấy nhỏ, lật qua lật lại rồi quay sang Thúy, giọng chàng rời rạc:

"Cụ Trần đến tận đây, cụ còn để cho tôi cái message này, hẹn mai tôi tới lấy bài tựa."

Thúy không ngạc nhiên nữa. Nàng đã hơi hiểu nội dung cuộc nói chuyện kín đáo vừa rồi của Quí với cụ Trần trên điện thoại do lời biện bạch vô tình của chàng. Có nghĩa là cụ Trần vừa càu nhàu, hay vừa làm một việc gì đấy không giống với lời nói hay sự hứa hẹn của cụ trước đây, tựa như lát nữa khi Thúy ra về rồi, Quí sẽ nói "Lúc nãy chị ấy còn ngồi đây".

Tiếng gõ cửa càng gấp hơn. Hình như bấy giờ Quí mới nghe. Chàng đi ra mở cửa. Một thanh niên trẻ, da mặt trắng hồng, dáng dấp thư sinh, mặc bộ âu phục xám và đeo cà vạt, đi theo Quí vào. Quí giới thiệu anh là một nhà văn có trọng lượng trong văn giới hải ngoại, bút hiệu T.Trung. Nghe danh, Thúy nhận ra cây viết trẻ này có tác phẩm đã gây xôn xao trong giới phê bình văn học một thời. Thúy hỏi:

"Hình như anh đã xuất bản tới cuốn thứ hai, phải không?"

Trung trả lời, giọng kiêu hãnh nhưng với một nụ cười hết sức nhũn nhặn:

"Lâu rồi chị"

Quí hình như đã quên sự có mặt của hai người trong phòng khách nhà chàng. Chàng ngồi thần ra, nét mặt nặng chĩu, tia mắt tối xầm. Một lúc, tiếng Trung rụt rè:

"Em tới xem lại bài"

Quí tự nhiên cáu kỉnh:

Trung nhún nhường nhưng cương quyết:
"Anh còn giữ trong máy chứ! Cho em xin một bản".
Quí càng nói nhằng:
"Nhưng mà tôi không có code"
Vẻ dằn dọc của Quí làm cho cả Thúy lẫn Trung biết chàng nói không thật, chàng nói văng mạng, nói cho hả cơn tức giận gì đó, riêng trong lòng chàng. Trung yên lặng nhìn Quí, chờ đợi. Có cái gì bắt buộc trong sự bất động của Trung nên sau cùng, Quí đành đứng dậy. Chàng đánh code vào máy rồi tỉnh bơ đưa bài cho Trung. Thúy trố mắt nhìn Quí, như nhìn một đứa bé toan chơi dấu một trò nghịch ngợm gì đấy nhưng nó bị người lớn bắt gặp chập tối về nhà, bất ngờ nhớ lại bộ dạng Quí lúc bấy giờ, Thúy cười chun cả hai vai.
Trung đọc những tờ giấy vừa nhận ở tay Quí, anh ngửng đầu nói:
"Đau quá, đánh máy sai mấy chỗ..."Qúi lặng thinh như không nghe. Trung nhắc lại câu vừa nói" Đau quá, đánh máy sai mấy chỗ".
Quí phá bĩnh:
"Ôi dào, đánh máy sai là thường. Ai chả bị đánh máy sai? Có gì quan trọng đâu mà phải ồn lên".
Đến đây thì cả Thúy lẫn Trung đều hiểu là sự có mặt của Trung ở đây không đúng lúc. Tuy vậy, Trung có cách riêng để biểu lộ sự bất bình của anh. Anh vẫn cười, dáng điệu vẫn tươi tắn nhưng ánh sáng tỏa ra trên khuôn mặt anh lúc mới bước chân vào đã tắt đi, như một cái bóng đèn cháy. Không khí giữa ba người ngượng ngùng và có vẻ kỳ dị. Không có dấu hiệu gì là Trung sắp sửa đứng dậy chào từ giã Thúy và Quí. Anh vẩn vơ dùng mấy ngón tay chơi đùa với mấy tờ giấy. Thúy tự dưng được xem cuộc chiến tranh thầm lặng nổ ra một cách bất ngờ giữa hai người đàn ông vẫn thân thiết nhau. Thúy nghĩ thầm "Hay là Quí tiếc buổi tối và sự có mặt riêng tư của Thúy trong căn phòng khách này?" Thúy chợt thấy đáng lẽ nàng không nên đến ngồi trên cái ghế recliner và, vào một lúc lơ đãng nào đấy, đã bỏ đôi chân có mang panty hose ra khỏi giầy. Chỗ ngồi này thường là của những người đàn bà đang làm chủ gia đình hoặc sẽ trở thành chủ gia đình. Tuy nhiên chắc cũng không phải vậy. Thúy cười thầm cái ý nghĩ bâng quơ, hão huyền của nàng. Lúc chập tối khi Thúy tới đây, Quí

dã vội vàng kéo một cái ngăn tủ đâu đó (hình như là ngăn kéo bàn làm việc của Quí) để lấy bức ảnh chụp vợ con chàng cho Thúy xem, Tuy vậy, làm cử chỉ ấy, biết đâu Quí chỉ muốn kéo Thúy tham dự vào và chia sẻ khá thân mật một phần đời tha thiết của chàng? Thúy tò mò cố hình dung lại và nàng tưởng chừng nhận ra (lúc Quí đưa tấm ảnh cho nàng) hai mắt Quí nhìn nàng rất vui, giọng nói của chàng êm dịu, như thể chàng chỉ muốn có một điều gì để nói hay để khoe với nàng, một điều gì của chính chàng.

Thúy cười thầm nàng đã bận tâm hơi thừa về những chuyện hoặc không có thật hoặc nếu có thật thì cũng không ăn nhập gì đến nàng tối nay đến đây chỉ để đòi lại tập bản thảo.

Thúy chợt nghe tiếng Trung ráo riết hỏi, như người thăm dò một phản ứng chưa rõ ràng:

"Anh cho em số phone của tòa soạn?"

Quí nhất định chơi nốt trò trẻ con của chàng:

"Tôi làm gì có số phone của tòa soạn".

Có lẽ Trung chán chuyện đùa dằng dai của Quí nên anh đứng dậy. Khi chào Thúy, Trung nhìn nàng hơi lâu, ánh mắt tươi tắn, không ngụ ý gì. Tuy vậy, Thúy biết Trung giận lắm. Lúc chàng đi ra, hai vạt áo vét không cài khuy của chàng mở bung ra, quạt vào khoảng không.

"Anh ta thật hoàn toàn"

Thúy tiếc là nàng quên không nhìn xem Trung đi giầy màu gì và giầy có sạch không?

Trung đã ra khuất phòng khách rồi Thúy mới thấy là nàng hơi đà đận. Hình như Thúy đã để nàng bị lôi cuốn hơi nhiều vào chuyện của hai người đàn ông. Hình như nàng cứ bị lúng túng vì cái ghế recliner và cuộn băng video đang kẹt trên máy. Hình như Thúy cũng khoái vì bất ngờ nhìn thấy những bộ mặt buồn vui bởi những điều tưởng chừng tầm thường, nhỏ nhặt. Ý nghĩ sau cùng làm Thúy buột miệng kêu khẽ "cynique" rồi nàng đứng dậy.

Chuông điện thoại lại reo. Quí với lấy ống nghe, áp lên mang tai với một vẻ thành khẩn. Nét mặt Quí dãn ra vì cái cười rộng của chàng. Hóa ra niềm vui, nỗi khổ của con người tùy thuộc dễ dàng

vào ngoại cảnh thường thay đổi trong phút giây, vào cảm hứng ngẫu nhiên và vô nghĩa của tha nhân xung quanh nó. Vậy mà đó là đời sống, là sự linh hoạt, khác với cái chết phẳng lì và bất động. Cũng có khi chính con người đã lựa chọn như thế, như người đầu bếp thêm gia vị vào món ăn.

Quí đã buông điện thoại, chàng nhẹ nhàng gác cái ống nghe lên máy, bàn tay còn đặt ở đấy một lát. Quí quay lại nhìn Thúy, cười bằng đôi lông mày nhướng lên cao một vẻ hả hê:

"Cụ Trần lại gọi. Cụ xin lỗi đã ngộ nhận vài điều tôi viết trong cuốn sách. Nay thì cụ rất vui lòng đưa cho tôi bài tựa cụ đã thảo xong".

Quí nói tiếp:

"Cụ bảo tôi đến lấy ngay"

Thế là Thúy có cơ hội để cáo từ mà không phải viện dẫn lý do. Quí vội vã thu dọn vài thứ lặt vặt xung quanh chàng rồi cùng Thúy đi ra cửa. Con đường đất tối, lờ mờ mấy viên gạch bằng xi măng. Quí nói:

"Đáng lẽ tôi phải mở đèn để chị đi cho dễ"

Lúc Thúy đến đây, đi vào bằng con đường tối này, Quí cũng nói một câu như vậy. Thúy nghĩ thầm:

"Đáng lẽ anh nên nói, tôi không biết ở đây cũng cần có một cái bóng đèn".

Nếu Quí nói như thế, chắc Thúy sẽ cảm động.

Buổi tối yên tĩnh với bầu trời thăm thẳm cao. Cánh cửa xe đóng lại, Thúy nhìn đồng hồ và nhớ đến Hữu "Anh vẫn hỏi em làm gì cho hết buổi tối bên ấy?" ♦

CƠN BÃO

Thuận với tay tắt bóng đèn cửa bên ngoài trước khi tì cả một bên người nàng lên cái chốt để mở hẳn cánh cửa. Mỗi buổi sáng, Thuận ra đi với đủ thứ lỉnh kỉnh đeo ở hai cánh tay nàng: một túi giấy đựng bữa ăn trưa, một túi xách đựng trăm thứ bà dằn bên trong và một cái giẻ để lau kính xe.

Sáng nào Thuận cũng làm đủ ngần ấy việc theo một trình tự quen thuộc, không thay đổi, lặng lờ, buồn nản, giống như cái quạt gió quay đều Thuận nhìn thấy một lần đâu đó ở một khoảnh đất đen đủi bên lề một xa lộ. Lâu dần, Thuận không còn ý niệm gì về chính nàng và những việc nàng vẫn làm mỗi ngày. Hình như có một khoảng trống trong đầu óc Thuận, khiến nàng cảm thấy dễ chịu.

Trời bên ngoài đã có nắng song vẫn lạnh. Hơi lạnh phả lên mặt

và hai cánh tay để trần của Thuận như một mảnh vải ướt nước đá. Thuận mở cửa xe, nổ máy. Trong khi chờ máy xe đủ nóng, Thuận đi xung quanh xe lau lớp sương mù đọng trên các mặt kính. Nàng làm việc một cách cẩn thận, chăm chỉ và chu đáo, như một người vẫn quen để hết tâm trí vào công việc mình đang làm.

Rồi Thuận vào ghế ngồi, buộc giây an toàn và cho xe lùi ra khỏi sân. Nàng cất giọng hát khe khẽ một điệu nhạc, chẳng biết ở bài nào. Sáng nào nàng cũng hát khe khẽ như thế khi ngồi vào tay lái xe.

Quanh ra đường lớn, Thuận thấy mặt trời trước mặt. Mặt trời mới sáu giờ sáng đã chói lọi như một chậu thủy ngân, lênh láng, lộ liễu, trần trụi, dẫy dụa ở chân trời đằng đông. Thuận khó chịu. Nàng loay hoay cựa mình trên ghế ngồi mà không tránh được mặt trời. Thuận bỗng sực nhớ đến bà xếp của Thuận. Hồi này bà ấy đẹp ra một cách kỳ cục. Khuôn mặt thoang thoáng những đốm tàn nhang màu nâu ngày thường trông tẻ nhạt của bà nay bỗng dưng có một vẻ khắc khoải rất khêu gợi. Hai đồng tử bà như có lửa. Ánh sáng và bóng tối chập chờn trong hai vũng mắt khiến cái nhìn của bà trở nên mê dắm, hoang dại. Toàn thân bà như một thứ trái cây chín căng, chín ngạt ngào, như một vết thương đang tấy đỏ. Đứng gần, tưởng nghe được cả sự rung động vỡ nhẹ bên dưới lớp vải áo. Thuận mỉm cười vu vơ:

– Chắc chắn bà xếp đang yêu hoặc sẽ phải yêu...

Con đường trước mặt Thuận vắng vẻ. Vài chiếc xe di chuyển vội vã xung quanh Thuận. Những cái bóng đèn hiệu ở các ngã tư đổi màu một cách máy móc, lì lợm. Thuận cảm thấy cáu kỉnh vì mọi việc đều có vẻ diễn ra theo một trật tự cố hữu, đè nặng lên tâm hồn Thuận đang trong trẻo như buổi sáng mới bắt đầu trên một nền trời cao và quang đãng.

Lúc Thuận rời nhà, Vĩnh vẫn còn ngủ vùi. Đầu Vĩnh hơi to hơn một cái đầu bình thường và tóc Vĩnh rất dầy, thò ra bên trên đống chăn cũng yên lặng, nặng nề như giấc ngủ của Vĩnh. Nhiều buổi sáng khi chuông đồng hồ reo trên mặt bàn đêm phía Thuận, Thuận lười biếng nhắm mắt nằm yên, mơ hồ nghĩ may ra Vĩnh sẽ thức giấc, Vĩnh sẽ quàng tay với tắt chuông đồng hồ cho Thuận, cánh tay Vĩnh sẽ đè

lên ngực nàng, Vĩnh sẽ dụi đầu hôn vào cổ Thuận trước khi nhắm mắt ngủ lại. Tuy vậy, Vĩnh không làm những cử chỉ Thuận mong đợi và tưởng tượng. Vĩnh cựa quậy như một con sâu và cố ngủ thêm, mặc kệ chuông đồng hồ kêu chán rồi thôi. Thỉnh thoảng có hôm Vĩnh lèo nhèo:

– Tắt chuông báo thức Thuận ơi!

Lúc xe Thuận vào đến bãi đậu xe của hãng, Thuận nhác thấy xe Herman đậu ở ô bên cạnh chỗ Thuận vẫn đậu xe hàng ngày. Thời gian này, rõ ràng Herman cố tình đi sớm để dành cái ô bên cạnh xe Thuận. Anh chàng đang dựa đầu vào ghế, nghe một điệu nhạc trẻ từ cái radio đang nhấp nháy con mắt màu xanh lá mạ trong lòng chiếc xe còn đựng bóng tối của anh.

Chờ Thuận tắt máy xong, Herman đi về phía Thuận và cười với nàng:

– Chào Thuận, cô khỏe chứ?

Thuận trả lời miễn cưỡng:

– Tôi ở đây là anh biết tôi khỏe rồi mà! Còn anh thế nào?

Thuận đã bước ra khỏi xe, nàng ngửi thấy mùi nước hoa trầm trên người Herman. Anh ta có cái nhìn và nụ cười lúc bình thường rụt rè, tương phản với vóc dáng cao to và hơi thô của anh. Buổi sáng, bộ mặt mới cạo râu của Herman làm Thuận cảm thấy bằng lòng, như thể nhờ đó nàng nhìn thấy một ngày đang bắt đầu với tất cả sự sạch sẽ, tươm tất, ở xung quanh.

Herman đi bên cạnh Thuận trên lối đi:

– Này Thuận, sao cô cứ thích đậu xe ở chỗ có cái cột đèn đằng trước mũi vậy?

Thuận cười:

– À, tôi thích đậu ở đó là để lúc nào buồn buồn, tôi sẽ ủi sập cái cột đèn cho vui đấy mà!

Herman nhìn Thuận với một vẻ dò hỏi ngây thơ:

– Thuận chỉ nói đùa thôi, phải không?

Thuận cảm thấy muốn trêu chọc Herman:

– Tôi hay nói đùa và nói thật cùng một lúc.

Nét mặt Herman trở nên nghiêm trọng một cách tức cười:

– Hình như phụ nữ Việt Nam không có hạnh phúc trong cuộc sống ở đây?

Câu nói khá soi mói và bất ngờ của Herman như một ngọn gió lạnh chạy dọc sống lưng Thuận. Thuận hơi khựng bước chân, như vấp váp một cái gì trên lối đi. Herman vội vàng vòng cánh tay ra phía bên để đỡ Thuận. Nhìn gần, Thuận thấy đôi môi hơi dầy của Herman đỏ mượt như một vệt máu tươi. Thuận khẽ rùng mình, liên tưởng vu vơ đến cái cảm giác mềm ấm và đầy đặn khi Vĩnh hôn nàng lần đầu để tỏ tình. Thuận kéo áo lạnh sát vào ngực rồi hỏi Herman một cách tỉnh táo:

– Ai nói với anh thế? Chỉ suy đoán tầm bậy.

Rồi Thuận cười, nói như để thuyết phục chính nàng:

– Anh thấy phụ nữ Việt Nam chúng tôi người nào cũng tươi tắn và nồng nhiệt, họ rất hạnh phúc đấy!

Herman tinh tế hơn Thuận nghĩ, anh chàng có một vẻ băn khoăn rất điệu:

– Thỉnh thoảng tôi thấy sự trống trải trong mắt họ, ngay cả Thuận.

Thuận biết mình chống chế:

– Cái điều anh gọi là sư trống trải đôi khi chỉ là sự mệt mỏi thôi!

Herman nhìn vào mắt Thuận, nửa sỗ sàng, nửa van lơn:

– Hai chữ đó ý nghĩa khác nhau xa nhau đó Thuận. Tôi quả quyết không dùng sai chữ đâu.

Thuận làm bộ bông đùa:

– Tôi cũng không sai. Vậy phụ nữ Việt Nam chúng tôi có cả sự trống trải lẫn sự mệt mỏi trong mắt họ. Được chứ?

Thuận cho hai tay vào túi quần để cảm thấy dáng đi bớt vụng về và tự chủ hơn. Đến trước cánh cửa gỗ nặng, Thuận dừng lại chờ Herman lấy chìa khóa mở. Herman lùi lại một bước nhường lối cho Thuận vào trước. Buổi sáng sớm, dãy hành lang sâu thẳm chưa có ai, hơi ấm từ máy sưởi ôm lấy vai Thuận như một người quen thân lâu ngày. Một cảm giác buồn nản bỗng làm Thuận ứa nước mắt.

Lúc đi qua phòng thay áo, Herman ôm bộ gown của hắn đến gần chỗ tấm gương Thuận đang soi. Khuôn mặt Herman lồ lộ bên

cạnh Thuận, vừa riêng tư, vừa gần gũi, khiến Thuận chợt hốt hoảng. Thuận nghe rõ cả hơi thở gấp của Herman làm bay mấy sợi tóc mai bên má Thuận. Thuận luống cuống mở vội hai vòi nước để tiếng động làm tan loãng không khí trầm trọng giữa hai người. Trong gương, Thuận nhác thấy mắt Herman bám chặt vào Thuận, với tất cả sự thèm muốn vừa thơ dại vừa cuồng nhiệt. Thuận rời rã với cái ý nghĩ bất chợt:

– Trời! nếu hắn hôn mình?

Vẻ dờ dẫn vì sợ hãi của Thuận hình như làm Herman cảm thấy thú vị. Hắn toan mở miệng nói một câu gì thì Thuận dã bỏ di như chạy vào chỗ phòng làm việc. Những cái bóng lặng lẽ của những người làm *overtime* từ lúc năm giờ sáng thấp thoáng vài nơi trong *cleanroom* rộng rãi đang sáng lạnh lẽo xanh tái, dưới một hệ thống đèn huỳnh quang lợp kín cả cái trần thấp màu trắng, làm dịu cơn sốt dỏ trong đầu Thuận.

Thuận vừa sắp xếp đống giấy tờ trên mặt bàn, vừa nghĩ thầm:

– Những ngọn đèn này hơ chảy mình từ sáng đến chiều. Ít nhất thì bây giờ mình cũng đang đầy đặn như một trái bong bóng chờ gió, như một cái lốp xe *brand new*, như một ngọn đèn cầy mới thắp, như một bông hoa còn ngậm sương. Chỉ vài giờ đồng hồ nữa là mọi thứ đều xọp xuống, héo đi, quắt lại.

Thoáng một cái, Herman đã lướt đến bên cạnh Thuận:

– Này Thuận, cuối tuần này cô đi trượt tuyết với tôi nhé?

Thuận mệt mỏi dơ cả hai tay lên trời song nàng vẫn còn nhớ để tinh nghịch lập lại cùng một cách Herman đã nói với nàng:

– Này Herman, anh có để yên tôi không?

Herman ôm lấy ngực, làm một cử chỉ đau đớn giả bộ:

– Thật vậy sao? Vậy tôi phải nói để Thuận biết rằng chính Thuận đâu có để cho tôi yên?

Tuy bực mình, Thuận cũng thầm công nhận Herman có một phong cách tán tỉnh thông minh và sắc sảo. Hắn nhìn thẳng vào hai mắt Thuận, cái nhìn dò tìm, thiết tha, nóng bỏng, cái nhìn di từ mắt Thuận lên tóc nàng, chậm rãi bò xuống đậu trên môi nàng, xuống ngực, xuống vai rồi sau cùng như một ngọn lửa làm cháy xém Thuận.

Herman nói như người bị hụt hơi:

– Tóc Thuận, mắt Thuận, nụ cười Thuận, tất cả làm tôi điêu đứng.

Thuận nghe một chút gì ấm áp mơn trớn cõi lòng buồn bã của nàng nhưng Thuận không khỏi cảm thấy bộ tịch hơi trẻ con của Herman làm nàng khó chịu:

– Tóc hoặc mắt hoặc nụ cười của búp bê cũng đẹp vậy! Búp bê không có tuổi và không bị ung thối. Tôi ra đời trước anh mười sáu năm anh biết không? Ngày anh còn là một chú bé tí teo, mẹ anh còn phải gởi anh cho *babysitter*, tôi đã đi lấy chồng.

Herman mở to hai mắt và kêu lên như một con vật bị thương:

– Thuận nói như một bà già, như mẹ tôi vậy! Nhưng tôi yêu Thuận, những cái khác có quan hệ gì?

Thuận không nói nữa, nàng yên lặng ngồi vào bàn bắt đầu một ngày làm việc. Herman không về chỗ của hắn. Hắn đứng như trời trồng bên cạnh Thuận, tay gõ nhởn nhơ lên cái kệ sắt như một người nhàn rỗi không có điều gì bận tâm và vội vàng. Thuận bực bội lấy một mảnh giấy và nàng viết bằng bút mỡ những chữ to lên đấy:

– Hãy rời khỏi đây để tôi làm công việc của tôi! Cám ơn.

Herman mỉm cười đi về bàn của hắn. Lát sau, hắn đem đến chìa vào mặt Thuận một tấm bìa cứng vẽ hai đứa bé, một trai, một gái đang dắt nhau đi tới một nơi có mặt trời soi trên một khu vườn hoa và một ngôi nhà. Phía dưới chân hai đứa bé, Herman viết tên hắn và tên Thuận. Thuận bật cười vì sự hồn nhiên của Herman. Hắn liền nghiêng hẳn người xuống và nhìn vào mắt Thuận rất dịu dàng:

– Đấy đấy, Thuận cười như vậy là đúng nhất, đẹp nhất, dễ thương nhất, là Thuận trăm phần trăm.

Thuận trở nên mềm yếu:

– Tôi van anh, hãy để cho tôi yên có được không?

Rồi bỗng nhiên giận thân, Thuận tiện tay hát tấm bìa cứng vào cái giỏ rác dưới chân nàng. Herman bật ra một tiếng kêu thống thiết. Hắn quì thụp xuống ôm cái thùng rác bằng nhựa trong vòng tay:

– Ôi! Đừng làm đau Thuận yêu của tôi!

Hắn ngước nhìn Thuận bằng cái nhìn bám chặt như keo dính,

chữ nghĩa tuôn ra khỏi miệng hắn như một cái vòi nước hỏng:

– Tôi chọn một con đường đầy hoa, một mái nhà, Thuận chọn nấm mồ. Đằng nào thì cũng vẫn là hai, tôi và Thuận. Tôi thích chọn đời sống vì đời sống có tình yêu.

Thuận nghe cơn giận tràn ngập nàng như một con sóng sủi bọt của biển mùa hè. Tuy nhiên, Thuận nói chậm rãi để biểu lộ uy quyền của nàng:

– Anh đang ôm cái thùng rác của tôi, không phải là nấm mồ. Nếu cần phải chọn bất cứ một thứ gì, tôi không chọn với anh, nghe rõ?

Herman mở to mắt nhìn Thuận, đôi lông mày đen mượt của hắn đưa cao lên, như cười cợt, như ngạc nhiên, đượm một chút hoang mang và ngờ vực.

Tiếng chị Diệu cất lên sau lưng Thuận:

– Cái gì thế Thuận?

Chị quay sang Herman:

– Lại ông mãnh này tán hươu tán vượn chứ gì?

Chị gõ vào cái thùng rác trong tay hắn:

– Anh có điên không? Bỏ cái của nợ này xuống và để cho Thuận yên, cô ấy là em dâu tôi đấy.

Trước khi bỏ đi, Herman còn làm một bộ điệu bi thảm rất kịch và nói tỉnh bơ:

– Quả thật tôi điên vì yêu Thuận!

Chị Diệu đứng trước mặt Thuận. Sáng nay chị mặc một cái áo sơ mi lụa trắng có viền đăng ten, trông chị tươi mát như một bông cúc đồng mặc dầu, nhìn kỹ, có một chút mệt mỏi trên hai quầng mắt chị. Chị cười bảo Thuận:

– Em nhìn ra ngoài trời mà xem, cỏ mượt thế kia, nắng trong như thủy tinh, chắc bây giờ bãi biển sạch sẽ vô cùng, các quán cà phê mới thay khăn trải bàn, ấy vậy mà chị em mình vùi đầu trong cái xó xỉnh đầy mùi hóa chất này!

Thuận xúc động:

– Nhưng biết đâu vì phải vùi đầu vào đây mà chị thấy nắng ngoài trời trong hơn, cỏ ngoài trời xanh hơn? chị đừng buồn, mười năm

sau, buổi sáng vẫn đẹp như chị đang thấy vậy!

Chị Diệu cười gượng:

– Được rồi, mười năm sau chị sẽ ôm một con mèo nhỏ và nhìn ngắm thiên nhiên trên một cái ghế xích đu, nhé?

Thoáng thấy bóng bà xếp to như một cái thùng phuy chứa dầu, chị Diệu lảng về bàn. Thuận mỉm cười một mình và bắt đầu thực sự ngày làm việc của nàng.

Thuận chăm chú nhìn vào kính hiển vi để tìm những sai sót của một đầu giây lò xo. Công việc đều đặn, giống nhau, ngày này qua ngày khác, trong một gian phòng gồm những khuôn mặt quen thuộc đến nỗi nhắm mắt lại Thuận cũng có thể gọi tên người bên phải, bên trái, đằng trước, đằng sau. Thuận thuộc lòng những câu họ hay nói, những vấn đề họ hay nghĩ, những quần áo họ hay mặc và cả những thói quen họ vẫn có. Đến nỗi có những ngày, khi một người nào đấy vắng mặt, chỗ ngồi bỏ trống của họ hôm đó trở thành nỗi vui xôn xao vì nó là đề tài để bàn tán, là chìa khóa mở vào những điều tưởng tượng đưa mọi người ra khỏi sự nhàm chán thường nhật của họ.

Những đầu giây lò xo mảnh như sợi tơ, ẩn hiện ngổn ngang trong ống kính hiển vi của Thuận, có lúc làm Thuận chóng mặt. Cảm giác mỏi mệt như một sợi chão dai cứng ghì kéo trên gáy Thuận. Thuận lắc lắc đầu, dơ một bàn tay xoa nắn nhè nhẹ chỗ đau. Ở bàn bên kia, Herman vẫn không rời mắt khỏi Thuận, đôi mắt bỏng cháy, lộ liễu. Thuận vội vàng rụt tay lại và tiếp tục cắm đầu vào ống kính. Thuận lẩm bẩm nói một mình, như một người sợ quên, nhưng chính ra là để tự trấn tĩnh:

– Sợi này thiếu *urethane*, sợi này có bong óng trong ống *silicone*, sợi này làm lại *silkscreen* vì lem...

Rồi bỗng dưng Thuận nghĩ lan man đến con gái nàng hồi này chơi đàn đã có nét. Nó bắt đầu lớn, da dẻ mịn màng, phấn lên như da một quả đào. Tuy dáng dấp mảnh mai và tính tình hơi khô nhưng người con bé trông mềm mại và gợi cảm. Chẳng bù cho thằng em, tròn trịa, nhẫn nhụi, như một quả cau mùa cưới và lúc nào cũng có thể rơi nước mắt. Ở nhà, Vĩnh rất chăm các con vì Thuận đi học thêm vào buổi tối. Thỉnh thoảng có hôm Thuận chợt nhớ ra nàng ít

thì giờ với con cái quá. Nàng hơi cuống quít, muốn làm một việc gì cho chúng nó nhưng lại không biết bắt đầu bằng việc gì và như thế nào? Rồi cơn xúc động của nàng bị cuộc sống như dòng nước lũ cuốn trôi đi. Rốt cuộc, Thuận thường lại vẫn tự bằng lòng với sự có mặt của nàng ở nhà vào những giờ giấc nhất định. Nghĩ đến chồng, Thuận chợt nhớ lại hôm dọn về nhà mới, khi mở cái thùng đựng giầy dép để xếp lên kệ, nàng thấy Vĩnh chất cả vào đấy những đôi dép cũ của nàng đã bỏ đi. Thuận cằn nhằn Vĩnh:

– Những đôi dép này em đã bỏ rồi, anh lượm lại chi cho chật nhà?

Vĩnh cười ngại ngùng:

– Anh không muốn vất bỏ bất cứ cái gì của em. Em không đi nữa thì để vào một góc.

Đôi lúc, Vĩnh có những suy nghĩ khá lãng mạn nhưng cái lãng mạn của chàng là thứ lãng mạn hiền hậu, đóng khung trong khuôn khổ, như một cô gái khuê các thỉnh thoảng nhìn mây bay ngoài cửa sổ, rụt rè soi bóng mình trong gương, và trang điểm thầm. Thoạt đầu, Thuận rất hạnh phúc với tình cảm âu yếm của chồng nhưng ở Vĩnh không bao giờ có sự đam mê. Vì vậy, cuộc sống chung của hai người dần dà trở nên nguội lạnh, như một chén cơm đã đi hơi, rời rã. Thiếu một chút keo để dính mọi thứ lại với nhau một cách chắc chắn, thiếu một ngọn lửa để thỉnh thoảng cả hai cùng phải hốt hoảng vì viễn ảnh một đám cháy có thể thiêu hủy tất cả để làm mới lại.

Thuận thường bị hụt hẫng vì tính kín đáo, dè dặt và an phận của Vĩnh. Những hụt hẫng ấy chồng chất với thời gian làm thành nỗi thất vọng trong lòng Thuận. Có khi thức giấc giữa đêm, nằm bên cạnh Vĩnh đang ngủ giấc ngủ bình yên của chàng, Thuận cảm thấy tủi thân và nàng khóc lặng lẽ. Thời gian đầu, Thuận mơ hồ muốn Vĩnh nghe được tiếng khóc của nàng. Nàng mong Vĩnh sẽ ôm đầu nàng trong cánh tay, để vỗ về nàng, bằng sự im lặng êm đềm của đêm sâu đang trải ra cùng với lòng Vĩnh yêu nàng. Tuy vậy, thường thì Vĩnh ngủ say giấc ngủ của riêng chàng. Lâu dần, Thuận khóc mà không còn cảm thấy cần Vĩnh biết nữa.

Thuận đã làm xong *shop order* đầu tiên trong ngày.Lẫn với tất

cả những ý nghĩ rối ren của Thuận, nàng ngạc nhiên nhận ra nàng có một khả năng suy tưởng đã thành máy móc bên cạnh cái khả năng tự chế đã thành thói quen. Hồi còn ngồi trên ghế nhà trường, Thuận học triết, có đoạn nói về nhị trùng bản ngã nơi một con người. Hồi đó, nàng thiếu một ví dụ cụ thể để có thể hình dung ra bài học. Nay thì nàng biết rõ rằng con người sống trong nghịch cảnh, thường phải tự phân hóa mình để trốn chạy hay đối phó, dùng cái giả nuôi cái thật và ngược lại.

Sắp đến giờ cơm trưa. Nhìn qua cửa kính, Thuận thấy trời bên ngoài tối xẫm từ lúc nào. Gió thổi lao xao trên đầu những đọt cây khiến Thuận cảm nhận được cả cái rung động rạo rực trong không khí một ngày đầu xuân thời tiết vẫn còn chập chờn thay đổi từng lúc, vừa bừng bừng những giọt mồ hôi vã ra đầm chân tóc đã lại lạnh mê mê cái lạnh của người sản phụ đang nở nhụy khai hoa.

Ở bàn bên kia, Herman búng tay đánh tách một cái ra vẻ vui sướng rồi xô ghế đứng dậy.Thuận giả bộ không trông thấy cử chỉ của Herman nhưng hắn đã chạy sang bên bàn Thuận, nói khẽ:

– Tôi ra ăn cơm với Thuận ngoài xe Thuận nhé?

Như bị điện giật, Thuận chịu thua vì không kịp đề phòng:

– Anh đừng ra đấy, tôi sẽ không ăn được cơm.

Nói xong, Thuận cảm thấy tức giận nàng ghê gớm. Đáng lẽ nàng phải quắc mắt trấn áp hắn và từ chối quyết liệt. Cái gì đã vuột ra khỏi sự kìm hãm bình thường rất hiệu quả của Thuận?

Thật là dại dột! Câu nói của Thuận là một lời tự thú khốn khổ. Tại sao lại để cho Herman biết nàng bối rối và hổ thẹn vì sự có mặt của hắn? Thật ra thì không bao giờ nên hỏi "tại sao" cả. Người ta luôn luôn sống một cách toàn vẹn nhất con người mình khi tạm thời bỏ quên những cái nhãn hiệu xã hội. Mỗi phản ứng bất ngờ, vì thế, là một thái độ sống, như khi người ta thở. Không ai phê phán sự thở vì nó là căn bản quí giá nhất của đời sống. Căn bản là Thuận quả có bối rối và hổ thẹn vì Herman, như một cô gái biết yêu lần đầu. Thuận bĩu môi tự nhủ:

– Ngụy biện! dối trá!

Nàng nhìn lên đồng hồ lần cuối để biết chắc là nàng đi ăn cơm

trưa đúng giờ qui định.

Ra đến xe, Thuận quay bớt cửa kính xuống cho thoáng rồi bắt đầu lấy hộp cơm nguội lạnh ra ăn. Thuận vừa ăn vừa đảo mắt nhìn con đường trước mặt, vừa chờ đợi vừa không muốn chờ đợi Herman. Sau cùng thì Thuận cũng thấy Herman đang đi những bước dài về phía nàng cùng lúc với những hạt mưa đầu tiên, nhọn và gẫy vụn, rơi chấp chới trên kính xe Thuận.

Herman đứng bên kia Thuận. Hắn chỉ tay vào khóa cửa để ra dấu xin Thuận mở. Thuận thấy nàng lắc đầu, vô nghĩa, cố chấp. Herman ra dấu vài lần rồi đứng im. Nước mưa bắt đầu chảy thành dòng từ trán hắn rỏ giọt xuống cằm và đọng lại như những giọt thủy tinh. Đôi mắt Herman hơi cau lại, chắc vì xót. Thuận vẫn ngồi im trong xe, chậm rãi ăn những hạt cơm nguội. Nàng lấy cái đầu thìa dũi vào miếng đậu hũ nhồi thịt và khều khều từng chút bột nhỏ, như đứa trẻ đang giận dỗi một điều gì. Nước mưa dội qua cái áo jacket của Herman như chảy trên một bờ tường. Mầu vải xám chiếc quần hắn đang mặc loang lổ những vệt ướt xẫm màu. Thuận mơ hồ biết rằng cùng với nước mưa, sự tấn công của Herman đang đi dần đến những giới hạn cuối cùng. Một cảm tưởng tiếc thương, đau đớn, bỗng dấy lên trong lòng Thuận. Tuy nhiên, một thoáng giây, Thuận chợt mừng rỡ khám phá ra nàng vẫn còn cơ may ở trong sự an toàn vì quả thật lúc ra đến xe, thực sự Thuận không chuẩn bị đón Herman nên nàng không mở khóa cửa phía bên kia. Thuận lại bình tĩnh cười thầm:" Anh chàng chơi khổ nhục kế đây mà!"

Bây giờ, cả người Herman là một khối màu xám dưới bầu trời mưa màu xám. Nét mặt hồng hào mọi khi của Herman đang trắng bợt ra vì lạnh. Vệt môi mầu đỏ thẫm của hắn đọng những giọt nước mưa như một người đang lên cơn sốt rã mồ hôi. Cảm giác run rẩy bỗng thấm vào lòng Thuận. Thuận tự biết là dù cửa xe mở hay không mở, hai cánh tay giá lạnh nước mưa của Herman đang ôm choàng lên nàng, đôi môi hắn đang chia với nàng những giọt nước mưa hăng hắc mùi cỏ cây xung quanh. Thuận rùng mình đậy nắp hộp cơm lại và lau tay vào cái khăn giấy.

Buổi chiều lúc Thuận về đến nhà, cơn mưa đã tạnh. Vĩnh đang

tỉa lá những cụm hồng ngoài sân. Vĩnh nhìn vợ bằng cái nhìn trong trẻo thường ngày, như bầu trời mùa hè. Hàm răng Vĩnh đều đặn, trắng bóng, to và khỏe. Đưa chìa khóa xe cho chồng, Thuận kêu thầm:

– Trời ơi! Anh bình yên như thế này, làm sao hiểu được em?

Vĩnh ôm vai vợ cùng đi vào nhà. Không biết Thuận có né tránh không nhưng Vĩnh thấy bàn tay chàng trơn tuột khỏi vai Thuận. Tuy nhiên, Vĩnh rất dễ vui vẻ bên cạnh vợ:

– Bữa nay coi em bí xị! Chắc lại bị xếp chèn ép?

Bây giờ thì Thuận né hẳn người xa Vĩnh. Câu nói của nàng với chồng rít khẽ ở khóe môi:

– Anh lúc nào cũng chỉ chực hạ giá em.

Vĩnh cười làm lành:

– Kẻo em lại kêu ca là anh không thông cảm với nỗi cực nhọc của em hàng ngày.

Thuận nhìn vào khoảng không trước mặt:

– Nhưng thông cảm là phải hiểu cho đúng.

Nàng nhỏ giọng như than thở với chính mình:

– Anh có bao giờ hiểu đúng đâu!

Vĩnh cười hề hề và lại ôm lấy vai vợ:

– Anh chỉ hiểu đúng một việc: em là vợ anh và chúng ta luôn luôn thương yêu nhau, được không?

Trong cái náo nhiệt ồn ào của căn nhà đông người nghe thấy từ ngoài bậc cửa và trong nỗi mỏi mệt đến không còn buồn cất nhắc chân tay của Thuận, câu Vĩnh nói nghe lạc điệu, làm Thuận chối tai.

Hai đứa trẻ thấy mẹ về, chạy ra túm lấy chân Thuận và bắt đầu nói ríu rít. Theo thói quen, Thuận cúi xuống hôn các con. Tóc tụi trẻ con thơm mùi xà phòng mới gội, tơi ra từng sợi dưới môi Thuận, khiến Thuận cảm thấy dễ chịu.

Nàng dắt tay thằng Việt, thủ thỉ hỏi con:

– Bà tắm cho con rồi hả?

Thằng bé lắc lắc cái đầu tròn xoe có mớ tóc óng ánh:

– Bố tắm.

Cảm giác về một đời sống êm ả như có chút gì lăn tăn làm lòng

Thuận gợn nỗi buồn phiền. Thuận biết mình vô lý nhưng sự bằng lòng thái quá của bất cứ ai về cảnh đời êm ả họ đang sống đều làm Thuận bực dọc.

Hình như sự sống phải như nước, không cầm nắm được. Nước từ nguồn ra biển. Từ biển về nguồn. Đường đi đường về trong thời gian khắc khoải, trong không gian đổi mới từng giây từng phút. Hình như con người trong cuộc sống luôn phải hối hả rời bỏ nơi vừa mới đến, luôn phải chao rao quay lại nơi vừa đi qua, nếu không, ngày tháng và thói quen sẽ lợp lên mình một lớp rêu xanh như trên những viên ngói mục.

Buổi tối trong nhà lại đang diễn ra quang cảnh mọi ngày dưới ánh đèn mầu vàng loãng, nhạt thếch, như màu nước chè pha đi pha lại đến không còn hương vị. Mẹ đeo kính trễ xuống nửa mũi, chăm chú đọc một tờ báo tiếng Việt. Thỉnh thoảng cụ lại chép miệng thở dài, hai bàn tay thả tờ báo xuống đùi rồi mắt nhìn mông lung trong khoảng không. Có khi cụ gọi một đứa nào đó để nói một chuyện gì nhưng chúng nó ào ào nên cụ lại thôi. "Này *J.C.Penny* đang *sale* xì và xú đấy, *size* nhỏ không hà! Quí mợ nào cần thì đi mua nhanh kẻo hết" "Phiền quá, cuối tuần mụ Patty mời sinh nhật, lại phải đi hấp bộ vét" "Trời ơi, tiết canh vịt Sáu Đặng tuyệt cú mèo nghe các cụ! Cụ Thuận kỳ này *overtime* lia chia, chắc đông bạc cắc, đãi tiểu đệ một bữa coi!" "Má ơi, má bắt con làm gì cũng được nhưng đừng bắt con nhổ tóc bạc, con sợ tuổi già lắm!" Căn phòng nhỏ không bao giờ ngớt tiếng người ,thường làm Thuận cảm thấy bị đè nén đến ngột ngạt.

Giữa cái xô bồ, náo động liên tục ấy, Vĩnh lặng lẽ ở chỗ ngồi của chàng. Đôi mắt Vĩnh nhìn lơ đãng, thỉnh thoảng chàng góp một nụ cười dễ dàng, không ngụ một ý gì. Thuận chợt có ý nghĩ Vĩnh giống như mấy cái hình vẽ bằng nhựa màu mà tụi em nàng tinh nghịch gắn lên cánh cửa tủ lạnh, tưởng dính chặt nhưng lại không dính chặt. Vĩnh gắn vào gia đình nhà nàng cũng y như thế, có hoặc không có đã thành tự nhiên, đến nỗi không còn làm cho một ai chú ý. Nghĩ xa hơn một chút, Vĩnh gắn vào đời nàng cũng vậy thôi, do một sự tình cờ ban đầu rồi ở lại cái vị trí đó vì không một ai thấy cần thiết phải

thay đổi.

Thường thường, những buổi tối họp mặt kiểu quốc văn giáo khoa thư tân thời ấy kết thúc lúc một người nào đó vừa đứng dậy vừa vươn vai ngáp hoặc nói trống không "Thôi, đi ngáo một phát để mai còn kéo cầy". Hình như mọi người chỉ chờ có thế để cùng lục tục rời bỏ chỗ ngồi. Mẹ sẽ ngủ trên *sofabed* ở phòng khách, "cho thoáng", như mẹ thường nói. Thật ra, các cửa sổ và cửa lớn ở phòng khách đều đóng kín vào ban đêm, màn cửa dầy rủ từ trên cao xuống tận thảm, nhưng mẹ cứ có cảm tưởng phòng khách có nhiều không khí hơn, "không khác mấy với phòng ngủ của mẹ ở Việt Nam".

Riêng Thuận, dù trời nồng nực hay trời rét cắt da, Thuận đều đi ngủ để cửa sổ mở rộng. Hình như Thuận luôn luôn cần một số dưỡng khí nhiều gấp nhiều lần một người thường cho hai lá phổi của nàng vốn chứa dựng một sức sống tham lam và mãnh liệt quá độ.

Có hôm Vĩnh trùm chăn kín mít và kêu khìn khịt trong cổ họng để phản đối hòa hoãn với Thuận:

– Em có phải là hoa phong lan không để anh bế em đặt lên thềm cửa sổ rồi anh đóng cửa ngủ?

Hoặc:

– Anh là con ve sầu, một con ve sầu đực, từ lúc sinh ra đến lúc chết không biết kêu một tiếng. Vì vậy, em có biết là anh sợ ngày đông tháng giá không?

Có một điều lạ là Thuận ít cảm xúc với những điều Vĩnh nói. Không hiểu vì sao song Thuận không nhìn thấy sự liên lạc giữa con người Vĩnh và những ý nghĩ chàng diễn tả. Luôn luôn, Thuận hơi khó chịu vì cái nhận xét Vĩnh là một diễn viên vụng về, cứng cỏi. Chàng để lộ cho Thuận thấy sự cố gắng ghê gớm của chàng nhưng chàng diễn xuất không có duyên. Những khi không diễn xuất, Vĩnh là một người nhạt nhẽo.

Thuận rửa mặt, đánh răng, chải tóc và bôi kem dưỡng da trước khi vào giường. Chăn đệm đã ấm hơi Vĩnh làm Thuận cảm thấy dễ chịu. Vĩnh nằm nghiêng về phía vợ, một tay ôm quàng qua bụng nàng. Hơi thở của Vĩnh hăng hăng, thổi đứt quãng lên mặt Thuận,

như những lúc Vĩnh thèm muốn Thuận. Hôm nay người Thuận bần thần, nàng có cảm tưởng ngửi thấy mùi thức ăn đang tiêu hóa trong dạ dầy Vĩnh. Ý nghĩ bất chợt ấy khiến Thuận buồn rầu nhớ lại những buổi tối nàng là người sau cùng đứng lên dọn dẹp bát đĩa thừa mứa sau bữa cơm. Quang cảnh bừa bộn, hoang tàn, nhớp nháp của một bàn cơm trước đó bày biện tươm tất, lịch sự, thơm tho, thường làm Thuận rã rời.

Thuận rướn người lên cao một chút để ra khỏi vùng thở của Vĩnh. Mùi *after shave* Vĩnh cạo râu lúc sáng còn thoang thoảng bên thái dương chàng. Thuận rất thích cái mùi thơm đàn ông này. Nó nhẹ nhàng, lửng lơ, nó khêu gợi và lãng mạn, một cách vô tình và vô tội. Lan man, Thuận nghĩ đến mùi nước hoa trầm trên người Herman. Nàng nghe hơi nóng bốc hầm hập lên đầu, lên mặt. Thân thể nàng râm ran cái cảm giác bức bối, như có những mũi kim kỳ cục đang chích vào da thịt nàng.

Tiếng Vĩnh thở làm ồn ào sự tĩnh mịch chung quanh Thuận, Thuận buột miệng nói với chồng:

– Ở sở em, thằng xếp theo tán em dữ quá! Không khéo em thua mất.

Tiếng Vĩnh cười xì xì và bàn tay Vĩnh xoa xoa một bên ngực Thuận.

– Cho nó tán. Đố nó làm gì được vợ anh.

Nỗi buồn mênh mông như một con sóng lớn, mặn đắng và rít hơi muối, úp chụp lên Thuận. Nàng muốn quẫy đạp, la hét, ụa mửa, nhưng cánh tay Vĩnh đè nặng lên người Thuận như một phiến đá. Nước mắt như cơn mưa rào tràn lặng lẽ hai bên má Thuận.

Trong mắt Vĩnh, Thuận không được giống như một ngọn cỏ mà sự nhởn nhơ, rung động trong nắng gió vừa là vẻ đẹp nồng nàn, thơ dại đáng yêu, vừa là hình tượng của mọt thân phận yếu đuối, mong manh, dễ bị dày đạp. Đối với Vĩnh, đời sống không bao giờ có sự bất ngờ. Sự sống như một quả chín mà Vĩnh tin tưởng vào sự lựa chọn kỹ càng của chàng để không bao giờ có thể bị ung thối bên trong. Thuận bơ vơ, cằn cỗi, trong những cái khuôn vô hồn, cố định của tư tưởng Vĩnh. Thuận kêu la tuyệt vọng trong ngày tháng lặng chìm

bên cạnh Vĩnh. Vĩnh như cái sườn núi dốc màu xám phía sau ngôi nhà họ ở, không bao giờ đồng vọng được tiếng nói tâm linh của Thuận, không bao giờ tiếp nhận được những rung động của đời sống Thuận như cơn gió thổi qua vùng không gian bao la, tắm đẫm trên đường nó đi tất cả hương thơm và nhựa sống tràn trề tỏa ra từ một thiên nhiên vạm vỡ trong một vũ trụ vô cùng...

Đêm im lặng và đè nén xung quanh chỗ Thuận nằm. Tiếng thở lúc chập tối của Vĩnh đổi thành tiếng ngáy đều đặn mà Thuận nghe đã quen tai đến không còn cảm giác.

Sáng hôm sau, thức dậy một mình trong phòng tắm, lúc nhìn nàng trong gương, tự nhiên Thuận ngậm ngùi như nhìn một người bạn cũ sắp chia tay. Khi nàng ra xe, Thuận có cảm tưởng không gian buổi sáng căng cứng một nỗi chờ đợi kỳ lạ trên đầu những ngọn cây vắng lặng đứng yên. Thuận biết sớm muộn, một cái gì đó sẽ vỡ ra, như cơn bão đã chuẩn bị từ những điều kiện thời tiết bên ngoài xem ra rất bình yên.

Những bánh xe của Thuận sáng nay đã lăn xuống mặt đường, sẽ đưa Thuận đến cái bãi đậu có cây cột đèn xi măng phía trước mũi Thuận. Thuận thấy nàng bình tĩnh dậm chân ga để húc vào cây cột đèn, rõ ràng là chẳng để làm gì, chỉ khiến Thuận bị thương, xe hư và khiến mọi người túa ra thành một đám đông hiếu kỳ với những vẻ mặt bộc lộ đúng nhất con người thầm kín cất dấu khéo léo bên trong họ. Và Thuận, Thuận cũng sẽ có một ngày không giống mọi ngày, Thuận sẽ hóa thân và tự hủy cùng một lúc, như một bông hoa mãn khai, nàng sẽ bằng lòng thấy nàng có sự lương thiện để từ chối một cách minh bạch, cái khung đời sống ước lệ là sự giả dối lớn nhất đã làm thui chột tâm hồn Thuận như cỏ cây trong mùa nắng hạn.

Thuận tắt máy xe và cười với Herman đang đi những bước hối hả về phía Thuận ♦

HUẾ YÊU DẤU

Cho đến bây giờ, mặc dầu hơn một nửa tháng năm của đời người đã trôi qua trong ngăn cách và lãng quên, vậy mà mỗi khi nghĩ về Huế, tôi không khỏi bồi hồi xúc động, như thể tôi với Huế là đôi người tình lỡ trong ca dao Việt Nam:

Tóc mai sợi ngắn sợi dài
Lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm!

Quả thật thế! Xa Huế thì thương thì tiếc, thì ăn năn thống hối, thì chỉ muốn quay về, nhưng sống với Huế thì sầu thì hận, thì đau thương chất ngất buồng tim, thì oan khiên lệ nhòa hai mắt, thì tuổi xanh héo mòn như cỏ úa.

Con gái Huế ấm như nắng hè, thơm ngọt như mật ong, óng mượt như tơ tằm, thanh bai như nhành lệ liễu và con gái Huế sắc như dao,

lạnh như mùa đông, can trường như đá núi, thâm trầm như biển sâu. Gặp rồi không thể không yêu, yêu rồi cuộc tình sẽ là một vết thương thiên thu.

Tôi ra đời và lớn lên ở Huế, là đứa con cuối cùng của một người đàn ông ba vợ vì hiếm muộn. Từ khi lớn khôn, tôi chưa bao giờ thấy bố mẹ tôi nói chuyện với nhau một lần, ăn chung một bữa cơm hay cùng đi dâu ra ngoài. Mẹ tôi gọi hai bà vợ lớn của cha tôi bằng mc, tôi gọi mẹ tôi bằng chị. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà rộng trên bờ sông Hương, bốn phía vườn hơn một mẫu tây đất trồng toàn cây ăn trái, rào trc vây chung quanh. Suốt một thời thơ ấu, ngoài những lúc đến trường, tôi như con chim sâu nhởn nhơ trong khu vườn thơ mộng này.

Những buổi sáng mùa hè, tôi thường thức giấc trong tiếng chim hót líu lo bên bệ cửa sổ, tiếng bồ câu gù trên cái hồ nước phía sân trước. Ánh nắng sớm mai lọc qua màn sương mỏng và màu xanh của những ngọn thiên lý óng ả, phủ xuống cửa sổ chỗ tôi nằm cái ánh sáng êm đềm, huyền diệu, như không gian một giấc mơ dằm thắm. Tôi thường nhắm mắt, lún người xuống đệm giường để được dấm mình hơn trong cái cảm giác êm ái và thú vị của một chiếc võng mềm.

Mẹ tôi đã lăn vào những công việc bề bộn của bà từ lúc chuông chùa đổ hồi công phu thứ nhất, gà chưa gáy sáng. Tuy ít khi nhìn thấy bà trong gian nhà và khu vườn rộng nhưng tôi rất an tâm, biết mẹ tôi chắc luẩn quẩn đâu đó xung quanh vì không sáng nào bà không úp lồng bàn trong bếp cho tôi hoặc một cái bắp luộc, một ít xôi đậu đen hoặc một chén cơm nguội ăn với cá mòm kho xổi thật cay.

Ăn xong, tôi xách cặp và tấm bạt ra vườn, kiếm chỗ nào có bóng mát thì giải bạt ra nằm. Vì cái tư thế "học nằm" này nên về sau, trong lớp, tôi chỉ giỏi về các bộ môn quốc văn và ngoại ngữ, còn các bộ môn đòi hỏi một tư thế học ngồi hay học đứng nghiêm chỉnh, với tấm bảng đen trước mặt, thì tôi đành chào thua, suốt cuộc đời học trò chỉ toàn ngồi thảnh thơi cuối sổ.

Tôi thường nằm nhìn lên vòm trời thấp thoáng trên đầu. Những ngày hè, qua kẽ lá, tôi thấy mây trắng như bông nõn bồng bềnh trôi

trên một nền màu xanh biếc, thăm thẳm cao. Thấp hơn, xung quanh tôi, hoa khế, hoa chanh, hoa cam, hoa nhãn, lấm tấm lợp lên mầu xanh già của lá, trông vui như một hội đèn. Thỉnh thoảng cơn gió chạy qua, những bông hoa nhỏ mầu trắng hay mầu tím hồng rụng phơi phới như một cơn mưa khan, làm thoảng mùi thơm trong không gian tĩnh mịch.

Lúc nào bên mình tôi cũng sẵn những quả chín hái trong vườn, lúc thì vài quả ổi xiêm ruột đỏ như son, cắn vào răng nghe mùi thơm nức lên tận óc; lúc thì một chùm khế ngọt, quả khế khô và dòn, không bõng nước như khế những nơi khác; lúc thì một trái lựu với những hạt nhỏ màu tím thẫm, trong veo như một chuỗi đá quí, vừa chua vừa ngọt, vừa dòn dòn, nhâm nhi nghe vị thơm thấm dần trên đầu lưỡi như một thứ rượu thần tiên. Những cành cam, cành quít trĩu quả sà thấp ngang tầm tay với.

Mặt trời lên cao. Tiếng ve sầu đồng loạt vang lên inh ỏi từ những cây vải trạng, từ những cây nhãn lồng chi chít mo cau trong khu vườn nhà tôi và trong các khu vườn lân cận. Tiếng ve sầu ra rả, náo nhiệt, khua động khắp mọi nơi chốn trong cái thành phố ngày thường êm ả như một cô gái phòng khuê. Tôi ở Đông Ba nhưng biết chắc bạn tôi ở Cầu Lò rèn, ở Nam Giao, Hàng Đoát, ở Kẻ Vạn hay Nội thành, Bãi dâu hay Tây Thượng,... tất cả chúng tôi đều nghe cùng một lúc tiếng ve sầu kêu vào cái giờ như đã hẹn hò này.

Lũ ve như cái đồng hồ thiên nhiên trong mùa hè. Người nội trợ ở Huế nghe tiếng ve sầu để nổi lửa lo bữa cơm trưa và bữa cơm chiều. Có những hôm tôi đứng ở bờ rào, nghe tiếng ve sầu gọi hoàng hôn inh ỏi trong khắp các chòm cây, nhánh lá xung quanh, tâm hồn bỗng náo nức một nỗi thúc dục phiền muộn, muốn đi tới một nơi nào xa hơn cái chân trời thấp ở cuối những thửa ruộng đằng trước nhà.

Tôi đã lớn khôn để không còn gia nhập vào đám trẻ con trai tóc húi cua, con gái tóc cắt bôm bê như cái chũm cau. Chúng túa ra từ các con ngõ sâu, tay mỗi đứa cầm một cành trúc có chấm tí nhựa mít ở đầu để bắt ve ve. Chúng tỏa vào các khu vườn, nghểnh tai nghe ngóng, nghiêng đầu tìm kiếm những chú ve đang bám vào thân cây, mắt nhắm tít, hát bản tình ca của chúng trong cái không khí say nồng

mùi mật trái cây trong mùa hè.

Tôi không còn mặc quần xà lỏn, chạy chân đất ra ngoài đường cùng với chúng nữa. Tôi cũng không còn chờ giấc ngủ trưa của người lớn để lẻn ra bờ ao, rình bắt cho bằng được một chú chuồn chuồn ớt, cắn răng nhịn đau để nó cắn vào rốn cho biết bơi như lũ bạn vẫn kháo nhau.

Giữa trưa áo tôi ướt đẫm mồ hôi, cái nóng dường như không phải từ ngoài vào mà từ trong ra, hừng hực, âm ỉ bên dưới làn da nóng và rít. Nắng trưa như một dòng bạc chảy nhoàng nhoàng trong mắt.

Tôi đã lớn, thỉnh thoảng chỉ còn những buổi sáng ra vườn sớm, bắt gặp những cái xác ve trong suốt như bằng nhựa ở dưới một gốc cây thì tôi gượng nhẹ nhặt đem cất vào một cái hộp. Trong trí tưởng thơ ngây ngày ấy, tôi vẩn vơ nghĩ có những con sâu đã hóa thân để bay lên những cành cao trong vòm trời rộng.chúng để lại dấu vết cuộc đời mỏng manh của chúng, như đa số những người con của Huế, đến một ngày, sẽ trút bỏ xiêm y thần thoại lại đây và bay đi khắp trời xa lạ, dù biết rằng đằng sau có hay không có một tấm lòng tưởng tiếc không nguôi.

"Xếp tàn y lại để dành hơi"

Nghĩ về Huế không biết nghĩ từ đâu và chấm dứt ở đâu? Nghĩ từ những ngày thơ dại quẩn quanh trong khu vườn tuổi ngọc, từ những đêm sáng trăng trữ tình trên những khóm bông nhài trắng nõn liêu trai bên bờ giếng nước xô động tiếng gầu nan, những cô hàng xóm quần xắn ngang gối, nhịp nhàng chiếc đòn gánh trên vai, quẩy nặng đôi thùng nước trong veo thả những giọt dầy trên mặt con đường cát mịn. Đã đêm rồi mà các cô vẫn còn đội nón, sợ ánh trăng làm lộ liễu nét cười và đôi mắt long lanh.

Con gái Huế gội đầu bằng nước sông Hương, bằng bồ kếp và lá chanh, lá bưởi, dòng tóc nuột nà buông xuống hai vai mùi hương cỏ cây huyền hoặc.

Suốt mùa hè, bố tôi thuê bao một chiếc thuyền để chiều chiều cả gia đình đi tránh nóng trên sông Hương. Lòng thuyền trải chiếu hoa cạp điều, có những cái gối bằng nhiều ngũ sắc. Mũi thyền treo

một chiếc đèn lồng, bóng hắt xuống mặt sông như một cây nến mầu khổng lồ.

Mỗi chiều lúc mặt trời sắp khuất, chiếc thuyền cập bến phía sau nhà. Mẹ tôi khuân thức ăn xuống thuyền để cả nhà ăn tối khi thuyền sẽ neo ở một khúc sông nào đó.

Có khi thuyền xuôi về hạ lưu, cắm sào ở giữa bãi cồn. Bắp trên nương xanh um, bông bắp màu trắng sữa lay rào rạt. Mẹ già tôi mặc một chiếc váy vải trắng, ngâm mình trong giòng sông cạn nhìn thấy cả lòng cát bên dưới. Cái váy của mẹ già tôi bọc nước, phập phồng như một cái phao, đỡ cho bà nổi bập bềnh. Tiếng cười sảng khoái và hai bàn tay dập sóng bì bõm của bà làm xao động ánh trăng xung quanh mạn thuyền. Mẹ tôi thì còn phải lội vào cồn mua mấy trái bắp tươi để luộc hoặc nấu chè. Bắp ở đây mùi thơm và vị ngọt không đâu sánh bằng. Những hạt bắp no căng, trong trẻo và dẻo mịn vỡ giữa hai hàm răng, làm cuống quít vị giác bằng một thứ sữa béo ngậy.

Cũng có khi thuyền ngược mạn trên, về phía Kim Luông, Thiên Mụ. Thuyền cắm giữa dòng chờ trăng lên, có đêm gặp thuyền các cụ đại quan trong triều, chúng tôi được nghe ké đàn ca hát xướng suốt đêm. Những ngọn đèn lồng thắp trước mũi thuyền tỏa xuống lòng con đò thứ ánh sáng huyền ảo trong các truyện cổ nước Tàu. Tiếng xênh phách, tiếng ca điệu Kim tiền, Lưu thủy hay Nam bình, Nam ai, tiếng hò mái đẩy, tiếng những cây đàn nhị, đàn bầu, đàn tranh, đàn nguyệt, tiếng sáo, tiếng người lao xao đổ xuống mặt sông mênh mông ánh trăng đã gieo vào đầu óc tôi ngày ấy những hình ảnh không bao giờ mờ phai về một thế giới thanh bình và thần tiên! Càng về khuya, tiếng đàn càng trầm xuống, nỉ non, giọng những nàng ca kỹ nghe qua sương đêm hình như đã khản đục. Tôi chập chờn ngủ trong tiếng sóng vỗ nhẹ vào mạn thuyền và trong cái khối âm thanh khắc khoải huyền hoặc ấy.

Thỉnh thoảng, một lá thuyền nhỏ áp vào mời mọc những món ăn đêm, cô gái chèo xuồng mặc áo nối thân, tay thoăn thoắt vẩy hai cái chèo gỗ nhỏ xuống dòng sông nhuốm bạc, chiếc đèn dầu hạt đậu tỏa một vùng sáng âm thầm xung quanh chỗ cô ngồi.

Sáng hôm sau lúc tôi thức giấc, những ngọn đèn lồng đã tắt trước

mọi khoang thuyền, dòng sông lợp một lớp khói sóng khiến những con đò như nổi cao khỏi mặt nước. Tất cả trò vui và người trong cuộc vui đêm qua đã biến mất, như trong một giấc mộng lạ thường.

Mùa hè, lũ con gái nhỏ áo trắng đi xe đạp thành từng đoàn, tóc thề lộng gió, nghiêng chao vào nhau trên những con đường đi qua Dập đá về Vĩ Dạ, đi lên dốc Nam Giao về mạn lăng miếu các vua triều Nguyễn, tiếng cười tiếng nói ríu rít như tiếng chim chuyền. Trong cặp sách mỗi cô đều dấu một tập thơ chép cẩn trọng bằng mực tím trên giấy hoa tiên có những bông hoa ép khô.

Bầu trời Huế trên những cánh đồng hoa cỏ dại vào mùa hè có rất nhiều sợi tơ trời bay bay. Lũ con gái thường nâng vạt áo dài hứng lấy sợi tơ, thầm kín, dịu dàng nghĩ đến một dáng người, một đôi mắt quẩn quanh đâu đó bên bến đò Thừa Phủ, sau những vài cầu bán nguyệt hay sau hàng cột trên hiên trường Khải Định.

Cũng có khi chúng họp nhau ở hồ Tịnh Tâm, chẳng làm gì chỉ để đi lên đi xuống, nhìn nhau và cười ngặt nghẽo vì một duyên cớ không đâu. Mùa hè, hoa sen ở hồ Tịnh Tâm làm thơm ngát một khoảng trời.

Mùa đông ở Huế rất buồn. Trời mưa kéo dài hàng tháng. Mưa dai dẳng, mưa rả rích, mưa bay nghiêng, mưa rát mặt, mưa như cầm chĩnh đổ. Tiếng mưa lúc cao lúc thấp, lúc đục lúc trong, tiếng mưa im lìm trên những lối đi đầy cỏ, tiếng mưa cô đơn, phiền muộn trên những tàu lá rộng, tiếng mưa lạnh lẽo dưới đầu hồi, tiếng mưa thầm thì, rời rã, trong trái tim bàng hoàng những mộng ước không thành.

Con gái Huế lội nước đến trường, quần xắn khỏi gối, gót chân hồng trên những chiếc guốc vông màu trắng. Có cô mặc áo mưa bằng lá, nước đọng lướt thướt trông như một con ve sầu ốm vì muà hè đã qua. Có cô mặc áo mưa bằng nhựa màu, trông họ như những cái kẹo trong một cái lọ thủy tinh.

Mùa dông ở Huế không có buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều. Chỉ có ngày và đêm. Một hôm thức dậy, thấy khu vườn quanh nhà mưa ngập trắng xóa thì biết rằng mùa đông đã sập tới. Hèn chi lúc chập tối đêm qua nghe tiếng ễnh ương kêu ngoài bờ ruộng và tiếng chuông thu không từ ngôi chùa bên kia cánh đồng nghe nhão nhoẹt vì không

gian đã đọng đầy hơi nước.

Suốt cả một thời thơ ấu, tôi đi ngủ trong tiếng sóng vỗ êm vào mạn thuyền những đêm mùa hạ và trong tiếng mưa rơi trắc trở trên cây lá ngoài vườn những tối mùa đông.

Vì vậy, sau này dù sống ở bất cứ nơi chốn xa xôi nào khác, lòng tôi bao giờ cũng khắc khoải nhớ nhung những thanh âm ngày cũ.

Con gái Huế yêu rất âm thầm và mãnh liệt. Tình yêu có khi chỉ là chút nhớ nhung vụng dại gởi vào một mái tóc bồng bềnh, một đôi mày khẽ cau, một ánh mắt buồn vời vợi hay một bờ vai áo xanh. Tình yêu có khi chỉ là một tình cờ hai xe đạp sóng đôi trên con đường tháng năm rợp trời hoa phượng đỏ, có khi chỉ là một tình cờ đáp chung chuyến đò sáng chiều qua về bến sông đi học. Tình yêu có khi chỉ là một đợi chờ thấp thoáng sau dậu chè tàu ngăn đôi một lối ngõ vào ra. Tình yêu thường khi chưa kịp trao hôn thì chàng đã rời xa thành phố đi lập công danh ở phương trời khác. Người xa dễ quên nhưng cô thiếu nữ vườn Thanh sẽ mãi ôm vết thương êm ái đi hết cuộc đời.

Tất nhiên rồi nàng sẽ lên xe hoa về nhà chồng, nàng sẽ là vợ hiền của một đức lang quân và mẹ hiền của một đàn con xinh đẹp có những cái tên gọi chỉ nghe qua đã cảm nhận cả đất trời thần kinh mê hoặc. Thế nhưng trong sâu thẩm tâm hồn nàng, vết thương tuổi ngọc không bao giờ hàn gắn. Nếu có một ngày thấy lại cố nhân, cô thiếu nữ năm xưa rụt rè khép mở như một nhánh cỏ hổ ngươi nay trở thành thiếu phụ, sẽ rất nghiêm trang và đài các nghiêng khuôn mặt hoa, chỉ có ánh mắt lạnh câm nói lên một đời tình gía buốt, chỉ có nụ cười buồn nói lên tình hận trăm năm!

Thức ăn của Huế chỉ có người Huế biết thưởng thức và biết làm, biết dọn. Bạn có thể nhìn thấy trên thực đơn của nhiều quán hàng những món ăn mang tên một địa danh hay một nhân vật cũ của Huế song chỉ có người Huế mới biết rằng đó là những danh xưng giả hiệu, những hoài niệm ngượng ngùng và những cố gắng vô ích. Bạn không thể ăn ở đâu những miếng thịt heo thơm ngon như miếng thịt heo ở Huế vì người Huế nuôi heo bằng cám gạo giã tay nấu nhừ với rau chuối thái mỏng, bằm nhỏ, từ những thân chuối mới đốn còn tươi

nhựa, với bèo tấm xanh non vợt từ ao cá sau nhà. Nồi cám nấu bên đụn rơm, người nấu quấy mỏi tay cho đến khi rau cám sềnh đặc, mùi thơm phức và trông béo ngậy như một nồi cháo cho người.

Ngày còn bé, tôi thường ngồi nhìn mẹ nấu cám heo trong cái lạnh se sắt của buổi sớm mai còn ngái mùi sương, lửa rơm hắt lên mặt mẹ những mảng sáng chập chờn làm mắt mẹ long lanh, nỗi hắt hiu trong đôi tròng mắt mênh mông như cơn nước lũ năm nào đã cuốn trôi bà ngoại tôi trên con đê về chợ.

Không ở đâu miếng dồi trường trắng, dòn, thơm và thanh cảnh như miếng dồi trường của con heo xứ Huế, da đen bóng như một con hải cẩu, cái lưng thon võng xuống để cái bụng núng nính sà gần mặt đất.

Sau này, tôi đi qua nhiều miền quê hương, về giữa vựa thóc Hậu giang ăn gạo nanh chồn và gạo huyết rồng, không hạt gạo nào bằng hạt gạo de An Cựu. Những hạt gạo phơn phớt hồng, áo cám như phấn, nuột nà chảy giữa những ngón tay cô hàng đang đong cái đấu gỗ, chưa củi lửa mà mùi thơm đã phảng phất xung quanh, ăn một miếng vị ngọt bùi còn đọng mãi trong cuống họng, thấm vào từng kẽ răng.

Thức ăn của Huế nhiều món không đâu có, như món nộm hoa cau, món canh măng chua nấu cá ngạnh nguồn, như con cá bống thệ mình săn như thịt cô thiếu nữ, kho thật khô trong cái trách đất đỏ ong những ớt và ánh vàng màu đường đã hóa mật, chỉ nhìn thôi đã nghe xót xa cơn thèm.

Món ngọt thì không thể quên chè đậu ngự. Những quả đậu áo xanh như cánh con bọ ngựa, buổi mai hái trên dàn xuống còn mát lạnh sương đêm, hạt đậu nây nả, thơm như môi má người tình, nằm lả lơi mời gọi trong đáy chén trong veo. Chỉ ở Huế mới nên ăn chè đậu ngự để có thể thưởng thức cái hương vị lạ lùng, kiêu điệu của nó, cái hương vị cực kỳ thanh tao, say đắm, làm ta sống lại tam cung lục viện ngày xưa với xiêm áo tóc mây thơm mùi nguyệt thảo.

Ngày vừa qua, tôi có dịp tình cờ ăn một chén chè đậu ngự trên đường Bolsa. Tôi đã gọi một chén chè không có đá để gợi nhớ quê nhà, lòng xôn xao nỗi vui như chờ đợi một người quen cũ đã nhiều

năm không thấy mặt. Chén chè đem ra, chỉ có mùi vani và mùi gừng theo khói bay lên. Tôi cầm cái muỗng nhỏ khuấy chén chè đặc bột với cái hương vị giả tạo của nó, mầu xanh thô kệch của những hạt đậu nặng chĩu trông như phẩm nhuộm làm lòng tôi rưng rưng, biết rằng không bao giờ ở đâu nữa, tôi còn có thể sống lại một ngày thần tiên nơi quê hương miền Trung dấu yêu.

Chỉ có người Huế mới biết dọn những món ăn để người thưởng thức còn thòm thèm, khao khát, những đĩa chén thức ăn như một bông hoa hàm tiếu, một nỗi vui không bộc lộ hết, một hạnh phúc không thỏa thuê, mâm bàn đã dọn sạch mà người ăn còn ngẩn ngơ.

Trên con đường đi tới cuối đời, hình như mọi người đều có nhu cầu quay lại, để thấy con đường dài thêm và hành lý có nhiều, để tự an ủi thật ra kiếp phù sinh không phải chỉ có ba vạn sáu ngàn ngày

Một nhà thơ nào đã viết:

"*Một phút lòng anh yêu em đó*
Cũng thể yêu em đến trọn đời".

Quả thật có những người tình không bao giờ quên, có những cuộc tình đi vào thiên thu. Với tôi, Huế là một cuộc tình không trọn vẹn, một cuộc tình đắng cay, trăn trở, uất ức, dày vò, nhưng là một cuộc tình kết tụ tất cả tinh hoa của một đời người, họa may chỉ có sự chết mới làm nó yên nghỉ trong lãng quên ♦

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street, Westminster, CA 92683

Tel. (714) 892-9414 & 892-9316 Fax: (714) 894-1381

ĐÃ XUẤT BẢN

PHẠM QUỐC BẢO
Cùm Đỏ
Truyện ký, 7.25 MK
Cõi Mộng Du
Truyện dài, 7.00 MK
Đời Từng Mảnh
Cõi Mộng Du tập II, 8.00 MK
Dâu Bể
Tập truyện, 8.00 MK

NGUYỄN MỘNG GIÁC
Mùa Biển Động
Truyện dài, (hết)
Bão Nổi
Truyện dài (hết)
Ngựa Nản Chân Bon
Tập truyện (hết)

NGUYỄN BÁ TRẠC
Ngọn Cỏ Bồng
Tập Thơ Văn, 7.00 MK

NGUYỄN MẠNH TRINH
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh
Thi tuyển (Hết)

NGUYỄN XUÂN QUANG
Người Câm Thù Ruồi
Tập truyện, 6.00 MK

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Người Đi Trên Mây
Truyện dài, 10.00 MK

VÔ NGÃ
Gối Gốc Mai
Thi tuyển, (Hết)

THẾ GIANG
Thằng Người Có Đuôi
Tập truyện (tái bản), 10.00 MK

NGUYÊN PHONG
Hành Trình Về Phương Đông
(tái bản), 10.00 MK

LÊ THÁI BẰNG và LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Nguyên tác John Hohenberg
Ký Giả Chuyên Nghiệp
Biên khảo, 19.50 MK

TỪ NGUYÊN
Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin
Biên khảo, 12.00 MK

LƯU ĐÌNH VONG
Thơ Giáp Mặt
Thơ, 9.00 MK

NGUYỄN TẤT NHIÊN
Tâm Dung
Thơ, 7.00 MK

KIỆT TẤN
Thương Nàng Bấy Nhiêu
Tập truyện, 12.00 MK

NHIỀU TÁC GIẢ
Mùa Hè 1999
Tập truyện, 6.50 MK

NGUYỄN HỮU BÀO
Thơ Tuổi Thơ
Thơ cho thiếu nhi, 8.00 MK

SẼ XUẤT BẢN

XUÂN VŨ
Thiên Đàng Treo
Tập truyện XHCN

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Bụi và Rác
(Người Đi Trên Mây, tập II)
Truyện dài

NHIỀU TÁC GIẢ
Tuyển tập truyện ngắn
trúng giải kỳ thi viết văn Hè 89
do nhật báo Người Việt tổ chức

A! thì ra anh vẫn không nhìn rõ mặt em. Đã bao lâu rồi ta không nhìn rõ nhau hay ta chỉ nhìn nhau trong cái tranh tối tranh sáng chập chờn này?

(BUỔI SÁNG MỘT MÌNH)

Môi Quyên bỗng rát vì những cái chân râu cứng của Võ miết lên một nụ hôn tìm kiếm. Hình như bây giờ, sau tất cả những đổ vỡ, mất mát, thua thiệt của gần hết một đời người, nay Võ chỉ còn có thể xác chàng là phương cách duy nhất chứng nghiệm và thể hiện niềm tin vào sự sống.

(CUỘC HẸN)

Bác nông dân đứng dậy, vừa vặn người để trút bỏ cái mệt mỏi của một đêm trắng, vừa nói đủ cho tôi nghe:

— Tôi đi kiếm miếng ván làm dùm cô cái mộ bia.

Giọng nói của bác bình thản, tôi ngạc nhiên thấy mình đón nhận sự bình thản ấy như một thái độ của chính mình.

(VẾT CHÀM XÂM)

Bởi vì, như bất cứ ai khác, Bùi Bích Hà thiết tha với nơi sinh trưởng mình, dẫu chốn ấy có những năm tháng "tuổi xanh héo mòn như cỏ úa"; yêu đời sống dù đời sống đã nghiệt ngã, khắt khe vô lí với mình; trân trọng tiếng nói và màu da mình...dẫu rằng đang phải sống xa quê hương...

(Tựa VŨ HUY QUANG)

Giá: US $ 12.00